

Dàn Bà

TRUNG TRUYỀN

P. MÉRIMÉE - A. MAUROIS - S. ZWEIG

A. SÊKHÔP - S. MAUGHAM



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Đàn Bà

TRONG TRUYỆN

**P. MÉRIMÉE - A. MAUROIS - S. ZWEIG
A. SÊKHÔP - S. MAUGHAM**



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Đàn Bà Trong Truyện

Nhiều tác giả

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

CARMEN

HOA VIOLET NGÀY THỨ TƯ

24 GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHƠ NHỎ

MƯA

- [1]
- [2]
- [3]
- [4]
- [5]
- [6]
- [7]
- [8]
- [9]
- [10]
- [11]
- [12]
- [13]
- [14]
- [15]
- [16]
- [17]
- [18]
- [19]
- [20]
- [21]
- [22]
- [23]
- [24]
- [25]
- [26]
- [27]
- [28]
- [29]
- [30]
- [31]
- [32]
- [33]
- [34]
- [35]
- [36]
- [37]

[38]
[39]
[40]
[41]
[42]
[43]
[44]
[45]

MỤC LỤC

CARMEN

HOA VIOLET NGÀY THỨ TƯ

24 GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHÓ NHỎ

MÙA

CARMEN

Người phụ nữ nào chẳng đắng như mật.

Song có hai lúc dễ thương:

Một trên giường cưới và một trên giường chết.

PALADAT([1])

Từ lâu, tôi vẫn ngờ rằng các nhà địa lý học không nắm vững điều họ nói. Khi họ đặt chiến trường trận Munda vào xứ sở của người Baxtuni Pêni, gần thành phố Munda mới, cách Macbenla chừng hai dặm về phía bắc. Theo phỏng đoán của riêng tôi dựa trên văn bản của tác giả vô danh cuốn *Benlom Hixpanienxơ* ([2]) và dựa trên một vài tài liệu thu lượm được trong thư viện đặc sắc của công tước Oxuna, tôi cho là phải tìm ở quanh vùng Môngtila địa điểm đáng ghi nhớ của trận sống mái cuối cùng giữa Xêda và các chiến sĩ nền cộng hòa. Đầu mùa thu năm 1830, nhân đang ở Angđaludi, tôi đã đi một chuyến khá lâu để giải quyết những nghi vấn còn tồn tại đối với tôi. Tôi hy vọng bản khảo luận mà tôi sắp công bố sẽ xóa bỏ mọi điều nghi hoặc còn sót trong trí của tất cả những nhà khảo cổ trung thực. Trong lúc chờ đợi bản luận án của tôi giải quyết được vấn đề địa lý đang làm các nhà bác học châu Âu do dự, tôi muốn kể các bạn nghe một câu chuyện nhỏ; câu chuyện ấy không quyết đoán trước điều gì đối với vấn đề lý thú về địa điểm thành Munda cả.

Ở Coocđu tôi đã thuê một người dẫn đường với hai con ngựa, và bắt đầu xuất chinh, trong hành lý chỉ có cuốn *"Bình luận của Xêda"* và mấy chiếc sơ-mi. Một hôm, trong khi lang thang trong vùng cao của đồng bằng Casêna, vừa mệt nhoài vừa khát nước đến chết, lại bị nắng gắt thiêu đốt, tôi chỉ muốn bỏ phẳng Xêda và lũ con của Pompê, bỗng thấy cách khá xa con đường mòn tôi đang đi một bãi cỏ xanh rờn, điểm thêm cói lác và lau sậy.

Cái đó báo trước cho tôi biết gần đây có suối. Quả vậy khi đến gần, tôi thấy nơi tôi tưởng là bãi cỏ thực ra là một bãi lầy có một dòng suối chảy vào, suối đó hình như bắt nguồn từ một khe núi hẹp, giữa hai ngọn hoành sơn cao vút thuộc rặng núi Cabra. Tôi kết luận là nếu đi ngược dòng suối, tôi sẽ tìm ra nước mát hơn, ít đĩa và ếch nhái hơn, và biết đâu chẳng có chút bóng râm ở giữa những tảng đá. Đến lối vào khe núi, con ngựa của tôi hí lên, và một con ngựa khác ở đâu không rõ đáp lại ngay. Tôi vừa đi được độ trăm bước, khe núi đột nhiên mở rộng, làm tôi nhìn thấy một khoảnh đất tròn tự nhiên hoàn toàn râm mát nhờ có những vách đá cheo leo cao vút bao quanh. Thực không thể tìm đâu được một chỗ nghỉ chân dễ chịu hơn cho du khách. Dưới chân những tảng đá đứng sừng sững, dòng suối vọt ra ngẫu bot và đổ vào một vũng nhỏ, đáy phủ một lớp cát trắng như tuyết. Năm sáu cây sồi xanh tốt mọc trên bờ suối, luôn luôn được kín gió và có nước tưới mát, phủ bóng râm rạp trên dòng suối; và sau hết, quanh vùng, một thứ cỏ mịn bóng tạo thành một cái giường tốt hơn giường ở bất cứ quán trọ nào trong khắp mười dặm xung quanh.

Không phải tôi đã có vinh dự phát hiện ra nơi tốt đẹp đến thế. Một người đã nằm nghỉ ở đây và chắc đang ngủ lúc tôi mới bước tới. Bị tiếng ngựa hí đánh thức, người ấy nhồm dậy, và tiến đến gần con ngựa của mình, con vật đã lợi dụng lúc chủ ngủ để chén một bữa cỏ ngon lành ở xung quanh. Đây là một chàng trai, dáng người tầm thước nhưng có vẻ cường tráng và có đôi mắt nhìn rầu rầu và kiêu hãnh! Màu da anh trước kia có lẽ đẹp, nay đã rám nắng thành đen sạm hơn cả mái tóc. Một tay anh nắm vòng cổ ngựa, còn tay kia anh cầm một khẩu *étpanhgôn* ([3]) bằng đồng. Tôi thú thật là thoát đầu cây *étpanhgôn* và dáng bộ dữ tợn của người cầm súng làm tôi hơi giật mình, nhưng vì đã được nghe nhiều chuyện về trộm cướp mà chưa hề gặp bọn họ bao giờ, nên tôi cũng không tin là có nữa. Vả lại, tôi đã từng thấy biết bao người chủ trại lương thiện, vũ trang thật đầy đủ để đi chợ, nên việc nhìn thấy một khẩu súng chưa cho phép tôi nghi ngờ tư cách của người lạ mặt. "Vả lại, tôi nghĩ, hẳn ta lấy sơ-mi và cuốn *Bình luận Êndêvia* của mình làm gì kia chứ?". Cho nên tôi cứ ngả đầu chào thân mật người cầm *étpanhgôn*, và tôi mỉm cười hỏi anh xem tôi có làm mất giấc ngủ của anh không? Anh không trả lời, lờ mắt nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi hình như hài lòng về sự xem xét của mình, anh cũng quan sát kỹ lưỡng như thế người dẫn đường của tôi lúc ấy đang bước tới. Tôi thấy người này tái mặt đi và đứng dừng lại lộ vẻ kinh hãi rõ rệt. Cuộc gặp gỡ không may rồi! Tôi nhủ thầm. Nhưng sự khôn ngoan lập tức khuyên tôi

đừng để lộ vẻ lo ngại. Tôi bảo người dẫn đường tháo cương ngựa, rồi tôi quỳ xuống bên bờ suối, vục đầu và tay vào dòng nước, đoạn tôi nằm sấp uống một ngụm đầy, hết như những anh lính bạt mạng của Ghêđêông ([4]).

Tuy nhiên, tôi vẫn để mắt quan sát người lạ mặt và anh dẫn đường của tôi. Anh này bước lại gần có vẻ bất đắc dĩ lắm, còn người kia xem ra không có ác ý gì đối với chúng tôi vì anh lại thả ngựa ra, còn khẩu súng lúc đầu anh cầm ngang, giờ đây đã chúc nòng xuống đất.

Thấy không cần giận về việc người ấy có vẻ coi thường tôi, tôi nằm dài trên cỏ và ung dung hỏi người cầm súng xem anh có bật lửa không?

Đồng thời, tôi rút hộp xì gà ra. Người lạ mặt vẫn không nói một lời, lục túi lấy ra chiếc bật lửa và sốt sắng bật lửa cho tôi. Rõ ràng anh thuần đi, vì anh ngồi xuống trước mặt tôi tuy vẫn không rời vũ khí. Điều xì gà của tôi châm xong, tôi chọn điều thuốc ngon nhất trong số còn lại và hỏi anh có hút không?

- Thưa ông, có, anh trả lời.

Đấy là những tiếng đầu tiên tôi được nghe anh ta nói, và tôi nhận thấy anh ta không phát âm chữ S theo kiểu Angđaludi, do đấy tôi đoán rằng anh cũng là một người đi đường như tôi, chỉ có điều là không phải khảo cổ mà thôi.

- Ông sẽ thấy thuốc này khá ngon, tôi vừa nói vừa đưa mời anh một điều thuốc của tôi.

Cám ơn tôi bằng một cái gật đầu nữa, đoạn anh ta bắt đầu hút có vẻ thích thú lắm.

- A! Anh ta vừa thốt lên vừa thông thả phả bùm khói đầu tiên ra bằng mồm và mũi, đã lâu lắm tôi không được hút thuốc.

Ở Tây Ban Nha, tặng và nhận của nhau một điều xì gà là thiết lập quan hệ chủ khách, y như ở Đông phương có tục chia bánh mì và muối vậy. Anh chàng tỏ ra ưa trò chuyện quá mức mong muốn của tôi. Vả lại dù anh ta tự nhận là dân miền Môngtila, xem ra anh ta không biết mấy về miền này. Anh ta không biết tên cái thung lũng xinh đẹp mà chúng tôi đang nghỉ chân, anh không thể kể tên một làng nào ở vùng lân cận, sau cùng, khi tôi hỏi anh ta có thấy ở quanh đây những bức tường đổ nát, những

viên ngói rộng có bờ cao, những tảng đá chạm trổ không, anh thú thật rằng chưa bao giờ chú ý đến những thứ ấy. Trái lại, anh tỏ ra rất am hiểu về ngựa. Anh chê con ngựa của tôi, điều ấy không khó; đoạn anh kể dòng giống con ngựa của anh vốn là một giống ngựa có tiếng ở Coocđu theo lời chủ nó, nó thực là con tuần mã, dai sức đến mức có lần phi nước đại và nước kiệu lớn luôn ba mươi dặm đường trong một ngày.

Đang nói thao thao, người lạ mặt bỗng nhiên dừng lại - hình như ngạc nhiên và bức mình vì đã nói quá nhiều. - Ấ mà tôi rất vội phải đi Coocđu, anh nói tiếp, hơi lúng túng. Tôi phải đến gặp các quan tòa để xin giúp đỡ về một vụ kiện.. Vừa nói, anh vừa nhìn Angtônô, người dẫn đường của tôi lúc ấy đang nhìn xuống.

Bóng mát và dòng suối làm tôi hứng thú đến nỗi tôi nhớ đến mấy khoanh giăm bông hảo hạng mà các bạn tôi ở Môngtila đã bỏ vào trong đũa của người dẫn đường. Tôi bèn bảo mang giăm bông ra, và mời người khách lạ dự bữa ăn nhẹ xem ra anh cũng chưa ăn ít nhất là từ bốn mươi tám giờ rồi. Anh ta ngốn như một con sói đói. Tôi nghĩ rằng việc gặp tôi đối với cu cậu thật may như có trời phù hộ. Song người dẫn đường của tôi thì ăn ít, uống lại còn ít hơn, và không nói gì hết, mặc dầu từ lúc bắt đầu đi với gã, tôi thấy không ai ba hoa bằng gã. Sự có mặt của người khách kia hình như làm gã lúng túng, và một sự giữ miếng nào đó làm hai người xa nhau ra mà tôi không thể đoán được nguyên nhân.

Những vụn bánh mì và giăm bông cuối cùng đã biến mất; chúng tôi mỗi người hút thêm một điếu xì gà thứ hai; tôi bảo người dẫn đường thả ngựa và tôi đang định từ biệt người bạn mới thì anh hỏi tôi định ngủ đêm ở đâu.

Chưa kịp chú ý thấy người dẫn đường ra hiệu, tôi đã trả lời rằng định đi tới văngta ([5]) Đen Quyécvô.

- Thừa ông, đây là một chỗ trú chân không tốt cho một người như ông. Tôi cũng tới đó, và nếu ông cho phép, chúng ta sẽ đi với nhau.

- Rất sẵn sàng, tôi vừa nói vừa lên ngựa.

Người dẫn đường của tôi, trong lúc giữ bàn đạp cho tôi, lại đưa mắt ra hiệu cho tôi lần nữa. Tôi đáp lại bằng cái nhún vai, như muốn bảo gã rằng tôi hoàn toàn yên tâm, thế rồi chúng tôi lên đường.

Những ám hiệu của Angtônô, nỗi lo âu của gã, mấy tiếng của người lạ mặt thốt ra, nhất là chuyến phóng ngựa ba mươi dặm đường và lời giải thích khó tin của anh về chuyến đi đó, làm tôi có một nhận định về người bạn đường. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đang gặp một tay buồn lậu, và cũng có thể là một tay trộm cướp; nhưng việc quái gì? Tôi đã biết khá rõ tính khí người Tây Ban Nha, nên tôi tin chắc rằng đối với một người vừa ăn, và hút thuốc với mình thì không có gì là đáng sợ cả. Sự có mặt của người ấy còn là một sự che chở chắc chắn đối với mọi cuộc gặp gỡ không may. Và lại tôi rất thích được biết một tay cường đạo là người như thế nào. Phải đâu ngày nào cũng gặp họ được, Và ở bên cạnh một con người nguy hiểm có một cái gì say mê quyến rũ, nhất là khi ta cảm thấy hân dộ hiền và được thuần tính rồi.

Tôi hy vọng có thể dần dần làm người lạ mặt kia thổ lộ tâm sự cùng tôi và, mặc những cái nháy mắt của người đưa đường, tôi lái cuộc chuyện trò vào những chuyện về bọn cướp đường. Dĩ nhiên tôi nói đến họ một cách kính trọng. Hồi đó ở Angđaludi có một tay tướng cướp nổi tiếng tên là Giôđê Maria, mọi người đều truyền tụng những chiến tích của anh ta. Tôi nghĩ thầm: "Nếu như ta đang ở bên cạnh Giôđê Maria thì sao nhỉ?"... Tôi bèn kể những chuyện tôi biết về nhân vật cừ khôi đó, và chẳng toàn là những chuyện để ca tụng y, và tôi tỏ ra rất khâm phục tính can trường và lòng hào hiệp của y.

Giôđê chỉ là một thằng xoàng, người lạ mặt lạnh lùng nói.

- Anh này tự đánh giá cho đúng hay chỉ là quá khiêm tốn? Tôi tự hỏi thầm, vì ngấm mãi người bạn đường, tôi đi tới chỗ gác cho anh ta diện mạo của Giôđê Maria mà tôi thấy tả trong yết thị dán ở cửa nhiều thành phố xứ Angđaluli. - Phải, chính hân... Tóc hung, mắt biếc, miệng rộng, hàm răng đẹp, bàn tay nhỏ nhắn, áo soạn vải phin, áo ngắn ngoài bằng nhung cài khuy bạc, đôi ủng da trắng, một con ngựa hồng... Còn nghi ngờ sao được! Nhưng thôi, ta hãy tôn trọng sự ẩn danh của hân.

Chúng tôi tới quán trọ. Thật đúng như người khách lạ đã tả, đây là một trong những quán trọ tồi tàn nhất mà tôi đã thấy. Một gian phòng lớn vừa dùng làm bếp, vừa làm phòng ăn và phòng ngủ. Ở giữa gian phòng, lửa bếp cháy trên một tấm đá phẳng, khói thoát ra theo một lỗ hồng đục trên mái, hay nói cho đúng là tụ lại thành một đám mây cách mặt đất chừng vài *pie*.

Đọc chân tường, thấy trái dưới đất năm sáu tấm khổ tải đắp lừa ngựa, đây là giường nằm cho lữ khách. Cách nhà, hay nói cho đúng hơn, cách cái gian phòng độc nhất tôi vừa mới tả, độ hai mươi bước, có một thứ lều kho dùng làm chuồng ngựa. Trong cái quán trọ mỹ miều ấy, không còn người nào khác, ít nhất là trong lúc này, ngoài một cụ già và một em gái chừng mười, mười hai tuổi. Cả hai đều đen như bồ hóng, rách rưới kinh khủng. - Đây là tất cả dân cư còn lại của thành Munda Bêtica xưa kia! Tôi tự nhủ: "Hỡi Xêda? Hỡi Xêchtuyt Pôngtê! Nếu các vị trở lại dương gian, các vị ắt ngạc nhiên biết mấy!"

Vừa trông thấy người bạn đường của tôi, cụ già đã buột miệng kêu lên kinh ngạc:

- Chao ôi! Ngài Đông Giôdê!

Đông Giôdê cau mày và giơ bàn tay lên với điệu bộ như ra lệnh làm cụ già im bật. Tôi quay lại nhìn người dẫn đường của tôi, và kín đáo ra hiệu tỏ cho anh ta biết rằng chả cần anh bảo tôi cũng thừa hiểu về con người mà tôi sắp cùng ngủ đêm rồi. Bữa cơm tối ngon lành quá sự mong đợi của tôi. Người ta dọn trên một chiếc bàn nhỏ cao chừng một *piê* cho chúng tôi món ragu gà sống già, với rất nhiều ớt, rồi đến món ớt trộn dầu, sau hết là món *gátpasô*. một thứ xalát trộn ớt. Ba đĩa thức ăn trộn nhiều gia vị như thế, buộc chúng tôi phải luôn luôn dùng tới một vò rượu vang xứ Môngtila tuyệt ngon. Ăn xong, thấy có một cây đàn măng-đô-lin treo trên tường, - ở Tây Ban Nha, đâu đâu cũng sẵn đàn măng-đô-lin - tôi liền hỏi em nhỏ phục vụ xem em có biết chơi măng-đô-lin không.

- Không ạ, em đáp; nhưng Đông Giôdê chơi đàn này hay lắm đấy!

Tôi bèn nói với anh ta:

- Ông làm ơn hát cho tôi nghe một bài thì tốt quá, tôi mê âm nhạc dân tộc của nước ông lắm.

- Tôi không thể từ chối điều gì đối với bậc hào hoa phong nhã đã tặng tôi những điều xì gà ngon đến thế, Đông Giôdê nói to giọng vui vẻ. Anh bảo đưa đàn măng-đô-lin rồi vừa hát vừa đệm đàn. Giọng anh thô nhưng dễ nghe, âm điệu buồn buồn và kỳ dị, còn về lời ca thì tôi không hiểu được tiếng nào. Tôi nói với anh ta:

- Nếu tôi không nhầm, bài ông vừa hát không phải là điệu Tây Ban Nha. Tôi thấy bài đó tựa như khúc Doócdicô mà tôi đã được nghe ở Các Tỉnh ([6]) và lời ca chắc bằng tiếng Baxcơ.

- Đúng thế, Giôđê trả lời với một vẻ rầu rầu.

Anh đặt cây đàn xuống đất, rồi khoanh tay lại, ngấm ngọn lửa đang tàn với một vẻ buồn thảm lạ lùng. Khuôn mặt anh, được ngọn đèn đặt trên chiếc bàn nhỏ chiếu sáng, vừa có vẻ cao quý vừa dữ tợn, khiến tôi liên tưởng tới quý Xa tăng trong thơ của Min-ton. Có lẽ cũng như nhân vật đó, người bạn đường của tôi đang nghĩ đến nơi mình đã phải rời bỏ và những ngày lưu lạc đầy ải mà anh đã nếm trải vì một lỗi lầm nào đó. Tôi gắng khơi lại câu chuyện cho linh hoạt lên, nhưng anh không trả lời, đắm đắm trong những ý nghĩ sâu não. Lúc này, cụ già đã vào nằm trong một góc phòng che bằng một tấm chăn thùng căng trên sợi dây. Em gái nhỏ cũng đã theo cụ già vào nơi nghỉ dành cho nữ giới đó. Người dẫn đường của tôi bèn đứng dậy, mời tôi theo gã xuống chuồng ngựa. Nhưng vừa nghe thấy thế, Đông Giôđê như giật mình tỉnh giấc, sáng giọng hỏi gã định đi đâu.

Người dẫn đường đáp:

- Xuống chuồng ngựa.

- Để làm gì? Ngựa đã có ăn rồi. Hãy nằm ngủ ở đây! Tôn ông cho phép đây!

- Tôi lo ngựa của ông tôi bị ốm. Tôi muốn ông tôi xem ngựa; có lẽ ông tôi biết nên làm gì cho nó.

Rõ ràng Angtônô muốn nói riêng với tôi, nhưng tôi không muốn làm cho Giôđê nghi ngờ, và trong hiện tình tôi thấy tốt hơn hết là tỏ ra hoàn toàn tin cậy.

Tôi bèn trả lời Angtônô rằng tôi không biết gì về ngựa và tôi đang buồn ngủ. Đông Giôđê theo gã xuống tàu ngựa, chẳng bao lâu trở lại một mình. Anh nói với tôi rằng ngựa chẳng làm sao hết, nhưng người dẫn đường của tôi cho nó là một vật quý đến nỗi gã lấy áo sát mạnh cho nó ra mồ hôi, lại còn định thức suốt đêm để làm cái công việc êm ái đó. Lúc ấy, tôi đã nằm dài trên những tấm khố tải vẫn đắp cho la, quần thật kỹ chiếc áo khoác của tôi vào người để khỏi chạm vào khố tải. Sau khi ngỏ lời xin lỗi tôi về việc tự tiện đến nằm bên cạnh tôi, Đông Giôđê nằm xuống trước cửa ra vào, không quên mỗi khẩu súng *étpanhôn*

và cẩn thận đặt súng dưới cái tay nải dùng làm gối. Chúng tôi chúc nhau ngủ ngon xong, được năm phút thì cả hai đều ngủ thiếp đi.

Tôi cứ tưởng mình đủ mệt để có thể ngủ được ở nơi trú chân như thế, nhưng được một giờ, những cơn ngứa ngáy rất khó chịu làm tôi đang ngủ phải bừng tỉnh dậy. Vừa mới hiểu rõ tại sao ngứa, tôi liền trở dậy, tin chắc rằng thà ở ngoài trời cho đến sáng còn hơn nằm trong cái nhà không chiều khách này. Tôi rón rén đi ra cửa, bước qua chỗ ngủ của Đông Giôđê lúc đó đang ngủ rất say, tôi bước êm đến nỗi tôi ra khỏi căn nhà mà Đông Giôđê vẫn không thật giấc.

Bên cửa có một chiếc ghế dài bằng gỗ khá rộng, tôi ngả lưng nằm trên ghế, cổ xoay xở cho qua hết đêm. Tôi sắp chớp mắt lần thứ hai, chợt thấy hình như có bóng một người và bóng một con ngựa đi qua trước mặt tôi, cả hai đều không gây ra tiếng động nhỏ nào.

Tôi nhồm dậy và nhận ra Angtônô. Thấy gã ở ngoài chuồng ngựa vào giờ này, tôi ngạc nhiên và tiến đến bên gã. Thoạt trông thấy tôi, gã đã dừng lại.

- Hắn ta đâu? Angtônô thì thầm hỏi tôi.

- Trong quán trọ, đang ngủ. Anh ta không sợ rệp. Tại sao anh lại dắt ngựa đi thế này?

Lúc đó tôi nhìn thấy Angtônô đã bọc kỹ vó ngựa bằng những mảnh bao tải cũ để tránh gây tiếng khi từ trong lều kho ra.

- Lạy Chúa, xin ông nói khẽ chứ! Angtônô bảo tôi. Thế ra ông chưa biết tên ấy là ai ư? Chính là Giôđê Navarô tên cướp cừ khôi nhất xứ Angđaludi đấy. Suốt ngày hôm nay, tôi đã bao lần ra hiệu cho ông, nhưng ông cứ không muốn hiểu.

- Cướp hay không việc quái gì đến tôi? Tôi đáp - anh ta có lấy gì của chúng ta đâu và tôi đánh cuộc với anh rằng anh ta không có ý định ấy!

- Thế càng hay! Nhưng người nào bắt được hắn sẽ được thưởng hai trăm đồng duyca: Tôi biết cách đây một dặm rưỡi có một đồn thương kỵ binh ([7]) và tôi sẽ đưa tới đây mấy tay trai tráng lực lưỡng trước khi trời sáng. Tôi đã định lấy ngựa của

Giôđê nhưng con vật dỏ đến nỗi ngoài hăn ta, không ai tới gần nó được!

- Ma quỷ hãy bắt anh đi! Tôi nói với gã. Người tội nghiệp ấy có làm hại gì đến anh chưa mà anh đi tố giác người ta? Vả lại, anh có chắc đây là tên cướp mà anh vừa nói không?

- Hoàn toàn chắc chắn chứ ạ. Hồi nãy, hăn theo tôi xuống chuồng ngựa và bảo tôi: "Mày có vẻ nhận ra tao? Nếu mày nói với cái ông tử tế ấy rằng tao là ai, thì tao sẽ bắn vỡ óc mày ra". Ông hãy ở lại, ông ạ, ông hãy ở lại với hăn, ông không phải sợ gì cả! Chừng nào hăn thấy ông còn đây, hăn sẽ không nghi ngờ gì cả. Vừa nói chuyện, chúng tôi vừa bước đi khá xa quán trọ, không còn sợ ai nghe thấy tiếng vó ngựa nữa.

Trong nháy mắt, Angtônô lô bỏ những mảnh giẻ rách bọc chân ngựa. Gã sửa soạn nhảy lên mình ngựa. Tôi cố giữ gã lại bằng cách vừa van nài vừa đe dọa. Gã nói:

- Ông ạ, tôi chỉ là một kẻ nghèo đói khốn khổ, tôi không thể bỏ lỡ hai trăm đuyca được, nhất là giải thoát được cho xứ sở này một tên khốn nạn như hăn. Nhưng ông hãy coi chừng: Navarô mà thức dậy, hăn sẽ vồ ngay cây súng *étpanhgôn*. Và lúc đó thì ông liệu đấy nhé! Còn tôi thì tôi đi đã quá xa rồi không thể lùi được nữa; ông liệu thu xếp thế nào cho ổn thì thu xếp.

Lúc đó, thằng khốn nạn đã lên yên. Gã thúc mạnh và trong bóng tối phút chốc tôi đã không nhìn thấy gã đâu nữa.

Tôi rất bức mình về người dẫn đường của tôi và thấy khá lo ngại. Suy nghĩ một lúc, tôi quyết định và trở vào quán trọ.

Đông Giôđê vẫn ngủ, chắc để bù lại những lúc mệt nhọc và thức đêm trong nhiều ngày phiêu lưu.

Tôi phải lay mạnh để đánh thức anh. Không bao giờ tôi có thể quên được cái nhìn dữ tợn và cử động của anh để vớ lấy cây *étpanhgôn* mà tôi đã thận trọng cách xa chỗ anh nằm một chút.

- Này ông, tôi bảo Giôđê, tôi xin lỗi đã đánh thức ông, nhưng tôi muốn hỏi ông một câu đại đột này, ông có vui lòng thấy chừng nửa tá thương kỵ binh kéo đến đây chăng?

Giôđê nhảy choàng dậy và hỏi bằng một giọng đáng kinh hãi:

- Ai bảo ông thế?

- Tin báo ấy từ đâu đến chẳng có gì là quan trọng, miễn là nó có ích.

- Tên dẫn đường của ông đã phản tôi rồi. Được, nó sẽ phải đền tội!... Nó đâu rồi?

- Tôi không biết... Chắc hẳn ở trong chuồng ngựa... nhưng có người đã nói với tôi...

- Ai đã nói với ông... chẳng lẽ là mục già...

- Một người tôi không quen. Thôi, không nói nhiều, tôi chỉ hỏi ông có lý do gì để không chờ bọn lính tới hay không? Nếu có, xin ông đừng mất thì giờ nữa, nếu không, xin chúc ông ngủ ngon và xin lỗi đã làm mất giấc ngủ của ông.

- Chà! Tên dẫn đường của ông! Tên dẫn đường của ông! Tôi đã ngờ hẳn ngay từ lúc đầu nhưng được rồi, nó sẽ phải đền tội... Xin vĩnh biệt ông. Thượng đế sẽ đền bù cho ông cái ơn của ông đối với tôi. Tôi không đến nỗi hoàn toàn xấu như ông tưởng đâu... phải, trong người tôi, vẫn còn có một chút gì xứng đáng với lòng thương của một bậc phong nhã... Thôi xin vĩnh biệt ông.... tôi chỉ có một điều ân hận là không trả ơn ông được.

- Để trả ơn tôi, Đông Giôtlê a, ông hãy hứa với tôi là không nghi ngờ ai cả, cũng không nghĩ đến việc trả thù. Đây là mấy điều xì gà để hút dọc đường; chúc ông đi may mắn!

Và tôi chìa tay ra bắt tay Giôđê. Anh ta siết tay tôi không nói một lời, rồi cầm lấy súng, tay nải, nói với mục già vài tiếng lóng mà tôi không hiểu, rồi chạy ra lều kho. Một lát sau, tôi nghe thấy tiếng vó ngựa của anh phóng ngoài đồng.

Còn tôi thì lại nằm xuống ghế dài, nhưng không ngủ lại được. Tôi tự hỏi không biết cứu khỏi tội giảo một kẻ cướp, một tên có lẽ đã giết người chỉ vì tôi đã cùng ăn giấm bông và món cơm va-lăng-xiên với hắn, như thế có đúng không? Làm như thế tôi có phản lại người dẫn đường đã ủng hộ pháp luật hay không? Tôi có làm cho người này lâm vào nguy cơ bị một tên khốn kiếp trả thù hay không? Nhưng còn bốn phận tiếp đãi khách ân cần lịch sự... Thành kiến mọi rợ, tôi tự nhủ như thế. Tôi sẽ phải chịu trách nhiệm về tất cả những tội ác mà tên cướp này sắp gây ra... nhưng cái lương tâm thuộc bản năng ấy chống lại mọi sự lý luận,

có phải là một thành kiến hay không? Có lẽ tôi không có cách nào thoát khỏi tình thế éo le này mà không có sự ân hận. Tôi còn đang hết sức phân vân không biết hành động của mình có hợp đạo lý này không, bỗng thấy xuất hiện dăm sáu kỵ sĩ cùng gã Angtônô thận trọng đi đoạn hậu. Tôi ra đón họ và báo tin rằng tên cướp đã tẩu thoát từ hơn hai giờ rồi. Khi người toán trưởng hỏi mục già thì mục già trả lời là cố quen Navarô, nhưng vì sống một mình nên mục không bao giờ dám liều mạng tố cáo hắn. Mục nói thêm rằng hắn có thói quen mỗi khi đến nhà mục, là lại ra đi vào lúc nửa đêm. Về phần tôi, tôi phải đi vài dặm đường để xuất trình giấy thông hành và ký vào một tờ khai trước mặt một viên *ancát* ([8]). Sau đó người ta cho phép tôi tiếp tục công việc khảo cổ.

Angtônô oán tôi, ngờ rằng chính tôi đã làm gã hụt mất khoản hai trăm đồng đuyca. Tuy thế, đến Coocđu, chúng tôi từ biệt nhau một cách thân ái và tôi cho Angtônô món tiền thưởng hậu nhất đối với khả năng tài chính của tôi.

II

Tôi ở lại Coocđu vài ngày. Người ta đã bảo tôi rằng trong thư viện của các cha dòng Đôminicanh có một cuốn sách viết tay nhất định sẽ cung cấp cho tôi nhiều tài liệu bổ ích về thành Mun đa cổ đại. Được các cha đón tiếp ân cần, suốt ngày tôi ở tu viện của các cha và chiều đến tôi thường đi dạo trong thành phố. Ở Coocđu, cứ đến lúc mặt trời lặn là có rất nhiều người nhàn rỗi tụ tập trên bến hữu ngạn sông Goadankivia. Ở đây người ta ngửi thấy mùi tỏa ra từ một xưởng thuộc da hãy còn giữ được danh tiếng cổ truyền của xứ này về nghề đó; nhưng bù lại người ta được thưởng thức một cảnh tượng thật là có giá trị riêng; cứ mấy phút trước hồi chuông chiều, một số đông phụ nữ tập hợp ở chân bến sông mà bến thì khá cao. Không người đàn ông nào dám trà trộn vào đám phụ nữ đó. Chuông chiều vừa buông, đã coi như là trời tối. Khi tiếng chuông cuối cùng vừa dứt, tất cả những phụ nữ đó cởi bỏ xiêm áo rồi lội xuống nước. Thế là nổi

lên những tiếng reo cười âm ỉ kinh khủng. Từ trên bến, bọn đàn ông đứng ngắm những nàng đang tắm, giương mắt thật to, nhưng nào có nhìn thấy được là bao. Tuy nhiên, những bóng hình trắng trẻo và mờ ảo in trên nền xanh thẫm của dòng sông như kêu gọi hồn thơ, và chỉ cần đôi chút tưởng tượng là ta có thể dễ dàng hình dung cảnh nữ thần Dianor với những nàng tiên hầu đang tắm mà không phải lo gặp số phận của chàng Actêông ([9]). Người ta kể cho tôi nghe rằng một hôm có mấy tên vô lại góp tiền hối lộ cho người kéo chuông nhà thờ, để hồi chuông chiều buông sớm hơn giờ hợp pháp hai mươi phút. Dù lúc đó trời còn rất sáng, những nàng tiên của sông Goadankivia cũng không ngần ngại gì, tin vào hồi chuông chiều hơn là vào ánh sáng mặt trời, các nàng cứ yên tâm dùng trang phục ấy đi tắm, thứ trang phục bao giờ cũng giản dị nhất.

Tôi không có mặt ở đó. Đạo tôi đến đây, người kéo chuông là người không thể mua chuộc được, còn hoàng hôn thì mờ mờ, và chỉ có con mèo họa mới phân biệt được bà lão bán cam già nhất với cô thợ lẳng lơ xinh đẹp nhất ở Coocđu.

Một chiều kia, vào lúc người ta không còn nhìn thấy gì nữa, tôi đang đứng hút thuốc, dựa vào lan can bên sông, bỗng một người phụ nữ leo các bậc từ dưới sông lên mặt bến, rồi đến gần tôi. Trên mái tóc nàng cài một chùm hoa nhài lớn, mà đêm đến cánh hoa tỏa một mùi hương say đắm. Nàng ăn mặc đơn giản, có lẽ nghèo nàn, toàn màu đen như phần đông các cô thợ trẻ lẳng lơ mặc vào lúc chiều tối. Những người đàn bà tử tế chỉ vận màu đen vào buổi sáng, đến tối họ ăn mặc theo kiểu Pháp. Lúc đến gần tôi, cô nàng đi tắm ấy bỏ chiếc khăn trùm đầu tuột xuống vai, và dưới ánh sáng mờ mờ tỏa từ các vì sao, tôi thấy nàng nhỏ nhắn, trẻ, thân hình cân đối và có cặp mắt rất to. Tức thời tôi quăng điếu xì gà. Nàng hiểu ngay sự chú ý nhã nhặn rất Pháp đó, và nói ngay rằng nàng rất ưa mùi thuốc lá và còn hút thuốc nữa. Mỗi khi có loại thuốc thật dịu. May quá, tôi có thứ thuốc ấy trong hộp và tôi sốt sắng đưa mời nàng. Nàng vui lòng cầm một điếu và châm thuốc vào đầu một sợi dây đốt cháy mà một chú nhỏ đưa đến cho chúng tôi lấy một xu. Hòa khói thuốc với nhau, tôi với cô nàng đi tắm xinh đẹp ấy trò chuyện lâu đến nỗi gần như chỉ còn chúng tôi trên bến sông. Tôi cho rằng mời nàng đi ăn kem ở Ne-ve-ri-a ([10]*) cũng chẳng có gì là lỗi mẫn. Sau một phút ngập ngừng khiêm tốn, nàng nhận lời; nhưng trước khi quyết định, nàng muốn biết lúc ấy đã mấy giờ. Tôi vịn cho đồng hồ của tôi reo chuông, tiếng chuông ấy hình như làm cho nàng ngạc nhiên lắm.

- Các ông ngoại quốc, sao mà ở nước các ông, người ta phát minh ra làm cái hay thế? Ông là người nước nào nhỉ? Chắc là người Anh ([11]*)?

- Người Pháp ạ, và là người hầu tận tụy của quý nương. Còn quý nương, là cô hay bà tôi chưa được rõ, chắc quý nương là người ở Coocđu?

- Dạ không.

- Ít ra quý nương cũng là người Angđaludi. Qua giọng nói êm dịu của quý nương, tôi thấy hình như thế.

- Nếu ông nhận xét giỏi giọng nói của người ta, thì ông phán đoán được tôi là người nào.

- Tôi chắc quý nương là người ở đất nước của Giê su cách thiên đường có hai bước chân. (Âm dụ để chỉ xứ Angđaludi ấy, tôi đã học được của ông bạn Forăngsixcô Xêvila, một kỵ sĩ đấu bò nổi tiếng).

- Chà! Thiên đường...Người ở đây nói rằng thiên đường không phải là để cho chúng tôi?

- Vậy thì chắc cô là người Morơ hay là... tôi ngừng lại. không dám nói Do Thái.

- Thôi, thôi! Ông thừa biết tôi là dân Bô-hê-miêng rồi, ông có muốn tôi bói một quẻ cho ông không? Ông đã nghe nói đến cô Carmenxita chưa? Chính là tôi đấy.

Hồi đó cách đây mười lăm năm, tôi là người không tin ngưỡng, đến mức không kinh sợ khi đứng bên một mộ phù thủy. "Được rồi! Tôi tự nhủ, tuần vừa qua đã ăn cơm với một tên cường đạo thì hôm nay ta hãy đi ăn kem với một nữ tì của quý xem sao. Trong khi đi du lịch, cái gì cũng cần xem cả". Tôi còn có một lý do khác để muốn làm quen với cô ta. Tôi thật ngượng mà thú rằng trước kia, khi ở trường ra, tôi đã phí một thời gian để nghiên cứu khoa thần bí học và còn có nhiều lần định phụ đồng ma. Đã từ lâu tôi chưa say mê những việc nghiên cứu như thế, nhưng tôi vẫn còn khá tò mò đối với mọi điều dị đoan, và tôi rất

muốn biết nghệ thuật phù thủy của người Bô-hê-miêng cao đến mức nào.

Vừa nói chuyện, chúng tôi vừa bước vào tiệm giải khát, và ngồi xuống bên một bàn nhỏ có ngọn nến đặt trong quả cầu thủy tinh soi sáng. Thế là tôi tha hồ quan sát cô gái gi-ta-na ([12]) của tôi, trong lúc đó mấy người khách lịch sự ăn kem trở mắt kính ngạc thấy tôi đi với hạng người quý hóa như thế. Tôi rất ngờ cô Carmen không phải là người Bô-hê-miêng thuần túy, ít ra nàng cũng đẹp gấp vạn tất cả các phụ nữ cùng một dân tộc với nàng mà tôi đã từng gặp. Theo người Tây Ban Nha, một phụ nữ muốn gọi là đẹp phải tập trung được ba mươi tiếng nếu, hoặc nói theo cách khác, phải định nghĩa được bằng mười hình dung từ khả dĩ áp dụng cho ba bộ phận trong con người. Thí dụ nàng phải có ba thứ đen: mắt, mí mắt và lông mày; ba thứ thanh tú: ngón tay, môi và tóc v.v... Xin đọc giả xem Brăngtômơ ([13]) về những phần còn lại. Cô gái Bô-hê-miêng của tôi không đạt được đủ ngần ấy điểm tuyệt mỹ đâu. Làn da nàng tuy thật mịn màng, nhưng gần giống màu đồng thau. Đôi mắt nàng xéch, nhưng khóe mắt tuyệt đẹp; môi nàng hơi dày, nhưng đường nét thật xinh, để lộ ra hàm răng trắng hơn những hạt hạnh nhân đã bóc vỏ. Tóc nàng, có lẽ hơi thô, nhưng đen nhánh có ánh xanh như cánh quạ, dài và óng mượt. Để khỏi tả dài dòng làm mệt các bạn, tôi chỉ xin tóm tắt rằng ở người nàng, cứ bên mỗi khuyết điểm lại có một ưu điểm mà sự tương phản hình như càng làm nổi bật thêm. Thật là một sắc đẹp kỳ dị và man rợ, một khuôn mặt lúc đầu làm ta ngạc nhiên, nhưng rồi ta không thể quên được. Nhất là khóe mắt nàng, vừa đầy dục tình vừa hung dữ, sau này tôi không hề thấy cặp mắt người nào lại như thế: Mắt Bô-hê-miêng, mắt chó sói, câu phương ngôn Tây Ban Nha đó quả đã ghi được một nhận xét chính xác. Nếu bạn không có thì giờ đến vườn bách thảo để nghiên cứu cái nhìn của con chó sói, bạn hãy nhìn kỹ con mèo của bạn khi nó rình con chim sẻ.

Xem bói ở ngay trong tiệm cà phê thì thật lố lăng. Cho nên tôi đã xin cô phù thủy xinh đẹp cho phép tôi đưa nàng về nhà. Nàng đồng ý ngay, nhưng nàng lại muốn biết thời gian, nên lại yêu cầu tôi cho đồng hồ reo chuông.

- Nó có phải thực bằng vàng không nhỉ? Nàng vừa nói vừa ngắm nghía một cách quá ư chú ý chiếc đồng hồ.

Khi chúng tôi lại lên đường, trời đã tối mịt; phần lớn các nhà hàng đã đóng cửa, phố xá gần vắng tanh. Chúng tôi qua cầu sông Goadankivia và đến đầu ngoai ô thì dừng lại trước một căn nhà

không có vẻ gì là lâu dài. Một em bé ra mở cửa cho chúng tôi. Cô Bô-hê-miêng nói với nó mấy lời bằng một thứ tiếng mà tôi không hiểu nhưng sau này tôi biết là tiếng Rôm-ma-ni hay còn gọi Si-pơ-ca-li, thổ ngữ của người Bô-hê-miêng. Chú bé lập tức biến mất, để lại hai chúng tôi trong một gian phòng khá rộng có kê một chiếc bàn nhỏ, hai ghế đẩu và một cái hòm. Tôi không nên quên một vại nước, một đồng cam và một bó hành.

Khi chỉ còn hai chúng tôi, cô gái lập tức lấy trong hòm ra một cỗ bài hình như đã được sử dụng nhiều lần lắm, một miếng nam châm, một con kỳ nhông ([14]) khô và một vài thứ đồ vật khác cần thiết cho nghệ thuật của cô. Đoạn, cô bảo tôi lấy một đồng tiền làm dấu thánh giá vào bàn tay trái, thế là cuộc ma thuật bắt đầu. Kể cũng không cần nhắc lại với các bạn những lời tiên tri của cô gái, còn về cách hành nghề của cô thì rõ ràng cô không phải là một mụ phù thủy hạng xoàng.

Chẳng may, không bao lâu, chúng tôi bị phá đám. Cánh cửa xịch mở một cách dữ dội, một người đàn ông tròm kín đến tận mắt trong một chiếc áo choàng màu nâu, vừa bước vào phòng vừa quát hỏi cô gái Bô-hê-miêng một cách không lịch sự lắm. Tôi không hiểu anh ta nói gì, nhưng giọng nói tỏ ra rằng anh đang hết sức cáu kỉnh. Trông thấy anh, cô gái Bô-hê-miêng tỏ ra không ngạc nhiên mà cũng không tức giận, nhưng cô chạy ngay lại đón anh, và với một vẻ hoạt bát phi thường, cô nói với anh bằng thứ tiếng bí mật mà cô đã dùng trước mặt tôi. Tiếng pay-ô được nhắc đi nhắc lại là tiếng duy nhất tôi hiểu. Tôi biết rằng người Bô-hê-miêng dùng tiếng đó để chỉ những người không cùng nòi giống với họ. Đoán rằng họ đang nói về tôi, tôi nghĩ sắp bị một chuyện lòi thối bèn để tay vào chân một chiếc ghế đẩu và tôi nhắm tính xem đúng lúc nào thì nên ném ghế đó vào đầu kẻ ở đâu đến phá rối. Anh ta đẩy mạnh cô gái Bô-hê-miêng sang một bên và tiến lại phía tôi; nhưng rồi anh vừa lùi lại một bước vừa nói:

- A! ông, ông đấy ư?

Đến lượt tôi nhìn anh, và tôi nhận ra người bạn Đông Giôđê. Lúc đó, tôi hơi ân hận sao trước kia tôi đã không để cho người ta treo cổ anh ta đi?

- A! Thế ra ông bạn à! Tôi kêu lên và cố cười một cách ít gượng gạo nhất, ông đã làm gián đoạn cô đây giữa lúc cô ấy đoán cho tôi nhiều điều hay lắm.

- Bao giờ nó cũng vẫn thế. Nhưng rồi thế nào cũng có lúc hết thôi, anh gần giọng nói, mắt chăm chăm nhìn cô gái một cách dữ tợn.

Song, cô gái Bô-hê-miêng vẫn tiếp tục nói với anh bằng thứ tiếng của cô. Càng ngày cô càng hăng lên. Cặp mắt đỏ ngầu tia máu và trở nên kinh khủng, nét mặt nhẵn lại, chân dậm thành thành. Hình như cô ta đang thúc anh phải làm một điều gì mà anh tỏ ra do dự. Điều ấy là gì, tôi tưởng đã quá rõ lúc nhìn bàn tay bé nhỏ của cô đưa đi đưa lại nhanh như cắt dưới cằm.

Tôi đoán đây là chuyện cắt cổ họng một người nào đó, và tôi hơi nghĩ rằng đấy là cổ họng tôi.

Trước những lời hùng hồn tuôn ra như sấm ấy Đông Giôđê chỉ đáp lại bằng hai ba tiếng thốt ra bằng một giọng ngắn gọn. Thế là cô Bô-hê-miêng lườm anh một cách khinh miệt vô cùng; đoạn cô ngồi xếp chân bằng tròn vào một góc phòng, chọn một quả cam và bóc vỏ ăn.

Đông Giôđê nắm cánh tay tôi, mở cửa và dẫn tôi ra phố. Không nói một lời, chúng tôi đi chừng hai trăm bước. Rồi anh giơ tay bảo:

- Ông cứ đi thẳng mãi thì sẽ đến cầu.

Rồi anh lập tức quay người lại và rảo bước.

Tôi trở về quán trọ, trong người khá bức bối và hơi sượng sùng. Tệ hơn nữa là lúc cởi bỏ quần áo tôi mới biết đã mất chiếc đồng hồ.

Tôi suy tính thấy có nhiều lý do khiến hôm sau tôi không đi đòi đồng hồ hoặc yêu cầu quan co-rê-gi-đo ([15]) phái người đi tìm đồng hồ cho tôi.

Tôi làm xong công trình nghiên cứu cuốn sách viết tay của dòng Đominicanh rồi tôi đi Xê vi.

Sau mấy tháng đi lang thang trong vùng Angđaludi, tôi định trở lại Madrit, do đó tôi phải đi qua Coocđu lần nữa. Tôi không định ở đấy lâu vì tôi đã sinh ra ác cảm với thành phố đẹp đẽ ấy và với những cô nàng tắm trên sông Goadankivia. Song vì phải gặp lại vài người bạn và làm mấy việc được ủy thác, nên tôi phải ở lại ít ra ba bốn ngày ở cố đô của các chúa Hồi giáo.

Tôi vừa bước chân đến tu viện dòng Đôminicanh thì một cha thường tỏ vẻ lưu ý đến công trình tìm tòi của tôi về địa điểm thành Munda, niềm nở ra đón tôi và kêu lên:

- Sáng danh Chúa! Ông bạn thân của tôi ời, rất hoan nghênh ông tới đây. Tất cả chúng tôi cứ tưởng ông đã chết và chính tôi đây, đã nhiều lần đọc kinh Lạy Cha và kinh Kính mừng - tôi không tiếc những buổi cầu kinh ấy đâu - để linh hồn ông được cứu rỗi. Thế ra ông không bị ám sát ư, vì việc ông bị ăn trộm chúng tôi đều biết.

- Sao cha biết? Tôi hơi ngạc nhiên.

- Vâng, chắc ông thừa rõ, chiếc đồng hồ chuông bỏ túi xinh đẹp mà ông cho reo vang trong thư viện khi chúng tôi nói với ông rằng đã đến giờ cầu kinh ấy mà. Này! Chiếc đồng hồ ấy đã tìm thấy rồi, người ta sẽ trả lại ông.

- Nghĩa là, tôi ngắt lời, hơi lúng túng, tôi đã bỏ đâu mất chiếc đồng hồ ấy.

- Tên vô lại đã bị bắt và vì người ta biết hẳn là kẻ có gan bắn vào một người nào theo đạo Thiên chúa để cướp một đồng tiền nhỏ, chúng tôi cứ lo ngay ngáy rằng hẳn đã giết mất ông rồi. Tôi sẽ cùng đi với ông đến dinh quan co-rê-gi-đo và sẽ giúp ông lấy lại cái đồng hồ đẹp ấy. Và rồi ông về nước đừng có nói rằng Thần công lý ở Tây Ban Nha không thạo nghề nhé.

- Tôi thú thật với cha rằng thà tôi chịu mất đồng hồ còn hơn khai ra trước tòa án để một kẻ khốn khổ bị treo cổ, nhất là vì... là vì...

- Chà! ông đừng lo gì cả! Hẳn đã được gửi gắm cẩn thận rồi, và người ta không thể treo cổ hẳn đến hai lần đâu? Tôi nói treo cổ là tôi nói nhằm đấy. Tên ăn trộm của ông vốn là một hi-đan-gô ([16]) đấy; chỉ ngày kia là hẳn sẽ bị xử giáo (*[17]) không có cách nào tránh thoát được. Ông hẳn thấy rằng thêm hoặc bớt một vụ trộm cướp không làm thay đổi chút nào vụ án của hẳn! Lạy Chúa, giá mà hẳn chỉ phạm tội ăn trộm! Nhưng hẳn còn phạm nhiều vụ giết người, toàn kinh khủng như nhau cả.

- Tên hẳn là gì vậy?

- Trong xứ này, người ta gọi hấn là Giôdê Navarô, nhưng hấn còn một tên Baxcơ nữa, tên ấy cả ông và tôi đều không nêu lên bao giờ. Nay, hấn là một người nên xem đấy, và ông vốn là người rất muốn biết những cái dị kỳ của xứ này, ông nên tìm biết ở đất Tây Ban Nha này bọn vô lại từ già côi đời như thế nào? Hấn đang bị nhốt trong nhà ngục ([18]). Cha Mactinê sẽ dẫn ông tới đấy.

Vì tu sĩ dòng Đôminicanh cứ nài mãi tôi nên đến xem sửa soạn một cuộc treo cổ gọn gàng đẹp để khiến tôi không tài nào từ chối được. Tôi bèn đi thăm người tù, mang theo một gói xì gà.

Tôi hy vọng rằng món quà ấy sẽ làm cho người đó thứ lỗi tò mò của tôi.

Người ta đưa tôi đến gặp Giôdê giữa lúc anh đang ăn. Anh gật đầu chào tôi một cách khá lạnh nhạt, và cảm ơn tôi một cách lễ độ về món quà tôi đem đến cho anh. Sau khi đếm những điều xì gà trong gói tôi đặt trong bàn tay anh, anh chọn lấy một số, còn thì trả lại tôi, nói rằng anh không cần lấy thêm.

Tôi hỏi anh xem liệu tôi có thể bỏ ít tiền hoặc nhờ thế lực của các bạn tôi để làm dịu được phần nào số phận của anh chẳng? Lúc đầu, anh nhún vai, nhếch mép cười buồn bã; lát sau, đổi ý kiến, anh nhờ tôi xin cho một lễ để linh hồn anh được siêu thoát.

- Ông có vui lòng, anh ta nói thêm một cách rụt rè, ông có vui lòng xin một lễ nữa cho một người đã từng xúc phạm đến ông không?

- Được lắm chứ, ông bạn ạ, tôi bảo anh ta, nhưng theo tôi biết, ở xứ này làm gì có ai xúc phạm đến tôi.

Anh cầm lấy bàn tay tôi và nắm chặt với vẻ trang nghiêm. Sau một lúc im lặng, anh nói tiếp:

- Không biết tôi có dám nhờ ông giúp cho một việc nữa không? Khi trở về nước, có lẽ ông sẽ đi qua xứ Navarô; ít ra ông sẽ đi qua Vittôria, một nơi không xa xứ ấy là mấy.

- Phải, tôi bảo anh, chắc chắn tôi sẽ đi qua Vittôria; nhưng không phải là tôi không thể đi vòng để tới Pampolun và, vì ông, tôi chắc rằng tôi sẵn sàng đi vòng như thế.

- Vậy nếu ông đi Pămpolun, ông sẽ được thấy nhiều cái làm ông phải chú ý. Đó là một thành phố đẹp. Tôi sẽ trao cho ông chiếc huy hiệu này (anh chỉ cho tôi xem một cái huy hiệu nhỏ bằng bạc mà anh đeo ở cổ). Xin ông lấy giấy gói nó lại... anh dừng lại một lúc để trấn tĩnh xúc động... và xin ông trao nó hoặc nhờ người trao nó cho một bà cụ hiền hậu mà tôi sẽ nói cho ông biết địa chỉ. Xin ông nói với bà cụ rằng tôi đã chết, nhưng ông đừng nói tôi chết như thế nào.

Tôi hứa sẽ làm tròn sự ủy thác của anh.

Ngày hôm sau tôi lại gặp anh và ở với anh một phần ngày đó. Chính từ miệng anh, tôi được biết những chuyện phiêu lưu thê thảm mà các bạn sẽ đọc sau đây.

III

Tôi sinh ở Elidôngđô, trong thung lũng Badotăng, anh nói. Tên tôi là Đông Giôđê Lidarabengoa. Với trình độ hiểu biết nước Tây Ban Nha như ông, chắc ông chỉ nghe tên cũng biết ngay rằng tôi là người xứ Baxcơ và theo đạo Gia-tô dòng. Nếu tên tôi có tiếng *Đông* kèm theo, chính vì tôi có quyền ấy và, nếu tôi ở Elidôngđô, tôi có thể chỉ cho ông xem gia phả của tôi trên một tờ giấy da. Người ta muốn tôi thành giáo sĩ và cho tôi đi học, nhưng tôi không thu hoạch được gì cả!

Tôi ham đánh cầu quá, và chính cái đó đã làm hại tôi. Người Navarơ chúng tôi mỗi khi chơi cầu là quên hết thầy. Một hôm vì tôi thắng, một thanh niên người vùng Alava gây chuyện với tôi, thế là chúng tôi với lấy cái *ma-ki-la* (*[19]) và tôi lại thắng nữa, nhưng vì thế tôi phải bỏ xứ sở. Tôi gặp bọn long kỵ binh và tôi đăng vào trung đoàn kỵ binh Anmangđa. Người miền núi chúng tôi học nghề lính rất nhanh. Chẳng bao lâu tôi thành tiểu đội trưởng, và người ta hứa sẽ đề bạt tôi lên chức đội trưởng thì

bỗng tôi vô phúc được giao gác xưởng thuốc lá ở Xêvilơ. Nếu ông đã đến Xêvilơ, ông hẳn trông thấy ngôi nhà lớn đó, nằm ngoài trường thành, gần sông Goadankivia. Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn như nhìn thấy xưởng thuốc lá và tiểu đội cảnh vệ ở đấy. Trong lúc thừa hành nhiệm vụ, người Tây Ban Nha thường ngủ hoặc chơi bài, còn tôi vốn là người Navarơ chính cống nên tôi cố tìm một việc gì để làm. Tôi làm một cái dải đeo bằng dây đồng hồ thau để buộc cái hỏa kim của tôi. Đột nhiên các bạn tôi nói: "Đấy? Chuông điểm đấy, bọn con gái sắp đi làm về!" Ông biết rằng ở xưởng có tới bốn năm trăm phụ nữ làm việc. Họ cuốn xì gà trong gian phòng lớn, không có người đàn ông nào được bước chân vào nếu không được phép của quan Hai mươi bốn (*[20]) vì các cô ăn mặc rất tự do thoải mái, nhất là các cô còn trẻ, lúc trời nóng bức. Đến giờ các cô công nhân về làm việc sau bữa cơm trưa rất nhiều chàng trai trẻ nhìn họ đi qua, buông lời tán tỉnh đủ các kiểu. Có rất ít cô nàng từ chối một chiếc khăn choàng bằng lụa ta-phơ-ta và những anh chàng nào ưa đi câu như thế chỉ việc cúi xuống là vớ được cá. Trong lúc các người khác mãi nhìn thì tôi, tôi cứ ngồi yên trên ghế, gần cửa ra vào. Hồi ấy tôi còn trẻ lắm, lúc nào tôi cũng nghĩ đến cổ hương và tôi định ninh rằng những cô gái nào thiếu chiếc xiêm màu xanh lơ và thiếu những bím tóc buông trên vai (*[21]) thì không khi nào gọi là xinh đẹp được. Vả lại các cô gái Angđaludi làm tôi sợ; tôi chưa quen được với cung cách của các cô; lúc nào cũng chế giễu, chẳng bao giờ được một lời đứng đắn. Tôi đang cúi gằm xuống sợi dây đeo của tôi. Bỗng nghe bọn thường dân nói: "Cô gái gi-ta-nen-la kia kìa([22])." Tôi ngược mắt nhìn lên và thấy nàng. Hôm ấy là ngày thứ sáu, tôi không bao giờ quên được. Tôi trông thấy nàng Carmen mà ông đã biết, vì cách đây mấy tháng đã có lần tôi gặp ông ở nhà nàng. Nàng vận chiếc xiêm màu đỏ rất ngắn để lộ ra đôi tất lụa trắng thủng nhiều chỗ và đôi giày da ma-rô-canh xinh xắn màu đỏ, thắt bằng tuy băng màu đỏ rực. Nàng mở khăn choàng đầu và để lộ đôi vai và một chùm hoa nhục quế to nhô ra khỏi áo sơ mi của nàng. Nàng còn ngậm một đóa hoa nhục quế ở một bên mép và vừa đi vừa ngúng nguẩy mông chẳng khác gì một con ngựa cái nhỏ trong trại nuôi ngựa Coocđu. Ở xứ tôi, ai trông thấy một người đàn bà ăn mặc như thế có lẽ đều phải làm dấu thánh giá. Nhưng ở Xêvilơ ai cũng tán tỉnh nàng bằng một lời khen sỗ sàng về dáng đi đứng của nàng, nàng đáp lời từng người, mắt liếc, tay chống nạnh, ngổ ngáo đúng là một cô gái Bô-hê-miêng thực thụ. Lúc đầu tôi không ưa cô gái ấy và tôi lại tiếp tục làm công việc của tôi, nhưng nàng thì theo thói quen của phụ nữ và của giống mèo - hễ người ta gọi thì lảng mà không gọi thì xán đến - dừng lại trước mặt tôi và cất tiếng nói với tôi.

- Này, người anh em, - nàng nói với tôi theo lối Angđaludi - người anh em có bằng lòng cho tôi sợi dây đeo để tôi buộc chùm chìa khóa hòm không nào

- Dây này là để buộc cái hỏa kim của tôi, - tôi trả lời.

- Hỏa kim của người anh em? Nàng phá lên cười - Chà! Thế ra ông anh làm ren kia đấy, vì ông anh cần đến kim mà!

Tất cả mọi người đứng đấy đều bật cười làm tôi đỏ mặt lên, chẳng tìm được câu nào đáp lại cả.

- Thôi này, anh yêu của em, nàng nói tiếp, anh hãy làm cho em bảy sợi ren đen đủ cho một chiếc khăn choàng đầu, hơi người làm kim của tâm hồn em.

Và nhón tay cầm đóa hoa nhục quế ngậm trên môi, nàng dùng ngón tay cái búng cho tôi đóa hoa ấy đúng vào khoảng giữa hai mắt. Thưa ông, tôi cảm thấy chẳng khác nào một viên đạn bắn trúng vào người tôi. Tôi không còn biết lẫn vào đâu được nữa, cứ đứng trơ ra như phỗng.

Khi nàng đã vào rồi, tôi trông thấy đóa hoa nhục quế rơi trên mặt đất, giữa hai chân; không biết tại sao, tôi lại lượm nó lên và tôi nâng niu bỏ nó vào túi áo mà các bạn tôi không nom thấy. Đó là sự đại dột đầu tiên! Cho đến hai, ba giờ sau tôi còn đang nghĩ về việc vừa qua thì bỗng một người gác cổng thở hồng hộc, hốt hoảng chạy đến tiểu đội canh gác.

Bác ta nói với chúng tôi rằng trong phòng lớn sản xuất xì gà có một phụ nữ vừa bị giết, cần có chúng tôi đến. Viên đội trưởng ra lệnh cho tôi mang hai người lính đến đấy xem sao. Tôi lấy người và lên ngay. Xin ông thử tưởng tượng, tôi vừa bước chân vào trong phòng và thấy trước tiên đến ba trăm phụ nữ mặc áo lót hay gần như thế tất cả đều la hét, khoa chân múa tay, làm rầm rầm đến nỗi giá có sét đánh bên tai tôi cũng không nghe thấy. Ở một phía, có một phụ nữ nằm chổng gọng, máu me đầy người, trên mặt vừa bị hai vết dao rạch thành hình chữ thập.

Trước mặt người bị thương đang được những người khá nhất trong bọn cứu chữa, tôi thấy Carmen không nói gì, nàng nghiêng rằng và đảo tròn mắt như một con kỳ nhông. Tôi hỏi: "Đầu đuôi thế nào?"

Vất vả lắm tôi mới biết được câu chuyện vừa xảy ra, vì tất cả những nữ công nhân này đều nói cùng một lúc với tôi. Hình như người phụ nữ bị thương có khoe mình đủ tiền mua một con lừa ở chợ Triana. Vốn tính hay châm chọc, Carmen nói: "Này, chị có cái chổi mà chưa đủ à? Chị kia ức về lời nói xỏ, có lẽ chị ta có tật giật mình sao đó, chị trả lời Carmen rằng chị ta không thạo về chổi vì không có hân hạnh là người Bô-hê-miêng hoặc là con đỡ đầu của quý Xa tăng, nhưng còn cô Carmenxita thì chẳng bao lâu nữa sẽ được biết con lừa của chị ta, khi ông co-rê-gi-đo dắt cô đi dạo có hai tên hầu đi theo sau để xua ruồi cho cô ([23]). "Đã thế tao sẽ làm bằng được mấy chỗ cho ruồi uống nước trên má mày" - Carmen nói - "và tao sẽ vẽ lên đấy một bàn cờ cho mà xem". Thế là xoẹt! Xoẹt! Xoẹt! Carmen lấy ngay con dao nung vẫn dùng cắt đầu xì gà rách những hình thánh giá thánh André ([24]) trên mặt người đàn bà kia.

Sự việc đã quá rõ ràng, tôi nắm cánh tay Carmen và nói một cách lễ độ: "Cô em, cô phải đi theo tôi!" Nàng nhìn tôi hình như đã nhận ra tôi nhưng nàng nói một cách nhấn nhạ: "Nào thì đi! Chiếc khăn choàng của tôi đâu nhỉ?" Nàng trùm khăn lên đầu, chỉ để hở một trong hai mắt to của nàng, và ngoan ngoãn đi theo hai người của tôi như một con cừu. Đến trạm gác, người đội trưởng nói đây là việc nghiêm trọng và phải dẫn nàng đến nhà lao. Chính tôi lại phải dẫn Carmen đi một lần nữa. Tôi bèn để Carmen đi giữa hai anh lính long ky, và tôi đi theo sau như anh tiểu đội trưởng phải làm trong trường hợp như thế. Chúng tôi lên đường ra tỉnh. Lúc đầu cô gái Bô-hê-miêng còn giữ im lặng, nhưng khi đến phố Rắn - ông cũng đã biết đấy, phố ấy rất xứng danh, vì có nhiều đoạn quanh co - đi đến phố Rắn thì nàng bắt đầu để tuột khăn choàng xuống vai, lộ cho tôi thấy dung mạo cáu đỗ của nàng, rồi cố hết sức quay người lại phía tôi nàng nói:

- Ngài sĩ quan, ngài dẫn em đi đâu vậy?

- Đến nhà giam, cô bé tội nghiệp ạ, - tôi đáp lại bằng giọng nói dịu dàng nhất, như một người lính tốt phải ăn nói với phạm nhân, nhất là với phụ nữ.

- Than ôi! Thế thì rồi đây em sẽ ra sao? Đức ông sĩ quan. Ngài hãy thương em với. Ngài trẻ quá, dễ thương quá... - Rồi nàng nói tiếp, giọng nhỏ hơn:

- Người để em trốn thoát nhé, em sẽ tặng Ngài một miếng ba-la-chi khiến phụ nữ nào cũng phải mê Ngài. - Thưa ông, ba-la-chi là hòn đá nam châm mà người Bô-hê-miêng bảo là có nhiều

phép thần thông kỳ diệu nếu người ta biết cách sử dụng nó. Cho một phụ nữ uống một rúm bột đá đỏ mài ra, bỏ vào trong cốc vang trắng, nàng sẽ không cưỡng lại được nữa!

Nhưng tôi, tôi đã lên giọng nghiêm chỉnh nhất để bảo nàng:

- Chúng ta đâu có phải đi như thế này để tán nhảm; phải đi đến nhà giam thôi, đây là mệnh lệnh không có cách nào cứu vãn được!

Người xứ Baxơ chúng tôi có một giọng nói riêng khiến người Tây Ban Nha dễ nhận ra chúng tôi; trái lại, ngay chỉ mấy tiếng bai-gia-ô-na (*[25]) cũng không có ai học nói cho đúng được. Cho nên Carmen đoán ngay được rằng tôi là người ở Các Tỉnh. Ông biết rằng người Bô-hê-miêng, vì không thuộc hẳn xứ nào và lúc nào cũng lưu động nên thứ tiếng nào cũng nói được, và một số đông khi đến ở Bồ Đào Nha, ở Pháp, ở Các Tỉnh-, ở Catalônher và ở bất cứ nơi nào, thì cũng y như ở xứ sở của mình vậy. Ngay cả đối với người More và người Anh, họ cũng làm cho người ta hiểu họ được.

Carmen biết tiếng Baxơ rất khá.

- Laguna, ene bihotsarena ([26]), bạn lòng của em ơi, nàng đột nhiên nói với tôi, anh có phải là người đồng hương không?

- Thưa ông, tiếng nói của xứ tôi hay đến nỗi khi chúng tôi nghe thấy ở nơi đất khách, chúng tôi cảm động đến run lên... Tôi muốn có một cha rửa tội người ở Các Tỉnh, gã cướp nói thêm bằng giọng nói nhỏ hơn. Im một lúc, anh ta lại nói:

- Tôi là người ở Elidôngđô, tôi trả lời nàng bằng tiếng Baxơ, rất xúc động được nghe nàng nói bằng tiếng xứ tôi.

- Em, em là người ở Etsala, nàng nói. - Đi từ vùng này đến quê tôi chỉ mất bốn tiếng đồng hồ - em bị người Bô-hê-miêng bắt đến Xêvilơ. Em làm ở xưởng thuốc để kiếm tiền về Navarơ, với bà mẹ đáng thương của em chỉ còn biết nương tựa vào em và vào cái ba-rat-xê-a (*[27]) nhỏ có hai mươi gốc táo! Chao ơi! Nếu em được ở quê nhà, trước ngọn núi trắng xóa! Người ta đã sỉ nhục em, vì em không phải là người của xứ toàn những dân ăn cắp, những tên lái buôn cam thối; và tất cả những con đi ấy tu họp lại để chống em. Vì em bảo chúng rằng tất cả bọn giắc-cơ(*[28]) ở Xêvilơ của chúng dù có mang dao cũng không thể dọa nổi một chàng thanh niên ở xứ ta, đội mũ nồi xanh, tay cầm ma-

ki-la... Bạn ơi, bạn chí thân của em ơi! Lẽ nào bạn. không giúp gì cho một nữ đồng hương hay sao?

- Thừa ông, nàng đã nói dối, bao giờ nàng cũng dối trá. Tôi không biết trong cuộc đời của người con gái ấy có lần nào nói được một lời chân thật không; nhưng, khi nàng nói thì tôi tin: tôi không sao cưỡng lại được. Nàng nói tiếng Baxcơ chưa đúng, nhưng tôi lại nghĩ rằng nàng là người miền Navarơ, chỉ riêng mắt nàng, miệng nàng, màu da nàng cũng nói lên rằng nàng là người Bô-hê-miêng. Tôi điên dại, không chú ý đến cái gì nữa. Tôi cho rằng nếu có bọn người Tây Ban Nha nào dám nói xấu xú tôi, tôi cũng sẽ rạch mặt họ, như nàng vừa làm đối với con bạn. Tóm lại tôi như người say rượu. Tôi bắt đầu nói những điều bậy bạ và tôi sắp làm những cái đó đến nơi.

- Nếu em đẩy anh, người đồng hương của em ạ, và nếu anh ngã, nàng nói tiếp bằng tiếng Baxcơ, thì hai tên lính Caxtilăng này giữ em sao nổi...

Quả thật, lúc đó tôi quên hết mệnh lệnh, quên tất cả và tôi bảo nàng:

- Thôi được, cô bạn thân yêu, người nữ đồng hương của anh, em cứ thử đi, và xin Đức Bà Trên Núi của chúng ta phù hộ cho em!

Lúc này, chúng tôi đang đi qua một trong những ngõ chật hẹp, đầy rẫy ở Xêvilơ. Đột nhiên Carmen quay người lại và đâm một quả vào ngực tôi. Tôi cố ý ngã lăn kềnh ra. Nàng nháy vọt một cái qua người tôi và vùng chạy, để lộ cho chúng tôi nhìn thấy một đôi chân! Người ta thường nói chân người Baxcơ: chân nàng có thua gì những đôi chân khác... vừa nhanh nhẹn, vừa xinh xắn. Còn tôi, tôi nhồm dầy ngay nhưng tôi lại cầm ngang ngọn giáo([29]) chặn lối đi, khiến cho các bạn tôi lúc đầu định đuổi theo nàng đều bị cản lại. Rồi chính tôi cũng chạy và cả bọn chạy theo tôi, nhưng đuổi kịp nàng thì chúng tôi mong sao được, với nào đình thúc ngựa, nào gươm giáo! Thoáng một cái còn nhanh hơn thời gian tôi kể chuyện với ông, người nữ tù đã biến mất. Và lại tất cả những mục đàn bà trong khu phố giúp cho nàng chạy trốn và chế giễu chúng tôi, chỉ sai đường cho chúng tôi. Sau nhiều lần sục đi sục lại, chúng tôi đành trở về trạm gác, không có giấy biên nhận của quan thủ ngục.

Những người lính của tôi, muốn tránh khỏi tội đều nói rằng Carmen đã nói tiếng Baxcơ với tôi và thật ra, một quả đâm của

cô gái bé nhỏ như thế đánh ngã nhào được một chàng trai sức lực như tôi một cách dễ dàng đến thế thì việc đó có vẻ không được tự nhiên lắm, tất cả những cái ấy có vẻ ám muội, hay nói cho đúng hơn, đã quá rõ ràng. Lúc thay phiên gác, tôi bị giáng chức và bị phạt tù một tháng. Đây là lần đầu tôi bị phạt tù ngày nhập ngũ. Thôi thế là vĩnh biệt quân hàm đội trưởng mà tôi tưởng đã nắm trong tay!

Những ngày đầu tiên trong nhà giam trôi qua một cách vô cùng buồn bã. Khi tòng quân, tôi định ninh là rồi đây ít nhất mình cũng sẽ trở thành sĩ quan. Lônga và Mina, người đồng xứ với tôi, hiện nay đều là đại đội trưởng cả! Sapalangara vốn là người da đen như Mina và cũng phải trốn sang nước ông, Sapalangara lúc đó đã là đại tá, và tôi đã từng đánh cầu hàng vài chục lần với em ông ta cũng chỉ là một kẻ tầm thường như tôi. Bây giờ, tôi nghĩ thầm: thế là tất cả khoảng thời gian tôi phục vụ không bị kỷ luật đều mất không cả! Nay tôi đã bị nhận xét xấu; muốn được các thủ trưởng coi như trước, sẽ phải làm việc gấp mười lần so với khi tôi mới đăng lính! Và tại sao tôi lại để phạt nhỉ? Vì một con Bô-hê-miêng vô lại đó đã xô mình và giờ đây đang bận ăn cắp ở một xó xỉnh nào trong thành phố. Tuy nhiên tôi không thể không nhớ nàng. Ông có tin như thế này được không? Đôi tất lụa thủng mà nàng để cho tôi nhìn thấy rõ ràng trong khi nàng chạy trốn vẫn luôn luôn hiện ra trước mắt tôi. Tôi nhìn ra phố, qua chấn song sắt của nhà giam, và trong tất cả các phụ nữ đi qua, tôi không thấy người nào sánh được với con quỷ cái ấy. Rồi bất giác tôi ngửi thấy mùi hoa nhục quế, đóa hoa nàng đã ném cho tôi, tuy đã khô nhưng vẫn giữ được hương thơm...

Người con gái ấy đúng là một mụ phù thủy.

Một hôm, người cai ngục bước vào đưa cho tôi một cái bánh mì Ancala ([30]).

- Nay anh, bác ta nói với tôi, cô em họ của anh gửi cho anh cái này đây!

Tôi cầm lấy cái bánh, rất ngạc nhiên vì tôi có cô em họ nào ở Xêvilơ đâu. Có lẽ nhầm, Tôi vừa nhìn cái bánh vừa nghĩ thế, nhưng bánh ngon thơm đến nỗi chẳng cần thắc mắc từ đâu đến và gửi cho ai, tôi quyết định ăn. Khi cắt chiếc bánh, con dao vấp phải một vật gì rắn. Tôi nhìn và thấy một chiếc dĩa nhỏ đã được nhét vào trong bột bánh trước lúc đem nướng. Trong chiếc bánh mì ấy còn có cả một đồng tiền vàng hai đồng nữa. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là quà tặng của Carmen.

Đối với những người thuộc dòng giống như nàng, tự do là tất cả, và họ sẵn sàng châm lửa đốt cháy cả một thành phố để tránh một ngày ngồi tù. Hơn nữa, con bé này mới ranh làm sao, với một chiếc bánh mì ấy, nó cười vào mũi bọn cai ngục. Chỉ cần một giờ là thanh chắn song to nhất sẽ bị cưa đứt bằng cái dũa nhỏ và, với đồng tiền vàng hai đồng, tôi có thể đến bất cứ hàng quần áo cũ nào đổi chiếc áo ca-pốt nhà binh lấy chiếc áo dài thường dân. Chắc ông thừa biết một người đã từng nhiều lần trèo lên những tổ chim ưng bắt chim non trong núi đá ở xứ tôi thì tụt từ một cửa sổ cao chưa đầy ba mươi pi-ê xuống mặt đường phố chẳng có gì phải lúng túng; nhưng tôi không muốn trốn. Tôi còn có danh dự quân nhân của tôi và tôi coi đào ngũ là một trọng tội. Duy có điều, tôi rất cảm động trước biểu hiện tưởng nhớ đó. Ở trong tù, người ta thích nghĩ rằng ở ngoài có người bạn thân quan tâm đến mình. Đồng tiền vàng làm tôi méch lòng đôi chút, tôi rất muốn đem trả lại; nhưng tìm đâu ra người mà tôi mắc nợ. Tôi thấy điều đó hình như không phải dễ dàng.

Sau buổi lễ giáng chức, tôi tưởng mình sẽ không còn phải đau khổ về điều gì nữa; nhưng rồi tôi còn bị một sự tủi nhục ê chề nữa: đấy là khi ở nhà giam ra, người ta phân công cho tôi đứng gác như một anh lính quèn. Ông không thể tưởng tượng được một người có chí khí cảm thấy thế nào trong trường hợp như thế. Tôi nghĩ rằng tôi thích bị xử bắn hơn, ít nhất cũng được đi một mình, trước tiểu đội; mình cảm thấy mình cũng là một người thế nào đây; ai ai cũng nhìn vào mình.

Tôi được cắt gác cửa nhà viên đại tá. Ông ta là một người trẻ tuổi giàu có, tốt bụng ham chơi. Nghe nói tất cả các sĩ quan trẻ đều đến nhà ông ta, có nhiều thị dân phong lưu nữa, cả phụ nữ, những nữ nghệ sĩ, theo người ta nói. Tôi thấy hình như toàn thành phố đã hẹn nhau kéo đến cửa và ông ta để xem mặt tôi. Kia kìa, chiếc xe ngựa của viên đại tá đã tới, có anh hầu phòng của ông ta ngồi trên ghế. Tôi thấy ai trên xe bước xuống kia nhỉ? Cô gái gi-ta-nen-la, ông ạ. Hôm nay, nàng trang sức đủ các màu lòe loẹt, sặc sỡ diêm búa, vàng và tui bằng khắp người. Một chiếc áo dài kim tuyến, đôi giày màu lơ cũng thêu kim tuyến và toàn người đầy hoa và dải. Tay nàng mang một cái trống Baxcơ. Cùng đi với nàng có hai phụ nữ Bô-hê-miêng khác, một già một trẻ. Bấy giờ các cô gái Bô-hê-miêng đi đâu cũng có một bà già dẫn đi, và một ông già cũng là người Bô-hê-miêng mang cây ghi-ta để đánh đàn cho các cô ả múa. Chắc ông cũng biết rằng người ta thích gọi những cô gái Bô-hê-miêng đến các đám hội, để các

cô múa điệu rô-ma-li điệu vũ của dân tộc Bô-hê-miêng, và lắm khi để làm nhiều cái khác nữa.

Carmen nhận ra tôi và hai chúng tôi nhìn nhau. Tôi không biết tại sao lúc ấy tôi chỉ muốn chui thật sâu xuống đất.

Nàng nói:

- A-guy-a-la-guy-na(*[31])! Chàng sĩ quan của em, chàng đứng gác như một tân binh ấy!

Tôi chưa tìm được một tiếng nào để trả lời thì nàng đã bước vào trong nhà.

Tất cả đám người tụ họp ở trong pa-xi-ô ([32]) và mặc dù đông người, qua tấm rào sắt tôi vẫn nhìn thấy hầu hết mọi cảnh tượng diễn ra. Tôi nghe thấy nào tiếng Cat-xta-net ([33]), tiếng trống, nào tiếng cười vang và tiếng hoan hô; đôi lúc, tôi thoáng thấy đầu Carmen khi nàng bưng trống nhảy lên. Tôi còn nghe thấy cả tiếng các sĩ quan nói với nàng nhiều điều khiến tôi đỏ bừng mặt. Nàng trả lời thế nào tôi không rõ.

Tôi nghĩ rằng chính từ hôm ấy tôi yêu nàng thật sự, vì có tới ba bốn lần, tôi có ý nghĩ xông vào trong pa-xi-ô đưa lưỡi gươm vào bụng tất cả mấy thằng công tử bột đang tán tỉnh hoa bướm với nàng. Nỗi cực hình của tôi kéo dài suốt một tiếng đồng hồ; rồi bọn Bô-hê-miêng bước ra và xe ngựa lại đưa họ về. Khi đi qua mặt tôi, Carmen lại nhìn tôi bằng khóe mắt mà ông đã biết đấy, và nói thật khẽ:

- Người đồng hương ạ, khi nào thích món cá rán ngon, thì đến nhà hàng Lilat Paxtia ở Toriana mà ăn.

Nhẹ nhàng như con dê non, nàng nhảy lên xe ngựa, người xà ích rã roi mấy con la, thế là cả bầy ca nhạc vui nhộn đó ra đi không biết về đâu.

Chắc ông thừa đoán được rằng hết phiên gác là tôi đi ngay Toriana; nhưng trước hết tôi đi cạo mặt, chải chuốt như trong ngày duyệt binh vậy. Nàng đang ở nhà Lilat Paxtia, một lão chủ cao lâu Bô-hê-miêng đen như mọi. Hàng của lão rất đông khách, đám thị dân phong lưu đến đó thưởng thức món cá rán, nhất là, theo tôi nghĩ, từ khi Carmen đến đóng bản doanh ở đó.

Nàng vừa thấy tôi là nói ngay:

- Anh Lilat, ngày hôm nay tôi không làm gì nữa. Ngày mai trời đẹp. Nào, người đồng hương của em, chúng ta đi dạo chơi đi!

Nàng kéo khăn choàng che mũi, thế là chúng tôi ra phố, và tôi cũng chẳng biết là đi đâu.

- Thừa cô, tôi nói với nàng, tôi tưởng cần phải cảm ơn cô về món quà cô đã gửi cho trong khi tôi còn ở nhà giam. Tôi đã ăn bánh, tôi sẽ dùng chiếc giũa để mài giáo, tôi sẽ giữ nó làm kỷ niệm của cô, nhưng tiền thì đây!

- Chà! Anh ta đã giữ lại tiền đây này, nàng phá lên cười. Thôi được, càng hay! Vì em cũng đang túng, nhưng cần quái gì. Chó chịu chạy có bao giờ chết đói. Nào, chúng ta ăn bằng hết đi nào! Anh thết em đấy!

Chúng tôi đang trở lại con đường đi Xêvilơ.

Đến đầu phố Rắn, nàng mua một tá cam và bảo tôi gói vào khăn tay. Đi thêm một quãng nữa, nàng lại mua bánh mì, xúc xích, một chai man-da-ni-la, sau cùng nàng vào hàng bánh ngọt. Đến đấy nàng ném lên quầy hàng đồng tiền vàng của tôi trả nàng và một đồng khác ở trong túi nàng, cùng một ít tiền bằng bạc của nàng; sau hết nàng bảo tôi còn bao nhiêu đưa ra cả. Tôi chỉ còn một đồng tiền nhỏ và mấy đồng xu, tôi đưa cho nàng, trong bụng rất ngượng vì không có hơn. Tôi tưởng có dễ nàng muốn khuôn cả cửa hàng. Nàng mua tất cả những cái gì đẹp nhất và đắt nhất, nào y-ê-ma (*[34]), nào tuy-rông (*[35]), nào mứt, còn chút tiền nào là nàng tiêu bằng hết. Tất cả những thứ ấy tôi lại phải bê trong những túi giấy. Có lẽ ông cũng biết phố Can-đi-lơ-giô, nơi có tượng đầu vua Đông Pêđrô(*[36]), người được mệnh danh là Thần Công lý. Đáng lẽ phố Candilơgiô này phải gọi cho tôi nhiều suy nghĩ. Khi đi tới phố đó, chúng tôi dừng lại trước một căn nhà cũ kỹ. Nàng bước vào lối đi, gõ cửa nhà dưới. Một người đàn bà Bô-hê-miêng rõ là môn đồ thực thụ của Xa-tăng ra mở cửa cho chúng tôi. Carmen nói mấy tiếng Bô-hê-miêng với cụ già đó. Lúc đầu cụ càu nhàu. Để xoa dịu cụ ta, Carmen đưa cho cụ hai quả cam, một nắm kẹo và cho cụ nếm rượu vang. Đoạn nàng khoác chiếc áo choàng của cụ lên lưng cụ, dẫn cụ ra cửa rồi lấy thanh gỗ đóng cửa lại. Ngay sau khi chỉ còn hai chúng tôi, nàng liền vừa nhảy, vừa cười như điên cuồng, vừa hát:

Anh là rôm của em, em là rômi(*[37]) của anh...

Còn tôi thì đứng giữa phòng, trên tay đầy những gói đồ của nàng mua, chưa biết đặt vào đâu. Nàng ném tất cả xuống đất, nhảy lên bám vào cổ tôi và nói:

- Em trả nợ đây? Em trả nợ của em đây! Đây là luật lệ của người Calê ([38]).

- Chà! Thưa ông, cái ngày hôm ấy, mỗi lần nhớ đến, tôi thấy quên cả ngày mai!...

Gã cướp im lặng một lúc, rồi châm lại điếu xì gà và nói tiếp:

- Chúng tôi ở với nhau cả ngày hôm ấy, ăn uống và làm các chuyện khác nữa. Sau khi nhai kẹo như trẻ lên sáu, nàng lấy từng nắm bỏ vào vại nước của cụ già. "Để làm nước kem cho cụ ấy", nàng nói. Nàng ném cả bánh trứng y-ê-ma, vào tường cho vỡ ra và nói: "để cho ruồi khỏi quấy chúng ta". Thật không còn thiếu một trò bậy bạ nào, một thứ tình nghịch nào nàng không làm. Tôi tỏ ý muốn xem nàng nhảy, nhưng không biết tìm đâu ra Cát-xta-nhét. Thế là nàng cầm luôn chiếc đĩa duy nhất của cụ già, đập vỡ tan ra từng mảnh và nhảy này điệu rô-ma-li, vừa nhảy vừa gõ những mảnh vỡ vào nhau, nghe ròn chảng kém gì Cát-xta-nhét bằng gỗ mun và bằng ngà. Tôi có thể bảo đảm với ông rằng một người con gái như thế, không tài nào chán được. Tối đến tôi nghe tiếng trống thu quân về trại.

- Tôi phải về trại điểm danh, tôi nói với nàng.

- Về trại à? Nàng nói, giọng khinh miệt, thế ra anh là một tên da đen để người ta xỏ mũi, lòi đi đâu cũng được à? Anh đúng là một con ca-na-ri (*[39]) về y phục cũng như về bản lĩnh. Thôi đi đi anh thật nhát như cáy.

Thế là tôi ở lại, cam tâm chịu phạt giam.

Sáng ra, chính nàng nói trước đến sự xa nhau.

- Này? Anh Giôxê-tô! Tôi đã trả nợ anh rồi phải không? Theo luật lệ của chúng tôi, tôi không nợ gì anh cả vì anh là một payô; nhưng anh là một chàng trai xinh đẹp, vừa ý tôi. Chúng ta đã thanh toán nợ xong. Thôi, chào anh nhé!

Tôi hỏi bao giờ thì tôi có thể gặp lại nàng.

- Bao giờ anh đỡ ngốc nghếch, nàng vừa nói, vừa trả lời. Rồi, bằng giọng đứng đắn hơn, nàng nói:

- Anh chàng bé bỏng ời, anh có biết không, tôi nghĩ rằng tôi cũng có hơi yêu anh đấy. Nhưng cái đó không thể kéo dài. Chó sói và chó nhà không thể nào sống chung với nhau lâu được. Có lẽ nếu anh theo luật lệ Ai Cập ([40]), thì tôi cũng muốn thành rômi của anh. Nhưng đó chỉ là nói nhảm thôi. Đâu có thể như thế được. Chà! Chú em ời, chú thoát thân được như thế này may lắm, tôi nói thật đấy. Chú đã gặp quý, phải, quý! Con quý ấy không phải lúc nào cũng đen, và nó đã không vạ cổ chú. Tôi mặc đồ len, nhưng tôi không phải là cừu (*[41]) đâu. Chú nên đem cây nến đến tạ ân Ma-gia-ri của chú. Ma-gia-ri đáng nhận lễ đó lắm. Thôi, vĩnh biệt một lần nữa, đừng nghĩ đến Carmenxita nữa, nếu không nó sẽ làm cho chú mày lấy một quả phụ chân gỗ (*[42]) đấy.

Vừa nói nàng vừa tháo thanh gỗ chặn cửa, và ra đến ngoài đường là nàng trùm kín ngay khăn và quay gót đi thẳng.

Nàng nói đúng. Đáng lẽ tôi nên khôn ngoan đừng nghĩ tới nàng nữa; nhưng, từ hôm đến phố Cadilôgiô, tôi không thể nghĩ đến cái gì khác được nữa. Tôi cứ đi lang thang suốt ngày hy vọng được gặp nàng. Tôi đến mục già và lão chủ cao lâu để hỏi tin tức về nàng. Cả hai đều trả lời rằng nàng đã đi Lalôrô, nghĩa là đi Bồ Đào Nha. Chắc Carmen đã dặn họ nói thế. Nhưng chẳng bao lâu, tôi biết là họ nói dối. Vài tuần lễ sau này đến phố Candilôgiô tôi được cắt gác một cửa ô vào thành phố. Gần đó có một lỗ hồng lớn trong bức tường bao quanh thành phố, ban ngày người ta làm việc ở đó, ban đêm người ta đặt một người canh gác để ngăn ngừa bọn buôn lậu. Lúc ban ngày, tôi thấy Lilat Paxtia cứ đi đi lại lại quanh trạm gác, và trò chuyện với mấy người bạn tôi; họ đều quen Lilat Paxha và còn quen món cá và bánh rán của hắn hơn. Hắn hèn đến gần tôi và hỏi tôi có được tin tức về Carmen không.

- Không, tôi đáp.

- Đây, người anh em sắp có tin đấy!

Hắn không nhầm. Đêm ấy, tôi được cắt gác ở nơi tường lỗ. Viên tiểu đội trưởng vừa đi khỏi, tôi thấy một phụ nữ đi lại phía tôi. Tim tôi thầm nhủ rằng đấy là Carmen. Song tôi cứ hô to:

- Tránh ra! Không qua được!

- Đừng ác thế anh. Nàng vừa nói vừa xưng danh với tôi.
 - Ô hay! Em đấy ư, Carmen?
 - Phải, người đồng hương của em ạ. Chúng ta nói ít thôi, và nói tử tế. Anh có muốn kiếm được một đồng đua-rô([43]) không? Sắp có mấy người mang những bao hàng qua đây! Anh hãy cứ để mặc họ nhé?
 - Không, tôi đáp, tôi phải ngăn họ lại. Đây là mệnh lệnh!
 - Mệnh lệnh? Mệnh lệnh! Lúc ở phố Candilôgiô, anh có nghĩ đến mệnh lệnh đâu. Trong lòng điên đảo cả lên chỉ vì kỷ niệm đó, tôi trả lời:
 - Chao ôi! Lúc đó thật đáng để quên mệnh lệnh, nhưng tôi không muốn nhận tiền của bọn buôn lậu.
 - Được rồi, nếu anh không thích tiền, anh có muốn chúng ta lại đi ăn ở nhà mù Đôrôtê không?
 - Không, tôi cố sức nói lên tiếng đó, gần như nghẹt thở. Tôi không thể làm thế được.
 - Được lắm! Nếu anh đã khó tính như vậy, tôi sẽ nhờ người khác. Tôi sẽ rủ viên sĩ quan của anh đến nhà Đôrôtê. Anh chàng ấy có vẻ dễ tính lắm, anh ta sẽ cắt gác ở đây một cậu chỉ biết nhìn thấy những gì cần nhìn thôi. Vĩnh biệt con canari. Tôi sẽ tha hồ cười ngáy nào có mệnh lệnh treo cổ anh.
- Tôi đã yếu đuối đến mức độ gọi nàng lại và hứa cho toàn bộ giống người Bô-hê-miêng đi qua nếu cần miễn là tôi được thưởng công theo nguyện vọng duy nhất của tôi. Nàng liền thề thốt sẽ thực hiện lời hứa ngay hôm sau và chạy đi báo tin cho đồng bọn đang chờ cách đó vài bước.
- Bọn này gồm có năm người, trong số đó có Paxtia, người nào người nấy vác nặng hàng hóa Anh. Carmen đứng gác. Nếu nhác thấy người đi tuần thì nàng phải dùng Cát-xta-nhét báo cho đồng bọn biết. Nhưng nàng không phải báo. Chỉ thoáng một lúc bọn buôn lậu đã làm xong việc.
- Hôm sau, tôi đến phố Candilôgiô. Carmen bắt tôi phải chờ đợi. Khi tới, nàng ra vẻ bức mình.

- Tôi không thích những kẻ bắt người ta phải van nài, nàng nói. Lần đầu, anh đã giúp tôi một việc quan trọng hơn, mà không cần biết có được lợi gì không. Hôm qua, anh đã mặc cả với tôi. Tôi cũng không biết tại sao tôi lại đến đây, vì tôi không yêu anh nữa. Thôi đi đi, này một đồng đưa-rô đây để trả công anh.

Thiếu chút nữa thì tôi ném đồng tiền vào đầu Carmen, và tôi phải dần lòng hết sức mới không đánh nàng. Sau khi cãi cọ nhau suốt một tiếng đồng hồ, tôi bước ra, bùng bùng tức giận.

Tôi đi lang thang một lúc khắp các phố, la cà hết nơi này đến nơi khác như điên, như dại; sau cùng, tôi vào nhà thờ, chui vào góc tối nhất khóc rưng rức. Bỗng nhiên, tôi nghe thấy tiếng nói:

- Rõ thật là nước mắt rồng([44]). Em muốn lấy nó làm bùa yêu đấy!

Tôi ngược mắt lên, thì ra Carmen đang đứng trước mặt tôi.

- Này, người đồng hương của em ơi, nàng nói, anh còn giận em nữa không. Em đành phải yêu anh thôi, mặc dầu em không muốn. Vì từ lúc anh bỏ đi, em thấy trong người nao nao thế nào ấy. Nào, bây giờ chính em lại hỏi anh xem anh có muốn đến phố Candilgiô không?

Thế là chúng tôi làm lành với nhau. Nhưng tính khí Carmen chẳng khác nào thời tiết ở xứ tôi. Ở vùng núi của chúng tôi, không bao giờ giống tổ tới gần bằng những lúc mặt trời rực rỡ nhất. Nàng có hứa sẽ gặp lại tôi một lần khác ở nhà Đôrôtê, nhưng rồi nàng không tới. Còn Đôrôtê thì càng ra sức bảo tôi rằng nàng đã đi Lalô rô vì bận công việc Ai Cập.

Đã có kinh nghiệm nên nghĩ thế nào về tình hình đó, tôi bèn đi tìm Carmen ở khắp những nơi tôi cho là nàng có thể đến và mỗi ngày có tới hai mươi lần tôi đến phố Candilgiô. Tôi đã gần cảm hóa được Đôrôtê bằng cách thỉnh thoảng cho mụ tiền mua một cốc rượu hồi. Một buổi tối, tôi đang ở nhà mụ chợt thấy Carmen bước vào với một chàng trẻ tuổi, trung úy trong trung đoàn của tôi.

- Anh rút đi mau lên, Carmen bảo tôi bằng tiếng Baxcơ.

Tôi đứng sững sờ, tức giận như điên.

- Chú đến đây làm gì? Viên trung úy bảo tôi. Bước ngay!

Tôi không thể lê đi được một bước. Tôi như người bị bại liệt. Viên sĩ quan tức giận thấy tôi không chịu bỏ đi mà còn không cất mũ chào, gã liền nắm lấy cổ áo tôi lắc thật mạnh. Không biết tôi đã nói gì với gã, gã liền rút gươm và tôi cũng tuốt kiếm. Mụ già nắm cánh tay tôi, thế là viên trung úy đâm vào trán tôi một nhát đến bây giờ vẫn còn sẹo. Tôi lùi lại, lấy khuỷu tay hích một cái làm Đôtôtê ngã lăn ra; rồi, vì viên trung úy có đuổi theo tôi, tôi đưa mũi kiếm vào người gã và gã lao ngấp mình vào thanh kiếm của tôi. Thế là Carmen vội tắt đèn, bảo Đôtôtê trốn đi bằng tiếng Bô-hê-miêng. Còn tôi thì cũng trốn ra phố, chạy bạt mạng. Tôi thấy hình như có người chạy theo tôi. Khi hoàn hồn, tôi thấy Carmen đã không rời bỏ tôi.

- Này con canari đại ngu ngốc! Nàng nói với tôi. Anh chỉ biết làm những việc ngu độn. Vả lại, tôi vẫn nói với anh là tôi sẽ đem tai họa lại cho anh. Thôi được! Bệnh nào có thuốc nấy, khi người ta có bạn thân là một chị Bô-hê-miêng. Trước hết anh hãy lấy khăn tay này phủ lên đầu và vớt cái thắt lưng lính đi cho tôi. Anh chờ tôi ở lối này. Hai phút nữa, tôi sẽ trở lại.

Nàng biến mất và chẳng bao lâu nàng đem đến cho tôi một chiếc áo khoác rộng rọc chẳng biết nàng đào ở đâu ra. Nàng bảo tôi cởi bỏ quần phục, và quàng cái áo khoác ra ngoài áo sơ mi. Ăn vận như thế, lại thêm chiếc khăn tay của nàng dùng để băng vết thương trên đầu, tôi lúc đó trông khá giống một anh nông dân vùng Valăngxơ, thường thấy bán nước giải khát su- pha ([45]) ở Xêvilơ. Đoạn, nàng dẫn tôi đến một căn nhà giống nhà Đôtôtê, ở trong cùng một ngõ con. Nàng và một người phụ nữ Bô-hê-miêng khác rửa và băng vết thương cho tôi, khéo hơn cả một y sĩ giải phẫu, cho tôi uống không biết cái gì; sau cùng đặt tôi nằm lên đệm và tôi ngủ thiếp đi.

Chắc những người đàn bà ấy đã pha vào nước uống của tôi một thứ thuốc ngủ bí truyền gì nên sáng hôm sau tôi dậy rất muộn. Tôi thấy nhức đầu dữ dội và hơi sốt. Phải mất một lúc tôi mới nhớ lại được cảnh tượng kinh khủng có tôi đóng một vai hôm trước. Sau khi băng vết thương cho tôi, Carmen cùng người bạn gái ngồi xồm gần tấm đệm của tôi, nói với nhau mấy câu bằng thứ tiếng Sipotali có vẻ như đang trao đổi ý kiến về bệnh tình của tôi. Rồi cả hai đều nói chắc chắn với tôi rằng chẳng bao lâu sẽ lành, nhưng phải mau mau rời khỏi Xêvilơ vì nếu tôi bị tóm, nhất định tôi sẽ bị bắn không có cách nào thoát khỏi.

- Nay anh, Carmen bảo tôi, anh cũng cần phải làm cái gì chứ! Bây giờ nhà vua không nuôi anh nữa ([46]); vậy anh phải nghĩ đến việc sinh sống! Anh thộn quá không đi ăn trộm được đâu. Nhưng anh nhanh nhẹn và có sức khỏe, anh mà dũng cảm thì nên ra bờ biển làm nghề buôn lậu. Tôi chả hứa với anh là sẽ làm cho anh phải treo cổ là gì? Thế còn hơn là bị bắn. Vả lại, nếu biết cách làm ăn, anh sẽ sống như ông hoàng, cho đến khi nào bị bọn dân vệ và gác biển tóm được.

Chính bằng những lời bùi tai như thế mà người con gái yêu quái ấy đã chỉ cho tôi con đường sự nghiệp mới mà nàng định đưa tôi vào, thực ra đó cũng là con đường duy nhất còn lại cho tôi vì bây giờ tôi có cơ bị kết án tử hình. Tôi nghĩ chẳng cần nói ông cũng đoán được rằng nàng làm cho tôi quyết tâm chẳng khó khăn gì mấy. Tôi cảm thấy cuộc đời phiêu lưu phiến loạn đó sẽ làm cho tôi được hòa mình vào với nàng chặt chẽ hơn. Tôi tưởng rằng từ nay tôi nắm chắc được tình yêu của nàng. Tôi vẫn thường nghe chuyện mấy tay buôn lậu bôn ba khắp xứ Angđaludi, ngồi trên lưng một con ngựa tốt, súng nắm trong tay, bạn tình sau yên ngựa. Tôi đã hình dung thấy mình vượt núi trèo đèo trên mình ngựa cùng nàng Bô-hê-miêng đáng yêu sau lưng. Khi tôi nói với nàng như thế, nàng ôm bụng cười và bảo rằng không có gì thú bằng những đêm cắm trại giữa trời, lúc mỗi rôm cùng rôm của mình lui về trong chiếc lều xinh xắn ghép bằng ba cái vòng có chần trùn lên trên.

Tôi nói với Carmen:

- Nếu anh mang em vào núi, anh có thể yên tâm về em? Ở đó chẳng còn tên trung úy nào chia sẻ với anh được.

- Chà! Anh hay ghen quá, nàng đáp. Mặc kệ anh. Sao anh lại ngốc thế nhỉ? Anh không thấy là em yêu anh ư, vì có bao giờ em đòi tiền anh đâu?

Lúc nàng nói thế, tôi chỉ muốn bóp cổ nàng cho chết.

- Thưa ông, Carmen muốn cho tiện nên đã kiếm cho tôi một bộ quần áo thường dân, với bộ quần áo đó tôi ra khỏi Xêvilơ mà không bị ai nhận ra cả. Tôi đi Giê-rê, mang theo một bức thư của Paxtia gửi cho một tay bán rượu hời. Nhà tay này là nơi tụ họp của bọn buôn lậu. Tôi được giới thiệu với bọn ấy và được tên thủ lĩnh biệt hiệu là Lơ Đăngkairơ cho nhập bọn. Chúng tôi cùng đi Gôxanh. Đến đó tôi lại gặp Carmen, nàng đã hẹn tôi ở đó. Trong những chuyến làm ăn, nàng làm do thám cho chúng tôi và

thật không ai có thể tài hơn nàng. Nàng vừa từ Gibranta về và nàng đã thu xếp được với một thuyền trưởng về việc chở một số hàng Anh mà chúng tôi sẽ nhận được tại bờ biển. Chúng tôi bèn đến gần Extêpôna chờ nhận hàng, rồi chúng tôi giấu một phần hàng vào trong núi; số còn lại chúng tôi chở đi Rôngđa. Carmen đã đến đây trước chúng tôi. Rồi cũng lại chính nàng chỉ cho chúng tôi nên vào thành phố lúc nào. Chuyến làm ăn thứ nhất ấy và mấy chuyến sau đều trót lọt. Tôi thấy cuộc đời buôn lậu lại thú vị hơn cuộc đời quân nhân. Tôi tặng nhiều quà cho Carmen. Tôi vừa có tiền, vừa có người yêu. Tôi chẳng thấy hối hận gì, đúng như người Bô-hê-miêng thường nói: "Đang vui thì ghê cũng mất ngủ". Đến đâu tôi cũng được đón tiếp tử tế. Đồng bọn đối với tôi tốt lắm và còn tỏ ra kính nể tôi nữa. Là vì tôi đã có lần giết người, mà trong bọn còn có những người chưa ghi được thành tích như thế vào lương tâm. Nhưng trong cuộc đời mới, điều làm tôi xúc động nhất là tôi được gặp Carmen luôn luôn. Chưa bao giờ nàng tỏ ra âu yếm tôi đến thế, tuy nhiên, trước mặt đồng bọn, nàng không muốn nhận là người yêu của tôi; hơn nữa, nàng còn bắt tôi thề thật độc rằng tôi sẽ không hé môi kể với đồng bọn bất cứ điều gì về nàng cả. Trước con người ấy, tôi yếu đuối đến nỗi nàng đòi hỏi những nhẽ điều gì tôi cũng tuân theo. Vả lại, đây là lần đầu tôi thấy có cái vẻ dè dặt của người phụ nữ đứng đắn, còn tôi thì quá khờ khạo tưởng rằng nàng đã thực sự thay đổi tính rồi.

Bọn chúng tôi gồm độ chín mười người thường chỉ tụ họp vào những lúc quyết định, còn trong lúc bình thường thì phân ra thành từng nhóm hai, ba người một vào ngụ ở các thành phố, làng mạc. Mỗi người giả vờ làm một nghề: người giả làm thợ hàn nôi, người giả làm lái ngựa; còn tôi thì giả bán hàng xén, nhưng không lộ mặt ra những nơi đông đúc vì cái vụ Xêvilơ trước kia.

Một hôm, hay nói cho đúng hơn một đêm, chúng tôi hẹn gặp nhau ở mé dưới Vêgiê. Lơ Đăngkaiơ và tôi đến đây trước các bạn khác. Gã có dáng rất vui.

- Chúng ta sắp có thêm một bạn nữa, gã nói với tôi. Carmen vừa chơi được một trò khá nhất của ả. ả vừa mới làm cho rôm của ả thoát khỏi nhà lao Tarifa.

Tôi đã bắt đầu hiểu tiếng Bô-hê-miêng mà hầu hết các bạn tôi thường dùng, nên tiếng rôm đó làm tôi hết sức choáng váng.

- Thế nào? Chồng cô ta ư? Thế ra cô ta đã có chồng à? Tôi hỏi tên thủ lĩnh.

- Phải, gã trả lời, Carmen lấy Gacxia Chột, một cậu Bô-hê-miêng cũng tinh ranh chẳng thua gì ả. Thành tội nghiệp ấy bị vào tù. Carmen đã khéo phỉnh thằng cha y sĩ nhà lao đến mức rôm của ả được thoát thân. Chà? Con bé ấy thật đáng giá nghìn vàng! Nó tìm cách cho rôm vượt ngục đã từ hai năm rồi đấy, nhưng chả có cách nào mãi cho đến khi người ta đổi viên y sĩ. Với anh y sĩ mới hình như ả đã tìm ngay được cách thông đồng.

- Ông tưởng tượng cũng biết tôi nghe tin đó thì trong lòng vui buồn ra sao. Chẳng bao lâu tôi thấy tên Gácxia Chột; hẳn thật là con quái vật xấu xa nhất mà xứ Bôhê-mơ đã sản sinh ra, da đen mà tâm hồn lại còn đen hơn, nó là thằng đều cẳng hoàn chỉnh nhất mà tôi gặp trong đời.

Carmen cùng đến với hắn. Phải trông thấy con mắt của nàng liếc tôi khi nàng gọi hắn là rôm trước mặt tôi, và cái mặt nàng nhăn nhó khi Gacxia quay đầu đi chỗ khác mới biết nó như thế nào. Tôi uất ức, và suốt tối ấy tôi không nói với nàng một câu. Sáng dậy, chúng tôi đã sửa soạn hành lý và lên đường, thì chúng tôi thoáng thấy hơn chục lính kỵ mã đang sục tìm chúng tôi. Bọn Angđaludi khoác lác, thường ngày luôn mồm nói giết tất, bây giờ mặt mũi lập tức trở nên thiếu náo. Chúng co cẳng chạy tán loạn hết cả. Lơ Đăngkaiơ, Gacxia, một anh chàng xinh trai người ở Exiđa tên gọi là Rêmenđadô và Carmen vẫn giữ được bình tĩnh. Còn những thằng khác đã bỏ cả la và nhảy xuống khe núi là nơi mà ngựa không thể đuổi theo xuống được.

Chúng tôi không thể giữ la của chúng tôi được nữa, và phải vội vàng tháo những thứ hàng quý nhất vác lên vai, đoạn tìm cách băng qua những dốc núi đá cheo leo nhất để thoát thân. Chúng tôi ném balô về phía trước mặt, rồi chúng tôi cố hết sức trượt trên gót theo những balô đó. Trong lúc ấy bọn địch nhằm chúng tôi mà bắn. Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy tiếng đạn réo, nhưng tôi chẳng sợ gì cả. Đứng trước phụ nữ, thì có coi thường cái chết cũng chẳng giỏi gì. Chúng tôi thoát thân trừ cậu Rêmenđadô đáng thương bị trúng đạn vào hông. Tôi ném bọc đồ của tôi xuống và định công cậu ta.

- Đồ ngu! Gacxia hét lên với tôi, cái xác chết ấy thì còn dùng làm gì được nữa. Kết liễu hắn đi và đừng để mất những đôi bít-tất bông.

- Quảng hẳn xuống đi! Carmen hét bảo tôi.

Tôi mệt quá, đành đặt Rêmenđadô xuống một lát, khuất sau một tảng đá. Gacxia tiến đến và nhả đạn vào đầu cậu ta.

- Bây giờ thì đến thánh cũng chẳng nhận ra được mặt hẳn, Gacxia vừa nói vừa nhìn vào mặt Rêmenđadô vừa bị mười hai phát đạn làm cho nát bét.

- Thừa ông, cuộc đời đẹp đẽ mà tôi đã sống là như vậy. Tối đến, chúng tôi tập hợp trong một khu bụi rậm, người mệt nhoài vì không có miếng gì cho vào miệng, lại thêm bị phá sản vì mất hết la. Tên quý sứ Gacxia làm gì? Hẳn rút trong túi ra một cổ bài rồi đánh bài với Lơ Đangkaiơ, dưới ánh sáng lò mờ của ngọn lửa mà chúng tôi vừa nhóm lên. Trong lúc ấy tôi nằm dài ngắm sao, nghĩ đến Rêmenđadô, thầm ước được ở vào địa vị của cậu ta. Carmen ngồi xồm bên tôi, thỉnh thoảng nàng vừa gõ cátxtanhét vừa hát se se. Rồi nàng đến sát bên tôi như để nói thầm với tôi, hôn tôi hai ba lần mặc dầu tôi gần như không đồng ý.

- Em là quý, tôi bảo nàng.

- Đúng thế, nàng đáp.

Nghỉ ngơi được vài giờ, nàng đi Gôxanh và sớm hôm sau một chú bé chăn dê mang bánh mì đến cho chúng tôi. Chúng tôi ở lại suốt ngày hôm ấy và đến đêm chúng tôi đến gần Gôxanh để chờ tin của Carmen. Biệt vô âm tín. Đến sáng, chúng tôi thấy một người cho thuê la dẫn một bà ăn mặc lịch sự che dù, đi cùng một em bé trông có vẻ là đầy tớ của bà ta.

Gacxia nói với chúng tôi:

- Kìa hai con la và hai phụ nữ mà thánh Nicôla ([47]) đưa đến cho chúng ta. Giá là bốn con la thì càng thích biết mấy. Nhưng thôi cũng được, tớ sẽ xoi bọn này để dùng có việc.

Hắn vớ cây súng étpanhgôn và lần xuống con đường hẻm, vừa đi vừa nấp vào bụi rậm. Lơ Đangkaiơ và tôi xuống theo, cách xa hẳn một chút. Khi đến vừa tầm, chúng tôi mới lộ mặt ra và thét bảo người dắt la đứng lại. Trông thấy chúng tôi, người đàn bà đáng lẽ hoảng sợ - riêng cách ăn mặc của chúng tôi lẽ ra cũng đủ làm cho người đó phải kinh hoàng - thì lại cười phá lên.

- Chà! Bọn Lilipăngđi ([48]) này lại tưởng mình là một êrani ([49]) kia chứ!

Đó là Carmen, nhưng nàng đã cải trang khéo đến nỗi tôi sẽ không nhận ra được, nếu nàng nói bằng một thứ tiếng khác. Nàng nhảy từ trên mình la xuống đất, thẳm thì một lúc với Lơ Đangkaiơ và Gacxia, đoạn nàng bảo tôi:

- Này con canari! Chúng ta sẽ còn gặp nhau trước khi anh bị treo cổ. Tôi đi Gibranta đây để giải quyết công việc Ai Cập. Chẳng bao lâu nữa anh sẽ được tin tôi.

Chúng tôi từ biệt nhau, sau khi nàng chỉ cho chúng tôi một nơi có thể nướng nấu trong mấy hôm. Người con gái này thực là phúc thần cho cả bọn. Chẳng bao lâu chúng tôi nhận được ít tiền của nàng gửi cho và một tin tức còn quý giá hơn: đến một hôm nào đó sẽ có hai nhà đại quý tộc Anh đi từ Gibranta đến Gronađơ theo một con đường nào đó. Nói thế là đủ hiểu ngầm với nhau rồi! Hai người này có nhiều đồng ghi nê, vừa đẹp vừa tốt. Gacxia muốn giết phăng cả hai, nhưng Lơ Đangkaiơ và tôi phản đối. Chúng tôi chỉ cướp tiền, đồng hồ, ngoài áo sơ mi là cái mà chúng tôi đang rất cần.

- Thừa ông, người ta trở thành lưu manh lúc nào không biết. Một cô gái xinh đẹp làm cho đầu óc người ta quay cuồng, người ta đánh nhau vì cô gái đó, một tai họa xảy tới, thế là phải sống trong núi, rồi từ buồn lậu chưa kịp suy nghĩ người ta đã thành trộm cướp rồi. Chúng tôi thấy không nên lớn vồn ở vùng Gibranta sau vụ cướp mấy nhà quý tộc Anh, cho nên chúng tôi lẩn sâu trong rặng núi Rôngđa.

Ông đã nói chuyện về Giôđê Mang với tôi, ấy chính tôi quen Giôđê ở đấy. Hẳn ta đem người yêu đi theo trong các chuyến làm ăn. Cô ta là một cô gái xinh đẹp khiêm tốn, đoan trang, chẳng bao giờ thốt ra một lời nói không đứng đắn, và vô cùng tận tâm... Ngược lại hẳn làm cho cô ta rất đau khổ, thấy cô nào hẳn cũng chạy theo, hẳn bạc đãi người yêu và có khi lại còn ghen tuông nữa. Có lần hẳn đâm cô ta một nhát dao, thế mà cô ta lại càng yêu hẳn thêm. Phụ nữ là như thế đấy, nhất là phụ nữ xứ Angđaludì. Cô ta lấy làm tự hào về vết sẹo ở cánh tay và thường đem ra khoe y như là vật báu nhất đời.

Ngoài ra, Giôđê Maria còn là thằng bạn xấu nhất. Trong một chuyến làm ăn chung với chúng tôi, hẳn xoay sở thế nào thành ra bao nhiêu lợi lộc về phần hẳn cả, còn toàn những sự đánh

đắm, rắc rối về phần chúng tôi. Nhưng tôi, tôi xin kể tiếp câu chuyện của tôi: Chúng tôi biết vô âm tín về Carmen. Lơ Đăngkaiơ nói:

- Thế nào một người trong bọn chúng ta cũng phải đi Gibranta để nghe ngóng tin tức Carmen. Chắc Carmen đang sửa soạn một việc gì đó. Tớ sẵn sàng đi, nhưng phải cái tớ đã nhắm mắt ở Gibranta rồi.

Tên Chột lên tiếng:

- Tớ cũng thế! Ở đấy người ta nhắm mắt tớ, vì tớ đã từng chơi cho bọn tôm hùm ([50]) nhiều vỏ buồn cười và tớ chỉ có mỗi một mắt nên khó cải trang lắm.

- Thế chắc tớ phải đi? Đến lượt tôi nói thế, và chỉ nghĩ đến việc lại được gặp Carmen là lòng tôi mừng khắp khởi. Nào! Phải làm thế nào bây giờ?

Những tên kia bảo tôi:

- Cậu phải làm sao để có thể đáp tàu biển hay đi đường bộ vượt qua Xanh Rốc, cái đó tùy ý cậu. Và khi đến Gibranta, cậu phải ra bến tàu hỏi xem mục bán sôcôla tên là Rôlôna ở đâu. Khi tìm được mục đó, mục sẽ cho cậu biết tình hình ở đấy ra sao.

Chúng tôi hẹn với nhau là cả ba chúng tôi sẽ đi đến rặng núi Gôxanh, đến đó tôi để hai thằng bạn ở lại còn tôi thì cải trang làm người buôn hoa quả để đi Gibranta. Đến Rôngđa, tôi được một người trong bọn tôi xoay cho cái giấy thông hành; đến Gôxanh tôi tìm được một con lừa, tôi chất cam và đưa lên lưng lừa và tôi lên đường. Đến Gibranta, tôi thấy ngay là ở đấy có nhiều người biết mục Rôlôna, nhưng mục ta đã chết hoặc phiêu bạt đi đâu rồi. Theo ý tôi, sự mất tích của mục cắt nghĩa vì sao chúng tôi mất phương tiện liên lạc với Carmen. Tôi đem lừa gửi vào một cái chuồng, rồi tôi giả mang cam đi bán khắp các phố, thực ra là để dò la xem có mặt nào quen chẳng.

Ở Gibranta có rất nhiều lưu manh thuộc đủ mọi nước trên thế giới; thật đúng là một cái tháp Baben ([51]) vì không thể đi mười bước ngoài phố mà không nghe thấy bấy nhiêu thứ tiếng. Tôi thấy nhiều người Ai Cập nhưng tôi không dám tin vào họ. Tôi dò họ và họ cũng dò tôi. Hai bên đều đoán biết rằng cùng là bọn vô lại cả, điều quan trọng là cần xem có cùng cánh không.

Sau hai ngày toàn chạy lảng nhãng vô ích, tôi vẫn chưa được tin gì về mẹ Rôlôna hoặc về Carmen.

Tôi đã định quay về chỗ tụi bạn sau khi mua sắm ít đồ thì trong khi đang đi trong một phố vào lúc chập tối, tôi nghe có tiếng phụ nữ gọi tôi từ trên một cửa sổ:

- Này anh bán cam!

Tôi ngẩng đầu lên và thấy Carmen đang tỳ tay vào một ban công, bên một sĩ quan mặc binh phục đỏ, ngũ vai vàng, tóc uốn, trông ra dáng một nhà đại quý tộc Anh. Còn Carmen thì diện rất sang: khăn quàng vai, lược vàng, váy áo toàn bằng lụa là, và con bé khá thật, lúc nào cũng vẫn thế! Cứ cười như nắc nẻ. Thằng cha người Anh bập bẹ mấy tiếng Tây Ban Nha, gọi tôi lên để bà lớn mua cam; Carmen thì nói với tôi bằng tiếng Baxcơ:

- Anh lên đây, đừng lấy gì làm lạ cả!

Thực ra, tôi không còn phải lạ gì về Carmen nữa. Tôi cũng không biết là trong lòng mình vui hơn hay buồn hơn khi gặp lại nàng. Ở cửa ra vào có một tên đầy tớ cao lớn người Anh tóc rậm phần. Hắn dẫn tôi vào một phòng khách tráng lệ. Carmen nói ngay với tôi bằng tiếng Baxcơ:

- Anh không biết một tiếng Tây Ban Nha nào, và không quen em đây.

Đoạn nàng quay về phía người Anh:

- Có phải em đã bảo với anh rồi không, em nhận ra ngay gã ta là người Baxcơ, anh sắp được nghe cái thứ tiếng buồn cười ấy. Gã ta trông thộn lắm, phải không anh. Thật y như mèo bị tóm trong chạn.

- Còn cô nữa, tôi nói với Carmen bằng tiếng xứ tôi, cô thì trông như một con đĩ trơ tráo, tôi chỉ muốn rạch mặt cô ra trước mặt thằng tình nhân của cô thôi.

- Tình nhân của tôi! Nàng nói. Này anh tự đoán thế đấy chứ? Và anh ghen với cái thằng ngu độn này à? Anh còn ngốc nghếch hơn cả trước những đêm chúng ta đến phố Candilogiô kia đấy. Ngốc ơ là ngốc, anh không thấy rằng hiện giờ tôi đang tiến hành công việc Ai Cập và, và một cách xuất sắc nhất sao? Nhà này hiện nay là của tôi; những đồng ghi nê của thằng tôm hùm

này sẽ là của tôi; tôi xỏ mũi hăn lòi đi; tôi sẽ dẫn hăn tới một chỗ có đi mà không có về.

- Còn tôi thì tôi bảo thật cho cô biết rằng nếu cô còn tiến hành công việc Ai Cập theo cái kiểu ấy, tôi sẽ làm cho cô đến phải thôi.

- Úi dà? Gớm nhỉ! Anh có phải là rôm của tôi đâu mà điều khiển được tôi. Tên Chột thích như thế, anh có quyền gì mà can thiệp vào? Anh là người duy nhất có thể tự xưng là min-sô-rô (*[52]) của tôi mà còn chưa vừa ý hay sao?

- Hăn nói gì thế? Người anh hỏi.

- Hăn nói là hăn khát nước, giá được uống một hóp thì thích lắm. Carmen đáp.

Rồi nàng nằm lăn xuống đi vắng, cười rũ ra về câu mình dịch.

- Thưa ông, khi người con gái ấy cười lên, thì không còn cách nào phải trái với ả được nữa! Thế là mọi người cười theo. Cả thằng cha cao lớn người Anh cũng cười, cười đúng như một thằng ngốc; rồi hăn sai người mang nước đến cho tôi.

Trong lúc tôi uống. Carmen nói:

- Anh có trông thấy chiếc nhẫn hăn đeo ở ngón tay không? Nếu anh thích, em sẽ cho anh!

Nhưng tôi đáp:

- Tôi sẵn sàng cho một ngón tay nếu có thể kéo được tên quý tộc của cô vào rừng, mỗi người cầm một ma-ki-la trong tay.

- Ma-ki-la nghĩa là cái gì thế? Người Anh hỏi.

- Ma-ki-la là quả cam, Carmen vẫn cười mà trả lời. Quả cam mà gọi như thế có buồn cười không anh? Gã nói gã muốn mời anh xơi ma-ki-la đấy.

- Thế à? - Người Anh nói. - Vậy thì mai lại đem ma-ki-la đến nhé.

Trong lúc chúng tôi nói chuyện, người đầy tớ bước vào thưa rằng bữa ăn đã dọn xong.

Thằng cha người Anh bèn đứng dậy, cho tôi một đồng bạc, rồi đưa tay cho Carmen vịn làm như cô ả không thể tự mình bước đi được. Carmen vẫn cười và nói với tôi:

- Anh yêu ơi, em không thể mời anh cùng ăn được Nhưng đến mai, khi nào anh nghe thấy tiếng trống điều binh thì anh mang cam đến đây ngay nhé. Anh sẽ thấy một căn phòng bày biện sang trọng hơn ở phố Candilơgiô, và anh sẽ biết có phải em vẫn là Carmenxita của anh không? Và lúc ấy chúng ta sẽ bàn công việc Ai Cập.

Tôi không trả lời một tiếng, và lúc tôi đã xuống đến đường phố, thằng cha người Anh vẫn còn kêu to bảo tôi:

- Này, mai mang ma-ki-la đến nhé! Tôi cũng nghe thấy cả những nhịp cười giòn giã của Carmen.

Tôi ra về không biết sẽ làm thế nào. Tôi không ngủ được và đến sáng tôi tức giận con người phụ bạc đó đến nỗi tôi đã quyết định rời Gibranta không thêm gặp lại nữa. Nhưng khi hồi trống thứ nhất vừa vang lên, tất cả dũng khí của tôi vụt tiêu tan. Tôi vớ bị cam và chạy đến nhà Carmen. Bức rèm ở nhà nàng lúc đó mở hé và tôi nhìn thấy con mắt đen to của nàng đang ngóng tôi. Tên đầy tớ tóc rắc phấn dẫn tôi vào ngay tức khắc. Carmen sai hăn đi có việc, rồi khi chỉ còn hai chúng tôi, nàng liền cất tiếng cười ha hả rồi ôm choàng lấy cổ tôi. Chưa bao giờ tôi thấy nàng đẹp đến thế. Lộng lẫy như một bà chúa thơm nức... Lại còn những đồ trang trí trong nhà bằng lụa là, những rèm cửa thêu... Chà! Còn tôi thì người ngợm đúng là một thằng ăn cướp.

- Min-sô-rô ơi! Carmen bảo tôi, em muốn đập phá tất tậ ở đây, châm lửa đốt nhà rồi trốn vào núi.

Rồi thì... bao nhiêu âu yếm!... rồi những tiếng cười!... nàng còn múa và xé rách cả riềm áo. Không có con khỉ nào lại nhảy nhót, nhả nhở và làm những trò quỷ quái hơn. Khi nàng đã nghiêm chỉnh lại, nàng nói:

- Anh nghe kỹ đây! Đây là công việc Ai Cập! Em định bảo hăn đưa em đến Rôngđa để thăm người chị đi tu... (đến đây nàng lại phá lên cười). Em và hăn sẽ đi qua một nơi mà sẽ có người báo cho các anh biết. Các anh sẽ chụp lấy hăn, lao hăn vào người hăn nhé! Tốt hơn hết là giết phăng hăn đi, nhưng - nàng nói tiếp với một nụ cười yêu quái đôi lúc xuất hiện trên môi nàng, một nụ cười thật không ai muốn bắt chước - anh có biết anh sẽ phải làm

gì không? Phải làm sao cho tên Chột xông ra đầu tiên. Anh nên đứng lùi sau hắn một chút. Thằng Tôm Hùm can đảm, khéo léo và có súng tốt đấy... Anh hiểu chưa?

Nàng ngừng lại, cười vang một lần nữa khiến tôi phải rùng mình.

- Không! Tôi bảo nàng, anh ghét Gacxia nhưng hắn là bạn anh! Một ngày kia, có lẽ anh phải giải thoát cho em khỏi tay nó, nhưng anh sẽ thanh toán với nó theo kiểu xứ anh. Chỉ tình cờ mà anh thành người Ai Cập thôi, còn về một số điểm bao giờ anh cũng sẽ là một người Navarơ chính cống, như câu phương ngôn đã nói.

Nàng nói tiếp:

- Anh thật là một con vật ngu ngốc lạ, đúng là một payô. Anh chẳng khác nào một thằng lùn, mới nhỏ (*[53]) được xa đã tưởng mình cao lớn lắm Anh không yêu em rồi, anh rút đi.

Khi nàng bảo tôi rút đi tôi không sao đi được. Tôi bèn hứa là sẽ lên đường, trở về với đồng bọn và chờ thằng cha người Anh kia, về phần nàng, nàng hứa sẽ giả vờ ốm cho đến lúc rời Gibranta đi Rôngđa. Tôi ở lại Gibranta hai hôm nữa. Nàng đã táo bạo cải trang đến thăm tôi tại quán trọ. Tôi lên đường, về phần tôi cũng có kế hoạch của tôi. Tôi trở về chỗ hẹn, sau khi biết rõ giờ giấc và địa điểm mà Carmen và người Anh kia sẽ đi qua. Tôi thấy Gacxia và Lơ Đangkaiơ đang chờ tôi ở đó. Chúng tôi ngủ đêm trong rừng, cạnh một đồng lửa nhóm bằng quả thông cháy sáng rực. Tôi rủ Gacxia chơi bài. Hắn nhận lời. Đến ván thứ hai, tôi bảo hắn chơi gian, hắn cười. Tôi bèn ném ván bài vào mặt hắn. Hắn định vớ lấy cây súng étpanhgôn của hắn. Tôi dậm chân lên trên và bảo hắn:

- Người ta nói rằng mày chơi dao găm cừ bằng những tay anh chị nhất ở Malaga, vậy mày có dám thử sức với tao không?"

Lơ Đangkaiơ định can chúng tôi. Nhưng tôi đã cho Gacxia mấy quả tống. Tức giận làm cho hắn thành can đảm, hắn rút dao găm ra và tôi cũng rút dao. Tôi và hắn đều bảo Lơ Đangkaiơ xê ra cho khỏi vướng, để chúng tôi chơi nhau được ngay thẳng. Lơ Đangkaiơ thấy rõ không thể nào ngăn nổi, đành đứng ra xa.

Gacxia gập đôi người lại như mèo sắp vồ chuột. Hắn cầm mũ trong tay trái để che đỡ, còn dao găm thì chìa ra phía trước. Đấy

là thế thủ của người Angđaludi. Còn tôi thì thủ thế theo kiểu Navaro, đứng thẳng trước mặt hắn, tay trái giơ lên, chân trái đưa ra phía trước, con dao găm để dọc đùi phải. Tôi cảm thấy mình dũng mãnh như thần. Hắn lao vào người tôi nhanh như mũi tên. Tôi xoay mình trên chân trái, nên hắn đâm trượt. Nhưng tôi đã đâm trúng cổ họng hắn, con dao găm xuyên sâu đến nỗi bàn tay tôi nằm dưới cầm hắn. Tôi xoay mạnh lưỡi dao đến nỗi nó gãy. Thế là xong. Một dòng máu to như cánh tay vọt ra làm bật lưỡi dao ra ngoài vết thương.

Hán ngã sấp xuống, thẳng đơ như cây gỗ đổ.

- Cậu làm gì thế Lơ Đangkaiơ hỏi tôi.

- Để tớ nói cho mà nghe, tôi bảo gã. Tớ với nó không thể đội trời chung được. Tớ yêu Carmen và tớ muốn chỉ có một mình tớ thôi. Vả lại Gacxia là một thằng đểu giả, tớ còn nhớ cách hắn đối xử với cậu Rêmendado tội nghiệp kia. Bây giờ chúng ta chỉ còn có hai đứa, nhưng chúng ta đều là những con người tốt. Nào, cậu có muốn tớ với cậu là bạn sinh tử với nhau không?

Lơ Đangkaiơ chìa tay cho tôi bắt. Gã là một người đã năm mươi tuổi rồi.

- Trời đất ơi? Những chuyện tình ái lãng nhãng! Hắn thốt lên. Nếu cậu bảo hắn nhường Carmen cho cậu, hắn có thể bán lại một đồng bạc thôi. Bây giờ chúng ta chỉ còn có hai đứa, thì ngày mai làm thế nào?

- Cứ để tớ làm một mình cho, tôi đáp. Bây giờ tớ bắt chấp thiên hạ.

Chúng tôi chôn Gacxia và cắm trại cách đó hai trăm bước. Hôm sau Carmen và thằng cha người Anh của nàng đi qua với hai người chăn la và một đầy tớ. Tôi bảo Lơ Đangkaiơ:

- Để tớ đảm nhiệm thằng người Anh này. Còn cậu thì hãy dọa bọn kia, chúng không có vũ khí đâu.

Thằng cha người Anh quả là can đảm. Nếu Carmen không đẩy tay hắn, chắc hắn đã giết được tôi rồi. Tóm lại, ngày hôm ấy, tôi chiếm lại được Carmen và câu đầu tiên của tôi là để báo cho nàng biết rằng nàng đã góa chồng. Sau khi biết việc ấy xảy ra thế nào, nàng bảo tôi:

- Anh thì còn suốt đời là một lilipăng đi! lẽ ra Gacxia giết được anh rồi. Cái miếng thế thủ kiểu Navarơ của anh chỉ là một trò khỉ, hắn đã từng hạ thủ nhiều tay cừ bằng mấy anh kia! Chẳng qua là hắn đến ngày tận số. Rồi sẽ có ngày đến lượt anh.

- Cả lượt em nữa, tôi đáp lại Carmen, nếu em đối xử với anh không thực là một rômi.

- May quá! Nàng nói, đã nhiều lần em xem bói bằng bã cà phê, em biết thừa đi rằng rồi đây chúng ta sẽ phải cùng chết với nhau. Chà! Việc gì phải đến cứ đến!

Rồi nàng gõ cát-xta-nhét. Hể bao giờ nàng muốn xua đuổi một ý nghĩ khó chịu là nàng lại làm như thế.

Người ta thường quên mình khi nói về mình. Tất cả những chi tiết ấy chắc làm ông chán lăm. Nhưng thôi tôi kể sắp xong rồi. Chúng tôi sống như thế trong một thời gian khá dài. Lơ Đangkaiơ và tôi kết bạn với mấy thằng bạn mới đáng tin cậy hơn những thằng trước kia. Chúng tôi làm nghề buôn lậu, và xin thú thật rằng chúng tôi đôi lúc phải cướp đường, nhưng chỉ khi nào đến bước đường cùng, không còn cách nào khác. Vả lại chúng tôi không đối xử tàn ác với khách đi đường, chúng tôi chỉ lấy tiền bạc của họ thôi. Trong vài tháng tôi rất hài lòng về Carmen, nàng vẫn giúp ích cho chúng tôi trong những chuyến làm ăn. Nàng báo cho chúng tôi biết những món bở có thể làm được.

Khi thì nàng ở Malaga, khi thì ở Coocđu, khi thì ở Gronađơ, nhưng hể tôi nhả một tiếng là nàng bỏ tất cả để đến gặp tôi trong một quán trọ hẻo lánh, hay có khi cả ở nơi cắm trại giữa trời.

Chỉ có một lần ở Malaga là nàng làm cho tôi hơi lo ngại. Tôi biết nàng để ý đến một tay lái buôn rất giàu và chắc nàng định diễn lại câu chuyện khôi hài ở Gibranta với tên này. Mặc dầu Lơ Đangkaiơ hết lời can ngăn tôi đừng đi Malaga giữa ban ngày, tôi tìm Carmen rồi kéo nàng đi ngay tức khắc Chúng tôi cãi nhau kịch liệt. Nàng bảo tôi:

- Anh có biết rằng từ ngày anh thành rôm thực thụ của tôi, tôi không còn yêu anh bằng anh là min-sô-rô không? Tôi không muốn bị giày vò, nhất là bị chỉ huy. Điều tôi muốn là được tự do làm gì tùy thích. Anh hãy coi chừng, đừng đẩy tôi đến chỗ cùng

đường. Nếu anh làm tôi phát chán, tôi sẽ tìm được một anh chàng nào tốt, nó sẽ chơi cho anh y như anh đã chơi thằng Chột.

Lơ Đangkaiơ giảng hòa cho chúng tôi, nhưng chúng tôi đã trót nói với nhau những lời không tài nào quên được. Chúng tôi đối với nhau không còn được như trước nữa. Ít lâu sau, chúng tôi gặp một tai họa. Chúng tôi bị lính đánh úp. Lơ Đangkaiơ bị giết cùng hai thằng bạn nữa, ngoài ra có hai thằng bạn khác bị bắt. Riêng tôi bị thương nặng, và nếu không nhờ có con ngựa hay thì tôi đã rơi vào tay bọn lính rồi. Một nhòai lại mang một viên đạn trong người, tôi trốn vào rừng với thằng bạn duy nhất còn lại. Lúc xuống ngựa, tối ngất đi, tưởng rồi đến chết gục trong bờ bụi như một con thỏ rừng trúng đạn. Thằng bạn tôi cõng tôi vào một cái hang quen thuộc, rồi hẩn chạy đi tìm Carmen. Lúc đó nàng đang ở Gronađơ, nàng vội vã đến ngay. Trong nửa tháng trời, nàng không rời tôi nửa bước, không hề chớp mắt, săn sóc tôi khéo léo và ân cần hơn bất cứ người phụ nữ nào săn sóc người đàn ông mà mình yêu thương nhất. Tôi vừa đứng lên được là nàng đưa tôi đến Gronađơ hết sức bí mật. Ở đây người phụ nữ Bô-hê-miêng cũng tìm được nơi nương náu chắc chắn. Tôi sống sáu tuần lễ trong một căn nhà cách dinh ông co-rê-gi-đo đang lòng tôi có hai nhà. Nhiều lần, tôi nhòm qua khe cửa thấy ông ta đi qua. Cuối cùng tôi bình phục, nhưng tôi đã suy nghĩ nhiều trong khi nằm trên giường bệnh, và tôi dự định thay đổi cuộc sống. Tôi đề nghị với Carmen cùng rời bỏ Tây Ban Nha để sang Tân Thế giới ([54]) tìm cách sinh sống lương thiện. Carmen chế giễu tôi.

- Chúng ta sinh ra không phải để trồng bắp cải nàng nói, số kiếp chúng ta là sống trên lưng bọn payô. Này, em đã thu xếp một số công việc với Natăng Ben Giôdép ở Gibranta rồi đấy. Hẩn có hàng bông vải sợi còn chờ anh để đưa qua thôi. Hẩn biết anh còn sống. Hẩn trông cậy ở anh đấy. Nếu chúng ta không giữ lời hứa với các bạn cộng tác của chúng ta ở Gibranta thì họ còn coi chúng ta ra cái gì?

Tôi nghe theo lời dụ dỗ đó và lại tiếp tục cái nghề hèn hạ của tôi.

Trong thời gian tôi trốn tránh ở Gronađơ, Carmen có đi xem những cuộc đấu bò mộng. Lúc về nhà nàng nói nhiều đến một tên pi-ca-đo ([55]) rất giỏi tên là Luyca. Nàng biết tên con ngựa của hẩn và cả đến giá mua chiếc áo thêu của hẩn.

Tôi không chú ý đến việc đó. Bỗng mấy hôm sau. Giuyanitô, thằng bạn còn sót lại của tôi, bảo rằng hắn thấy Carmen đi với Luyca đến một nhà hàng ở Zacatanh. Điều này làm tôi bắt đầu thấy lo ngại. Tôi hỏi Carmen đầu đuôi ra sao mà nàng lại quen thằng picado ấy. Nàng nói:

- Đó là một anh chàng mà chúng ta có thể cần đến. Con sông nào chảy ầm ầm, ắt có nhiều nước hoặc nhiều sỏi. Gã vừa được giải một nghìn hai trăm đồng rê-an trong các cuộc đấu bò mộng. Giữa hai điều sau đây, chúng ta nên chọn lấy một: hoặc là chiếm lấy món tiền đó, hoặc là tuyển gã vào trong bọn vì gã cưỡi ngựa giỏi và có can đảm. Hết tay này đến tay khác chết mất rồi, anh cần có người thay thế họ. Anh hãy tuyển gã đi!

- Tiền của hắn cũng như con người của hắn, anh đều không muốn và anh cấm em nói chuyện với hắn đấy.

- Anh coi chừng, nàng bảo tôi. Hễ ai mà thách em làm điều gì, là em làm ngay điều đó!

Cũng may, gã pi-ca-do đó đi Malaga còn tôi thì phải đi sửa soạn đưa chuyển hàng bông vải của thằng cha Do Thái. Chuyển làm ăn đó làm cho tôi và cả Carmen khá vất vả, khiến tôi quên bằng Luyca; có lẽ cả Carmen cũng quên hắn, ít ra là trong lúc này. Thừa ông, chính vào dạo ấy tôi được gặp ông, lần đầu ở gần Môngtila, lần sau ở Coocđu. Tôi không kể lại câu chuyện gặp ông lần sau, có lẽ ông còn biết rõ hơn tôi. Carmen đã lấy cắp chiếc đồng hồ của ông. Carmen còn định lấy cả tiền của ông nữa, và nhất là chiếc nhẫn mà tôi thấy ông đang đeo. Theo lời nàng. đó là một chiếc nhẫn thần mà nàng cần phải lấy cho bằng được. Chúng tôi cãi nhau kịch liệt và tôi đánh nàng. Nàng tái mặt đi và khóc. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nàng khóc, và lòng tôi xúc động ghê gớm. Tôi xin lỗi nàng nhưng nàng buồn dỗi suốt một ngày, và khi tôi lại khởi hành đi Môngtila, nàng không chịu hôn tôi. Tôi rất buồn, nhưng ba hôm sau nàng đến tìm tôi vui như sáo. Thế là quên tất, chúng tôi có vẻ như một cặp tình nhân mới. Lúc chia tay, nàng bảo tôi:

- Ở Coocđu có đám hội, em đi xem đây và tiện thể dò la xem ai mang tiền thì em sẽ báo tin cho anh biết.

Tôi đồng ý để nàng đi. Còn lại một mình, tôi nghĩ đến đám hội này và đến sự thay đổi trạng thái của Carmen. Nhất định nàng đã báo thù được tôi rồi, tôi nghĩ thầm, nên nàng mới quay về trước với tôi như thế. Một bác nông dân bảo tôi rằng trong đám

hội ở Coocđu có đấu bò mộng. Ấy thế là máu tôi sôi lên, tôi như điên như cuồng lên đường và đến ngay trường đấu. Người ta chỉ cho tôi thằng Luyca và trên chiếc ghế dài kê sát hàng rào, tôi nhận thấy có Carmen. Tôi chỉ cần nhìn Carmen một phút là biết chắc việc này ra sao rồi. Đúng như tôi đã dự đoán, ngay từ con bò mộng đầu tiên, Luyca đã giở ngón nịnh gái của hắn ra. Hắn giật chiếc nơ màu gài trên con bò mộng rồi đem tặng Carmen ([56]) và Carmen lập tức gài nơ đó lên mái tóc. Con vật đã trả thù cho tôi.

Luyca bị húc ngã cùng với con ngựa đề lên ngực hắn, còn con bò mộng thì đề lên cả hai. Tôi nhìn vào chỗ ngồi của Carmen thì không thấy nàng ở đó nữa rồi. Lúc đó tôi không sao rời khỏi chỗ ngồi của tôi, và tôi phải chờ cho đến lúc cuộc đua chấm dứt. Tôi bèn về cái nhà mà ông đã tới và tôi nằm không nhúc nhích suốt buổi chiều và một phần đêm hôm ấy. Vào khoảng hai giờ sáng, Carmen về và hơi làm lạ khi thấy tôi.

- Em đi đằng này với anh, tôi bảo nàng.

- Được rồi, nàng nói, nào chúng ta đi.

Tôi dắt ngựa ra, đặt nàng lên mông ngựa rồi chúng tôi đi suốt đêm ấy, chẳng ai nói với ai một lời. Đến sáng, chúng tôi dừng lại ở một quán trọ hẻo lánh, gần một tu viện nhỏ. Đến đây, tôi nói với Carmen:

- Em hãy lắng tai nghe anh nói. Anh sẽ quên hết mọi chuyện. Anh sẽ không nói em một tí gì cả. Nhưng em phải thề với anh một điều: là em sẽ theo anh sang châu Mỹ và sống ngoan ngoãn ở đây.

- Không, Carmen nói với giọng hờn dỗi, tôi không muốn sang Mỹ, tôi thấy ở đây rất vừa ý.

- Đó chính là vì em muốn được gần thằng Luyca. Nhưng em nên nghĩ kỹ, nếu hắn có khỏi vết thương thì cũng không thể sống đến già đâu. Nhưng xét cho kỹ, anh gây chuyện với hắn làm quái gì? Giết mãi bọn tình nhân của em, anh đã chán rồi; lần này thì anh sẽ giết chính em kia.

Carmen chăm chăm nhìn tôi với khóe mắt man rợ rồi nói:

- Tôi vẫn biết rằng sẽ có lúc anh giết tôi. Lần đầu tiên tôi trông thấy anh, đúng là lúc tôi vừa gặp một thầy tu ở cửa nhà tôi. Và

đêm qua lúc rời Coocđu, anh không thấy gì ư? Một con thỏ chạy ngang đường ngay dưới vó ngựa của anh. Đó là tiền định.

- Carmen, tôi hỏi nàng, em không yêu anh nữa à?

Nàng không đáp. Lúc đó nàng đang ngồi xếp bằng tròn trên chiếu lấy ngón tay vạch vạch trên mặt đất.

Chúng ta hãy thay đổi lối sống đi, Carmen ạ, tôi bảo nàng bằng giọng van nài. Chúng ta hãy đến ở một nơi nào mà không bao giờ chúng ta còn phải xa nhau nữa. Em cũng biết rằng chúng ta có một trăm hai mươi lạng vàng chôn gần đây, dưới gốc cây sồi... Và chúng ta lại còn vốn liếng gửi lão Do Thái Ben Giô dếp.

Nàng mỉm cười bảo tôi:

- Trước tiên là tôi, rồi sau đến anh. Tôi biết thế nào cũng xảy ra như thế.

- Em nên suy nghĩ kỹ, tôi nói tiếp, anh không còn nhẫn nại, anh không còn gan được nữa rồi; em phải quyết định về phần em đi, nếu không về phần anh, anh sẽ phải quyết định.

Tôi để Carmen ngồi đấy, và đi dạo về phía tu viện. Tôi thấy vị ẩn sĩ ở tu viện đang cầu nguyện. Tôi chờ cho ông cầu nguyện xong. Tôi rất muốn cầu kinh, nhưng không sao cầu được.

Khi tu sĩ đứng dậy, tôi tiến đến bên ông.

- Thưa cha, tôi nói, cha có thể cầu nguyện cho một người đang lâm nguy không?

- Cha cầu nguyện cho tất cả những người đau khổ.

- Cha có thể làm lễ cho một linh hồn có lẽ sắp phải về châu Chúa chăng?

- Được lắm chứ, ẩn sĩ trả lời, mắt đăm đăm nhìn tôi và hình như trong khí sắc của tôi có cái gì lạ lùng lắm, nên ông định gọi cho tôi giải bày tâm sự.

- Hình như cha đã trông thấy con rồi thì phải, ông nói.

Tôi đặt một đồng bạc lên ghế dài của ẩn sĩ - Bao giờ thì cha làm lễ ấy? Tôi hỏi tu sĩ.

- Nửa giờ nữa thôi. Con bác chủ quán ở đằng kia sẽ đến giúp lễ. Chàng trẻ tuổi ơi, con hãy nói cho cha biết con có điều gì đang giày vò lương tâm không? Con có muốn nghe lời khuyên của một người theo đạo Thiên Chúa không?

Tôi cảm thấy sắp bật lên tiếng khóc. Tôi nói với ẩn sĩ là tôi sẽ quay lại, rồi tôi bỏ chạy. Tôi nằm lăn ra bãi cỏ cho đến lúc nghe thấy tiếng chuông. Thế là tôi mon men lại gần, nhưng dừng lại ở bên ngoài nhà nguyện. Lúc lễ mi-xa chấm dứt tôi quay về quán trọ. Tôi hy vọng Carmen đã trốn đi, nàng có thể lấy ngựa của tôi để chạy trốn... Nhưng tôi vẫn thấy nàng ở đó. Nàng không muốn để cho người ta có thể bảo rằng tôi đã làm nàng sợ. Trong thời gian tôi vắng mặt, nàng đã tháo gấu áo để lấy hòn chì ra. Bây giờ nàng đang ngồi trước bàn, mắt nhìn một cái chậu đầy nước trong đó có hòn chì của nàng đúc ra và vừa ném vào. Nàng làm ma thuật một cách chăm chú đến nỗi thoát tiên nàng không thấy tôi về.

Lúc thì nàng cầm hòn chì xoay tứ phía, dáng điệu buồn bã, lúc thì nàng hát một bài phù chú cầu khẩn Maria Padila(*[57]), người yêu của Đông Pêđrô và theo lời người ta kể chính là Ban Cralixa, bà Chúa Nhất của người Bô-hê-miêng.

- Carmen, tôi bảo nàng, em đi đằng này với tôi.

Nàng đứng dậy ném chiếc chén gỗ đi rồi trùm khăn lên đầu, ra vẻ sẵn sàng khởi hành.

Người ta dắt ngựa đến cho tôi, nàng ngồi lên sau yên và chúng tôi ra đi.

- Thế em nhất định đi với anh chứ, em Carmen của anh? Tôi nói với nàng sau một đoạn đường.

- Tôi theo anh đến chỗ chết, đúng thế, nhưng tôi không thể sống với anh được nữa.

Lúc đó chúng tôi đi đến một khe núi quanh hiu; tôi dừng ngựa lại.

- Có phải chỗ này không? Nàng nói. Và nàng nhảy vọt từ trên mình ngựa xuống đất. Nàng tháo khăn trùm đầu ném xuống chân và đứng chống nạnh không nhúc nhích, mắt nhìn tôi chăm chăm.

- Anh muốn giết tôi, tôi biết rõ lắm, nàng nói, chẳng qua số trời như thế. Nhưng anh không khuất phục được tôi đâu!

- Anh van em, tôi nói với nàng, em nên biết điều em ạ. Em hãy nghe anh. Tất cả dĩ vãng quên đi hết. Nhưng em cũng biết đấy, chính em đã làm hại đời anh, chính vì em mà anh thành một tên trộm cướp, một kẻ sát nhân. Carmen! Em Carmen của anh! Em hãy để anh cứu vớt em, và đồng thời cứu vớt cả anh nữa!

- Giôđê! Nàng đáp lại, anh đòi hỏi tôi một điều mà tôi không thể nào nhận được! Tôi không yêu anh nữa, còn anh thì vẫn yêu tôi và chính vì thế mà anh muốn giết tôi. Tôi còn có thể nói dối anh, nhưng tôi chẳng muốn làm thế làm quái gì. Giữa hai chúng ta không còn gì nữa. Anh là rôm của tôi, anh có quyền giết rôm của anh; nhưng Carmen bao giờ cũng là một con người tự do. Sinh ra là người Bô-hê-miêng, Carmen chết đi vẫn sẽ là người Bô-hê-miêng.

- Vậy em yêu Luyca à? - Tôi hỏi nàng.

- Phải, tôi đã yêu Luyca cũng như đã yêu anh, trong một lúc. và có lẽ còn kém anh! Nhưng bây giờ tôi không yêu gì nữa hết, tôi còn tự giận vì đã yêu anh.

Tôi gục xuống chân nàng, tôi cầm lấy tay nàng, hai dòng nước mắt của tôi chảy đầm đìa lên đôi bàn tay ấy. Tôi nhắc lại với nàng tất cả những giờ phút hạnh phúc mà chúng tôi đã sống với nhau. Tôi hứa sẽ vẫn đi ăn cướp cho nàng vui lòng. Thừa ông. tôi đã hứa tất cả mọi thứ, tất cả mọi thứ miễn là nàng vẫn còn muốn yêu tôi.

Nàng nói:

- Không thể nào yêu anh được nữa. Tôi không muốn sống với anh.

Tôi dùng dùng nỗi giận, rút dao ra. Tôi mong nàng sợ và xin tha mạng, nhưng người đàn bà ấy thật là một con quỷ.

Tôi hét lên:

- Ta hỏi em lần cuối cùng, em có muốn ở lại với ta không?

- Không! Không! Không! Nàng giậm chân kêu lên.

Và nàng rút khỏi ngón tay chiếc nhẫn của tôi tặng, ném nó vào bụi.

Tôi đâm nàng hai nhát. Bằng chính con dao mà tôi đã lấy của tên Chột, sau khi con dao của tôi bị gãy. Đến nhát thứ hai, nàng ngã xuống không kêu một tiếng. Ngày nay tôi vẫn như còn trông thấy con mắt đen to của nàng nhìn tôi chăm chăm rồi mờ đi và nhắm lại. Tôi đứng mê mẩn rụng rời trước xác nàng đến một tiếng đồng hồ. Rồi tôi nhớ lại rằng Carmen có lần bảo tôi rằng nàng muốn khi nào chết thì được chôn trong rừng. Tôi dùng con dao đào huyết cho nàng rồi đặt nàng vào đó. Tôi tìm mãi mới thấy cái nhẫn. Tôi bỏ nó với một cây thánh giá nhỏ vào trong huyết bên mình nàng. Có lẽ tôi đã sai lầm. Sau đó tôi nhảy lên ngựa phóng mãi tới Coocđu. Gặp đội lính gác đầu tiên, tôi xưng danh. Tôi khai rằng tôi đã giết Carmen, nhưng tôi không chịu nói xác nàng ở đâu. Vị tu sĩ ẩn dật là một bậc thánh, ông đã cầu nguyện cho nàng, ông đã làm lễ cho linh hồn nàng... Tôi nghiệp con người bé bỏng đó! Chính bọn Calê là thủ phạm vì đã nuôi dạy nàng thành như vậy.

P. MÉRIMÉE

TÔ CHƯƠNG dịch

HOA VIOLET NGÀY THỨ TƯ

- Kìa, bà Jenny, bà ở lại đi!

Trong suốt bữa ăn chiều, Jenny Soócbiê thật là rục rỡ. Rục rỡ ta muốn nói ở đây tức là tài năng của người nữ nghệ sĩ sân khấu, như một nữ văn sĩ tài hoa đã viết, có cả huyền thoại và truyện thực quện vào nhau, được gắn chặt bởi lòng nhiệt thành không bao giờ cạn. Say mê, hứng khởi, bị chinh phục, các thực khách của Lêông Lôrăng đều có cảm giác được sống những giây phút khoái trá, lãng quên cả thời gian.

- Không thể được đâu ạ, đã gần bốn giờ rồi, và hôm nay là ngày thứ Tư... ông biết đấy, ông Lêông ạ, hôm nay là ngày tôi mang hoa Viôlét đến cho con người đã từng yêu tôi tha thiết.

- Thật đáng tiếc - Lêông nói với giọng đứt quãng, làm cho không khí càng thêm long trọng. - Vâng, tôi biết rõ lòng chung thủy của bà... tôi không dám nài.

Bà ôm hôn các vị khách nữ, cánh đàn ông ôm hôn bà và bà ra đi. Ngay sau khi bà vừa bước ra, mọi người đều bật lên lời khen ngợi:

- Bà ấy thật phi thường! Bà ấy bao nhiêu tuổi rồi, ông Lêông?

- Cũng xấp xỉ tám chục rồi. Hồi tôi còn nhỏ, khi mà mẹ tôi đưa tôi đến nhà hát kịch cổ điển Pháp thì Jenny đã nổi tiếng trong vai Xelimen rồi. Và tôi thì bây giờ chẳng còn trẻ trung gì nữa.

- Thiên tài không có tuổi - Klerơ Mênêtoriê nói... - Còn câu chuyện về những bông hoa ấy?

- Cả một thiên tiểu thuyết, một hôm bà đã thổ lộ với tôi chứ bà không bao giờ viết. Nhưng tôi không muốn liều kể lại khi bà không có mặt ở đây. Rồi nó tam sao thất bản đi thì đáng sợ lắm.

- Đúng thế, kể cũng thật đáng sợ nếu tam sao thất bản. Nhưng chúng tôi là khách của ông, ông phải kể gì để khuấy khỏa chúng

tôi và thay thế bà Jenny chứ, bởi vì bà ấy đã bỏ chúng tôi lại.

- Thôi đành vậy. Tôi sẽ cố thử kể lại câu chuyện những bông hoa Viôlét ngày thứ Tư. Tôi sợ câu chuyện mang quá nặng màu sắc tình cảm so với thị hiếu của thời đại chúng ta.

- Không sao. - Béctorăng Smít nói. - Thời đại chúng ta đang đói khát tình cảm. Nó giả vờ ngổ ngáo chỉ để che giấu hoài vọng tình cảm của nó mà thôi.

- Ông cho là như vậy?... Thôi được.... Tôi sẽ làm đã cơn khát này... Các vị ở đây đều còn quá trẻ để có thể nhớ lại tiếng tăm lừng lẫy của Jenny trong suốt một thời gian dài như thế nào. Mái tóc vàng hung buông xõa trên đôi vai tuyệt đẹp, cặp mắt dài lúng liếng; giọng nói sắc, gần như lạnh lùng, bất chợt lại lặng đi vì xúc động; tất cả càng làm tăng thêm vẻ đẹp lộng lẫy và kiêu kỳ.

- Ông vào đề hay quá, ông Lêông ạ.

- Vâng, nhưng khí không hợp thời... Dầu sao cũng xin cảm ơn lời khen của ông... Bà ấy đoạt giải lần đầu ở Viện Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ vào quãng năm 1895, và sau đó biểu diễn trong *Hý kịch Pháp*. Kinh nghiệm cho tôi hay rằng cái nhà hát nổi tiếng này cũng khó tính lắm. Diễn viên biểu diễn ở đó phải có chức danh và họ giữ khư khư lấy chỗ của mình. Những vai phụ có tài nhất có thể phải đợi ở đó hàng chục năm trời trước khi được đóng vai quan trọng nhất của Marivô hay của Môlie; Jenny, cô gái rất điệu đà ấy đã vấp phải những người đàn bà đầy uy quyền và dai như đũa. Người phụ nữ khác thì đã phải nín nhịn mà giẫm chân tại chỗ hay sau hai năm đã phải chuyển sang một nhà hát khu phố nào đó. Jenny của chúng ta đã không như thế. Cô ấy đã tuyên chiến, huy động tất cả những gì cô ấy có: tài năng nghệ sĩ, học vấn, vẻ đẹp quyến rũ và mái tóc làm say đắm lòng người. Rất nhanh, cô đã giành được ở nhà hát một chỗ đứng hàng đầu. Nhà cầm quyền kính nể cô. Các nhà đạo diễn kịch đòi cô đóng những vai khó mà như họ nói, chỉ có cô mới đóng được. Các nhà phê bình chẳng tiếc một lời nào để tán dương cô. Ngay cả con người ghê gớm Xácxây cũng viết: "Cô ta có những điệu bộ, kiểu cách đến cá sấu cũng phải mê".

Cha tôi, người quen biết Jenny từ thời gian đó đã nói với tôi rằng, cô ấy hết lòng say mê nghề nghiệp của mình, diễn xuất một cách thật thông minh và luôn luôn tìm cách gây những hiệu quả mới làm người xem ngả ngửa ra. Khi đó kịch trượt vào một

chủ nghĩa hiện thực ngây thơ. Trong một vở nào đó, tôi không nhớ nữa, Jenny phải chết vì ngộ độc, cô đã đi đến các bệnh viện để tìm hiểu các hiệu quả của thuốc độc. Còn về cách biểu hiện tình cảm thì cô tự nghiên cứu ở chính mình.

Bằng nghệ thuật của mình, cô đã chỉ rõ sự thiếu thận trọng của Banzac khi ông này đem vào một trong những cuốn tiểu thuyết của ông những ham muốn cá biệt của riêng ông, hoặc của người phụ nữ mà ông yêu.

Các vị làm gì mà chẳng biết ngay rằng một cô gái mới hai mươi hai tuổi, đẹp lộng lẫy và đột nhiên đạt tới vinh quang, sẽ được biết bao người theo đuổi. Bạn đồng nghiệp, rồi các nhà viết kịch, rồi các chủ nhà băng cố thử vận may. Một trong số họ, Hăngri Stan, được cô ưa thích. Không phải vì ông ta giàu. Cô sống chung với gia đình và cũng chẳng đòi hỏi gì quá cao sang. Chàng trai ấy quả thật rất có duyên và nhất là anh luôn luôn bày tỏ ý muốn được cưới cô làm vợ... Các vị cũng biết là đám cưới này bị hoãn lại vì bố mẹ Stan phản đối. Ba năm sau mới thành, nhưng rồi cũng chẳng đi đến đâu, vì Jenny vốn quen sống tự do không thể tự khuôn mình vào cuộc sống vợ chồng. Nhưng đó lại là một chuyện khác.

Chúng ta hãy quay về với nhà hát Hý kịch Pháp, với bước vào đời của bạn bè của chúng ta và với những bông hoa viôlét.

Các vị hãy hình dung cảnh phòng giải lao của các nghệ sĩ vào cái đêm mà Jenny đóng lại trong vở "Nàng công chúa thành Bátđã" của Dumas con. Vở kịch có những hạn chế của nó; và tuy đang ngưỡng mộ những vở có cấu trúc vững chắc khác của ông như "Nửa vòng thế giới", "Bạn của những người phụ nữ", "Frăngxiông", cái ông Dumas thái quá lần này trong vở "Người xa lạ" và "Nàng công chúa..." cũng vẫn làm tôi buồn cười... Tất cả những ai đã xem Jenny trong vai này đều phải công nhận là cô làm cho vở kịch giống thực hơn. Tôi vẫn thường nói điều đó với bà Jenny. Điều kỳ lạ là người nghệ sĩ đã tin vào những điều mình diễn. "Vào tuổi ấy, bà nói - tôi luôn nghĩ gần giống như những nhân vật chính của ông Dumas và tôi thấy thật là kỳ cục khi đem phơi bày trước ánh sáng những gì đang diễn ra trong tôi, nơi sâu kín nhất của tâm hồn tôi". Cũng phải nói thêm là trong vai này, mái tóc buông xõa và đôi vai trần đã có tác dụng của nó. Tóm lại, cô đóng vai đó thật tuyệt vời.

Cô trở vào phòng giải lao giữa hai màn kịch, sau một tràng vỗ tay. Mọi người vây chặt lấy cô.

Jenny ngồi xuống chiếc ghế con bên cạnh Hăngri Stan và nói huyền thuyên về thành công một cách hào hứng.

- Thế là thoát, anh Hăngri thân yêu... em lại nổi lên rồi! Cuối cùng em thở được... Anh đã nhìn thấy em ba hôm trước rồi đấy. Hôm đó em diễn tồi hơn có phải không nào?...Ừm một cái xuống tận đáy ao. Em ngạt thở... và tối nay, hấp! Một cố gắng phi thường, em nổi lên mặt nước!...Hăngri ơi, anh nói đi, liệu em có bị mắc cạn ở màn cuối không, nếu như em không biết cách bơi đến bờ? Ôi trời ơi, trời ơi!

Người dẫn khách bước vào và trao cho cô bó hoa.

- Của ai đấy? À, phải rồi, của Xanh Lu... Tình địch của anh đấy, anh Hăngri ạ... Hãy để vào lô của tôi.

- Thưa cô, còn có một lá thư nữa - Người dẫn khách nói.

Cô mở bức thư, đọc và phá lên cười.

- Của một cậu học sinh trung học. Cậu ta nói với em là ở trường cậu ta đã xây dựng một câu lạc bộ Jenny.

- Cả câu lạc bộ đua ngựa cũng thành câu lạc bộ Jenny - Hăngri nói thêm.

- Các cậu học sinh trung học này làm em xúc động hơn - Jenny nói. - Và lá thư này còn kết thúc bằng một bài thơ... Anh thân yêu, anh nghe nhé:

Và sau hết hãy tha thứ cho tôi vì vần thơ giản dị.

Đừng khinh rẻ những vần điệu của tôi.

Tình yêu tôi vô cùng chân thật.

Cầu xin nàng đừng tiết lộ gì với ngài Hiệu trưởng.

- Không đáng yêu sao hả anh?
 - Em sẽ trả lời họ chứ?
 - Tất nhiên là không rồi! Có đến hàng tá những loại như thế trong một ngày. Nếu em trả lời hết thì em còn làm được gì nữa. Nhưng mà điều này làm em yên tâm. Những người hâm mộ ở lứa tuổi mười sáu này, em sẽ giữ họ được lâu hơn.
 - Đã chắc gì... Ba mươi tuổi, họ sẽ trở thành những ông chường khế.
 - Nhưng vì sao những ông chường khế lại không tiếp tục hâm mộ em?
 - Vẫn còn cái này nữa, thưa cô. - Người dẫn khách nói. Ông ta đưa cho Jenny một bó hoa Viôlét.
 - Ôi, xinh quá anh Hăngri nhìn này... Không có danh thiếp à?
 - Không, thưa cô...Người gác cổng nói lại với tôi là một chàng học viên trường sĩ quan pháo binh và công binh mặc đồng phục đã đưa đến chỗ ông ta.
 - Em thân yêu, - Hăngri Stan nói, - anh có lời khen em đấy. Làm xúc động những "cái đầu đầy ẩn số" ([58]) ấy không phải dễ đâu.
- Cô ngửi mãi mùi hương hoa Viôlét.
- Thơm quá... Đây mới chính là lời khen ngợi khiến em vui lòng... Em không yêu đám khán giả chín chắn và vô tình; họ đến xem em chết vào buổi tối cũng như buổi trưa họ đi ra quảng trường Hoàng cung để nghe đại bác ([59]) vậy.
 - Đám khán giả nhẩn tâm. - Stan nói, - họ luôn luôn là như vậy...Họ thích các trò xiếc...Thành công thật là mỹ mãn, nếu như một nữ diễn viên có thể nuốt được cả trăm chiếc kim!
- Cô bật cười:
- Và người nuốt được cả chiếc máy khâu sẽ là tột đỉnh của vinh quang.
- Bên ngoài khán giả kêu ầm ĩ. "Diễn tiếp đi!".

Jenny đứng dậy:

- Thôi nhé, chờ em một lát. Em đi nuốt nốt trăm chiếc kim của em đây.

Và thế đấy theo như Jenny kể lại, thiên tình sử bắt đầu.

Thứ Tư sau, vào giữa giờ giải lao, người dẫn khách lại đưa cho Jenny một bó hoa Viôlét, miêng tùm tùm cười.

- Sao, lại của anh chàng học viên sĩ quan của tôi à?

- Vâng, thưa cô.

- Trông anh ấy thế nào?

- Tôi cũng không biết. Cô nên hỏi người gác cổng.

- Không, cũng chẳng có gì quan trọng lắm.

Tuần sau nữa, cô không diễn vào tối thứ Tư, nhưng khi cô đến rạp vào ngày thứ Năm để tập thì đã thấy bó hoa Viôlét có hơi héo ở trong lô của mình rồi.

Khi ra về, dừng lại, cô hỏi người gác cổng:

- Ông Béc na, hoa Viôlét của tôi là thế nào đấy? Vẫn là của anh chàng trẻ tuổi ấy à?

- Vâng thưa cô... đây là lần thứ ba.

- Anh ta giống ai, anh chàng học viên sĩ quan ấy mà?

- Anh ta thật dễ thương... dễ thương lắm... Có hơi gầy một chút, má hõm, mắt quầng thâm. Có hàng râu con kiến. Một chiếc ống nhòm... Trông anh ta hơi kỳ quặc với chiếc kiếm bên người... Xin thề với cô là anh chàng này say đắm lắm. Anh ta trao cho tôi bó hoa và nói: "Tặng cô Jenny Soócbiê" và mặt anh ta đỏ ửng lên.

- Tại sao anh ta lại cứ đến vào ngày thứ Tư?

- Cô không biết sao? Thứ Tư là ngày họ được phép đi ra ngoài. Thứ Tư nào mà các bồn hoa và hành lang không đông nghịt những học viên sĩ quan, mỗi người dẫn thêm một cô gái trẻ.

- Anh chàng của tôi cũng có chứ?
 - Vâng, thưa cô, nhưng là chị của anh ấy...Họ giống nhau đến kỳ lạ.
 - Chàng trai tội nghiệp! Ông Béc na, nếu tôi dám, tôi sẽ báo với ông cho anh ta lên chỗ tôi ít ra là một lần, để anh ta có thể tận tay trao hoa cho tôi.
 - Thế hả, quả thực tôi chẳng dám khuyên cô như vậy đâu. Những chàng trai si tình ấy, chừng nào mà ta không tỏ ra quan tâm đến họ thì chưa có gì là nguy hiểm cả. Họ đứng từ xa mà chiêm ngưỡng các nữ nghệ sĩ, như thế họ cũng đã mãn nguyện lắm rồi...Ta chỉ hơi tỏ ra quan tâm đến họ một chút thôi, thế là họ bám chặt ngay lấy, lúc đó tình huống sẽ trở nên kinh khủng...Ta cho họ ngón tay, họ sẽ đòi cả bàn tay...Ta cho họ bàn tay, họ sẽ đòi cả cánh tay...Vậy đấy cô ạ, cô đừng cười, tôi có kinh nghiệm về chuyện này lắm rồi...Tôi ở đây đã hăm lăm năm nay. Ôi, tôi đã nhìn thấy ở trong lô này khối cô gái si tình...Và những chàng trai gàn dở...và cả các quý ông già nua nữa chứ...Tôi luôn nhận hoa, nhận thiệp còn cái chuyện để cho họ lên thì dứt khoát là xin đừng.
 - Ông nói đúng đấy, ông Bécna ạ... Chúng ta cần phải lạnh lùng, cần tắc và có khi phải tàn nhẫn nữa.
 - Đâu phải là tàn nhẫn hờ cô. Lý trí đấy.
- Nhiều tuần lễ đã trôi qua. Cứ mỗi thứ Tư, Jenny lại nhận được một bó hoa. Bây giờ cả rạp hát đều biết chuyện. Một nữ diễn viên nói với Jenny:
- Tôi nhìn thấy anh chàng học viên sĩ quan của chị rồi. Anh ta có khuôn mặt đẹp, trông thật lãng mạn. Một chàng trai sinh ra để diễn *Bốn cột* hoặc *Người bán nến* ([60]).
 - Sao chị biết đó là anh chàng của tôi?
 - Tại vì tình cờ tôi có mặt chỗ người gác cổng khi anh ta đưa hoa đến và rút rè nói: "Xin ông cho gửi tặng cô Jenny Soócbiê". Thật cảm động. Hẳn là anh chàng này thông minh lắm. Anh ta sợ mọi người chê mình kỳ quặc, tuy nhiên lại không nén nổi lòng mình... Đã có lúc tôi cứ tiếc là anh ta không đến vì tôi; tôi sẽ cảm ơn, sẽ an ủi anh ta. Mà chị phải nhớ là anh ta không đòi một cái

gì đâu nhé, kể cả việc được gặp chị... Nhưng nếu tôi ở vào địa vị của chị...

- Chị sẽ tiếp anh chàng chứ?

- Đúng thế, một lát thôi... Đã bao tuần nay. Rồi sẽ đến lúc nghỉ hè. Chị sẽ ra đi... Chẳng sợ anh chàng bám dài đâu...

- Chị nói đúng. Thật là điên rồ nếu ta rẻ rúng những người hâm mộ lúc này còn đông và còn trẻ, để đến ba mươi năm nữa ta chạy theo họ khi họ chẳng còn được mấy người và lại già khú để ra rồi.

Tối hôm đó, khi ra về, Jenny nói với người gác cổng:

- Ông Bécna ạ, thứ tư tới khi anh chàng học viên sĩ quan mang hoa đến thì ông bảo với anh ta mang hoa lên chỗ tôi nhé, sau màn ba nhé...Tôi diễn vở *Midăngtrôp*. Tôi không phải thay trang phục. Tôi sẽ lên lô của tôi và tiếp anh ấy...Không, tôi đợi anh ta ở hành lang, dưới chân cầu thang... hay ở trong phòng giải lao vậy.

- Vâng, nhưng cô không e ngại gì ạ?

- Có gì phải ngại? Mười ngày nữa tôi đã đi. Vả lại, lúc đó chàng học viên này bị nhà trường nhốt chặt rồi tòn gì.

- Vâng... Tôi... điều tôi muốn nói là...

Thứ tư sau, Jenny đóng vai Xêlimen, mặc dù không cố ý, vẫn có vẻ như khao khát muốn được làm đẹp lòng con người chưa quen biết. Giờ nghỉ, khi vào hậu trường, cô có cảm giác bị cuốn hút, gần như lo âu.

Cô ngồi ở phòng giải lao và đợi. Một vài người quen thuộc lượn xung quanh. Ông giám đốc thì đang nói chuyện với Bờlăng Pécxông, lúc bấy giờ là tình địch của Jenny. Mãi chẳng thấy bộ quân phục màu đen với những chiếc cúc áo mạ vàng xuất hiện. Mỗi lúc một cảm thấy bồn chồn, rồi không giữ nổi kiên nhẫn, cô chạy đến chỗ người dẫn khách:

- Không ai hỏi tôi sao?

- Thừa cô, không.

- Hôm nay đúng là ngày thứ tư, thế mà tôi chẳng hề nhận được những vòng hoa Viôlét. Hay là ông Bécna quên không cho đưa lên chỗ tôi?...Hoặc giả có sự nhầm lẫn nào chăng?

- Nhầm lẫn?... Nhầm thế nào được, cô có cần tôi đến tận chỗ người gác cổng để xem lại không ạ?

- Vâng, ông vui lòng đi giúp... Nhưng mà thôi. Để tôi đi hỏi ông Bécna.

"Thế quái nào mà"... cô tự chế nhạo mình. Suốt sáu tháng trời mình hầu như không để ý đến tấm lòng thủy chung kín đáo ấy. Thế rồi bỗng nhiên, vì không thể cứ hững hờ mãi, bây giờ mình lại đâm ra bối rối như chờ đón người yêu...Ôi, Xêlimen, cô sẽ luyến tiếc An xét biết bao, khi chàng từ biệt cô với nỗi đau buồn.

Sau buổi diễn, cô bước vào buồng người gác cổng.

- Thế nào, ông Bécna, người tình của tôi đâu, sao ông vẫn chưa cho anh ấy lên chỗ tôi?

- Thưa cô, cứ như thể là cố tình ấy. Hôm nay anh ta không đến... Lần đầu tiên cô nhận tiếp anh ấy, thì cũng là thứ tư đầu tiên kể từ sáu tháng nay, anh ta không đến.

- Thật kỳ lạ! Ông có nghĩ là anh ta có thể được báo trước và sợ không dám đến không?

- Chắc chắn là không, cô ạ... Không ai biết là cô và tôi...Cô không nói gì. Còn tôi, tôi cũng không hề nói gì, ngay cả với vợ tôi...

- Thế ông giải thích việc đó như thế nào?

- Tôi chịu... Có thể là do ngẫu nhiên. Có thể anh ta nản chí. Có thể anh ta ốm... Thử chờ đến thứ tư sau xem thế nào...

Nhưng thứ tư sau, vẫn chẳng thấy chàng học viên sĩ quan, cũng chẳng thấy hoa Viôlét.

- Làm thế nào bây giờ, ông Bécna? Liệu có thể nhờ đám bạn bè tìm anh ta không Hay nhờ ông Hiệu trưởng?

- Nhưng bằng cách nào; ngay cả tên anh ta, chúng ta cũng có biết đâu.

- Ừ nhỉ Thật chán quá! Thế là hỏng hết rồi!

- Không đâu, cô ạ... Năm tháng còn dài. Cô sắp đi biểu diễn ở các nơi; còn thành công nhiều...Có gì là hỏng đâu hả cô?

- Ông nói đúng. Tôi thật là một kẻ vô ơn...Chỉ vì tôi yêu những bông hoa Viôlét ngày thứ Tư quá đấy mà.

Ngày hôm sau, cô tạm biệt Pari, Hăngri Stan vẫn cùng đi với cô. Ở khách sạn nào, buồng Jenny cũng đầy hoa hồng. Khi trở lại Pari, cô đã quên chàng sĩ quan lãng mạn của mình.

Một năm sau, cô nhận được một lá thư của ông đại tá Jonovie nào đó, xin được gặp vì công việc riêng. Một bức thư hoàn toàn đứng đắn.

Không có lý do gì để chối từ cuộc gặp gỡ. Jenny mời ông đại tá đến nhà cô vào một buổi chiều thứ bảy. Ông đến với bộ quần áo thường phục màu đen. Jenny đón tiếp ông bằng vẻ duyên dáng thường thấy trên sân khấu hơn là trong cuộc sống bình thường, nhưng trong thái độ của cô, tất nhiên, vẫn toát lên một câu hỏi ngầm: "Vị khách chưa quen biết này muốn gì đây?" Cô chờ đợi.

- Xin cảm ơn cô đã tiếp tôi, tôi không thể nào giải thích qua thư mục đích cuộc viếng thăm này. Nếu như tôi đã tự cho phép mình xin gặp cô, thì xin cô hiểu cho rằng đó không phải là một người đàn ông có ý nghĩ táo bạo ấy, mà là một người cha... Cô trông thấy tôi mặc đồ tang đấy. Tôi để tang đứa con trai tôi, trung úy Angdrê Jonovie, chết tại Madagasca cách đây hai tháng.

Jenny làm một cử chỉ dường như muốn nói: "Xin chia buồn cùng ông với tất cả tấm lòng, nhưng..."

- Cô không biết con trai tôi... Tôi biết mà...Nhưng nó biết cô và ngưỡng mộ cô... Điều này với cô, có vẻ như khó tin... nhưng tất cả những gì tôi nói sau đây đều là sự thật... Cô là người mà con tôi ngưỡng mộ và yêu mến nhất trên đời này...

- Tôi sợ là tôi không thể hiểu được... ngài đại tá ạ Anh ấy nói với ngài như vậy à?

- Với tôi ư? Không... Nó đã nói điều đó với chị nó, người bạn tâm tình của nó... Mọi chuyện đã bắt đầu vào cái hôm hai chị em chúng nó đi xem *Trò chơi của tình yêu và của Ngẫu nhiên* ([61])

..Các con tôi về nhà nói đến cô một cách hào hứng: "Sự e then thật là tinh tế", "Lời thơ thật là xúc động"... Hàng nghìn điều khác nữa, mà tôi tin là có thật, tôi không hề nghi ngờ một chút nào, nhưng những điều ấy chỉ có thể có với nhiệt tình của tuổi trẻ, lòng khát khao lý tưởng...Con trai tội nghiệp của tôi vừa mơ mộng lại vừa lãng mạn.

- Trời ơi? Vậy chính là chàng trai... - Jenny thốt lên.

- Vâng, thưa cô, người học viên mà mỗi thứ tư trong cả một năm trời đã mang đến cho cô những bó hoa viôlét, chính là Angđrê, con trai tôi. Cả điều này nữa, tôi biết được cũng là do con gái tôi... Tôi hy vọng rằng trở con trẻ ấy, như một lời ca ngợi không làm cô phật ý?... Nó yêu cô ghê gớm, cô hoặc cũng có thể là hình ảnh mà nó tạo nên từ cô... Chị của nó đã phải chạy vạy vất vả để có thể kiếm thêm được cho nó những bức ảnh của cô từ những người thợ ảnh...Ở trường nó bị bạn bè chế giễu vì tình yêu này...Họ bảo nó: "Vậy thì viết thư cho cô ấy đi".

- Thế tại sao anh ta không viết?

- Nó đã viết, cô ạ, tôi có mang đây cho cô một chồng thư chưa bao giờ gửi mà chúng tôi đã tìm thấy sau khi nó mất đi.

Ông đại tá lấy từ trong túi ra một bó thư và đưa cho Jenny. Về sau bà có cho tôi xem, nét chữ nhỏ, thoáng, khó đọc... Kiểu chữ của những nhà toán học, cách hành văn của một nhà thơ.

- Xin cô giữ những lá thư này; nó là của cô...Và xin cô hãy tha thứ cho chuyện kỳ quặc này...Tôi nghĩ là vì bốn phần của tôi đối với kỷ niệm của con trai tôi...Trong tình cảm mà cô đã khơi dậy trong nó, không có gì là thiếu tôn trọng hay dễ dãi. Với nó, cô là biểu hiện của sự hoàn hảo và duyên dáng...Và tôi xin cam đoan với cô là Angđrê cũng xứng đáng với tình yêu cao cả của nó.

- Nhưng tại sao anh ấy không đòi được gặp tôi? Tại sao bản thân tôi cũng không tìm cách để gặp được anh ấy? Tôi thật đáng trách...Tôi thật đáng trách quá...

- Đừng tự trách móc mình, cô ạ. Cô đã không thể tưởng tượng ra... Nếu như khi ra trường Angđrê xin được phân đi Madagasca, đó chính là vì cô chắc chắn là như vậy... Đúng thế. Nó đã nói với chị nó: "Hoặc em sẽ thoát khỏi tình yêu vô vọng này do xa cách, hoặc em sẽ làm nên sự nghiệp, và khi đó..."

- Đó không phải là những điều vĩ đại sao, lòng chung thủy ấy, tính kiên nhẫn ấy, và sự kín đáo ấy" - Jenny thốt lên.

Ông đại tá đứng lên. Jenny cầm lấy tay ông:

- Tôi nghĩ là tôi đã không làm điều gì xấu, tuy nhiên, có lẽ tôi cũng phải có bốn phận đối với người đã khuất, than ôi, vong hồn chưa được thỏa... Hãy nghe tôi ngài đại tá, xin ngài hãy nói cho tôi biết nơi con trai ngài được chôn cất. Tôi xin thề với ngài là cho đến cuối đời, tôi sẽ đến vào mỗi thứ Tư, đặt trên nấm mộ của anh ấy một bó hoa Viôlét.

- Và đó là lý do tại sao - Lêông Lôrăng kết luận, - lý do tại sao trong suốt cuộc đời mình, Jenny của chúng ta trở nên hay hoai nghi, cảm thấy vỡ mộng, và con người đó cứ mỗi thứ tư, lại từ bỏ bạn bè, công việc và đôi khi cả tình yêu để một mình đi đến nghĩa trang Môngpacnax, đến bên nấm mộ người trung úy không bao giờ quen biết... Các vị có thấy là tôi có lý không, khi tôi nói rằng câu chuyện này là quá đậm màu tình cảm đối với thời đại chúng ta.

Một phút im lặng, rồi Bectotrăng Smít nói:

- Vẫn luôn có những điều thơ mộng trên đời này cho những ai xứng với nó.

A.MAUROIS

NGUYỄN SINH dịch

24 GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

Tại ngôi nhà trọ ở Viviêra ([62]), nơi tôi trú ngụ lúc đó (mười năm trước chiến tranh ([63]) một cuộc tranh luận dữ dội đã nổ ra tại bàn chúng tôi đe dọa trở thành một cuộc cãi lộn ác liệt với những lời lẽ hằn học và nhục mạ. Trí tưởng tượng của nhiều người thường không sắc bén lắm. Chuyện gì không dính dáng đến mình thì có như đóng chốt vào đầu cũng không làm họ mấy may xúc động, chuyện không quan trọng lắm, xảy ra trước mắt, lại nằm trong tầm cảm xúc của họ thì họ sôi lên sùng sục. Thế là trong một chừng mực nào đó, để bù lại việc chỉ quan tâm đại khái đến những sự kiện bên ngoài, họ trở nên hùng hổ một cách vô lối và quá đáng.

Lần đó thì đúng như vậy, giữa những thực khách toàn là trưởng giả, ăn cùng một bàn, sau bữa cơm thường nói với nhau những câu chuyện phiếm và những lời nói bông đùa nhẹ nhàng không sâu sắc, thông thường thì họ tản đi ngay: cặp vợ chồng người Đức thì dạo chơi và chụp ảnh, ông người Đan Mạch béo tròn, tiêu khiển bằng thú đi câu té nhát, bà mệnh phụ người Anh thanh lịch trở về với sách của bà, đôi vợ chồng người Ý rong đi Môntê - Caclô chơi, còn tôi thì nhàn tản trên chiếc ghế ngoài vườn hoặc làm việc. Nhưng lần này chúng tôi đeo dính lấy nhau tranh cãi dai dẳng và nếu có ai trong chúng tôi bỗng đứng phắt dậy thì không phải là để cáo lui một cách lễ độ như thường lệ, mà là trong cơn bực bội, nóng nảy đầy vẻ cáu kỉnh như tôi đã kể.

Thật ra, sự kiện khuấy động đến mức đó, với những người ăn cùng bàn với nhau, kể cũng khá kỳ cục. Căn nhà trọ, nơi bảy chúng tôi ở, một biệt thự riêng biệt, vẻ ngoài thật đẹp (phong cảnh nhìn từ cửa sổ ra bờ biển, mép đá lô nhô, quả là tuyệt vời) đúng ra chỉ là một nhà phụ, rẻ tiền hơn, của đại khách sạn Pa lát,

chỉ có cái vườn ngăn cách, nên lúc nào chúng tôi cũng có thể quan hệ được với những khách trọ bên Pa lát.

Ngày hôm trước, tại khách sạn, đã xảy ra một vụ tai tiếng về đủ mọi mặt.

Số là trong chuyến tàu trưa, đúng ra là mười hai giờ hai mươi phút (tôi phải chỉ giờ thật chính xác vì điều này quan trọng đối với việc đang xảy ra lần câu chuyện làm chúng tôi phải bàn cãi sôi nổi). Một thanh niên người Pháp đã tới khách sạn và thuê một căn phòng trông ra biển: chỉ điều đó cũng cho thấy là chàng ta dư dả. Chàng được mọi người thích thú chú ý tới không phải chỉ ở phong độ thanh lịch kín đáo mà chính là ở vẻ đẹp cao quý thật dễ thương, trên khuôn mặt nhỏ nhắn như thiếu nữ, là một bộ ria vàng óng như tơ, mượt mà trên môi, nồng nàn gợi cảm; trên vầng trán rất trắng là những gợn tóc nâu xoắn bồng bềnh; cái nhìn dịu dàng của chàng như mơn trớn, tất cả ở chàng tạo ra một vẻ êm đềm đẹp đẽ, đáng yêu nhưng không có gì là giả tạo, điệu bộ.

Nói cho đúng, thoát tiên trông chàng từ xa người ta thoáng nhớ tới những bộ mặt bằng sáp màu hồng, dáng điệu kiểu cách, tay cầm chiếc can lịch sự, tượng trưng cho cái đẹp của nam giới, được bày tại tủ kính các tiệm lớn, bán quần áo thời trang. Nhưng càng nhìn gần thì mọi cảm giác hóm hỉnh đều biến mất vì ở chàng, vẻ nhã nhặn là tự nhiên như thuộc bản chất con người (điều này thật hiếm). Đến đâu, chàng cũng khiêm tốn thân mật chào tất cả mọi người và thật thích thú khi nhận thấy ở hoàn cảnh nào, sự ân cần của chàng cũng bộc lộ hoàn toàn thoải mái.

Một phu nhân đi ra nơi giữ quần áo, chàng sốt sắng đến lấy áo choàng giúp; với mỗi đứa trẻ, chàng đều có một ánh mắt thân mật, một lời nói vui; chàng vừa cười mở lại vừa tế nhị; tóm lại hình như chàng là một trong những con người được ưu đãi; và do đức tính muốn làm vui lòng mọi người bằng bộ mặt tươi cười và vẻ duyên dáng trẻ trung nên chàng lại có một nét tao nhã mới. Sự hiện hữu của chàng có vẻ như một ân huệ đối với khách trọ tại Palat, phần đông đều có tuổi và sức khỏe kém; do dáng điệu hùng dũng của tuổi thanh niên, do bộ điệu nhanh nhẹn hoạt bát, do vẻ tươi tỉnh trong bản chất dễ thương làm một số người có cái vẻ uy nghi, chàng dễ dàng giành được tình cảm của mọi người. Hai giờ sau khi tới, chàng đã chơi quần vợt với hai cô con gái nhà kỹ nghệ béo mập và giàu sụ ở thành phố Lyông là Annet, mười hai tuổi, và Blangsơ, mười sáu tuổi. Mẹ

hai cô gái, bà Hăngriet, mảnh mai, dịu hiền và rất kín đáo, khẽ mỉm cười trông hai cô gái nhỏ, còn thật ngây thơ, làm dáng làm điệu một cách vô ý thức với chàng trai. Buổi chiều, chàng vừa chơi cờ vừa giải trí với chúng tôi, vừa kể vài giai thoại vui một cách thật tế nhị, chàng dạo chơi nhiều lần khá lâu trên sân với bà Hăngriet; chồng bà này, như thường lệ, chơi domino với một ông bạn kinh doanh; tôi còn thấy chàng chuyện trò rất muộn với vẻ mặt thiết đáng ngờ trong bóng tối của phòng giấy với cô thư ký của khách sạn.

Hôm sau, chàng theo ông bạn Đan Mạch của tôi đi câu cá và tỏ ra có những hiểu biết phi thường về môn này; sau đó chàng bàn luận về chính trị rất lâu với nhà kỹ nghệ ở Lyông; và chàng cũng tỏ ra là người nói chuyện có duyên vì người ta nghe thấy tiếng cười của ông mập át cả tiếng sóng. Sau bữa trưa, (để hiểu rõ tình hình, tôi phải kể thật chính xác từng giai đoạn thời gian biểu của chàng), chàng đã cùng với bà Hăngriet, chỉ có hai người, uống cà phê ở ngoài vườn; chàng lại chơi quần vợt với các con gái của bà, rồi chuyện trò với hai vợ chồng người Đức ở phòng lớn. Hồi sáu giờ, khi đi bỏ thư, tôi gặp chàng ở ga. Chàng vội đến gần tôi, kể là chàng buộc phải cáo lỗi vì bị gọi về gấp nhưng sau hai ngày, chàng sẽ trở lại đây.

Thật vậy, chiều hôm đó, chàng không có mặt ở phòng ăn, nhưng có thiếu chẳng chỉ là thiếu sự hiện diện của con người đó, vì ở tất cả mọi bàn, người ta chỉ nói về chàng, ca ngợi tính tình dễ thương và vui vẻ của chàng.

Ban đêm, tôi đang ngồi trong phòng, đọc cho xong một cuốn sách, lúc đó có lẽ đã mười một giờ, bỗng qua cửa sổ, tôi nghe thấy những tiếng kêu, những tiếng gọi lo âu ở ngoài vườn: rõ ràng, bên khách sạn có một sự náo động khác thường.

Vì lo lắng hơn là vì tò mò tôi xuống ngay năm mươi bậc thang: ở dưới, tôi thấy khách trọ và nhân viên khách sạn đang trong tình trạng hỗn độn và náo động. Bà Hăngriet sau khi đi dạo trên sân dọc bờ biển như các buổi chiều, đã không trở về, trong lúc ông chồng thì như thường lệ vẫn chơi domino với ông bạn ở Namuya([64]), mọi người lo là có tai nạn. Giống một con bò rừng, con người ở thành phố Lyông, vốn nặng nề, mập mạp, lao dọc theo phía bờ biển và trong đêm tối, tiếng gào gọi "Hăngriet! Hăngriet!" của ông ta, do xúc cảm mà giọng lạc đi, âm thanh đó gợi lên một cảm giác rùng rợn như tiếng gầm rống của một con thú khổng lồ thời nguyên thủy, trước giờ chết. Nhân viên khách

sạn, bồi phòng chạy đi chạy lại tấp nập, lên xuống thang gác, người ta đánh thức khách trọ, gọi điện đến sở cảnh sát.

Nhưng giữa cảnh ồn ào đó, con người to lớn ấy, áo gi lê cởi phanh cứ đi qua đi lại, lảo đảo bước những bước dài, ông thẫn thức kêu to trong đêm, một cách điên dại, chỉ một cái tên: "Hăngriet! Hăngriet!". Ngay lúc ấy, những đứa nhỏ ở trên lầu đã thức dậy và trong bộ quần áo ngủ, chúng đứng bên cửa sổ gọi mẹ, còn người cha chạy tới cho chúng yên lòng.

Rồi bỗng xảy ra một điều thật hãi hùng, không sao kể lại được vì tạo vật, khi bị căng mạnh trong những cơn khủng hoảng đặc biệt, thường làm cho thái độ người ta có một vẻ bi thảm lạ thường, không một hình ảnh, lời lẽ nào có thể diễn tả nổi, kể cả cái sức mạnh sấm sét ở trong nó. Bỗng nhiên, con người nặng nề, to lớn bước xuống các bậc thang rin rít với bộ mặt đã thay đổi hẳn, đầy vẻ mệt mỏi, nhưng dữ tợn, ông ta cầm một lá thư trong tay: "Gọi tất cả mọi người về đi!", ông ta nói với người quản lý bằng một giọng vừa đủ nghe. "Gọi tất cả mọi người về, không cần tìm nữa, vợ tôi đã bỏ tôi rồi".

Trước những kẻ đứng xúm quanh ông, tò mò nhìn ông rồi bỗng nhiên ngưng ngưng, bên lên và hãi hùng giãn ra, con người bị đánh đến tử thương này có một dáng điệu căng thẳng phi thường. Ông ta còn đủ sức bước lảo đảo qua mặt chúng tôi, không nhìn ai, để đi tắt đèn trong phòng đọc sách. Người ta nghe tiếng tấm thân nặng nề, đồ sộ của ông gieo phịch xuống một chiếc ghế phôi toại, rồi một tiếng nấc man rợ, thú vật, chỉ có ở những người chưa từng khóc bao giờ.

Nỗi đau khổ thông thường ấy gọi lên trong mỗi chúng tôi, ngay cả với người vô tình nhất một tác động lạ kỳ. Không người bồi nào của khách sạn, không một khách trọ nào tò mò tới xem, dám hé môi cười, hoặc thốt ra một lời thương cảm. Câm nín, mỗi người chúng tôi như cảm thấy hổ thẹn vì đã để bộc lộ tình cảm của mình một cách sôi sục, lạng lẽ trở về phòng. Khi chỉ còn một mình trong căn phòng tối tăm, cái sản phẩm của nhân loại bị vùi dập này, đã thoi thóp nức nở, quá cô đơn với chính mình, tại ngôi nhà mà ánh đèn đang tắt dần, chỉ còn lại những tiếng rì rào, những tiếng thì thầm, những tiếng động yếu ớt cứ tàn lụi lần.

Người ta phải thấy rằng một sự kiện như sét đánh ấy, diễn ra trọn vẹn trước mắt chúng tôi, đã gây xúc động mạnh đến những người quen với buồn chán và những trò giải trí vô tư. Nhưng

cuộc tranh luận nổ ra sau đó tại bàn chúng tôi lại kịch liệt và suýt biến thành ẩu đả; dù cho nó bắt nguồn từ sự việc lạ lùng này, bản thân nó lại chỉ là những vấn đề những nguyên tắc đối chọi nhau, những quan điểm khác nhau về cuộc đời chống lại nhau một cách gay gắt. Thật vậy, do một cô hầu gái thóc mách đã đọc được bức thư (ông chồng gục xuống trong cơn phần nộ bất lực, đã vò nát và quăng bức thư xuống sàn nhà), người ta sớm biết rằng bà Hăngriet bỏ đi không phải một mình mà với chàng trai người Pháp (cảm tình của nhiều người đối với chàng từ lúc đó, đã mất đi rất nhanh. Thoạt tiên, người ta thấy ngay là cái bà Bôvary([65]) nhỏ nhắn này đã đổi ông chồng béo ị, dân tỉnh lẻ lấy một chàng trai trẻ, thanh lịch, đẹp đẽ. Nhưng điều làm mọi người ngạc nhiên nữa là trước đó từ nhà kỹ nghệ, các con gái của ông đến cả bà Hăngriet đều chưa bao giờ gặp chàng Lôvolêxơ([66]) này; và như vậy là một cuộc trò chuyện ban đêm dài hơn hai giờ trên sân thượng, và một giờ uống cà phê với nhau ở ngoài vườn đã đủ để xô đẩy một người đàn bà mẫu mực, chừng ba mươi tuổi bỏ chồng và hai con gái để đi trong đêm, phiêu lưu theo một chàng trai thanh lịch, trước đó hoàn toàn xa lạ với bà. Những người ăn cùng bàn với chúng tôi đều đồng tình rằng, sự việc, bề ngoài rõ ràng, thật ra chỉ là một sự lừa dối xảo trá và một thủ đoạn quỷ quyết của cặp tình nhân; chắc chắn bà Hăngriet đã có những quan hệ bí mật từ rất lâu với chàng trai này, và gã đi "mò gái" đến đây chỉ để quyết định những chi tiết cuối cùng của cuộc đào tẩu, vì - người ta suy luận như vậy - hoàn toàn không thể có chuyện một người đàn bà nết na, chỉ sau hai giờ quen biết đã chuồn theo trai ngay khi nghe tiếng huýt gọi đầu tiên. Ở đây, tôi thích có ý kiến khác: tôi kiên quyết bảo vệ rằng, một người đàn bà lấy chồng, qua nhiều năm chung sống với chồng chỉ thấy thất vọng và buồn tẻ, cuộc chung sống như vậy đã ngấm ngấm chuẩn bị nội tâm người đàn bà đó trở thành cái mồi cho bất cứ người đàn ông táo bạo nào; điều như vậy không những có thể xảy ra mà chắc chắn là có nữa. Do sự phản đối bất ngờ của tôi, cuộc tranh luận đã mau chóng được tắt cả bàn cãi và điều làm nó trở nên sôi nổi là cả hai cặp vợ chồng người Đức lẫn ý đều tỏ vẻ khinh miệt rất kهنh kiêu không chịu chấp nhận sự hiện hữu của tiếng sét ái tình, họ cho đó là một điều điên rồ và một sự tưởng tượng lãng mạn vô duyên.

Tóm lại, nhắc đi nhắc lại mãi những chi tiết của một cuộc cãi vã sôi nổi kéo dài từ đầu giờ dần đến cuối giờ dậu([67]) chẳng ích lợi gì; chỉ những khách chuyên được mời ăn tiệc([68]) nói chuyện mới sắc sảo còn những luận điệu mà những người ngồi cùng bàn, khi ăn, ngẫu nhiên viện ra để tranh cãi giữa bầu không khí hăng say, thường chẳng có gì đặc sắc, có thể nói là vợ quàng

vợ xiên nữa. Cũng khó có thể cắt nghĩa tại sao chúng tôi lại dễ xúc phạm nhau đến như vậy trong lúc tranh luận; tôi cho rằng hai ông chồng bức tức vì họ chỉ viện lẽ chính các bà vợ của họ không thể bị cảm dỗ và sa ngã đến thế. Đáng buồn là họ không có cái gì hay hơn để phản đối tôi và nói rằng chỉ ai phán xét tâm hồn phụ nữ căn cứ vào những cuộc chinh phục bất thần và dễ dãi của kẻ độc thân mới nói như vậy. Điều đó bắt đầu làm tôi khó chịu và khi bà người Đức cho thêm thứ gia vị nghiêm chỉnh vào bài học này, nói rằng có những người phụ nữ đoan trang, lại có cả những đồ "đĩ thoa" và theo bà ta, bà Hăngriet phải thuộc loại này, tôi hoàn toàn mất hết bình tĩnh. Đến lượt tôi, tôi tấn công lại. Tôi tuyên bố rằng, không thừa nhận sự việc này, chúng tôi, một người đàn bà, nhiều lúc trong đời mình, có thể bị phò mặc cho những uy lực thần bí mạnh hơn cả ý chí của họ, rằng trí thông minh của họ chỉ che giấu nỗi lo sợ chính bản năng của con người, nỗi lo sợ cái bản tính tin thờ ma quỷ trong con người ta. Và nhiều người thích cho là mình rắn rỏi hơn, đạo đức hơn, trong sạch hơn những kẻ "dễ bị chinh phục".

Về phần tôi, tôi cho rằng một người đàn bà xử sự một cách tự do và đăm đuối, theo bản năng của mình còn thành thật hơn những người vẫn phản bội chồng ngay khi còn nằm trong tay chồng, mắt nhắm nghiền, như ta thường thấy. Đại khái tôi nói như vậy; và khi cuộc đấu khẩu trở nên nảy lửa, mọi người cùng công kích bà Hăngriet tội nghiệp kia, tôi càng say sưa bên vức bà ta (thật ra, trong thâm tâm, tôi cũng thấy là tôi đã đi quá xa). Sự nồng nhiệt ấy như khiêu khích hai cặp vợ chồng kia; và thành bộ tứ không hài hoà lắm, họ nhao vào tôi kịch liệt đến nỗi ông già Đan Mạch, vẻ hào hứng tay cầm đồng hồ bấm giờ như trọng tài một trận đá banh, thỉnh thoảng phải gõ những ngón tay xương xẩu xuống bàn, ra vẻ cảnh cáo và nói:

- Xin các vị, hãy bình tĩnh nào!([69]).

Nhưng làm như vậy cũng chỉ có tác dụng chốc lát. Đã ba lần, một đối thủ của tôi hùng hổ chồm lên và bà vợ ông ta vất vả lắm mới làm ông ta bớt nóng, tóm lại chỉ chừng mười phút nữa, là cuộc tranh luận giữa chúng tôi có thể kết thúc bằng đấm đá nhau nếu, bỗng nhiên bà C...không làm dịu làn sóng sôi sục của cuộc đàm luận bằng những lời lẽ ngọt ngào như mật.

Bà C..., bà mệnh phụ già người Anh, tóc bạc trắng, đầy vẻ sang trọng, mặc nhiên đã trở thành người chủ tọa danh dự của bàn chúng tôi mà không phải bầu. Đối với ai, bà cũng tỏ ra nhã nhặn, bà ngồi thẳng trên ghế, nói ít nhưng đã nói thì cực kỳ thú vị và

dễ nghe; chỉ nhìn vẻ ngoài của bà cũng thấy dịu dàng; ở con người quý phái, kín đáo này, tỏa ra một vẻ điềm đạm, thư thái tuyệt vời. Bà giữ một khoảng cách nhất định đối với tất cả; đối với từng người, bà lại có sự chú ý riêng biệt một cách tế nhị; bà thường hay ngồi ở ngoài vườn với sách vở; đôi lúc bà chơi dương cầm và rất ít khi người ta thấy bà ở giữa một đám đông, hay bị cuốn hút vào một cuộc nói chuyện ồn ào. Người ta ít chú ý đến bà nhưng đối với chúng tôi, bà có một uy quyền khác lạ. Bởi vì, khi bà can thiệp lần đầu tiên vào câu chuyện của chúng tôi, tất cả chúng tôi có cái cảm giác nặng nề là đã quá lớn tiếng và không tự kiềm chế được bản thân mình.

Bà C... đã tranh thủ phút tạm ngưng bức tức khi ông người Đức chồm khỏi ghế, bị nhẹ nhàng kéo về chỗ cũ. Bà bắt chột ngược đôi mắt nâu và sáng, do dự nhìn tôi một lát để sau đó tự đặt vấn đề với sự chính xác của một nhà chuyên môn.

- Nếu tôi hiểu đúng ý ông, thì ông nghĩ rằng bà Hăngriet... rằng một người đàn bà, dù không muốn cũng có thể bị xô đẩy vào một cuộc phiêu lưu bất ngờ? Ông nghĩ rằng có những hành động mà một người đàn bà như vậy cho là không thể nào tới với họ một giờ trước đó và bà ta không phải chịu trách nhiệm về hành động ấy.

- Thưa bà tôi đã nghĩ đúng như vậy.

- Vậy thì mọi sự phán xét về đạo đức sẽ hoàn toàn không có giá trị, mọi vi phạm những quy luật về luân lý sẽ được bảo vệ. Nếu ông thật sự chấp nhận, coi án mạng vì tình không phải là tội phạm như người Pháp vẫn nói, thì duy trì tòa án để làm gì? Cũng không cần nhiều thiện chí lắm (mà ông thì có quá nhiều thiện chí, bà mỉm cười nói thêm) để tìm thấy trong mỗi vụ trọng tội, một sự đam mê và căn cứ vào sự đam mê đó, tìm ra một lời biện bạch.

Giọng trong trẻo, hơi vui vẻ của những lời nói đã làm tôi thấy ấm lòng lạ thường; tự nhiên bắt chước thái độ khách quan của bà, tôi nửa đùa, nửa nghiêm trả lời:

- Chắc chắn là tòa án sẽ nghiêm khắc hơn tôi về những vấn đề này; họ có sứ mệnh phải bảo vệ đến cùng những phong tục và các điều quy ước chung; điều đó buộc họ phải kết án thay vì tha lỗi. Nhưng tôi, một người bình thường, tôi không hiểu tại sao tôi lại phải tự đảm nhận vai trò công tố viên. Tôi muốn làm người

chuyên đi bảo vệ hơn. Bản thân tôi, tôi thích hiểu con người hơn xét xử họ.

Bà C... nhìn thẳng vào tôi một lát bằng cặp mắt sáng và nâu, rồi bà ngập ngừng. Tôi sợ bà không hiểu rõ tôi và tôi định nhắc lại bằng tiếng Anh điều tôi đã nói. Nhưng với vẻ nghiêm nghị đặc biệt và như trong một kỳ sát hạch, bà tiếp tục hỏi:

- Thế ông không thấy rằng, một người đàn bà, đã bỏ cả chồng con để đi theo một kẻ nào đó, chưa biết có xứng đáng với tình yêu của mình không, là đáng khinh và bỉ ổi ư? Ông có thể tha thứ một hành vi liều lĩnh và nhẹ dạ đến thế của một người đàn bà không còn trẻ nữa, lẽ ra bà ta phải biết học cách tự trọng lấy mình, dù chỉ vì các con?

- Thưa bà, tôi xin nhắc lại - tôi khẳng khẳng - là tôi từ chối không có một sự phán xét hay lên án ở trường hợp này. Nhưng trước mặt bà, tôi có thể bình thản thừa nhận rằng lúc này, tôi có hơi nói quá cái bà Hăngriet tội nghiệp kia, chắc chắn không phải là một nữ anh hùng; bà ta không có cả bản chất một con người phiêu lãng, bà ta còn kém một người đa tình nồng nhiệt. Theo tôi hiểu về bà ấy bà ta chỉ là một người đàn bà yếu đuối, bình thường, mà tôi có đôi chút kính nể vì bà ta đã can đảm làm theo ý muốn của mình nhưng tôi còn thương xót bà ta hơn vì ngày mai, nếu không phải là đã xảy ra hôm nay rồi, bà ta sẽ đau khổ một cách sâu sắc. Có thể bà ta đã hành động ngốc nghếch, dù sao bà ấy cũng quá hấp tấp, nhưng tư cách của bà không có gì là hèn hạ, thấp kém và trước sau, tôi cũng không cho ai được quyền khinh rẻ người đàn bà đáng thương và đau khổ này.

- Thế ông, ông còn có đủ sự kính nể, lòng tôn trọng đối với bà ấy không? Ông có phân biệt người đàn bà nết na mới hôm trước ông còn gặp với người hôm qua đã đi theo một gã đàn ông hoàn toàn xa lạ không?

- Thưa không, tôi không có chút phân biệt nào đó là nhỏ nhất.

- Thật vậy sao?([70])

Tự nhiên, bà nói bằng tiếng Anh, cuộc nói chuyện làm bà có vẻ thú vị lạ thường. Sau một giây lát suy nghĩ, cái nhìn trong sáng của bà lại nhằm vào tôi.

- Nếu ngày mai, ông gặp bà Hăngriet ở Nixer chẳng hạn, khoác tay với chàng trai ấy, ông có chào bà ta không?

- Tất nhiên là có chứ.
- Ông có nói chuyện với bà ấy không?
- Tất nhiên là có.
- Nếu ông... nếu ông có vợ, ông có giới thiệu vợ ông với người đàn bà ấy, như không có gì xảy ra không?
- Tất nhiên là có.
- Ông sẽ làm như vậy thật ư?([71]) Bà lại nói với vẻ ngạc nhiên, hồ nghi và sững sốt.
- Nhất định tôi sẽ làm như vậy([72]). Tôi đáp lại bằng tiếng Anh mà không để ý thấy nữa.

Bà C... nín lặng. Bà vẫn chìm lắng trong suy nghĩ mung lung, và đột nhiên nhìn vào tôi, bà nói, như ngạc nhiên về sự dũng cảm của chính mình:

- Tôi không biết tôi có làm như vậy không? Có lẽ tôi cũng phải làm như vậy([73]). Và với vẻ tự tin không sao mô tả nổi, mà chỉ người Anh mới biết dùng để chấm dứt cuộc nói chuyện một cách dứt khoát nhưng không đột ngột, thô lỗ, bà đứng dậy, thân mật chìa tay ra cho tôi. Nhờ có bà can thiệp yên tĩnh đã trở lại, về phần chúng tôi, chúng tôi thầm biết ơn bà vì dù còn là đối thủ của nhau, chúng tôi vẫn có thể chia tay nhau có lễ độ và không khí căng thẳng nguy hiểm cũng tan dần sau vài lời bông lơn vớ vẩn.

Mặc dù cuộc tranh cãi chấm dứt một cách lịch sự giữa những địch thủ và tôi vẫn còn một chút lạnh nhạt do chỗ điều qua tiếng lại hằn học và sôi nổi. Cặp vợ chồng người Đức tỏ ra dè dặt, còn ông người Ý, những ngày sau đó, cứ luôn hỏi tôi với vẻ giễu cợt, xem tôi có tin tức gì về "cái bà Hăngriet không?"([74]). Dù cho chúng tôi có giữ lễ độ đến chừng nào, đã có sự đổ vỡ không sao cứu vãn nổi trong quan hệ trung thực và thẳng thắn giữa chúng tôi. Vẻ lạnh lùng châm biếm của các đối thủ cũ của tôi, lại càng nổi bật hơn bên sự nhã nhặn thật đặc biệt mà bà C... dành cho tôi sau cuộc tranh cãi đó. Bình thường bà ta cực kỳ dè dặt và ngoài bữa ăn, hầu như không bao giờ bà nói chuyện với những người ngồi cùng bàn, bây giờ, bà nhiều lần tìm cơ hội để trò chuyện với tôi, ở ngoài vườn; có thể nói bà đã tôn tôi lên bằng cách tách

riêng tôi ra, bởi vì dáng điệu dè dặt, quý phái của bà làm cho cuộc nói chuyện riêng có tính chất như một đặc ân. Thật ra, tôi phải nói là bà đã tìm đến tôi, bà không bỏ qua cơ hội nào để bắt chuyện với tôi, điều đó rõ ràng đến nỗi, nếu đây không phải là một bà già tóc bạc trắng, tôi có thể có những ý in nghĩ kiêu căng và kỳ cục. Nhưng mỗi lần nói chuyện như vậy, câu chuyện của chúng tôi, không sao tránh khỏi là cứ trở lại từ đầu về bà Hăngriet. Bà C... có vẻ ngấm ngấm khoái trá buộc tội người đàn bà đã quên cả bốn phận của mình, là không đứng đắn, là vô luân. Nhưng đồng thời bà cũng có vẻ vui vì tôi, trước sau như một, vẫn dành cảm tình cho người đàn bà mảnh mai và dịu dàng đó, và không gì có thể làm tôi chối bỏ cảm tình ấy. Bà luôn lái câu chuyện về cái hướng đó. Cuối cùng tôi không biết nghĩ ra sao về sự cố tình lạ lùng và hơi bệnh hoạn ấy.

Tình hình đó kéo dài độ năm hay sáu ngày, không có một lời nào của bà để lộ lý do cho thấy đề tài câu chuyện ấy quan trọng với bà đến như vậy. Nhưng rồi tôi cũng thấy rõ điều quan trọng đó trong một cuộc đi dạo, khi tôi vô tình nói với bà rằng thời gian ở lại đây của tôi đã sắp chấm dứt và tôi dự tính sẽ rời khỏi đây vào ngày mốt.

Thế là mặt bà, thường vẫn bình thản, bỗng có một vẻ căng thẳng khác lạ, như một bóng mây đi ngang qua cặp mắt nâu của bà:

- Đáng tiếc thật! Tôi còn biết bao nhiêu điều muốn bàn luận với ông, bà nói.

Từ lúc đó, một vẻ bối rối, một vẻ xao xuyến cho thấy rằng, miêng nói, nhưng bà nghĩ tới một điều gì đã làm bà bận tâm nhiều, làm bà sao lãng trong câu chuyện với tôi. Rồi tình trạng lơ đãng cũng làm bà ngưng ngừng, vì sau một lát đột ngột lặng thinh, bà bất chợt đưa tay cho tôi và nói:

- Tôi thấy tôi không thể trình bày rõ ràng điều tôi định nói với ông. Tôi muốn viết cho ông hơn.

Rồi bà rảo bước nhanh hơn thường lệ, về phía khách sạn.

Quả nhiên, trước bữa ăn chiều một chút, tôi thấy trong phòng tôi, một lá thư viết bằng một thứ chữ rằn rỏi và rõ ràng. Đáng buồn là tôi hay lơ là với những thư từ nhận được trong thời thanh niên, nên tôi không sao chép lại được nguyên văn lá thư đó tôi chỉ có thể ghi lại đại khái nội dung của nó - trong thư bà

hỏi tôi xem tôi có cho phép bà kể cho tôi nghe một đoạn đời của bà.

Bà viết, sự kiện ấy lâu đến nỗi nó không còn thuộc về cuộc sống hiện tại của bà và do ngày mốt, tôi đã đi rồi, bà thấy dễ dàng nói về một việc đã hai mươi năm nay cứ luôn làm bà phải bận tâm và cắn rứt bà. Cho nên nếu một cuộc nói chuyện như vậy không làm phiền tôi, bà mong tôi đến tìm bà vào một giờ bà định.

Bức thư đó, tôi chỉ nói sơ qua nội dung, hấp dẫn lạ thường; riêng việc bà viết bằng tiếng Anh, đã cho thấy nó rất rõ ràng và đầy vẻ quả quyết.

Tuy nhiên tôi trả lời cũng không dễ dàng, và tôi đã xé ba tờ nháp mới đạt tới hình thức cuối cùng:

"Tôi coi việc bà tin tôi đến như vậy là một vinh dự cho tôi và tôi xin hứa sẽ đáp lại một cách thành thật trường hợp bà yêu cầu tôi. Tất nhiên tôi xin bà hãy chỉ nói những điểm bà muốn bộc lộ với tôi. Nhưng những gì bà sẽ kể với tôi xin bà hãy kể, cho bà và cho tôi, đúng với sự thật hoàn toàn. Tôi xin thừa với bà, tôi coi sự tin cậy của bà là một điều quý trọng đặc biệt".

Ngay buổi chiều, lá thư nhỏ của tôi đã ở bên phòng bà và sáng hôm sau tôi nhận được câu trả lời:

"Ông nói rất có lý: sự thật nửa vời không có giá trị gì, bao giờ nó cũng phải là sự thật hoàn toàn. Tôi sẽ cố nghiền ngẫm hết sức để không giấu giếm chút gì với bản thân tôi và với ông. Sau bữa ăn ông hãy đến phòng tôi (với tuổi sáu mươi bảy, tôi không sợ bị hiểu lầm) vì ở ngoài vườn hay nơi nào có người, tôi không thể nào nói được. Ông hãy tin là tôi quyết định không phải dễ dãi".

Chiều ngày đó, chúng tôi còn gặp nhau tại bàn và đã trò chuyện vui vẻ với nhau về những chuyện khác. Nhưng ở ngoài vườn, bà đã tránh gặp tôi, với vẻ lúng túng rõ ràng. Tôi vừa ái ngại vừa cảm động khi thấy bà già tóc bạc trắng này lướt vội dọc lối đi có trồng thông, e lẹ như một thiếu nữ.

Buổi chiều, đúng giờ hẹn, tôi gõ cửa phòng bà, cửa mở ngay tức khắc. Gian phòng chìm trong bóng hoàng hôn mờ mờ, chỉ có một cây đèn nhỏ đặt trên bàn, toả ra một chùm ánh sáng vàng. Bà C... mời tôi tới chiếc ghế pho tôi và không chút lúng túng, bà

ngồi trước mặt tôi; tôi thấy mỗi cử chỉ của bà đều có tính toán; nhưng có một phút im lặng, rõ ràng là không định trước - phút im lặng trước một quyết định khó khăn, phút im lặng kéo dài rất lâu, và tôi không dám lên tiếng sợ phá vỡ nó vì tôi cảm thấy lúc này đây, một ý chí mạnh mẽ đang đấu tranh kiên cường chung một sức đề kháng cũng đang mạnh mẽ. Tại phòng khách ở tầng dưới, thỉnh thoảng lại vọng lên những âm thanh yếu ớt, rời rạc của một bản luân vũ, tôi lắng nghe, tập trung đến căng thẳng để sự im lặng đó bớt nặng nề. Bà ta như cũng khó chịu với sự yên tĩnh nhọc nhằn, trái với tự nhiên này, vì bỗng nhiên bà thu mình lại như để lao tới và bà bắt đầu:

- Chỉ câu đầu tiên là khó khăn. Đã hai hôm nay, tôi chuẩn bị để cho thật rõ ràng và chân thật, tôi hy vọng sẽ đạt được kết quả. Có lẽ ông chưa hiểu được vì sao tôi lại kể tất cả chuyện này cho ông là người xa lạ đối với tôi; nhưng không một ngày nào, không một giờ nào, tôi lại không nghĩ đến việc này; xin ông hãy tin ở tôi, một bà già, khi tôi nói với ông rằng việc cứ phải chăm chút suốt đời chỉ nhìn vào một điểm, vào một ngày của đời mình, thật không sao chịu nổi.

Vì tất cả những điều tôi sắp kể với ông chỉ chiếm thời gian hai mươi bốn giờ trong sáu mươi bảy năm, và tôi thường tự nhủ đến phát điên lên là: "Nếu trong khoảng thời gian dài đó, người ta có một lúc cuồng dại, chỉ một lần thôi, thì đã sao?". Nhưng người ta không thể gạt bỏ cái mà chúng ta gọi bằng một từ ngữ rất mơ hồ là lương tâm; khi tôi nghe ông cân nhắc trường hợp Hăngriet một cách khách quan như vậy, tôi nghĩ rằng cái lối cứ luôn nhìn về dĩ vãng rồi không ngừng buộc tội mình, là vô lý. Nó sẽ chấm dứt nếu tôi được nói chuyện thoải mái với một người khác về cái ngày duy nhất trong đời mình. Nếu tôi theo đạo Thiên Chúa thay vì theo đạo Anglican([75]), việc xưng tội đã từ lâu tạo cho tôi cơ hội chuộc lại điều bí mật của tôi, nhưng điều an ủi đó tôi cũng không có được, cho nên hôm nay tôi thử làm cái việc kỳ quặc là tự giải tội cho mình bằng cách coi ông là người tâm phúc. Tôi hiểu rằng tất cả những cái đó thật lạ lùng, nhưng ông đã chấp nhận không do dự đề nghị của tôi và tôi xin cảm ơn ông.

Như tôi đã nói với ông, tôi chỉ đơn giản kể cho ông nghe một ngày trong cuộc đời tôi thôi; ngoài cái đó ra, không có gì là quan trọng mà còn nhàm chán đối với người khác, không phải là tôi.

Cuộc đời tôi cho đến năm tôi bốn mươi hai tuổi hoàn toàn bình thường. Cha mẹ tôi là những nhà quý tộc giàu có, nhiều

ruộng đất ở Êcốt([76]). Cha mẹ tôi có những nhà máy lớn và những trang trại lớn: chúng tôi sống lối sống của giới quý tộc địa phương - gần suốt năm, trên đất đai của mình, và ở Lon đon, trong Mùa ăn chơi([77]). Năm mười tám tuổi tôi quen chồng tôi trong một cuộc giao tế, anh là con thứ hai của gia đình ông R... vốn có tiếng tăm và anh đã phục vụ mười năm ở Ấn Độ.

Chúng tôi lấy nhau ngay và sống cuộc đời vô tư của giai cấp chúng tôi; ba tháng ở Lon đon, ba tháng tại đất đai của chúng tôi, thời gian còn lại là từ khách sạn này đến khách sạn khác ở Ý, Tây Ban Nha và Pháp. Không một gợn nhỏ nào khuấy động cuộc hôn nhân của chúng tôi; chúng tôi sinh được hai con trai, nay đã trưởng thành.

Tôi được hơn bốn mươi tuổi thì chồng tôi chết hơi đột ngột. Qua những năm sống ở vùng nhiệt đới, anh ấy đã mắc phải một chứng bệnh gan. Tôi đã mất anh sau hai tuần đau khổ ê chề. Con trai lớn của tôi đã đi làm, đứa nhỏ còn đi học. Thế là chỉ qua một đêm, tôi đã hoàn toàn cô đơn và cảnh cô độc ấy đối với tôi vốn được mọi người thương mến là một nỗi đau khổ ghê gớm. Tôi tưởng không thể ở thêm một ngày trong căn nhà trống trải, mỗi đồ vật đều gọi cho tôi cái chết bi thảm của người chồng yêu dấu; cho nên tôi quyết định sẽ đi du lịch thật nhiều trong những năm tới, chừng nào các con tôi chưa cưới vợ.

Từ lúc đó trong thâm tâm tôi, tôi coi đời tôi không còn mục đích gì và hoàn toàn vô ích. Người đã chia sẻ từng giờ, từng ý nghĩ với tôi trong suốt hai mươi ba năm trời đã chết, các con tôi không cần đến tôi, tôi sợ làm xáo trộn tuổi trẻ của chúng do tính ủ rũ và nỗi buồn của tôi, bản thân tôi không ham muốn gì hết. Thoạt đầu tôi đến Paris trong cảnh nhàn cư, đi lướt qua cửa hàng và các nhà bảo tàng, nhưng thành phố và đồ vật đối với tôi thật là xa lạ, tôi tránh mọi người, vì bộ đồ tang của tôi chỉ đem lại cho tôi những cái nhìn thương hại, làm tôi chẳng thích thú gì. Giờ đây, tôi không thể nào kể lại được những ngày tháng lông bông buồn tẻ, u uất đã trôi qua ra sao; tôi chỉ biết rằng ý nghĩ muốn được chết luôn ám ảnh tôi; nhưng tôi không đủ sức tự xô đẩy mình tới cái kết thúc mong mỏi đau khổ ấy.

Năm góa bụa thứ hai của tôi, nghĩa là năm tôi ở tuổi bốn mươi hai, trong cảnh lảm lũi lẫn trốn trước cuộc sống vô nghĩa đối với tôi, thời gian thì không biết làm gì cho hết, tôi đã đi Môntê - Caclô, hồi tháng ba. Thành thật mà nói, đó là do buồn chán, muốn thoát khỏi cảnh trống rỗng đang giày vò tâm hồn mình như một cơn ối mửa và muốn tìm ra ít nhất là sự khuấy khoả do

những kích thích nhỏ bên ngoài đem lại. Tôi càng ít nhạy cảm bao nhiêu thì lại càng thấy cần phải lao vào nơi mà cuộc sống tỏ ra quay cuồng nhất; đối với người không còn quan tâm đến gì sâu sắc thì chỉ hoạt động say mê của những người khác, như sân khấu hay âm nhạc một tác động được tới trí não.

Do đó tôi thường hay đến Casinô ([78]). Điều kích thích đối với tôi là được nhìn thấy hạnh phúc hay thất vọng hiện lên trên mặt người khác một cách cuồng nhiệt, còn tôi thì không một luồng sinh khí nào có thể lay động nổi. Ngoài ra, chồng tôi tuy không hời hợt nhưng cũng thích lui tới những nơi đỏ đen và tôi vẫn trung thành với những thói quen cũ của anh một cách kính tìn vô thức. Ở đó bắt đầu cái thời gian hai mươi bốn tiếng hồi hộp hơn tất cả các trò bài bạc trên đời và làm số phận tôi bị đảo lộn tới hàng năm trời.

Buổi trưa tôi dùng bữa với công tước M...một người bà con trong gia đình. Sau bữa chiều, tôi chưa mệt mỏi đến nỗi phải đi ngủ. Thế là tôi vào sòng bạc, không đánh, mà tha thẩn từ bàn này đến bàn khác, chỉ nhìn một cách đặc biệt những con bạc tụ tập lộn xộn ở đó. Tôi nói "một cách đặc biệt" vì đó là cách mà người chồng quá cố của tôi đã bày cho tôi vào một ngày mà chán không muốn nhìn nữa, tôi phàn nàn về sự buồn nản cứ phải trông mãi, một cách ngớ ngẩn, vẫn những khuôn mặt ấy: những bà già nhăn nheo ngồi lì hàng giờ ở đó, trước khi liều quăng ra một đồng giơ-tông, những con bạc xảo trá và những "ả điểm đàn" của trò bài lá - tất cả cái xã hội tứ chiếng từ khắp nơi kéo đến, và như ông cũng biết đấy, cái xã hội ấy không đẹp dễ và lãng mạn như bức tranh thường mô tả họ trong các chuyện khốn khổ, trong đó họ được coi như bông hoa của sự hào hoa phong nhã, như giới quý tộc châu Âu. Và tôi nói với ông về lúc đó, là cách đây hai mươi năm, lúc mà tiền còn bằng vàng, bằng bạc, đủ trọng lượng, lẫn được, lúc mà những tờ giấy bạc sột soạt, những đồng Napôlêông, những đồng năm phrăng to bự quay cuồng lộn xộn, lúc mà Cadino còn thú vị hơn bây giờ nhiều và ở cái thành trì tráng lệ của đỏ đen, được xây dựng lại theo thời trang, đám công chúng trưởng giả gồm các khách du lịch của hãng Cúc([79]) đã uể oải vung phí những đồng giơ-tông vô tri vô giác. Nhưng trong thời kỳ ấy, tôi thấy vẻ đơn điệu của những bộ mặt đứng đưng đó không có gì hấp dẫn, cho đến một ngày, chồng tôi, vốn say mê đặc biệt việc coi tướng tay, đã chỉ cho tôi một cách nhìn mới, quả là thú vị kích thích và cuốn hút nhiều hơn so với cách đứng uể oải tại chỗ mà xem, đó là cách không bao giờ nhìn vào mặt, mà chỉ nhìn vào cái khuôn vuông trên bàn, và ở chỗ ấy, lại chỉ nhìn những bàn tay của con bạc, chỉ

nhìn những cử động của những bàn tay đó thôi. Tôi không biết, có lúc nào ông vô tình ngắm những cái bàn màu xanh lá cây, riêng cái khoảng vuông màu xanh nhạt, trong cái khoảng đó, hòn bi tròn lảo đảo lăn từ số này sang số khác như một người say rượu và những tấm giấy xoay lộn, những đồng tiền tròn bằng vàng, bạc rơi như hạt giống xuống như ô vuông để sau đó, cái bàn cào của người hồ ly, y hệt một lưới liềm, hái tiền bằng một động tác sắc gọn, hoặc đẩy đi, như một bó lúa, về phía người được. Điều duy nhất biến đổi trong cảnh này là những bàn tay, vô số những bàn tay, sáng sủa, sôi nổi, hoặc đợi chờ quanh chiếc bàn xanh, tất cả có vẻ đang rình rập, bên hàng ổ, khác nhau ở nơi cổ tay áo, mỗi bàn tay đều giống một con thú sắp chồm lên, cái nào cũng có hình dáng, màu sắc của nó, có những cái trống trơn, có những cái đeo nhẫn và dây chuyền, kêu lanh canh, cái thì lông lá như thú dữ, cái khác mềm mại, và ầm nhóp như con lợn, nhưng tất cả đều căng thẳng một cách thầm kín và rung lên, bồn chồn.

Mỗi lần thấy vậy, tôi tự nhiên nghĩ tới một trường đua ngựa, vào lúc bắt đầu cuộc đua, những con ngựa bị kích thích, khó khăn lắm mới kìm giữ được chúng, không cho chúng lao đi trước giờ đã định; những bàn tay của các con bạc cũng run lên, trỗi dậy và lồng lên đúng y như vậy. Qua cách chờ đợi, nắm giữ và ngưng lại chúng bộc lộ cá tính người đánh bạc; có móng nhọn, chúng tố cáo con người gian tham; buông thả, con người hoang phí; bình thản, con người tính toán và run rẩy, con người tuyệt vọng. Hàng trăm đặc tính đã được bộc lộ ra như vậy trong nháy mắt, trong cử chỉ cầm tiền. Có bàn tay vò tờ giấy bạc, có bàn tay vung tiền ra một cách nóng nảy, có con bạc, rã rời, mệt mỏi nắm tay lại, để tiền tự do lăn trên thảm.

Cờ bạc biểu lộ con người, đó là một từ sáo mòn, tôi biết vậy; nhưng ở đây, tôi nói: bàn tay của từng người trong canh bạc, còn biểu lộ con người đó rõ hơn nữa. Bởi vì tất cả, hoặc hầu hết tất cả những ai chơi trò đỏ đen đều sớm học được cách chế ngự nét mặt của mình: ở phía trên nơi cổ áo sơ mi, họ lạnh lùng đeo chiếc mặt nạ thần nhiên; họ buộc những nét hằn quanh miệng họ phải biến mất, họ đẩy lui cảm xúc của họ trong hàm răng nghiến chặt, họ giấu nỗi lo âu đối với bản thành họ, họ làm giảm nét gân guốc của cơ bắp trên mặt họ bằng một vẻ thờ ơ giả tạo làm như cao sang lắm. Nhưng chính vì họ tập trung chú ý che giấu những gì hiện lên rõ nhất trong con người, nghĩa là trên mặt, họ đã quên mất bàn tay, họ quên là có những người chỉ quan sát những bàn tay đó thôi và qua đó đã đoán được những

gì mà đôi môi cười tủm tỉm, cái nhìn giả bộ thờ ơ cố che giấu. Bàn tay để lộ trần trụi những điều bí ẩn nhất của con người.

Bởi vì có một lúc, không sao tránh được, tất cả những ngón tay bị cầm giữ một cách khổ nhục, có vẻ như ngủ, đã không còn vẻ ung dung thư thái nữa. Vào giây phút quyết định, khi hòn bi ở bàn ru lét rơi vào hốc, và người ta rao số trúng lên, thì ở giây phút đó mỗi bàn tay trong số hàng trăm hay hàng năm trăm bàn tay này đã tự nhiên cử động một cách thật cá biệt, thật riêng tư theo bản năng nguyên thủy của nó. Và khi người ta đã quen quan sát, như tôi do sở thích của chồng mình truyền lại, loại đấu trường của những bàn tay, cách cử động đột ngột, luôn thay đổi, luôn bất ngờ, do những tâm linh luôn khác nhau để lộ ra thật say mê hơn cả sân khấu hay âm nhạc. Tôi không thể chỉ cho ông rõ từng chi tiết là trên bàn bạc có hàng ngàn dáng bộ của các bàn tay, cái thì như thú dữ, có những ngón tay lông lá, có móng vuốt quắp tiền như kiểu con nhện, cái thì nóng nảy, run rẩy, móng tay nhọn nhát không dám sờ vào tiền; cao quý và bần tiện, tàn bạo và nhút nhát, xảo trá và gần như ngập ngừng; mỗi bàn tay đều có kiểu cách đặc biệt của mình, vì mỗi bàn tay đó đều thể hiện một cuộc sống khác nhau; không kể tới năm hay sáu bàn tay của những người hồ lý.

Những bàn tay này thật sự là những cái máy; chúng hoạt động như những nhánh bằng thép kêu tanh tách của chiếc máy đếm có cánh quay chỉ để từng người một lọt qua, một cách khách quan, chuyên nghiệp, hoàn toàn vô tình, tương phản với cuộc sống cuồng nhiệt của những bàn tay trên. Nhưng chính những bàn tay lạnh lùng này, đến lượt chúng, lại tạo ra một tác động lạ thường bởi sự đối nghịch của chúng với những bàn tay chỉ em thèm khát và mê say kia, tôi dám nói là chúng mặc một bộ sắc phục riêng giống như các cảnh binh giữa biển người, trong không khí kích động của đám đông nổi loạn.

Thêm vào đó, còn cái thích thú riêng là chỉ qua vài buổi chiều, tôi đã thân quen được với vô số những thói lệ và nỗi say mê của vài bàn tay; chỉ cần ít ngày, là tôi đã quen những bàn tay mới và tôi xếp loại chúng, y như người, là có cảm tình hay khả ố. Nhiều bàn tay làm tôi thật khó chịu bởi sự thô tục và gian tham của chúng, mỗi khi thấy chúng là tôi nhìn ngay đi chỗ khác như đó là một vật dung tục. Mỗi khi có một bàn tay mới xuất hiện là tôi thấy đó là một sự kiện gọi trí tò mò của tôi làm tôi thường quên không nhìn đến bộ mặt không tương ứng với nó, ở phía trên cổ áo, bất động, giống chiếc mặt nạ lạnh lùng, lịch thiệp, trên chiếc sơ mi dạ hội hay một cái cổ lông lạnh đồ trang sức.

Thế là chiều hôm ấy, tôi đến Cadino; sau khi đi ngang qua hai bàn quá đông, tôi sà vào bàn thứ ba, và đã chuẩn bị sẵn vài đồng lu-i vàng. Tôi ngạc nhiên nghe thấy, trong phút tạm ngưng hoàn toàn yên tĩnh đầy căng thẳng này, ngay cả sự im lặng như cũng rung lên, thường vẫn xảy ra khi hòn bi đang do dự giữa hai con số, sắp dừng lại - tôi phải nói là tôi nghe thấy, ngay trước mặt tôi một tiếng động khác thường, một tiếng răng rắc, một tiếng cắc như tiếng khớp xương bị gẫy phát ra. Tôi sững sờ nhìn về phía bên kia tấm thảm. Và tôi thấy ở đó (thật là kinh hãi) hai bàn tay mà tôi chưa từng thấy bao giờ, một bàn tay phải và một bàn tay trái ngoặc vào nhau, như những con thú đang cắn nhau, siết chặt lấy nhau, chống lại nhau một cách dữ tợn, phũ phàng, co quắp lại làm các đốt ngón tay kêu rắc gọn như tiếng một quả hạt dễ bị bóp vỡ phát ra.

Đó là những bàn tay đẹp hiếm có, dài, mảnh dẻ lạ thường, nhưng lại có những cơ bắp rất rắn rỏi - những bàn tay trắng trẻo, phía đầu từ những móng tay nhàn nhạt, bóng như xà cừ, cắt tròn - thanh nhã. Tôi ngắm chúng suốt buổi tối, đúng vậy, tôi đã ngắm chúng, những bàn tay kỳ lạ độc nhất vô song này, mà cứ ngạc nhiên mãi, như thoát đầu điều làm tôi ngạc nhiên đến phát sợ là cơn sốt, là cái vẻ đam mê cuồng nhiệt, là cái cách chúng cắn lấy nhau, vật lộn với nhau.

Lập tức tôi hiểu ngay đây là một con người tràn trề sức mạnh, đã tập trung tất cả sự đam mê của mình vào đầu các ngón tay, cho cơ thể không bùng nổ được. Và bây giờ đây... đúng cái giây phút mà hòn bi rơi vào cái hốc với một tiếng động nhỏ gọn và người hồ ly rao số trúng... vào cái giây phút đó, hai bàn tay bỗng rời nhau như hai con thú bị tử thương, bởi cùng một viên đạn.

Cả hai, chúng ngã xuống, chết thật sự chứ không phải là chỉ kiệt sức; chúng ngã xuống với một vẻ rõ ràng là chán nản và vỡ mộng, như bị sét đánh, cùng cực, và tôi cũng bất lực, không sao tả lại được cảnh đấy. Vì trước đó cũng như sau này, không bao giờ tôi còn được trông thấy những bàn tay có tinh thần đến như vậy, ở chúng mỗi cơ bắp là một cái miệng và sự đam mê toát ra rõ rệt từ các lỗ chân lông.

Cả hai, chúng nằm sòng sọc một lát trên tấm thảm xanh, như những con sứa bị giạt vào bờ, èo uột chết hẳn. Rồi một trong hai bàn tay, bàn tay phải, nhọc nhằn nhấc những đầu ngón tay lên, nó run rẩy, gập lại, xoay một vòng quanh mình nó, ngấp ngừng và sau cùng nó nóng nảy nhặt một đồng giơ-tông lên, lưỡng lự

lăn trên đầu ngón cái và ngón trỏ như lăn một bánh xe nhỏ. Đột nhiên bàn tay uốn mình lại như một con báo mềm mại cong lưng và nó ném, đúng hơn là nó khắc mạnh đồng giờ-tông một trăm phrăng đang ở trong tay nó vào giữa ô vuông đen. Ngay tức khắc, như theo tín hiệu, bàn tay trái vẫn nằm lý cũng dao động trỗi dậy, lướt đi, nói cho đúng là lướt tới bàn tay anh em kia đang run lên một mồi vì vừa làm cái việc tung tiền ra, bây giờ thì cả hai đang ở bên nhau, run rẩy; giống như những hàm răng va nhẹ lập cập vào nhau trong cơn sốt rừng mình, cả hai bàn tay gõ nhẹ xuống bàn, không gây ra tiếng động. Chưa bao giờ, chưa bao giờ tôi lại thấy những bàn tay có tinh thần kỳ lạ đến như vậy, có cái cách chuyển động và chăm chú vất vả đến như vậy. Tất cả những gì khác đang diễn ra dưới cái vòm lớn này, tiếng rì rào ở các phòng khách, tiếng rao ầm ĩ của những người hồ lý, tiếng người đi lại và tiếng của chính những hòn bi bây giờ được tung lên từ cao, nhảy nhót như điên trong cái lồng tròn, sàn bóng loáng, vô vàn những cảm xúc đó xáo trộn lẫn lộn, nối tiếp nhau, đập mạnh vào trí não, tất cả những cái đó đối với tôi bỗng như đã chết và bất động bên cạnh hai bàn tay run rẩy, hỗn hển như hết hơi, khắc khoải đợi chờ, đang lập cập, rung lên, hai bàn tay quái lạ đã mê hoặc, chiếm đoạt tâm hồn tôi.

Sau cùng, tôi không cưỡng lại được. Tôi thấy cần phải trông thấy người, trông thấy bộ mặt, chủ của những bàn tay huyền ảo này; và với nỗi lo âu (phải, với nỗi lo âu thật sự vì những bàn tay ấy làm tôi phát sợ) mắt tôi lướt chậm chậm dọc cánh tay áo lên tận đôi vai nhỏ hẹp. Một lần nữa tôi giật mình, kinh hãi vì bộ mặt cũng như những bàn tay ấy nói cùng một thứ ngôn ngữ, phóng khoáng, cũng bị kích thích quá độ một cách quái dị như nhau, bộ mặt ấy có cái vẻ hăm hờ ghê gớm bên vẻ đẹp thanh nhã, mềm yếu gần như của phụ nữ. Chưa bao giờ tôi thấy bộ mặt như vậy, có thể nói, xứng với con người ấy, lại tách biệt với nó, để sống một cuộc sống riêng, để tự buông thả hoàn toàn vô hạn độ. Tôi đã có cơ hội thật tốt để quan sát bộ mặt này, như xem một chiếc mặt nạ, một thứ tác phẩm tạo hình không thần sắc; con mắt đó, cái con mắt điên loạn không liếc sang phải hay sang trái lấy một giây: con người cứng đờ và đen giống một hòn bi bằng thủy tinh, không hồn, dưới đôi mắt mở to như phản ánh long lanh cái hòn bi bằng gỗ đào hoa tâm đang lăn, nhảy điên cuồng, ngạo nghễ, trong cái vòng tròn nhỏ của bàn ru-lét.

Tôi cứ phải nhắc lại là tôi chưa hề thấy một bộ mặt cuồng nhiệt và hấp dẫn đến thế.

Đó là bộ mặt của một thanh niên chừng hai mươi bốn tuổi, mặt anh ta gầy, thanh mảnh, hơi dài trông thật ý nhị. Cũng như những bàn tay, mặt anh không cường tráng, mà giống như mặt một đứa trẻ mãi chơi thì đúng hơn; nhưng mãi sau này tôi mới nhận ra tất cả những cái ấy, bởi vì lúc đó bộ mặt ấy, đã biến hẳn dưới cái vẻ thèm khát sôi sục rõ rệt. Cặp môi mỏng hé to, nóng nảy, để lộ gần nửa hàm răng; cách đến mười bước, cũng có thể nghe thấy tiếng răng va lập cập vào nhau cuồng nhiệt còn miệng thì đơ ra, mở rộng. Một mớ tóc sáng màu bạch kim, dính chặt vào trán ướt đầm mồ hôi, nó rũ về trước như người bị ngã và hai cánh mũi cứ rung lên liên tục, như có một lớp sóng nhỏ vô hình dưới lớp da. Và cái đầu kia vô tình cứ mỗi lúc ngả về trước một nhiều, gợi lên cái cảm giác là nó bị cơn xoáy của hòn bi nhỏ hút theo; lúc đó tôi mới hiểu vì sao hai bàn tay lại nắm chặt với nhau co quắp như vậy; chính là do cái lực chống phản ứng, do sự co thắt đó mà thân người đã rời khỏi trung tâm điểm của nó mà vẫn giữ được thăng bằng.

Chưa bao giờ (tôi cứ phải nhắc đi nhắc lại mãi điều này) tôi lại thấy một bộ mặt mà sự đam mê vọt tung ra trần trụi, trơ trẽn, thô tục đến vậy và tôi ở đó mê mẩn, nhìn chòng chọc vào nó, vào bộ mặt ấy... tôi cũng bị mê hoặc. cũng bị thôi miên bởi bộ mặt điên dại ấy, như cặp mắt của nó bị viên bi đang quay lộn, nhẩy nhót làm hồi hộp, mê hoặc và thôi miên. Từ giây phút ấy, tôi không để ý đến gì trong gian phòng; tất cả đối với tôi như có vẻ mờ nhạt ảm đạm và bị xóa nhoà tất cả như tối lại so với ánh lửa phát ra từ bộ mặt đó, và tôi không để ý tới ai; tôi quan sát có lẽ đến một giờ chỉ con người này và từng cử chỉ của anh ta... Một tia sáng loé trong mắt anh, hai bàn tay anh run rẩy, nắm chặt lấy nhau giống một cuộn len, bỗng như bung ra như một tiếng nổ lớn và những ngón tay xoè mạnh, run rẩy thèm khát nắm lấy hai mươi đồng tiền vàng khi người hồ lý đẩy tiền tới.

Trong giây lát ấy, bộ mặt bỗng rạng rỡ lên, trẻ hẳn ra, những nét nhăn giãn dần, mềm mại, thân người anh đang cúi về trước, uốn thẳng lên, vẻ minh mẫn, nhẹ nhõm, anh ta lại mềm dẻo như người kỵ sĩ được tinh thần chiến thắng nâng lên: những ngón tay cọ các đồng tiền vào nhau một cách hãnh diện và triu mến, tung chúng lên cho chúng va vào nhau như một trò chơi.

Rồi anh ta lại lo sợ quay đầu, nhìn lướt trên tấm thảm xanh, như một con chó săn còn non đánh hơi tìm dấu vết và bất thần, bằng một cử chỉ nhanh gọn, vội vã, anh ta đổ cả đồng tiền vàng xuống một ô vuông.

Ngay lập tức vẻ rình mò, sự căng thẳng cao độ lại xuất hiện. Cặp môi anh lại để thoát ra những hơi thở hỗn hển như những lớp sóng điện. Nhưng bàn tay anh lại co quắp lại, bộ mặt trở thơ lại biến đi để lộ ra vẻ lo âu của sự mê say, cho đến khi, như một phát mìn nổ, nổi tuyệt vọng làm tan biến vẻ cứng đờ căng thẳng, bộ mặt vừa một lát trước đây còn ra vẻ một đứa trẻ nhỏ đã héo hắt lại, xỉn đi và già cằn, đôi mắt trở nên lơ đãng, không thần sắc tất cả chỉ trong một giây, khi hòn bi nằm lại ở một số không phải do anh ta chọn. Anh đã thua: trong giây lát, anh nhìn trùng trùng, ngây dại, như không hiểu gì, nhưng khi người hồ lý vừa hồi, ngay lập tức như có đòn roi kích thích, tay anh ta lại chộp lấy vài đồng tiền vàng. Nhưng anh ta không còn tự tin nữa, thoát tiền anh đặt tiền vào một ô sau đó anh thay đổi ý định, lại đặt vào một ô khác và khi hòn bi đã lăn theo vòng tròn, đột nhiên trong một cơn ngẫu hứng, anh lại run rẩy ném thêm hai tờ giấy bạc nhàu nát vào ô vuông đó.

Sự luân phiên thua được hồi hộp đó, kéo dài liên tục chừng một giờ, và trong hai giờ đồng hồ ấy tôi bị thu hút, không rời khỏi bộ mặt luôn biến đổi này, nơi nổi đam mê hiện lên rồi lại rút đi như sóng. Mắt tôi không rời khỏi đôi tay huyền ảo này, mỗi cơ bắp đều thể hiện như tranh vẽ, cả một lớp biểu đồ tình cảm, vụt phóng lên trời cao rồi rớt xuống như một tia nước. Chưa bao giờ, tại rạp hát tôi lại chú ý nhiều đến bộ mặt diễn viên như tôi ngắm bộ mặt này; trên bộ mặt đó, các giai điệu biến đổi của màu sắc và cảm giác không ngừng hiện lên, từng đợt một, như ánh sáng và bóng tối chiếu trên phong cảnh.

Chưa bao giờ tôi tập trung toàn bộ sự chú ý vào việc quan sát các biểu hiện của nổi đam mê lạ lùng này như bây giờ. Nếu có ai quan sát tôi, chắc là trông cặp mắt lạnh lùng, cứng đờ và mê mẩn của tôi, họ sẽ cho là tôi đang bị thôi miên, và tình trạng tê cứng hoàn toàn của tôi thật ra cũng giống một sự thôi miên, tôi không thể cưỡng lại không nhìn cái đáng vẻ đó; và tất cả cái mờ lộn xộn ánh sáng, tiếng cười, con người và những cặp mắt, bập bênh quanh tôi như một vật vô hình, như một màn khói vàng, ở giữa là bộ mặt đó - một ngọn lửa giữa các ngọn lửa. Tôi không nghe thấy gì, không cảm thấy gì, không nhìn thấy những người đang chen quanh tôi, tôi không trông thấy những bàn tay khác bỗng chìa ra, như những chiếc dây ăng-ten, để ném tiền vào bàn bạc hay để vợ lấy những ôm bạc, tôi không nhìn thấy những hòn bi, cũng không nghe thấy tiếng nói của người hồ lý, thế mà tôi vẫn trông thấy như trong giấc mơ những gì đang diễn ra trong đôi bàn tay này, mà hồi hộp, phấn hứng làm to hơn, phóng đại lên như trong tấm gương lõm. Bởi vì muốn biết hòn bi rơi vào ô

đỏ hay đen, nó đang lăn hay đã dừng, tôi không cần phải nhìn bàn ru-lét: mỗi giai đoạn, thua hay được, chờ đợi hay thất vọng, đều đọc được như bằng những nét lửa trên những đường gân và những cử chỉ của bộ mặt mê mải say đắm này.

Nhưng rồi đến một lúc khủng khiếp, cái lúc mà tôi nơm nớp lo sợ suốt thời gian này, cái khoảnh khắc treo lơ lửng như một con giông tố trên các dây thần kinh bị kích thích quá độ của tôi bỗng bùng nổ và cuốn bốc tất cả theo nó.

Hòn bi trong vòng quay đã chạy chậm lại với những tiếng lạch cách nhỏ; lại tới giây phút hồi hộp làm hai trăm đôi môi mím chặt, cho tới lúc người hồ lý lần này xướng số "không" và cái bàn cào lạnh lện của y vét từ mọi phía những đồng tiền kêu lanh canh và những tờ giấy bạc sột soạt.

Lúc đó, hai bàn tay vẫn quắp chặt lại, có một cử chỉ đặc biệt hãi hùng, chúng như chồm lên để vồ lấy một cái gì không còn, sau đó, chúng rớt xuống bàn, như sắp chết, hoàn toàn bị chi phối theo quán tính của quy luật trọng lực. Nhưng sau đó chúng bỗng hồi tỉnh lại một lần nữa; chúng cuống cuống chạy từ bàn tới thân người chủ chúng, leo như những con mèo hoang dọc thân thể vội vã moi tất cả các túi, trên dưới phải trái để xem ở nơi nào đó, có còn sót một đồng tiền như một mẩu bánh vụn bị bỏ quên chăng.

Nhưng lần nào chúng cũng trở ra không; chúng cứ sôi nổi tìm kiếm một cách vô ích hão huyền như vậy trong khi bàn ru-lét lại bắt đầu quay, những người khác lại tiếp tục chơi, những đồng tiền lại va chạm lanh canh vào nhau, những chiếc ghế bị xô đẩy và hàng ngàn tiếng động lại làm xáo động gian phòng. Tôi run lên, rùng mình kinh hãi: tôi thấy như bị miễn cưỡng phải xúc động theo những tình cảm đó, như chính những ngón tay của tôi đang tuyệt vọng lục lọi tìm một đồng bạc cắc nào đó trong túi, trong các nếp của bộ quần áo đã nhàu nát! Đột nhiên anh ta đứng phắt dậy trước mắt tôi, như một người bỗng thấy khó chịu, phải đứng lên cho khỏi bị ngộp thở; sau lưng anh, chiếc ghế đổ lăn ra đất, gây một tiếng động gọn. Anh ta đã nặng nề rời khỏi bàn không chú ý tới chiếc ghế, không để tâm tới những người ngồi kế bên đang ngạc nhiên và e ngại nhìn con người khật khưỡng này.

Trước cảnh ấy, tôi sững người lại. Vì tôi hiểu ngay là người đó sẽ đi đâu: tới cái chết. Ở bất cứ hoàn cảnh nào trong cuộc sống, một con người đứng lên như vậy, chắc chắn không phải để tới

một khách sạn, một quán rượu, để đi tìm một người đàn bà, đến một toa tàu, mà người đó sẽ lao thẳng vào khoảng không. Người vô tình nhất trong gian phòng địa ngục này cũng phải nhận thấy là chắc chắn con người này không còn một chỗ tựa nào ở ngay tại nhà mình, ở một ngân hàng nào hay ở nhà cha mẹ mình; rằng anh ta đã chơi ở đây đến đồng bạc cuối cùng, tới tất cả cuộc đời mình và bây giờ, anh sẽ bước chệnh choạng ra ngoài, đi bất cứ đâu, nhưng nhất định là sẽ ra khỏi cuộc sống.

Tôi vẫn lo (ngay từ đầu, tôi đã tiên đoán điều này) là ở đây, có một cái gì lớn hơn chuyện được - thua, vậy mà tôi vẫn thấy một tiếng sét thê thảm nổ ra ở trong tôi khi tôi nhận được là cuộc sống bỗng rời khỏi đôi mắt người này và cái chết đã nhuộm màu xanh ngắt lên bộ mặt đầy sinh khí này.

Vô tình (vì những cử chỉ mềm mại của anh đã thấm quá chùng vào tôi) tôi phải nắm chặt tay bám cho vững trong lúc anh ta lao đảo đứng lên khỏi chỗ ngồi một cách khó nhọc, bởi vì dáng đi thất thểu của anh ta bây giờ đã chuyển sang tôi như trước đó nỗi kích thích của anh đã thấm vào mạch máu, vào gân não của tôi. Tiếp theo đấy, điều này mạnh hơn cả tôi, tôi buộc phải đi theo anh ta, dù tôi không muốn, chân tôi cũng tự cử động. Điều này xảy ra hoàn toàn vô ý thức, không phải tôi hành động mà sự thật là không chú ý tới ai, không ý thức về những cử động của mình, tôi chạy về phía hành lang để đi ra ngoài.

Người đó đã ở chỗ gửi quần áo, người hầu đã mang áo khoác cho anh ta. Nhưng anh ta đã không điều khiển được cánh tay mình nữa, người hầu vội giúp anh xỏ tay áo một cách khó khăn như giúp người tàn tật. Tôi thấy anh ta máy móc cho tay vào túi áo ghê để lấy tiền puộc-bova ra cho, nhưng sau khi dò dẫm tận đáy túi, chúng lại trở ra không. Lúc ấy anh ta như sức nhớ tất cả những gì vừa xảy ra, anh ta lúng túng lăm bắm nói gì với người hầu và như vừa qua, anh ngả mạnh người về trước lao đảo bước xuống bậc thang nhà Casinô giống như một kẻ say rượu, người hầu còn nhìn theo anh một lát với nụ cười thoạt đầu là khinh bỉ sau cùng là thông cảm.

Cảnh đó làm xúc động đến nỗi tôi cảm thấy xấu hổ vì mình đã có mặt tại đây. Vô tình, tôi quay đi, ngưỡng ngừng vì đã được chứng kiến như từ lan can rạp hát, tấn thảm kịch của sự tuyệt vọng này ở một người tôi không quen biết, nhưng nỗi lo âu không sao hiểu nổi đó, đang ở trong tôi, đã đẩy tôi đi theo anh ta. Tôi mau mau lấy đồ đạc của mình và không suy nghĩ rõ rệt về

điều gì, hoàn toàn như máy, hoàn toàn theo bản năng, tôi lao vào bóng tối, theo gót người đàn ông đó.

Bà C... ngừng kể một lát. Suốt thời gian ấy, bà ngồi yên trên ghế trước mặt tôi, không nhúc nhích, bà nói một hơi với vẻ điềm tĩnh, mạch lạc, đặc biệt của bà, mà chỉ người nào đã chuẩn bị, đã sắp xếp kỹ thứ tự các sự kiện mới làm nổi. Đây là lần đầu tiên bà dừng lại, bà ngập ngừng rồi đột nhiên bỏ ngang câu chuyện, bà nói thẳng với tôi:

- Tôi đã hứa và với chính tôi - bà bắt đầu vẻ hơi e ngại - là sẽ kể cho ông nghe một cách hoàn toàn thành thật, tất cả những gì đã xảy ra. Nhưng đến lượt tôi, tôi cũng đòi hỏi ông phải hoàn toàn tin vào sự thành thật của tôi; ông đừng gán cho cách xử thế của tôi những động cơ thầm kín, giờ đây có thể làm tôi phải xấu hổ, đỏ mặt; trường hợp đó, là một giả thiết hoàn toàn sai cho nên tôi phải nhấn mạnh rằng khi tôi vội vã chạy theo ra đường, kẻ đánh bạc đã gục xuống, tôi không hề mê chàng trai đó; tôi không nghĩ tới anh ta như một người đàn bà thường nghĩ về một người đàn ông, và sự thật lúc đó, tôi đã trên bốn mươi tuổi; sau khi chồng chết, tôi không để ý tới người đàn ông nào, đối với tôi đây là một việc dứt khoát đã được xếp vào dĩ vãng; tôi nhấn mạnh rõ ràng với ông điều này là phải nói như vậy vì nếu không, ông sẽ không hiểu rành mạch tất cả những gì đã xảy ra sau đây với nỗi kinh hoàng của nó.

Sự thật, về một mặt khác, rất khó gọi cho chính xác, tình cảm lúc đó đã lôi cuốn tôi đi theo con người khốn khổ này mà không cưỡng lại được: có sự tò mò, nhưng cái chính là nỗi sợ khủng khiếp, hay nói cho đúng hơn, là sự sợ hãi một cái gì khủng khiếp mà ngay từ phút đầu, tôi đã cảm thấy lơ lửng quanh người trai này như một đám mây. Nhưng không thể phân tích hay mổ xẻ những cảm giác như thế được, trước hết vì chúng diễn ra, xoắn xuýt lấy nhau, quá mạnh, quá nhanh và quá ngẫu nhiên, chắc chắn là ở đây, tôi chỉ làm cái việc đơn thuần thuộc về bản năng như người ta làm để cứu giữ, để ngăn chặn một đứa trẻ, ở ngoài phố, đang sắp lao vào bánh xe hơi. Nếu không, làm sao có thể giải thích được việc những người không biết bơi lại lao từ trên cầu xuống cứu một người đang chết đuối? Đó chỉ là cái sức mạnh huyền diệu đã lôi cuốn họ, cái ý chí đã thúc đẩy họ lao xuống nước trước khi họ có thì giờ nghĩ tới sự táo bạo điên rồ của việc làm ấy. Đúng là như vậy không ngại, không suy tưởng, hoàn toàn không có chút ý thức nào, lúc đó, tôi đã đi theo con người khốn khổ ấy từ phòng đánh bạc ra cửa và từ cửa tới thềm trước nhà Casinô . Và tôi đoán chắc là ông, hay bất cứ ai có

mắt để nhìn đều không thể nào dứt khỏi cái kỳ vật biết lo âu này, vì không gì thể thăm bằng tưởng tượng thấy chàng trai nhiều nhất là hai mươi bốn tuổi này, lê lết một cách khó nhọc như một ông lão, từ cầu thang ra ngoài sân, loạng choạng như người say rượu, các khớp xương mềm nhũn và gầy gáp. Anh ta nặng nề gieo mình xuống một chiếc ghế dài, như một cái bị. Cử chỉ đó làm tôi rùng mình và cảm thấy là người ấy đã đi tới chỗ tận cùng của sự vật. Chỉ người đã chết hay người không một cơ bắp còn sống trong cơ thể mới ngã xuống như vậy. Cái đầu gục ngoẹo sang bên, thả xuống lưng ghế, hai cánh tay thông xuống đất, mềm oặt, không ra hình dáng gì, trong bóng tối lò mờ, dưới ngọn lửa chập chờn của các cây đèn đường, ai đi qua thắc cũng phải cho đó là một xác chết. Vậy là (tôi không thể nào cắt nghĩa nổi vì sao ảo tưởng đó bỗng hình thành trong tôi, nhưng đột nhiên nó ở đó, rành rành như vẽ, một hiện thực ghê gớm và khủng khiếp) vậy là, dưới hình thức một xác chết mà anh ta hiện lên với tôi, trong giây phút đó, và tôi tin chắc một cách mù quáng rằng anh ta có một khẩu súng ngắn trong túi, ngày mai, người ta sẽ thấy cái thân thể không hồn, đầm máu này nằm sóng sượt trên cái ghế này hay một cái khác. Vì cái cách buông thả của anh là cách một hòn đá rơi xuống vực thẳm, nó không dừng lại chừng nào chưa chạm tới đáy: chưa bao giờ tôi thấy một cử chỉ về hình thể biểu lộ sự mệt mỏi và tuyệt vọng nhiều đến như thế.

Còn bây giờ, ông hãy tưởng tượng địa vị của tôi: tôi đứng chừng hai ba chục bước sau chiếc ghế dài người đàn ông đó đang ngồi im lặng, tàn tạ. Tôi không biết mình phải làm gì, phần thì bị thôi thúc bởi ý muốn cứu giúp anh ta, phần thì sợ, không dám ngỏ lời với một người lạ ở ngoài đường, nỗi sợ do sự giáo dục và tính di truyền mà có. Những ngọn lửa mờ đục của những ngọn đèn ga chập chờn trên nền trời đầy mây, người đi đường rất thưa thớt, đều vội vã; vì sắp tới nửa đêm mà chỉ còn một mình tôi ở ngoài đường với con người giống một kẻ tự vẫn.

Năm lần, mười lần, tôi đã tập trung tất cả nghị lực của tôi và tôi tiến tới phía anh ta, nhưng luôn luôn, sự ngượng ngùng níu tôi lại, hay có lẽ đó là cái bản năng, cái linh cảm sâu sắc chỉ cho ta thấy rằng những người bị ngã thường kéo theo những người đến cứu họ ngã theo; giữa cảnh ngập ngừng ấy, bản thân tôi thấy rõ ràng sự điên rồ, sự lố lằng của tình hình. Nhưng tôi cũng không thể nói, không thể bỏ đi, không thể làm bất cứ điều gì, cũng không thể rời anh ta được. Tôi hy vọng là ông tin tôi khi tôi nói với ông rằng tôi ở lại trên sân, đi đi lại lại không biết nên quyết định ra sao, có lẽ đến một giờ, một giờ dài vô tận, trong

khi những làn sóng của biển cả, không nhìn thấy được, cứ găm nhấm thời gian bằng hàng ngàn, hàng ngàn tiếng đập nho nhỏ, hình ảnh của sự huỷ diệt hoàn toàn một con người làm tôi bị xáo trộn và thấm sâu vào trong tôi đến thế.

Mặc dù vậy, tôi vẫn không đủ can đảm để nói và làm gì; có thể tôi còn ở đó như vậy suốt nửa đêm để chờ đợi hay có lẽ tính ích kỷ khôn ngoan hơn, cuối cùng sẽ dẫn tôi trở về nhà, phải, tôi như sắp quyết định bỏ mặc cái đun đau khổ này với số phận của nó thì một sức mạnh cao siêu đã thắng sự do dự của tôi. Phải, trời bắt đầu đổ mưa. Suốt buổi chiều, giờ đã quần tụ lại trên biển những đám mây lớn của mùa xuân, nặng trĩu hơi nước; với lồng ngực và với trái tim, người ta cảm thấy bầu trời đè nặng xuống trái đất. Đột nhiên, một giọt nước mưa rơi đập xuống đất và ngay lập tức một trận hồng thủy đổ ập xuống với những cuộn nước nặng nề bị gió đuổi đi. Tôi buộc phải nép dưới mái một quán hàng và tuy tôi đã mở dù, những đợt nước mưa vẫn bắn tung lên hất những bó nước xuống áo tôi. Tôi cảm thấy những hạt bụi lạnh lạnh của nước rơi xuống đất tanh tách, bắn lên tận mặt và tay tôi.

Nhưng (thật ghê sợ khi thấy rằng đến bây giờ, đã hai mươi năm sau, chỉ nghĩ đến việc này cổ họng tôi vẫn như thắt lại) mặc cho mưa như thác đổ còn người khốn khổ ấy vẫn ngồi lì trên ghế bất động, không nhúc nhích. Nước chảy ào ào, xối xả từ tất cả các ống máng, từ phía thành phố, tiếng xe hơi nổ ầm ầm. Bên phải, bên trái, người ta chạy vội vàng, cổ áo măng-tô kéo cao, tất cả những gì sống động đều thu mình lại, sợ hãi trốn chạy, tìm nơi trú ẩn, ở khắp mọi nơi, người và vật đều cảm thấy nỗi khiếp sợ trời đất nổi cơn thịnh nộ - chỉ riêng một đồng thân thể đen đúa co tròn lại này vẫn ở đó trên ghế, không động dậy. Tôi vẫn nói với ông là con người này có phép màu diễn ra tình cảm của mình một cách uyển chuyển bằng cử động và dáng điệu; nhưng không có gì, không một thứ gì trên trái đất này có thể diễn tả sự tuyệt vọng, sự buông thả hoàn toàn bản thân mình, cái chết còn sống động một cách thấm thía, bằng sự bất động, bằng cái cách ngồi lì trơ trơ dưới trời mưa tầm tã, bằng vẻ mệt mỏi quá mức đến nỗi không thể đứng dậy đi vài bước cần thiết đến một nơi trú mưa nào đó, bằng sự lạnh lùng cao nhất đối với chính mình. Không nhà điêu khắc, không nhà thơ nào - kể cả Miken Angier, lẫn Đăngtê([80]) làm cho tôi hiểu được cái động tác của sự tuyệt vọng cùng cực, sự khốn khổ cùng cực trên trái đất một cách xúc động và mạnh mẽ bằng con người sống nhưng lại quá nhu nhược, quá mệt mỏi đến nỗi không tự che chở lấy mình

bằng một cử động thôi - và cứ để cơn giông bão xối nước lên người.

Thật là mạnh hơn mình, tôi không thể làm khác được Tôi nhảy một bước dưới hàng nước mưa xối xả quá mạnh và tôi lay cái khối thịt lướt trượt ngồi trên ghế này.

- Lại đây nào! Tôi nắm cánh tay anh và nói.

Một vật không biết định nghĩa là gì nhìn tôi chòng chọc, vẻ khổ sở. Anh ta hơi nhúc nhích như có vẻ cử động nhưng anh vẫn không biết gì.

- Lại đây nào! Tôi nói và lại kéo cánh tay áo đầm nước, lần này tôi đã hơi bức rồi.

Thế là anh ta từ từ đứng dậy, lảo đảo, không còn ý chí.

- Bà muốn gì? Anh ta hỏi.

Tôi không trả lời được vì chính tôi cũng không biết đi đâu với anh ta; điều tôi muốn, chỉ là kéo anh ta ra khỏi trận mưa lạnh giá này, khỏi sự dửng dưng điên dại giống như tự vẫn này làm anh cứ ngồi như vậy trong cảnh tuyệt vọng cùng cực. Tôi không buông cánh tay anh ta, tôi tiếp tục kéo anh, cái thân tàn ma dại này, tới tận quầy bán hoa, có mái nhô ra một chút, ít ra cũng che chở anh ta được phần nào chống những đợt mưa dữ dội bị gió quất phủ phàng. Ngoài điều đó ra, tôi không biết gì, tôi không muốn gì hết.

Thoạt tiên, tôi chỉ nghĩ tới một việc: đưa người này đến một chỗ trú, một nơi khô ráo. Thế là cả hai chúng tôi, đứng bên nhau, núp trong một khoảng nhỏ, phía sau chúng tôi là cái quầy vách đóng kín, trên đầu chúng tôi chỉ có cái mái che, quá nhỏ; dưới mái, nước mưa không ngừng lọt ngấm ngấm qua, quất từng đợt những mảng nước lạnh vào quần áo, vào mặt chúng tôi, tình hình trở nên không sao chịu đựng nổi. Dù sao tôi cũng không thể ở lại lâu hơn nữa, bên cạnh người lạ lướt lướt trượt này. Mặt khác sau khi kéo anh ta đi theo tôi, cũng không thể bỏ mặc anh ta ngay mà không có một lời nào. Nhất thiết phải làm gì đó; dần dần, một ý nghĩ rõ ràng, sáng sủa, hình thành trong đầu tôi. Tốt nhất là đưa anh ta về nhà anh bằng xe rồi trở lại nhà mình, ngày mai, anh ta sẽ biết tự lo liệu. Và thế là tôi hỏi con người đứng lạng bên tôi, mắt nhìn đắm đắm vào đêm tối giận dữ:

- Anh ở đâu?

-Tôi không có chỗ ở... Tôi vừa từ Nixer đến chiều nay... Không thể về nhà tôi được.

Tôi không hiểu ngay câu sau cùng. Mãi sau này, tôi mới hiểu là người này tưởng tôi là... là...là một trong số đông những người đàn bà đêm đêm lẩn quất quanh Casinô, với hy vọng kiếm được một món tiền nào đó của những con bạc gặp vận may hay của những kẻ say rượu. Thật ra anh ta có thể nào nghĩ khác được vì giờ đây, kể cho ông nghe việc này, tôi cũng cảm thấy tình hình của tôi lúc đó, thật là vô lý và kỳ quặc. Anh ta có thể có ý nghĩ gì về tôi khi cách tôi kéo anh ta ra khỏi ghế và lôi anh ta đi rõ ràng không phải là phong cách của một bà mệnh phụ?

Nhưng ý nghĩ đó không đến với tôi ngay lúc bấy giờ. Mãi sau này, khi đã quá muộn, tôi dần dà mới thấy được sự hiểu lầm ghê gớm của anh ta về tôi. Bởi vì nếu không, tôi đã không bao giờ nói những lời sau đây chỉ làm anh ta hiểu lầm thêm nữa. Quả vậy, tôi đã nói:

- Vậy thì ta kiếm một phòng ở khách sạn. Anh không thể ở đây, anh phải tìm ngay một chỗ nghỉ ở đâu chứ.

Nhưng lập tức, tôi lại nhận thấy sự hiểu lầm đau đớn của anh ta vì không buồn quay lại với tôi, anh ta chỉ nói, vẻ hơi mỉa mai:

- Không, tôi không cần phòng. Tôi không cần gì hết. Cô đừng bận tâm, tôi không có gì để cô moi được đâu. Cô kiếm không đúng chỗ rồi, tôi không có tiền.

Điều đó còn được nói ra với một giọng nghe ghê sợ với một vẻ lạnh lùng gây nhiều ấn tượng và điệu bộ của anh - cái kiểu ẻo lả tựa vào vách quầy hàng của con người ướt sũng, nước thối tận xương, tâm hồn mệt mỏi - đã tác động đến tôi đến mức tôi không kịp nhận ra là mình đã bị xúc phạm một cách ti tiện và ngớ ngẩn. Khi anh ta vừa lao đảo ra khỏi phòng đánh bạc, và suốt một tiếng đồng hồ vừa qua, không sao tưởng tượng nổi đó, điều duy nhất tôi luôn luôn cảm thấy là: ở đây một con người còn trẻ, đầy sức sống, đầy sinh khí, sắp đến lúc chết và bốn phận của tôi là cứu anh ta. Tôi tới gần anh và nói:

- Đừng lo chuyện tiền bạc, cứ đi với tôi! Anh không thể ở lại đây được, tôi sẽ kiếm ra chỗ nghỉ cho anh. Đừng lo nghĩ gì, cứ đi

đi.

Anh ta hất đầu và trong khi mưa vẫn rơi lộp bộp quanh chúng tôi, cơn giông vẫn xối nước rào rào dưới chân chúng tôi, tôi cảm thấy là lần đầu tiên, anh cố nhìn mặt tôi trong bóng tối. Thân thể anh cũng dần dần thoát khỏi cơn mê.

- Thôi được. tùy cô, - anh ta nhận lời và nói - tôi cũng chẳng thiết... Sao không thể được nhỉ? Chúng ta đi thôi.

Tôi mở dù, anh ta đến bên tôi và khoác tay tôi.

Cái cách đột nhiên tỏ ra thân mật như vậy làm tôi rất khó chịu. Phải, nó làm tôi khiếp sợ, tôi thấy hoảng hốt đến tận đáy lòng. Nhưng tôi không có can đảm cấm anh ta làm như vậy, vì nếu giờ đây, tôi gạt anh ta ra, anh lại rơi xuống vực thẳm và những gì tôi đã làm cho đến lúc này sẽ trở nên vô ích. Chúng tôi đi vài bước về phía nhà Casinô .

Đến lúc đó, tôi mới thấy là không biết nên làm gì với anh ta. Sau khi suy nghĩ thật mau, tôi nghĩ điều tốt nhất là dẫn anh đến một khách sạn, giúi vào tay anh một số tiền để anh ta có thể trả tiền phòng và ngày mai, trở về Nixer được; tôi không nghĩ đến việc gì khác. Lúc này các xe cộ đi nhanh ngang qua nhà Casinô, tôi gọi một chiếc và chúng tôi lên xe đó. Khi người đánh xe hỏi chúng tôi muốn đi đâu, thoát tiên tôi không biết trả lời ra sao. Chợt nghĩ rằng, con người sùng nước từ đầu đến chân này đang ở bên tôi sẽ không được chấp nhận vào bất cứ một khách sạn sang nào. Mặt khác, do tôi là đàn bà không có kinh nghiệm, không hề nghĩ đến việc có thể bị hiểu lầm, tôi chỉ nói với người đánh xe:

- Đến một khách sạn nhỏ nào cũng được!

Người đánh xe, vẻ khắc khổ, ướt đầm nước mưa, cho ngựa cất bước. Người lạ ngồi bên tôi nín lặng; tiếng bánh xe lổng bống, nước mưa đập mạnh vào kính, trong cái khoảng vuông tối tăm, không ánh sáng, như trong một chiếc quan tài, tôi cảm thấy như đi theo một xác chết. Tôi cố suy nghĩ, cố tìm một lời để làm nhẹ bớt vẻ kỳ quặc và kinh hãi của việc lằm lị ngồi bên nhau như thế này, nhưng tôi không làm nổi. Sau vài phút, xe dừng lại. Tôi xuống trước, trả tiền xe trong khi người kia, nửa thức nửa ngủ, đóng cửa xe lại. Bây giờ chúng tôi đang ở trước một khách sạn nhỏ mà tôi không biết nữa, phía trên là một mái hiên bằng kính

chìa cái vòm tròn nhỏ ra che chở chúng tôi chống cơn mưa vẫn đều đều tí tách đến rợn người, xé rách bức màn đêm lạnh lùng.

Người lạ này, không đỡ nổi sức nặng của thân mình, buộc phải tựa vào tường; từ chiếc mũ lướt trượt, từ bộ quần áo nhàu nát của anh ta nước rỏ xuống như từ một ống máng. Anh ta ở đó như người bị chết đuối vừa được vớt lên, tinh thần còn tê cóng và ở chỗ anh ta tựa, nước chảy thành một vũng nhỏ. Nhưng anh ta cũng không làm gì để rũ hết nước, để nhấc chiếc mũ, nước cứ chảy không ngừng xuống trán, xuống mặt anh. Anh ta cứ đứng đó trơ trơ và tôi không sao có thể nói để ông rõ là tôi bị xúc động bởi sự suy sụp ấy đến chừng nào.

Nhưng giờ đây, phải làm gì đã. Tôi cho tay vào túi:

- Đây là một trăm phrăng - tôi nói - anh sẽ thuê phòng và sáng mai anh trở về Nixơ.

Anh ta ngạc nhiên nhìn tôi.

- Tôi đã để ý quan sát anh từ trong sòng bạc - sau khi thấy anh ta do dự, tôi nói tiếp và nhấn mạnh - Tôi biết anh đã thua cháy túi rồi và tôi lo anh sắp làm điều dại dột. Nhận sự giúp đỡ không có gì xấu cả... Thôi, cầm lấy đi.

Nhưng anh ta gạt tay tôi ra, mạnh không ngờ.

- Cô là gái tốt đấy - anh nói - nhưng đừng vung phí tiền như vậy. Không làm gì được cho tôi đâu. Đêm nay, ngủ hay không tôi cũng chẳng thiết. Mai là hết. Không còn làm gì được nữa đâu.

- Không, anh phải cầm lấy số tiền này - tôi năn nỉ - mai anh sẽ nghĩ khác. Bây giờ anh hãy vào khách sạn đi và ngủ cho yên: ban đêm giúp ta suy nghĩ chín chắn hơn; mọi việc sẽ khác không giống ban ngày.

Nhưng khi tôi đưa tiền cho anh ta, một lần nữa, anh ta gạt phắt đi, về dữ tợn.

- Vô ích - anh ta nhắc lại với giọng trầm - Tiền không dùng làm gì hết. Tốt hơn là để việc này xảy ra ở ngoài hơn là để phòng của người ta bị giầy máu. Một trăm phrăng, chứ đến một ngàn phrăng cũng không giúp được gì cho tôi.

Ngày mai tôi sẽ trở lại Casinô với vài phrăng còn lại và khi nào cháy túi, tôi mới đi. Bắt đầu lại làm gì? Tôi chán lắm rồi?

Ông không thể tưởng tượng được giọng nói âm âm đó đã đem lại cái cảm giác gì, tận nơi sâu thẳm của tâm hồn tôi; ông hãy hình dung hoàn cảnh của tôi; hai bước trước mặt mình là một người trai trẻ, sáng sủa, đầy sức sống, khỏe mạnh và ta biết rằng, nếu ta không ráng hết sức mình, thì chỉ trong hai giờ nữa, cái tuổi hoa xuân này, đang suy nghĩ, nói năng và hô hấp kia sẽ chỉ còn là một cái xác. Thế là tôi có ước vọng mãnh liệt phải thắng sự chống cự điên dại này.

Tôi nắm cánh tay anh ta và nói:

- Điên khùng thế là đủ rồi! Anh sẽ vào khách sạn thuê một phòng; sáng mai tôi sẽ đến kiếm anh và đưa anh ra ga. Anh phải đi khỏi nơi đây trong ngày mai, anh phải trở về nhà và tôi sẽ không để anh yên trước khi thấy anh mua vé và lên tàu. Khi còn trẻ, thì không ai chỉ vì thua một vài trăm hay vài ngàn phrăng mà lại đi kết liễu đời mình. Thế là hèn nhát, là nổi cơn nóng giận, điên khùng một cách ngớ ngẩn. Ngày mai anh sẽ cho tôi là có lý.

- Ngày mai ư? - Anh ta nhắc lại với giọng chua chát mỉa mai la lùng. Ngày mai? Nếu cô biết ngày mai tôi sẽ ở đâu! Nói thật, tôi thấy vấn đề này hơi kỳ cục đấy. Thôi, cô em, cô đi về nhà đi, đừng mất công và đừng phí tiền nữa.

Nhưng tôi không nhượng bộ. Ở trong tôi, hình như có một sự mê say, một cơn phần nộ.

Tôi nắm mạnh bàn tay anh ta và nhét tờ giấy bạc vào tay anh:

- Cầm lấy tiền và vào ngay đi.

Nói rồi, tôi kiên quyết đến kéo mạnh dây chuông.

- Đấy, bây giờ tôi đã kéo chuông rồi, người gác sắp ra, anh lên phòng và đi ngủ đi. Chín giờ sáng mai, tôi sẽ chờ anh ở trước nhà này và tôi sẽ đưa anh ra ga ngay. Anh không phải lo gì cả, tôi sẽ làm mọi việc cần thiết để anh có thể trở về nhà được. Bây giờ thì đi nằm đi, ngủ cho ngon và đừng nghĩ ngợi gì hết.

Lúc đó, ở phía trong, có tiếng khoá và người làm của khách sạn ra mở cửa.

- Vào đây! Người trai đó bỗng nói bằng một giọng cứng rắn, quả quyết và bức tức.

Và tôi thấy những ngón tay của anh ta siết chặt như sắt lấy cổ tay tôi. Tôi kinh hãi, tê cứng đến mướt như bị sét đánh và không còn đầu óc để nghĩ ngợi gì nữa. Tôi muốn chống cự, muốn vùng thoát, nhưng ý chí của tôi đã mềm nhũn ra... và tôi, xin ông hiểu cho... tôi thấy xấu hổ vì phải chống cự với một người lạ trước người gác - vẫn đứng đó vẻ sốt ruột. Và như vậy... như vậy là tôi bỗng thấy mình đã ở bên trong khách sạn. Tôi muốn nói, muốn bày tỏ một điều gì nhưng tiếng nói cứ bị nghẹn trong cổ họng... Bàn tay anh vẫn nắm cánh tay tôi, chặt cứng và phũ phàng... Tôi lơ mơ cảm thấy mình bị kéo đi, lên thang gác mà không ý thức được việc mình làm... Khoá mở.

Và bỗng nhiên tôi thấy một mình tôi trong gian phòng xa lạ tại một khách sạn tới nay tôi cũng không biết tên, với một người đàn ông không biết là ai nữa.

*

Bà C... lại ngừng và đột nhiên bà đứng dậy; bà nói không nên lời nữa. Bà tới cửa sổ, lặng lẽ nhìn vài phút ra ngoài; hay có thể bà chỉ tựa trán vào tấm kính lạnh; tôi không có can đảm để thấy rõ được điều đó vì quan sát bà mệnh phụ già này trong cơn xúc động thật là cực khổ. Cho nên tôi cứ ngồi lặng thinh, không nói gì, không gây tiếng động, và tôi đợi cho đến khi bà quay lại, bình tĩnh trước tôi ngồi trước mặt tôi.

- Bây giờ điều khó khăn nhất đã được nói ra. Và bây giờ tôi hy vọng ông sẽ tin tôi nếu tôi khẳng định một lần nữa với ông, nếu tôi thề với ông trước tất cả những gì thiêng liêng nhất đối với tôi, trước danh dự tôi và trước sinh mạng của các con tôi rằng, trước giây phút đó, không hề có một chút ý nghĩ nào về một cuộc... một cuộc chung chạ với con người xa lạ này đến trong tâm trí tôi, rằng thật sự tôi không còn ý chí nữa, không còn ý thức nữa, tôi bỗng rơi, như bị bẫy, từ con đường quang đàng của đời mình vào hoàn cảnh này. Tôi đã hứa với ông và với tôi, tôi

nhắc lại một lần nữa với ông là chỉ duy nhất do ý chí gần như cuồng nhiệt muốn cứu giúp người trai trẻ này chứ không phải do một tình cảm nào khác, một tình cảm cá nhân nào đó nghĩa là không có một chút ham muốn, một ý nghĩ nào về việc gì sẽ tới mà tôi bị xô đẩy vào câu chuyện bí ẩn này.

Ông miễn cho tôi khỏi phải kể cho ông nghe những gì đã xảy ra trong gian phòng ấy, tôi không bao giờ quên và sẽ không quên một giây phút nào của cái đêm đó. Bởi vì ở đây, tôi đã đấu tranh với một con người, để cứu sống anh ta, phải, tôi nhắc lại trong cuộc đấu tranh này, chủ yếu là cuộc sống hay cái chết của một con người.

Mỗi sợi thần kinh của tôi đều cảm thấy không sai chút nào rằng người lạ, người đàn ông này, lúc sắp chết, đã bám lấy tấm ván cứu mạng với tất cả sự sôi nổi, sự đam mê của một người bị đe dọa đến tính mạng. Anh ta bám lấy tôi như một người đã cảm thấy vực thẳm ở dưới chân mình. Còn tôi, tôi ráng dùng hết mọi phương cách, tất cả những gì tôi có thể có để cứu anh ta.

Trong đời mình, người ta chỉ sống một giờ như vậy có một lần và điều đó cũng chỉ đến với một người trong số hàng triệu người; không có cái sự kiện khủng khiếp này, tôi không bao giờ ngờ được là với sức mạnh của tuyệt vọng, với sự phần nộ được buông lỏng, một con người bị bỏ rơi, một con người bị thất vọng vẫn cầu mong một lần cuối, đến giọt máu thắm cuối cùng của đời mình, bản thân tôi đã xa lánh trong hai mươi năm những sự cám dỗ ma quỷ của cuộc sống, tôi không hiểu được cái cách vĩ đại và kỳ quái mà đôi khi thiên nhiên cô đọng lại trong vài hơi thở gấp gáp tất cả những gì là nồng nhiệt và băng giá, là sự sống và cái chết, là say đắm và tuyệt vọng. Cái đêm đó chứa chất đầy những đấu tranh và lời lẽ, đam mê, giận dữ và oán hờn, những giọt lệ van nài, say sưa đến nỗi tôi tưởng nó kéo dài tới một ngàn năm và chúng tôi - hai con người thất thế ràng buộc lấy nhau cùng lăn xuống đáy vực thẳm, một người mang trong mình sự điên dại của cái chết, còn người kia, sự linh cảm của cái chết đó - chúng tôi thoát ra khỏi cuộc đấu tranh sinh tử này, hoàn toàn biến hóa, toàn bộ đổi thay, với một tinh thần và một cảm giác khác.

Nhưng tôi không nói về điều ấy. Tôi không thể và không muốn viết điều ấy. Tuy vậy tôi lại phải nói với ông về cái phút kỳ lạ khi tôi tỉnh giấc sáng hôm sau. Tôi thức dậy sau một giấc ngủ nặng như chì, từ một vực sâu thăm thẳm, mà tôi chưa bao giờ biết đến. Mãi một lúc lâu tôi mới mở mắt ra được và vật đầu tiên tôi

trông thấy ở phía trên, là trần một gian phòng lạ; tôi sờ soạng thêm một chút nữa, thì thấy đây là một nơi khác lạ, ghê tởm, tôi chưa hề biết tới, không hiểu sao tôi lại có thể rơi vào đây được. Thoạt tiên, tôi cố cho đây chỉ là một giấc mơ, một giấc mơ rõ rệt và trong suốt đã dẫn tới giấc ngủ nặng nề và lộn xộn này, nhưng trước cửa là ánh sáng ban mai, ánh sáng trong vắt và thật không sao chối cãi được của vầng dương đã loé lên; đã có những tiếng động của đường phố vang lên, tiếng xe lăn, tiếng chuông tàu điểm, tiếng người ồn ào, bây giờ tôi biết là tôi không mơ mà tôi tỉnh. Tôi miễn cưỡng nhồm dấy, để lấy tinh thần và... nhìn sang bên... kia, tôi trông thấy (không bao giờ tôi có thể tả cho ông thấy hết nỗi kinh hoàng của tôi) một người đàn ông lạ ngủ bên tôi trên cái giường rộng... nhưng đó là một người lạ, một người xa lạ hoàn toàn tôi không quen biết, ở trần...

Không, tôi hiểu là nỗi kinh hoàng không sao kể ra được ấy, nó ập tới mạnh đến nỗi tôi lại nằm vật xuống, bất động. Nhưng đây không phải là ngất xỉu thật sự, không còn ý thức được gì, trái lại, trong khoảnh khắc một ánh chớp, tất cả mọi việc, đối với tôi trở nên vừa rõ ràng vừa không sao giải thích được, và tôi chỉ ước ao được chết vì chán chường, vì tủi hổ vì thấy mình bỗng nhiên, nằm cùng một người hoàn toàn không quen biết, trên một cái giường lạ, tại một hắc điểm, rõ ràng là đáng nghi ngờ. Tôi còn nhớ rất rõ là tim tôi đã ngừng đập; tôi nín thở như để bằng cách đó, có thể chấm dứt được đời mình, trước hết là lương tâm mình, cái lương tâm trong sáng, một sự trong sáng quái đản, cảm thấy được tất cả nhưng không hiểu được gì hết.

Tôi không biết tôi nằm sóng sượt, toàn thân lạnh toát được bao nhiêu lâu: những người chết nằm trong quan tài cũng cứng đờ như vậy. Tôi chỉ biết là tôi đã nhắm mắt lại và tôi cầu khẩn tất cả sức mạnh của trời đất, dù là gì đi nữa, hãy làm cho những điều đó không phải là thật, không phải đúng như vậy. Nhưng các giác quan nhạy bén của tôi đã cho thấy là tôi không mơ hồ chút nào: tôi nghe tiếng người nói ở phòng bên, tiếng nước chảy; bên ngoài, những tiếng chân lướt ở hành lang và mỗi bằng chứng đó đã xác nhận một cách tàn nhẫn rằng tôi vẫn tỉnh táo.

Tôi không nói được là tình hình đau đớn như vậy kéo dài bao nhiêu lâu; những giây phút đó không đo được bằng những giây phút của cuộc đời. Bỗng nhiên một nỗi lo sợ khác xâm chiếm lấy tôi, nỗi lo sợ khủng khiếp và man dại là người lạ này tên là gì tôi cũng không biết, sẽ thức dậy và hỏi tôi. Tôi thấy rõ là tôi chỉ còn cách duy nhất: mặc quần áo, bỏ trốn trước khi anh ta thức dậy. Không để anh ta trông thấy mình, không nói với anh ta nữa.

Chạy trốn kịp thời, bỏ đi để tìm lại bằng cách nào cũng được, cuộc sống thật của mình, trở về khách sạn và ngay lập tức, bằng chuyến tàu đầu tiên, rời khỏi cái nơi đáng nguyên rủa này, rời đất nước này để không bao giờ gặp người đàn ông này nữa, không nhìn thấy mặt anh ta, không có nhân chứng, người buộc tội và kẻ đồng loã nữa. Ý nghĩ đó đã thắng được cơn ngất xỉu của tôi: rất thận trọng, với những cử chỉ vụng trộm của một tên kẻ cắp, tôi ra khỏi giường, lần mò lấy quần áo, rón rén đưa tay lần từng tí một (để khỏi gây ra tiếng động).

Tôi mặc quần áo, vô cùng thận trọng, chỉ sợ anh ta thức giấc và sau cùng tôi cũng đã sẵn sàng, tôi đã đạt tới mục đích của mình. Chỉ còn cái mũ của tôi ở đầu giường phía bên kia. và trong khi nhón gót, mò mẫm đi lấy mũ, ở giây phút này, tôi không thể làm khác; tôi cứ phải nhìn một lần nữa bộ mặt của con người đã rơi vào đời tôi như một viên gạch rớt từ mái nhà xuống. Tôi chỉ muốn nhìn anh ta thôi nhưng... điều kỳ dị là người trẻ đang nằm ngủ nơi đây hoàn toàn xa lạ với tôi, thoát tiên tôi không nhận ra bộ mặt ngày hôm qua. Thật vậy, những nét căng thẳng do đam mê làm nhăn nhó, với vẻ hốt hoảng, căng thẳng của con người bị kích thích đến cùng cực này như đã bị xóa nhòa; người nằm trước mặt tôi có một bộ mặt khác, thơ trẻ, bộ mặt một đứa con trai, và thật tình mà nói, nó rạng rỡ trong sáng và chân thành.

Đôi môi hôm qua còn mím lại, răng nghiến chặt, đang mơ màng, hé mở, dịu dàng và hơi phác một nụ cười; móng tóc bạch kim trải những lọn tròn trên vầng trán không một nếp nhăn và cái thân thể đang nghỉ ngơi này thở nhẹ nhẹ như một lớp sóng điện êm dịu toát từ lồng ngực ra.

Chắc ông còn nhớ, trước đây tôi đã nói với ông chưa bao giờ tôi quan sát thấy một cách tập trung, sâu sắc và ở mức độ say sưa mãnh liệt đến như vậy về thềm khát dữ dội và sự đam mê ở trong con người như tôi đã quan sát người lạ này trước bàn bạc. Và bây giờ tôi lại nói với ông rằng chưa bao giờ ngay cả ở những trẻ nít, trong giấc ngủ buổi sơ sinh, thường tỏa ra quanh chúng vẻ êm đềm của thiên thần, tôi cũng chưa bao giờ thấy một biểu hiện thanh khiết, trong sáng của giấc ngủ thật sự là sung sướng. Trên bộ mặt này, tất cả những tình cảm đã được ghi lại như một bức họa vô song và bây giờ đây là một sự tĩnh dưỡng, như ở nơi cực lạc, một sự giải thoát việc trút bỏ mọi u uất trong lòng, một sự giải phóng.

Trước cảnh tượng kỳ lạ này, mọi lo âu, sợ hãi đã rời khỏi tôi như một chiếc áo khoác ngoài đen tối; tôi không thấy xấu hổ,

không, tôi cảm thấy sung sướng nữa là khác. Sự kiện ghê gớm và khó hiểu này, bỗng có ý nghĩa đối với tôi; tôi thấy vui mừng, tự hào với ý nghĩ là người trai thanh lịch và đẹp này đang nằm tại đây, bình thản, điềm tĩnh như một bông hoa, nếu không có sự tận tình của tôi sẽ được người ta thấy ở một nơi nào đó, bên một tảng đá, người gầy gáp, đẫm máu, mặt vỡ nát, không hồn, mắt mở to trừng trừng; tôi đã cứu sống anh ta, anh đã được cứu sống! Và bây giờ với cặp mắt của người mẹ (tôi không tìm ra được từ nào khác) tôi nhìn người trẻ tuổi đang ngủ ở đây, được tôi đưa trở lại cuộc sống, đau đớn còn hơn khi tôi sinh các con ruột của tôi. Và trong gian phòng cái bẩn, đồ đạc cổ lỗ, trong cái khách sạn tạm bợ, gớm ghiếc và nhơ nhớp này, tôi bỗng có cảm giác như khi tôi đang ở một nhà thờ, một cảm giác sung sướng tuyệt vời, huyền diệu và thánh thiện (tôi nghĩ vậy dù ông có cho những lời này là lối bịch). Từ giây phút rùng rợn nhất trong suốt cuộc đời tôi, đã nảy sinh trong tôi, như chị em ruột thịt, cái giây phút kỳ lạ, mạnh mẽ nhất có thể có được.

Tôi đã gây ra tiếng động hay tôi đã vô tình nói gì chẳng? Tôi không biết nữa. Người đang ngủ bỗng mở trừng mắt. Tôi hoảng sợ, vội lùi bước. Anh ta ngạc nhiên nhìn xung quanh, như tôi vừa làm trước đó, và anh ta như khó nhọc lắm mới vượt khỏi cảnh hỗn độn và sâu thẳm vô biên. Anh cố gắng lắm mới nhìn một lượt được hết gian phòng lạ này và khi nhìn đến tôi, anh ngừng lại, vẻ kinh hoàng. Nhưng trước khi anh ta nói hay tỉnh hẳn, tôi cũng đã lấy lại được bình tĩnh. Không thể để anh ta nói câu nào, hỏi gì...có một cử chỉ thân mật nào; không thể để bất cứ việc gì đã xảy ra hôm qua và đêm nay, được nhắc lại, được giải thích và được bàn cãi.

- Tôi phải đi đây, tôi vội nói với anh ta. Còn anh, anh ở lại đây và mặc quần áo vào. Đến trưa, tôi sẽ gặp anh ở cửa Casinô. Ở đó, tôi sẽ lo liệu cho đủ những thứ anh cần.

Và trước khi anh ta có thể nói được một câu, tôi đã bỏ đi để khỏi phải trông thấy gian phòng này, tôi chạy mà không quay lại khỏi căn nhà, đến tên nhà cũng như tên người lạ đã qua đêm với tôi, tôi cũng không biết.

*

Bà C... ngừng kể để trấn tĩnh lại, nhưng vẻ căng thẳng và day dứt đã không còn trong giọng nói của bà. Như một chiếc xe, thoát đầu leo dốc khó nhọc bao nhiêu, sau khi lên đến đỉnh, lại xuống dốc nhẹ nhàng mau lẹ bấy nhiêu, câu chuyện của bà như được chấp cánh và bà kể tiếp, phơi phới:

- Thế là tôi chạy về nơi tôi ở, qua những đường phố sáng rực ánh ban mai, cơn giông đã xua tan khỏi bầu trời mọi đám mây. Như lúc này đây, mọi cảm giác đau đớn đã tiêu tan trong tôi.

Tuy vậy, ông đừng quên điều tôi đã kể cho ông nghe qua rồi nhé, từ ngày chồng tôi chết, tôi đã hoàn toàn từ bỏ cuộc sống. Các con tôi không cần đến tôi, tôi không lo cho bản thân tôi nữa, mà cuộc sống không mục đích rõ rệt quả là một sai lầm. Và đây là lần đầu tiên, thật bất ngờ, tôi đã có một sứ mạng, tôi đã cứu được một người, tôi đã tận dụng tất cả sức lực của tôi để giành giật anh ta ra khỏi sự tự huỷ hoại mình. Bây giờ chỉ còn phải chiến thắng một chướng ngại nhỏ để hoàn thành sứ mạng đó.

Tôi về đến khách sạn của tôi; người gác gác ngạc nhiên nhận thấy tận chín giờ sáng tôi mới về; cái nhìn của người đó không làm tôi bận tâm; nỗi hổ thẹn hay sự buồn phiền cũng không còn ở tôi nữa; mà ý muốn được sống đột ngột trở lại với tôi; ý thức mới về cuộc đời mình đã trở nên hữu ích, làm máu trong người tôi chảy dồi dào và nồng nàn hơn. Về đến phòng, tôi vội vàng thay quần áo tang mà không biết (mãi sau này, tôi mới để ý) để mặc một bộ khác sáng sủa hơn; tôi ra ngân hàng lĩnh tiền, tôi vội ra ga hỏi giờ tàu chạy, với một quyết tâm làm bản thân tôi cũng phải ngạc nhiên; ngoài ra tôi còn giải quyết một vài việc khác và vài cuộc hẹn hò. Tôi chỉ còn phải bảo đảm cho việc trở về nước và cứu sống hoàn toàn con người mà số mệnh đã trao cho tôi.

Thật ra, bây giờ tôi cần phải có nghị lực để gặp lại anh ta. Bởi vì hôm qua, tất cả đã xảy ra trong bóng tối, trong một cơn lốc, như khi hai hòn đá bị cuốn theo dòng thác bỗng va phải nhau, chúng tôi chỉ thoáng quen, mới nhìn qua mặt nhau, và tôi cũng không dám chắc là người lạ kia có thể nhận ra được tôi. Hôm trước còn là một sự tình cờ, một cơn say, một sự điên rồ ma quái của hai kẻ lạc lõng. Còn hôm nay tôi phải tìm đến anh ta một cách cởi mở hơn, bởi vì hôm nay, dưới ánh sáng khắc nghiệt của ban ngày, tôi bắt buộc phải sáp lại gần anh ta với thân thể, với bộ mặt của tôi, với tư cách là một con người.

Nhưng tất cả những điều đó đã xảy ra dễ dàng hơn tôi tưởng. Đúng giờ hẹn, tôi vừa tới Casinô, thì một người trẻ tuổi, từ một chiếc ghế dài đã đứng dậy và chạy tới trước tôi. Có một cái gì tự nhiên, thơ trẻ, chất phác, sung sướng trong vẻ ngạc nhiên cũng như trong mỗi cử chỉ thật ý nhị của anh ta, anh như bay lại với tôi, trong ánh mắt anh, có một tia vui với vẻ biết ơn và kính trọng và khi mắt anh cảm thấy mắt tôi bối rối trước sự hiện diện của anh, chúng khiêm nhường cúi xuống. Chao? Lòng biết ơn, thật hiếm thấy bộc lộ ở đàn ông! Và chính những người chịu ơn nhiều nhất lại không tìm ra cái vẻ cần phải có; họ nín lặng, lúng túng; họ xấu hổ và ra vẻ bối rối để che giấu tình cảm của họ. Nhưng ở đây trong con người này, mà Chúa, như một nhà điêu khắc bí mật, đã tạo ra những cử chỉ có khả năng thể hiện mọi tình cảm một cách nhạy bén, đẹp đẽ, uyển chuyển, đáng diệu biết ơn sáng tỏ như vẻ nhiệt tình ánh lên qua cơ thể.

Anh ta cúi xuống hôn tay tôi, cái đầu trẻ thơ kéo thành một đường thẳng với thân người, sùng kính. Anh cứ ở yên như vậy tới một phút, kính cẩn hôn những ngón tay tôi mà chỉ dám khẽ chạm vào chúng, rồi anh lùi lại, hỏi thăm sức khỏe tôi, nhìn tôi với vẻ cảm kích, lời nào của anh ta cũng lễ độ đến nỗi chỉ vài phút sau, tôi không còn e ngại gì nữa.

Và như do nơi tinh thần tôi được nhẹ nhõm, cảnh vật quanh chúng tôi cũng sáng lên, hoàn toàn êm dịu; biển, hôm qua còn nóng giận, nay tỏ ra hiền dịu, lặng lẽ và trong trẻo đến mức, từ chỗ chúng tôi đứng chúng tôi thấy rõ màu trong sáng của từng viên sỏi dưới những làn sóng nhỏ viền ven bờ. Casinô, cái vực thăm độc địa, sừng sững hiện lên với vẻ rực rỡ chói chang trên bầu trời trong trẻo tươi mát, cái quán hôm qua chúng tôi còn nép sát vào nhau dưới mái hiên để tránh cơn mưa tầm tã đã trở thành một quầy bán hoa rực rỡ, ở đó có hàng hà sa số những bó lớn hoa và lá đủ màu sắc sắc sỡ, trắng, đỏ, xanh, do một cô hàng hoa mặc áo blu màu tươi sáng đứng bán.

Tôi mời người lạ đó ăn trưa ở một quán nhỏ, tại đây, chàng trai kể cho tôi nghe câu chuyện về cuộc phiêu lưu bí hiểm của anh ta. Đó là sự xác nhận hoàn toàn linh cảm đầu tiên của tôi khi tôi trông thấy trên tấm thảm xanh, những bàn tay run rẩy và sôi nổi một cách nóng nảy của anh.

Anh ta thuộc dòng dõi một gia đình quý tộc lâu đời của Ba Lan thuộc Áo; anh ta theo đuổi sự nghiệp ngoại giao, anh học ở Viên, và một tháng trước đây, anh đã thi kỳ sát hạch đầu tiên với kết quả đặc biệt rực rỡ. Để ăn mừng ngày này, bác anh, một sĩ quan

cao cấp thuộc Bộ Tổng tham mưu, người đã cho anh trọ học tại nhà ông, đưa anh đi xe ngựa đến công viên Prater ([81]), rồi cả hai bác cháu cùng đến trường đua ngựa. Ông bác đánh bạc gặp vận đỏ ông được ba lần liền, sau đó túi đầy một mớ giấy bạc kiếm được như vậy cả hai đã ăn tối tại một nhà hàng sang trọng. Hôm sau, phần thưởng về thành công trong kỳ sát hạch đối với nhà ngoại giao tương lai là một món tiền bằng một tháng lương, do ông bố thưởng. Hai ngày trước, món tiền này đối với anh ta là rất lớn; giờ đây với cách kiếm tiền dễ dàng, nó trở thành vô nghĩa và nhỏ. Cho nên sau bữa ăn trưa, anh quay lại trường đua, đánh cá một cách say mê và cuồng nhiệt. Và thật hạnh phúc cho anh (nói bất hạnh cho anh thì đúng hơn) là sau cuộc đua chót, anh rời khỏi Prater với số tiền được nhân lên gấp ba.

Từ đó, nổi say mê cờ bạc đến điên dại, lúc thì ở trường đua ngựa, lúc ở các quán cà phê hay ở các câu lạc bộ, đã xâm chiếm anh làm tiêu ma thời gian, việc học hành, tâm thần và nhất là các nguồn thu nhập của anh. Anh không còn suy nghĩ, ngủ yên được, lại càng không tự chủ được mình; có một lần, vào ban đêm, sau khi đã thua cháy túi, anh từ câu lạc bộ trở về nhà, khi cởi quần áo anh thấy một tờ giấy bạc nhàu nát còn sót ở áo gilê của mình, thế là, không kìm giữ được mình nữa, anh lại mặc quần áo đi mò mẫm khắp nơi, cho đến khi gặp tại một quán cà phê nào đó những người chơi bài đô-mi-nô và anh ngồi luôn với họ cho đến tảng sáng.

Một hôm, chị anh, đã có gia đình, giúp anh trả những món nợ vay của những kẻ chuyên cho vay lấy lời lúc nào cũng sẵn sàng ứng tiền trước cho người kế thừa một dòng họ có tiếng tăm lớn. Một thời gian, vận đỏ đã đến với anh, nhưng sau đó là vận đen liên tục, và anh càng thua thì những cam kết không giữ đúng, lời hứa danh dự không bảo đảm được, đòi hỏi những món tiền lớn để tự cứu lấy mình. Trước đó, từ lâu, anh đã cầm đồng hồ, quần áo của mình và cuối cùng hành động đáng sợ đã xảy ra: anh ăn cắp của bà bác già của anh, hai chiếc nút áo lớn có nam kim cương mà bà ít dùng tới, ở trong tủ của bà. Anh cầm một chiếc lấy một số tiền lớn, ngay tối hôm đó nhờ đánh bạc, đã được nhân lên gấp bốn.

Nhưng đáng lẽ phải rút lui, anh liều đánh tất cả số tiền đó và anh đã thua.

Khi anh ra đi, vụ đánh cắp chưa ai biết; thế là anh cầm món đồ châu báu thứ hai và ngẫu hứng anh đi một mạch tới Monté Carlo, mong giành được tại bàn rulét một món tiền lớn hằng mơ

uớc. Anh đã bán cái rương, quần áo, cái dù của anh; bây giờ anh chỉ còn khẩu súng ngắn với bốn viên đạn và một cây thập tự nhỏ gắn kim cương bà mẹ đỡ đầu anh, công chúa X..., đã cho anh, mà anh không muốn rời. Rồi buổi trưa, anh cũng bán cây thập tự đó lấy năm mươi phrăng chỉ để ngay chiều ấy thưởng thức niềm vui run rẩy của bài bạc, của cái sống hay cái chết.

Anh kể tất cả những điều đó với vẻ duyên dáng quyến rũ của anh, vốn biết làm cho mọi vật trở nên linh hoạt. Và tôi nghe, chăm chú, bùi ngùi, rung động và ghen ngào, nhưng không một lúc nào, tôi có ý nghĩ khinh thường con người đang ngồi cùng bàn với tôi, chẳng qua cũng chỉ là một tên kẻ cắp. Nếu hôm trước, có ai chỉ bóng gió nói rằng tôi, một người đàn bà có quá khứ không chê trách được, vẫn đòi hỏi ở những ai quan hệ với mình, phải có tư cách đẳng hoàng nề nếp, lại có ngày ngồi thân mật bên một chàng trai trẻ hoàn toàn xa lạ, chỉ hơn tuổi con mình một chút, lại là kẻ đã đánh cắp kim cương, tôi sẽ cho người đó là điên.

Vả không một lúc nào, tôi thấy có cảm giác kinh sợ khi nghe thấy anh ta kể, anh ta kể tất cả tự nhiên và say sưa đến mức hình như hành động của anh có vẻ là hậu quả một cơn sốt, một cơn bệnh hơn là một việc phạm pháp sâu xa. Sau đó, đối với một người như tôi, trong đêm qua đã trải qua những sự kiện quá bất ngờ, dồn dập như thác đổ cái từ "không thể có được" bỗng mất hết ý nghĩa. Trong mười giờ ấy kinh nghiệm tôi học được từ thực tế lớn hơn nhiều so với kinh nghiệm và bốn mươi năm cuộc đời trưởng giả đã dạy cho tôi.

Nhưng có một điều làm tôi thấy kinh sợ trong cuộc thú tội này, đó là cái ánh bừng bừng trong cặp mắt anh, đã làm rung động tất cả các cơ bắp trên mặt anh, khi anh nói về nỗi mê say cờ bạc. Chỉ việc kể chuyện một cách tự nhiên cũng kích thích anh rồi và bộ mặt sinh động của anh đã mô tả rất rõ ràng những giai đoạn căng thẳng diễn ra lần lượt trong anh, bằng những nét vui mừng hay đau khổ. Vô tình, bàn tay anh, những bàn tay đẹp tuyệt vời nóng nẩy, khớp ngón mềm mại, đã trở lại với bản chất của nó, như tại bàn bạc, thành những sinh vật tham lam, dữ tợn và lén lút, trong khi anh ta kể, tôi thấy những khớp đốt của chúng bỗng rung lên, cong vội lại và co quắp nắm chặt lấy nhau rồi lại duỗi ra để cuối cùng áp lấy nhau.

Và tới lúc anh thú nhận ăn cắp những chiếc khuy, chúng làm điệu bộ kiểu kẻ cắp, nháy nhót, nhanh như chớp, (vô tình tôi đã rùng mình); tôi thấy rõ ràng những ngón tay lao như điên vào

món đồ trang sức, giấu vội nó vào lòng bàn tay. Và tôi thấy hãi hùng không sao kể xiết là con người này đã bị nỗi đam mê cờ bạc đầu độc cho đến giọt máu cuối cùng của mình.

Trong câu chuyện, điều làm tôi xúc động và khiếp đảm quá chừng, đó chỉ là sự lệ thuộc của một người trẻ, bản chất vô tư vào một nỗi đam mê điên dại. Cho nên tôi thấy bốn phen đầu tiên của tôi là thân mật khuyên nhủ con người tạm thời chịu ơn tôi này, hãy rời ngay tức khắc Môntê Caclô, nơi mà sự cám dỗ còn rất nguy hiểm, anh ta cần phải trở về với gia đình, ngay trong ngày hôm nay, trước khi việc đánh cắp các khay áo bị lộ và tương lai anh sẽ vĩnh viễn bị tan nát. Tôi hứa sẽ cho anh tiền đi đường và tiền chuộc lại món đồ trang sức, nhưng với điều kiện, anh phải lên tàu ngay trong hôm nay và anh phải thề danh dự với tôi là anh sẽ không bao giờ sờ tới một lá bài hay chơi bất cứ một trò đỏ đen nào.

Tôi sẽ không bao giờ quên sự biết ơn nồng nhiệt thoát đầu khiêm tốn, sau đó rạng rỡ của người lạ này. Con người đã tuyệt vọng, khi nghe tôi nói; tôi sẽ không bao giờ quên về anh ta như uống từng lời của tôi khi tôi hứa sẽ giúp anh; và bỗng nhiên anh đưa hai bàn tay anh lên trên bàn để nắm lấy tay tôi trong một cử chỉ vừa là quý mến, vừa là chịu ơn một cách thiêng liêng.

Trong đôi mắt sáng của anh, tới lúc đó còn mơ hồ, thấy long lanh những giọt lệ; toàn thân anh run lên mạnh mẽ, cảm động vì sung sướng. Tôi đã nhiều lần cố gắng mô tả cách biểu thị duy nhất của sắc mặt và dáng điệu của anh: nhưng cử chỉ ấy, tôi không sao miêu tả nổi, vì đây là một vẻ sung sướng ngây ngất, siêu phàm chưa từng thấy được trên mặt người, chỉ có thể so sánh với cái bóng trắng mà người ta tưởng nhìn thấy lúc tỉnh mộng, khi nghĩ rằng trước mặt ta là một thiên thần vừa biến mất.

Tại sao tôi lại che giấu điều này nhỉ? Tôi không thể cưỡng lại sự kích động của cảnh đó. Lòng biết ơn làm người ta sung sướng, vì ít khi nó hiện lên cho ta thấy được; sự thanh lịch tạo ra điều tốt lành và với tôi, vốn là một người lạnh lùng, mực thước, vẻ phấn khởi đến như vậy là một điều mới mẻ, tốt lành và thú vị. Giống như con người bị dao động và rã rời này, cảnh vật sau trận mưa hôm qua, cũng hoan hỉ một cách diệu kỳ.

Khi chúng tôi ra khỏi khách sạn, biển hoàn toàn lặng dịu, long lanh tuyệt đẹp, xanh vút lên tận chân trời. Chỉ có những điểm trắng ở những chỗ chim hải âu bay trên một màu xanh khác,

màu xanh của bầu trời. Ông biết phong cảnh ở Riviéra rồi nhỉ? Nó luôn gợi lên một cảm giác đẹp đẽ nhưng tẻ nhạt, giống một bưu thiếp in phong cảnh, nó phơi bày nước mắt ta một cách mềm mại những màu sắc luôn gay gắt, kiểu một người đẹp mơ màng uể oải, gần giống tính cách của phương đông, để cho mọi người ngắm nhìn mà vẫn đứng đưng.

Nhưng thỉnh thoảng có những ngày, rất hiếm, vẻ đẹp đó bùng lên, hiện ra lộ liễu, với những màu sắc rực rỡ, chói ngời, cuồng nhiệt, và người ta phải choáng ngợp trước vẻ sang giàu của những bông hoa, loè loẹt, nổ bung ra, nồng nàn, đầy gợi cảm. Một ngày hưng phấn như vậy đã tiếp theo cảnh hỗn loạn không sao kiềm chế được của đêm giông tố, đường phố được cọ rửa như mới, bóng lên, sáng rạn, bầu trời màu xanh lam và trong khóm lá xanh, nhựa tràn trề, những chùm hoa rực rỡ như những ngọn đuốc. Núi bỗng như rõ nét và sát lại nhau hơn trong bầu không khí êm dịu tràn ngập ánh nắng, chúng tụ lại thật gần cái thành phố sáng láng được rửa chùi kỹ càng; trong mỗi ánh mắt, người ta cảm thấy lời chào mời sôi nổi, và những khích lệ của tạo vật làm tự nhiên lòng người thấy hồi hộp.

- Chúng ta lên xe đi một vòng quanh đường núi đi ([82]), tôi nói.

Anh ta gạt đầu, hân hoan, hình như từ khi tới đây lần đầu tiên, chàng trai này mới nhìn và để ý đến phong cảnh. Cho tới lúc này, anh ta chỉ biết gian phòng ngọt ngào của Casinô, với mùi nước hoa lẫn mùi mồ hôi, với cảnh ồn ào của những con người xấu xí, nét mặt nhăn nhúm, và chỉ biết một đại dương rầu rĩ, xám xịt và hỗn độn. Nhưng giờ đây, bờ biển mênh mông xoè ra hình rẽ quạt, tràn ngập ánh nắng, trải dài trước mắt chúng tôi và chúng tôi nhìn cảnh bao la với niềm hạnh phúc.

Chúng tôi cho xe đi chậm chậm (lúc đó chưa có ô- tô) trên con đường lộ liễu, ngang qua vô số những biệt thự và những con người; trước mỗi căn nhà mỗi biệt thự, núp dưới bóng lá xanh của những cây thông xòe tán, người ta luôn có ham muốn thăm kín: được sống tại đây, an nhàn, thỏa mãn, xa lánh nơi trần tục, thích biết bao! Trong cuộc đời tôi đã có lúc nào sung sướng hơn lúc này không? Bên cạnh tôi, trong xe, chàng trai này hôm qua còn bị định mệnh và cái chết siết chặt, bây giờ được những tia nắng sáng của mặt trời tạo cho một ánh hào quang, như trẻ hơn đến vài tuổi.

Anh như trở lại thành đứa trẻ nhỏ, một đứa trẻ xinh xắn, mê chơi, có đôi mắt nồng nàn đồng thời đầy vẻ lễ độ; điều làm tôi thấy vui thích hơn cả là sự ân cần tinh tế, linh hoạt của anh ta: đường đi quá dốc, ngựa kéo xe lên một cách khó nhọc, anh nhanh nhẹn nhảy xuống đẩy phía sau. Tôi nói tên một bông hoa dọc đường đi, anh chạy ngay hái bông hoa đó. Anh ta nhắc và đặt cẩn thận trên thảm cỏ xanh một con cóc nhỏ do theo trận mưa hôm qua, đang khó nhọc lê lét trên đường, để nó khỏi bị xe cán, trong lúc ấy, anh kể những chuyện vui có duyên nhất, đầy vẻ hào hứng; tôi tưởng như cách cười của anh ta cũng là một thứ hành động chuyển hoá bởi vì nếu không cười anh sẽ buộc phải hát, phải nhảy hay phải làm trò hề vì trong thái độ đột nhiên phấn khởi của anh, có không biết bao nhiêu hạnh phúc và cảm hứng.

Khi lên tới đỉnh dốc, chúng tôi từ từ đi ngang qua một thôn nhỏ, anh bất thần kính cẩn bô mũ. Tôi ngạc nhiên: anh ta là người ngoại quốc, giữa những người xa lạ, anh chào ai vậy? Anh hơi đỏ mặt khi tôi hỏi và anh nói, gần như có vẻ tạ lỗi, rằng chúng tôi vừa đi qua một nhà thờ, và ở Ba Lan, quê hương anh, cũng như ở tất cả các nước sùng đạo, ngay từ nhỏ, người ta đã có thói quen ngả mũ trước nhà thờ và nơi chính điện.

Sự tôn kính trước những nơi thờ phụng ấy làm tôi xúc động sâu sắc; cùng lúc đó, tôi cũng nhớ tới cây thập tự mà anh ta đã nói với tôi, và tôi hỏi anh ta có phải là người mộ đạo không, khi anh ta khiêm nhường thú nhận là anh hy vọng được cứu rỗi tâm hồn, một ý nghĩ bỗng vụt đến với tôi:

- Dừng lại, tôi kêu người đánh xe và tôi vội vã xuống xe. Anh ta theo tôi, ngạc nhiên và hỏi:

- Chúng ta đi đâu vậy?

Tôi chỉ nói:

- Cứ theo tôi.

Tôi đi trở lại, anh ta theo tôi, về phía nhà thờ, một giáo đường nhỏ nơi thôn dã, xây bằng gạch. Trong bóng tối mờ mờ, những bức tường ở phía trong được quét vôi màu xám, mộc mạc, cửa để mở và một luồng ánh sáng vàng, tròn, nổi bật lên, rõ ràng, trong bóng tối; ở đó hiện lên đường viền xanh mờ của một bàn thờ nhỏ. Hai cây nến như hai con mắt mờ mờ, trong ánh chiều tà nồng lên một mùi nhang thơm nóng.

Chúng tôi đi vào trong, anh bỏ mũ nhúng tay vào bình nước phép, làm dấu và quỳ gối. Anh ta vừa đứng lên là tôi nắm lấy cánh tay anh.

- Lại đây, tôi nói một cách cương quyết - tới chỗ bàn thờ này hay tới một bức tranh đối với anh là thiêng liêng này, anh sẽ thề những lời mà tôi đọc cho anh.

Anh ta ngạc nhiên nhìn tôi gần như khiếp sợ nhưng anh ta hiểu ra ngay và anh đến gần một cái khám xây, trong có một pho tượng, làm dấu và ngoan ngoãn quỳ gối.

- Hãy nhắc lại theo tôi - tôi nói mà chính mình cũng hồi hộp run lên - nhắc lại theo tôi "Tôi xin thề (anh ta nhắc lại "tôi xin thề" và tôi nói tiếp) "từ nay tôi sẽ không bao giờ chơi cờ bạc nữa, bất kể món bài gì và tôi cũng sẽ không bao giờ liều cuộc sống và danh dự của mình trước nguy cơ của nỗi đam mê đó".

Anh ta run run nhắc lại những lời ấy; âm thanh của tiếng nói vang lên một cách mạnh mẽ và rành mạch trong cảnh tĩnh mịch tuyệt đối này. Rồi có một lúc im lặng, đến nỗi có thể nghe thấy tiếng lá cây rì rào khi gió thoảng qua. Bỗng anh ta quỳ gối như một kẻ ăn năn sám hối và anh nói, bằng tiếng Ba Lan, với một vẻ ngây ngất tôi chưa từng thấy ở anh, những lời vội vã, nối tiếp nhau, mà tôi không hiểu gì. Nhưng chắc đây là một lời nguyện mến Chúa, một lời nguyện tạ ơn. Ăn năn vì cuộc xung tội giống bão này làm anh cứ khúm núm gục mãi xuống chỗ tựa của chiếc ghế quỳ, những âm thanh lạ cứ được nhắc lại mỗi lúc một say sưa, mỗi lúc một sôi nổi, vẫn một câu nói đó cứ được thốt ra với một lòng nhiệt thành vô hạn. Từ trước đến nay cũng như từ đó về sau, tôi chưa bao giờ được nghe ai cầu nguyện như vậy, ở bất cứ nhà thờ nào trên trái đất này. Bàn tay anh nắm cứng lấy chiếc ghế quỳ bằng gỗ, một cơn bão lòng làm toàn thân anh ta rung lên, có lúc làm anh ta đứng phắt dậy, có lúc đẩy anh quỳ sụp xuống. Anh ta không nhìn thấy, không cảm thấy gì hết; hình như tất cả những gì ở trong anh ta đang diễn ra tại một thế giới khác, tại nơi luyện ngục, cho tinh khiết hoặc trong một nỗi hăm dọa hướng về một thiên cầu trong sáng hơn.

Sau cùng anh từ từ đứng dậy, làm dấu một lần nữa và quay lại một cách khó nhọc, đầu gối anh run lên, mặt anh tái nhợt như một người kiệt sức. Nhưng khi trông thấy tôi, mắt anh sáng lên, một nụ cười trong sạch, thật sự thành kính làm bộ mặt anh đang cúi xuống rạng rỡ lên. Anh lại gần tôi, cúi rất thấp, theo

kiểu Slavơ, và nắm lấy hai bàn tay tôi, kính cẩn đặt nhẹ môi lên đó.

- Chúa đã phái bà đến với tôi. Tôi vừa tạ ơn Người.

Tôi không biết nói gì. Nhưng tôi cầu mong cho từ trên chiếc bục nhỏ tiếng đàn ống bỗng vang lên vì tôi cảm thấy đã thành công hoàn toàn: con người này đã được vĩnh viễn cứu sống.

Chúng tôi ra khỏi nhà thờ để trở lại với ánh sáng chói chang và sáng lạn của tháng năm này; chưa bao giờ tôi thấy thế giới đẹp như hôm nay.

Chúng tôi còn đi xe đạp trong hai giờ nữa, chậm chậm, lên tận đỉnh núi, theo con đường dài ngoạn cảnh, mỗi đoạn ngoặt lại phơi bày một phong cảnh mới. Nhưng chúng tôi không nói gì nữa. Sau khi tình cảm đã được kích lệ đến như vậy lời lẽ nào cũng yếu ớt, vô ích. Và khi mắt tôi vô tình gặp mắt anh, tôi phải quay đi, ngượng ngùng, được nhìn thấy phép màu của mình làm cho tôi quá xúc động.

Khoảng năm giờ chiều, chúng tôi trở về Môntê Cáclô. Lúc đó, tôi hẹn gặp những họ hàng thân thuộc không thể bỏ lỡ được. Thật tình, tôi cũng muốn có một lúc tạm nghỉ, một sự hưu dưỡng sau khi tình cảm bị kích thích mạnh mẽ.

Vì đó là quá nhiều hạnh phúc. Tôi cảm thấy cần phải có một sự khuây khỏa cho tình trạng ngất ngây và sôi nổi phi thường như tôi chưa từng biết trong cuộc đời mình. Vì vậy, tôi yêu cầu người đang chịu ơn tôi tới khách sạn tôi ở, chỉ một lát thôi và tại đây, trong phòng của tôi, tôi đưa cho anh ta số bạc cần thiết để đi đường và để chuộc lại món đồ trang sức. Chúng tôi đồng ý với nhau là trong khi tôi đến chỗ hẹn của tôi, anh ta sẽ đi lấy vé xe lửa rồi buổi tối hồi bấy giờ, chúng tôi sẽ gặp nhau tại sân ga, nửa giờ trước giờ khởi hành của chuyến tàu sẽ đi qua Giên([83]), rồi đưa anh về nhà. Khi tôi đưa ra cho anh năm tờ giấy bạc, mỗi anh ta tái nhợt một cách lạ kỳ:

- Không... không đưa tiền... Tôi xin bà... Không đưa tiền! Anh ta nói qua hai hàm răng mím lại, còn những ngón tay run rẩy của anh rút lại vẻ hoảng hốt, lập cập. Không đưa tiền... Không đưa tiền. Tôi không thể trông thấy tiền được - anh nhắc lại một lần nữa, như bị sợ hãi và ghê tởm làm hoảng hốt.

Nhưng tôi đã xoa dịu sự lo ngại của anh, nói rằng đây chỉ là tiền cho mượn và nếu anh thấy bút rút, anh chỉ cần làm giấy biên nhận cho tôi.

- Phải... Phải... một giấy biên nhận - Anh ta quay mặt đi, lẩm bẩm nói; anh vò nhàu những tờ giấy bạc như một vật gì nhầy nhụa, làm bẩn những ngón tay anh rồi bỏ tiền vào túi mà không thèm nhìn và anh viết vài chữ, bằng những nét vội vã trên một tờ giấy. Khi anh ngược mắt lên, trán anh lấm tấm mồ hôi. Có cái gì đang đấu tranh mãnh liệt ở trong anh để toát ra ngoài cơ thể, anh đưa vội cho tôi mảnh giấy thì toàn thân anh run lên mạnh mẽ, đột nhiên anh quỳ xuống hôn gấu áo tôi làm tôi hồ hoàng lùi lại. Cứ chỉ không sao kể lại được: sự sôi nổi chưa từng thấy trong anh ta làm tôi rối lên. Một cơn rùng mình kỳ lạ chạy suốt cơ thể tôi, tôi thấy bối rối và chỉ ấp úng nói được:

- Tôi xin cảm ơn anh đã tỏ ra biết ơn đã như vậy; nhưng xin anh hãy đi ngay đi. Tối nay bảy giờ, tại sân ga, chúng ta sẽ tạm biệt nhau.

Anh ta nhìn tôi, một ánh dịu dàng làm ướt mắt anh; tôi tưởng như anh muốn nói điều gì. Trong giây lát anh có vẻ muốn lại gần tôi. Nhưng sau đó anh chỉ cúi gập người một lần nữa, thật thấp, rất thất và anh rời khỏi phòng.

*

Bà C... lại ngưng kể một lần nữa, bà đứng dậy đi ra cửa sổ, bà nhìn ra ngoài và đứng thật lâu, không nhúc nhích. Trông từ phía sau, tôi thấy lưng bà như hơi rung lên nhẹ nhẹ. Bỗng nhiên bà quay lại, vẻ quả quyết, bàn tay bà cho đến lúc này bình thản và lạnh lùng bỗng phác một cử động mạnh mẽ, một cử động gay gắt như muốn xé một vật gì. Rồi bà nhìn tôi, vẻ gầy gầy, gần như táo bạo và nói tiếp ngay:

- Tôi đã hứa với ông là sẽ hoàn toàn thành thật. Và tôi nhận thấy lời hứa đó cần thiết đến chừng nào vì bây giờ đây, trong khi cố gắng thuật lại lần đầu tiên, mạch lạc tất cả những gì đã xảy ra trong giờ phút ấy và tìm những lời lẽ chính xác để thể hiện một

tình cảm lúc bấy giờ còn bí ẩn và mơ hồ, đến nay, tôi mới hiểu rõ những điều mà tôi không biết hoặc không muốn biết, nên tôi muốn nói với nghị lực và quyết tâm sự thật cho bản thân tôi và cho ông; thế là vào lúc đó, khi người con trai rời khỏi phòng và chỉ còn lại mình tôi, tôi có cảm giác (như một cơn ngứa xiu mạnh đã ập đến với tôi) như tim tôi đã bị vật rắn đập mạnh. Một vật gì chổ đã làm tôi đau đến chết, và tôi không biết (hoặc tôi từ chối không chịu biết) tại sao thái độ dịu dàng kính nể như vậy của người chịu ơn tôi lại làm tôi đau đớn đến như vậy.

Nhưng giờ đây, khi tôi cố làm cho quá khứ hiện lên tự đáy lòng mình, có thứ tự và có nghị lực, và việc ông có mặt tại đây không dung thứ một sự che giấu, một sự trốn tránh hèn nhát nào của nỗi hổ thẹn; giờ đây tôi mới hiểu rõ rằng điều làm tôi đau đớn lúc đó là sự thất vọng... sự thất vọng thấy... chàng trai đó đã bỏ đi quá ngoan ngoãn... không có một cố gắng nào để giữ lấy tôi, để ở lại gần tôi... thấy anh ta phục tùng một cách khiêm tốn và kính cẩn tuân theo yêu cầu của tôi mời anh đi, thay vì... thay vì thử kéo mạnh tôi sát gần anh... thấy rằng anh ta tôn sùng tôi chỉ như một vị thánh xuất hiện trên đường của mình... và anh ta... anh ta không cảm thấy rằng tôi là một người đàn bà.

Đối với tôi đó là một thất vọng... một thất vọng mà tôi không tự thú nhận với mình ngay lúc bấy giờ cũng như sau này, nhưng tâm trạng của người đàn bà cảm thấy điều đó không cần lời lẽ, không cần ý thức rõ rệt. Bởi vì... bây giờ, tôi không tự huỷ hoại hoặc mình nữa... Nếu lúc đó, người đàn ông ấy ôm lấy tôi, nếu anh ta yêu cầu tôi đi theo anh, tôi sẽ đi với anh tới cùng trời cuối đất, tôi sẽ làm nhục tên tuổi của tôi và của các con tôi. Tôi sẽ bỏ ngoài tai những lời thuyết phục của mọi người và của lý trí trong tôi, tôi sẽ trốn đi với anh ta, như cái bà Hăngriét đã bỏ trốn theo chàng trai người Pháp mà mới hôm trước bà ta còn chưa quen... Tôi sẽ không hỏi là đi đâu, đi bao nhiêu lâu. Tôi sẽ không đoái nhìn lấy một lần về phía sau, về cuộc đời đã qua của tôi... tôi sẽ hy sinh cho người đàn ông này tiền bạc, tên tuổi, tài sản, danh dự của tôi... Tôi có thể đi ăn xin và chắc chắn không có điều gì hèn hạ ở trên đời này mà tôi không dám chấp nhận; vì anh, tôi có thể vứt bỏ tất cả những gì mà người ta gọi là liêm sỉ và giữ gìn; nếu anh ta chỉ tiến thêm một bước về phía tôi và nói một lời, nếu anh ta tìm cách chiếm lấy tôi trong giây phút ấy, tôi sẽ sa ngã và tôi sẽ ràng buộc mãi với anh ta.

Nhưng tôi đã nói với ông rồi... con người lạ lùng này không nhìn tôi lấy một lần, nhìn vào người đàn bà ở trong tôi... Còn tôi thì nóng lòng muốn tự buông thả mình biết chừng nào, tự

buông thả mình hoàn toàn; tôi cảm thấy điều đó khi chỉ còn lại với chính mình, khi nỗi đam mê mới giấy lát qua còn kích thích bộ mặt rạn rỗ, giống như thiên thần của anh ta, đã chuyển sang tôi và nó thốn thức trong cảnh trống vắng của một cõi lòng bị ruồng bỏ. Tôi đứng lên một cách khó nhọc, cuộc hẹn hò càng làm tôi khó chịu thêm. Hình như trên đầu tôi là một cái mũ sắt nặng và chặt, sức nặng của nó làm tôi loạng choạng, ý nghĩ của tôi cũng rời rạc và lảo đảo như bước chân tôi, khi tôi đi gặp bà con họ hàng của tôi tại một khách sạn khác.

Ở đó tôi ngồi yên, ủ rũ, trong lúc mọi người chuyện trò sôi nổi, tôi thấy sợ hãi mỗi lần vô tình, ngược mắt lên, tôi bắt gặp những bộ mặt thần thờ giá lạnh hoặc như mang mặt nạ (tôi so sánh những bộ mặt đó với bộ mặt của chàng trai, hình như được bóng tối và ánh sáng của một đám mây làm linh hoạt hẳn lên). Tôi cảm thấy như mình đang ở giữa một đám người đã chết, cuộc họp thiếu sinh khí vô cùng; khi tôi bỏ đường vào tách của tôi và nói vài câu, tâm trí tôi để tận đâu đâu, và ở trong tôi, luôn luôn xuất hiện, như do máu huyết sục sôi đẩy lên, cái khuôn mặt mà việc ngắm nó, đã mang lại cho tôi niềm vui mãnh liệt và tôi sẽ còn chỉ được nhìn thấy một lần cuối, trong một hay hai giờ nữa (ý nghĩ này thật khủng khiếp). Có lẽ vô tình, tôi đã thờ dãi hay rên rỉ vì chị họ chồng tôi bỗng cúi xuống hỏi tôi làm sao, có phải tôi khó ở không vì trông tôi tái ngắt, vẻ tư lự. Câu hỏi bất ngờ này đã được tôi chớp lấy, coi đó là cơ hội để nói ngay rằng, quả thật tôi bị nhức đầu vì vậy tôi xin phép được lạng lẽ cáo lui.

Được tự do, tôi vội quay ngay về khách sạn.

Vừa tới phòng, và chỉ còn một mình, tôi cảm thấy trống rỗng, bị bỏ rơi và ý muốn được gần chàng trai, từ nay tôi phải xa lìa mãi mãi, lại siết chặt lấy tôi, cuồng nhiệt. Tôi đi lại trong phòng, vô cớ mở các hộc tủ, tôi thay quần áo, ru-băng và đứng trước gương, tôi tự hỏi mình, với con mắt dò xét, xem trang điểm như vậy, tôi có thể làm anh ta phải chú ý đến tôi không. Đột nhiên tôi hiểu mình muốn gì: tôi phải làm gì để không phải xa anh ta nữa? Và trong một giây mãnh liệt, ý muốn đó trở thành quyết tâm.

Tôi chạy tìm người gác của khách sạn, báo cho người đó biết là tôi sẽ đi ngay hôm nay bằng chuyến tàu tối. Và bây giờ, cần phải làm gấp: tôi kéo chuông gọi chị hầu phòng để chị ấy giúp tôi soạn hành lý, vì thời gian cấp bách; trong khi chúng tôi cùng vội vã lên quần áo và đồ dùng hàng ngày của tôi vào rương, tôi mừng rỡ trước sự bất ngờ này sẽ diễn ra sao: tôi sẽ theo anh ta ra tàu như thế nào và tới phút cuối cùng, phút chót, khi

anh ta đưa tay ra cho tôi chào vĩnh biệt lần cuối, tôi bỗng theo chàng trai còn ngạc nhiên này lên tàu ra sao, để ở bên anh ta đêm nay, đêm mai, đến bao giờ tùy ở anh.

Một nỗi mê say sung sướng và hoan hỉ cuồn cuộn trong tôi. thỉnh thoảng tôi phá lên cười, ném quần áo vào rương, làm chị hầu phòng vô cùng ngạc nhiên, tôi thấy là tinh thần tôi không được ổn định; khi người chở đồ đến đưa hành lý đi, thoát tiên tôi nhìn người đó với vẻ ngạc nhiên, tôi khó mà nghĩ đến những việc thiết thực khi sự hưng phấn tràn trề trong tâm hồn tôi.

Thời gian hối thúc, có thể đã hơn bảy giờ, chỉ còn chừng hai mươi phút là đến giờ tàu chạy. Tôi tự an ủi mình và nghĩ rằng đây không phải là một cuộc chia tay hay vĩnh biệt vì tôi đã quyết định sẽ theo anh trong chuyến đi chừng nào anh còn cho phép tôi theo. Người chở đồ đem hành lý của tôi đi, tôi vội đến văn phòng khách sạn để thanh toán tiền. Người quản lý đã trả lại tiền lẻ cho tôi và tôi đã sẵn sàng ra đi, thì một bàn tay vỗ nhẹ vào vai tôi. Tôi giật mình.

Đó là bà chị họ chồng tôi. Bà đến thăm tôi vì lo ngại về cơn đau giả bộ của tôi. Mắt tôi tối sầm lại. Tôi không biết làm gì với bà ta nữa, mỗi giây trì hoãn là một sự chậm trễ tai hại, nhưng phép lịch sự buộc tôi phải nghe bà nói và trả lời bà, ít nhất trong một thời gian.

- Cô phải đi nằm đi, bà ta nói khẩn khoản, rõ ràng là cô bị cảm rồi.

Rất có thể là như vậy, vì tôi thấy thái dương của tôi đập cực kỳ mạnh, đôi lúc thoáng qua mắt tôi những bóng mờ báo trước cơn ngất xỉu.

Nhưng tôi phản đối, tôi cố làm ra vẻ biết ơn, trong lúc lời nói lại làm tôi như bị lửa đốt, tôi muốn đá phăng sự chăm sóc không thích hợp này. Nhưng con người vô duyên cứ ở lại, ở lại hoài, ở lại mãi. Bà ta đưa đầu Côlônơ cho tôi xúc còn muốn tự tay xoa lên thái dương tôi, trong khi tôi đếm từng phút, trong đầu, tôi chỉ thấy hình ảnh chàng trai và tôi đang nghĩ một cách nào đó để thoát khỏi sự chăm sóc đau khổ này. Càng bồn chồn, tôi lại càng tỏ ra khả nghi với bà ta, cuối cùng, với vẻ cứng rắn, bà ta định buộc tôi phải trở về phòng và nằm nghỉ.

Thế là trong lúc đang bị khuyên giục như vậy tôi chợt nhìn đồng hồ ở giữa phòng; đã bảy giờ hai mươi tám phút mà tàu

chạy lúc bảy giờ ba mươi lăm. Bỗng nhiên, bằng một cử chỉ mạnh, với sự lạnh lùng tàn nhẫn của một kẻ tuyệt vọng, tôi chìa tay ra cho bà chị họ và không một lời giải thích, tôi nói:

- Xin từ biệt, em phải đi đây.

Rồi không buồn để ý đến cái nhìn sững sốt của bà, cũng không quay lại, tôi vội vã rảo bước ra cửa, trước con mắt ngạc nhiên của những người làm, rồi tôi chạy ra phố, về phía nhà ga.

Trông thấy người chở đồ chờ ở đó với hành lý đang giơ tay thúc giục từ xa, tôi hiểu là đã đến giờ rồi. Lòng giận dữ một cách mù quáng, tôi lao tới cửa sắt ra sân ga, nhưng người nhân viên ở đó đã ngăn tôi lại. Tôi đã quên mua vé. Trong khi tôi làm đủ cố buộc bằng được người đó phải để cho tôi ra tận đường sắt, tàu bắt đầu chuyển bánh; tôi nhìn đăm đăm, chân tay run rẩy, cố tìm ít nhất một cái nhìn từ cửa sổ toa tàu, ít nhất một cử chỉ từ biệt, một cái chào. Nhưng do tàu chạy nhanh tôi không còn có thể trông thấy mặt anh ta được nữa.

Những toa tàu lăn mỗi lúc một nhanh và sau một phút, chỉ còn lại trước đôi mắt đã mờ đi của tôi, một đám mây đen u ám khói.

Không biết tôi đứng sững ở đó bao nhiêu lâu vì người mang đồ cho tôi ngỏ lời với tôi nhiều lần vẫn vô ích, mãi sau người đó mới dám chạm vào cánh tay tôi. Cử chỉ sau cùng làm tôi giật mình kinh sợ. Anh ta hỏi tôi có phải đem hành lý trở lại khách sạn không. Phải mất vài phút, tôi mới trấn tĩnh lại, không thể làm như vậy được; sau cuộc ra đi lố bịch, quá vội vã đó, tôi không thể quay trở lại đó (ý tôi cũng muốn như vậy) bao giờ được nữa. Cho nên, sốt ruột muốn được ở một mình, tôi ra lệnh cho anh ta đưa hành lý của tôi tới phòng gửi đồ.

Sau đó, giữa cảnh hỗn độn, xáo trộn của đám người ầm ĩ chen chúc nhau tại phòng lớn ở ga thừa dân, tôi cố suy nghĩ, suy nghĩ một cảm tình táo làm cách nào thoát khỏi nỗi ám ảnh đau đớn, ê chề của sự giận dữ, luyến tiếc và tuyệt vọng, bởi vì (sao lại không tự thú nhận?) ý nghĩ đã bỏ cuộc gấp gáp cực kỳ quan trọng này, do tôi gây ra, để làm tôi náo lòng một cách cay cực, gay gắt và tàn nhẫn. Tôi muốn thét lên vì lưỡi dao thép được nung đỏ ấy thọc sâu vào trong tôi không lúc nào nguôi, làm tôi đau đớn không sao chịu nổi.

Có lẽ chỉ những người hoàn toàn xa lạ với sự mê say mới biết đến trong những giai đoạn thật đặc biệt, sự bùng nổ đột ngột

như núi lở, như giông bão của nỗi mê say đó; thế là những sức lực được chứa chấp hàng năm trời đã ập xuống, cuộn cuộn trong vực sâu thăm thẳm của trái tim con người. Trước kia, chưa bao giờ tôi cảm thấy ngạc nhiên và nôn nóng, bất lực như ở giây phút này; lúc mà, sẵn sàng hành động điên cuồng, (sẵn sàng vút ngay xuống vực thăm chỉ một lần thôi những tiếng tăm của một cuộc đời ổn định, những nghị lực được chứa chấp và dồn nén cho tới lúc đó) tôi trông thấy ở trước mặt mình, một bức tường ngu độn mà nỗi mê say của tôi vấp phải một cách vô ích.

Những gì tôi làm sau đó cũng ngu ngốc như vậy; đó là một sự điên rồ, một điều dại dột, tôi gần như hổ thẹn mà kể lại như vậy, (nhưng tôi đã hứa với tôi và với ông là không giấu ông điều gì) tôi... đã tìm gặp lại anh ta, có nghĩa là tôi cố gọi lại từng thời gian tôi đã trải qua với anh ta...

Tôi bị lôi cuốn tới những nơi mà mới hôm qua, chúng tôi đã ở cùng nhau, tới chiếc ghế dài ở công viên mà tôi đã lôi kéo anh ta, tới phòng đánh bạc mà tôi đã thấy anh ta lần đầu tiên, và tới cả cái khách sạn rẻ tiền, chỉ để được sống lại với quá khứ, một lần, một lần nữa thôi. Và ngày mai, tôi muốn dùng xe ngựa đi dọc con đường ven núi để cho từng lời nói, từng cử chỉ được sống lại trong tôi, một lần nữa. Tâm trí hỗn loạn của tôi thật điên rồ, thơ dại biết chừng nào!

Nhưng ông hãy nghĩ rằng các sự việc đó đã ập xuống với tôi như sét đánh: tôi không thấy gì ngoài đòn đột ngột, đòn duy nhất đã làm tôi ngất đi. Giờ đây thoát khỏi nơi hỗn loạn đó một cách phũ phàng, tôi muốn sống lại một lần nữa để được hưởng thụ những cảm xúc thoáng qua đó, cho đúng tới từng chi tiết nhỏ, bằng cách tuyệt diệu mà ta gọi là hồi ức... Sự thật đấy là những điều mà người ta chỉ có hiểu hay không mà thôi. Có lẽ phải có một trái tim nóng bỏng mới lý giải được những điều ấy.

Như vậy là thoát tiên tôi đến phòng đánh bạc để tìm cái bàn anh ta đã ngồi, để thấy lại, bằng tưởng tượng, bàn tay anh giữa những bàn tay khác. Tôi bước vào phòng: tôi nhớ rõ, cái bàn mà tôi thấy anh lần đầu tiên, là bàn bên trái, ở phòng thứ hai. Từng cử chỉ của anh đều ở trong trí óc tôi, rõ ràng, dù nhắm mắt đưa thẳng tay ra phía trước, như người mộng du tôi cũng tìm được chỗ anh ta đứng. Thế là tôi bước và đi ngang qua gian phòng.

Và kìa... sau khi đi qua cửa, mắt tôi nhìn về phía đám đông ồn ào, kìa... một điều gì khác lạ đã xảy ra... kìa, đúng ở chỗ mà tôi

nghe tới, ở đây anh ta đang ngồi (ảo giác do cơn sốt mà có chăng?) đúng là anh, chính anh... Anh... nhưng hết như tôi vừa thấy anh trong mơ... y hết như anh ta mới ngày hôm qua, mắt chăm chú nhìn hờn bí, nhợt nhạt như bóng ma... nhưng anh ta... anh ta đấy... không sao chối cãi được.

Tôi muốn thét lên, vì nỗi kinh hoàng của tôi lớn quá. Nhưng tôi nên được sự kinh hãi trước hình ảnh vô lý này và tôi nhắm mắt lại.

- Mình điên rồi... mình mê hoảng... mình bị sốt tôi tự nhủ nhất định không thể thế này được, mình có ảo tưởng rồi... anh ấy đã đi xe lửa, cách đây nửa giờ rồi.

Và tôi lại mở mắt ra. Nhưng thật là hãi hùng, y hết như trước, anh ta ngồi đó, bằng xương bằng thịt không sao chối cãi được. Tôi nhận ra những bàn tay này, trong hàng triệu bàn tay khác... Không, tôi không mơ, đúng là anh ta.

Anh ta không đi như anh đã hứa với tôi. Con người điên rồ này đã ở lại, anh ta đã đem tới đây, trên tấm thảm xanh, số tiền tôi đã cho anh để trở về nhà, và quên cả mình trong cơn mê say, anh ta đã đến đánh bạc tại bàn này, trong khi tim tôi tan nát, tuyệt vọng cố tìm anh.

Tôi giật mình, xô tới. Cơn phấn nộ trào lên mặt, một cơn phấn nộ điên dại làm tôi không sao chịu nổi, tôi sôi lên muốn tóm cổ con người bội ước này đã hèn hạ lừa dối lòng tin, tình cảm, sự tận tụy của tôi. Nhưng tôi còn tự kiềm chế được Tôi tiến tới bàn anh, ngay trước mặt anh, thật từ từ có tính toán (phải mất không biết bao nhiêu nghị lực, tôi mới làm được như vậy). Một ông khách đánh bạc lễ phép nhường chỗ cho tôi.

Hai mét thảm xanh ngăn cách chúng tôi và tôi có thể như trên ban công nhà hát, quan sát thoải mái bộ mặt anh, vẫn bộ mặt mà hai giờ trước đây tôi còn thấy rạn rở lòng biết ơn, sáng lên trong ánh hào quang của ơn trời, còn bây giờ thì đã lại trở thành con mồi run rẩy của ngọn lửa tàn khốc của sự đam mê. Đôi bàn tay, những bàn tay mà mới trưa nay tôi còn thấy ghì chặt lấy chiếc ghế quỳ để thốt lên lời thề thiêng liêng nhất thì giờ đây như những con dơi mê say hút máu, nó lại nắm chặt co quắp số bạc ở quanh nó.

Vì anh đang được, anh ta phải được một số tiền lớn, rất lớn: trước mặt anh, là một mớ hỗn độn những đồng giơ-tông, những

đồng lu-i vàng, giấy bạc, một đồng lộn xộn những thứ khác nữa quăng ra đấy để những ngón tay tất bật, run rẩy của anh ngấp vào trong đó, một cách khoái lạc.

Tôi thấy những ngón tay đó cầm lên rồi gấp lại, vuốt ve những tờ giấy bạc khác nhau, lật đi lật lại, và sờ mó những đồng bạc một cách âu yếm rồi đột nhiên, sau đấy, vơ một nắm, ném chúng vào một ô vuông. Ngay lập tức, những cánh mũi lại bắt đầu phập phồng từng đợt một. Tiếng rao của người hồ lý làm mắt anh sáng rực về tham lam, rời khỏi đồng bạc để theo dõi sự chuyển động cuồng nhiệt của hòn bi, và tôi tưởng như tâm hồn anh trào ra ngoài, khuỷu tay anh như bị đóng đinh vào tấm thảm xanh. Trạng thái của con người hoàn toàn bị cờ bạc làm điên cuồng đâm đuổi đối với tôi còn ghê tởm hơn, đáng sợ hơn ngày hôm qua. Vì mỗi cử chỉ của anh đã giết chết trong tôi hình ảnh sáng lạn, trên nền vàng mà tôi vẫn nhẹ dạ ôm ấp trong mình.

Chúng tôi cứ ngồi như vậy, cách nhau có hai mét. Tôi chăm chú nhìn anh ta, anh cũng không để ý thấy tôi. Anh không nhìn tôi hay bất cứ ai, mắt anh chỉ lướt trên đồng tiền và nó do dự lo lắng nhìn theo hòn bi đang lăn. Cái vòng tròn màu xanh điên loạn ấy đã độc chiếm mọi cảm xúc của anh ta, đang cứ hỗn hển theo dõi ván chơi. Với anh ta, toàn thế giới, cả nhân loại hoà nhập vào ô vuông có trái dạ này. Và tôi biết rằng tôi có thể ngồi ròng, tôi có thể ngồi ròng cả hàng giờ ở đây, anh ta vẫn không ngờ là có tôi.

Nhưng tôi không thể kéo dài hơn nữa; tôi quyết định thật nhanh và tôi đi một vòng quanh bàn, tôi đến sau lưng anh, tay tôi nắm chặt lấy vai anh, cái nhìn của anh chao đi trong một giây, anh nhìn thẳng vào tôi, trông mắt đục mờ như nhìn một người xa lạ, y hệt người say bị lôi ra khỏi cơn mê ngủ, mắt còn bị hơi men tối tăm và u ám làm mù quáng. Rồi anh ta cũng nhận ra tôi; miệng anh run rẩy mở ra; anh ta nhìn tôi với vẻ sung sướng, lẩm bẩm nói khẽ một cách thân mật vừa mê mẩn vừa bí ẩn:

- Đang tốt lắm... Tôi cảm thấy ngay điều đó khi tôi vừa tới, khi thấy ông ta đã ở đây rồi... Tôi thấy ngay mà...

Tôi không hiểu anh ta định nói gì, tôi chỉ để ý thấy ván bạc đã làm anh say sưa, làm con người điên rồ này quên cả lời thề thốt, nơi hẹn hò, vũ trụ và tôi. Nhưng ngay trong trạng thái bị ma ám này, ánh mắt ngây ngất của anh ta nhìn tôi, vẫn dễ thương đến nỗi tôi miễn cưỡng phải chú ý lời anh nói và chăm chú hỏi anh ta định nói ai:

- Nói cái ông tướng già người Nga chỉ còn một cánh tay kia - anh ta thì thầm, ghé sát vào tôi không ai nghe được điều bí mật kỳ diệu ấy - người mặc áo có vạch trắng bên sườn, có người hầu đứng sau lưng đó. Tối hôm qua, tôi đã để ý, ông ta chỉ có được. Chắc ông ta có cách đánh và tôi chỉ chơi theo ông... Hôm qua ông ta chỉ có được, có điều hôm qua, tôi đã sai lầm, là cứ tiếp tục chơi khi ông ấy đã đi rồi; đó là lỗi của tôi...Hôm qua, ông ta có lẽ được tới hai chục ngàn phrăng và hôm nay cũng vậy, lần nào đánh, ông cũng được... bây giờ tôi chỉ đặt tiền theo ông... bây giờ... Nói được nửa chừng, anh bỗng ngưng lời vì người hồ lý đã xướng to: "Đặt tiền đi" - Chàng trai quay nhìn sang bên một cách khó nhọc, chú ý tới ông già người Nga ngồi nghiêm trang và bình thản, râu bạc trắng - đang thận trọng đặt một đồng tiền vàng, rồi sau một lát do dự, lại đặt một đồng thứ hai vào ô thứ tư. Lập tức hai bàn tay nóng hổi ở trước tôi, nhào vào đồng tiền và ném một mớ tiền vàng cũng vào chỗ đó. Và một phút sau, khi người hồ lý kêu to: "Số không", còn bàn cào của người đó quét cả bàn bạc bằng một động tác tròn trịa, chàng trai nhìn sửng sốt cả đồng tiền biến đi như có phép màu. Ông nghĩ rằng có lẽ anh ta sẽ quay lại nhìn tôi chẳng; không, anh ta đã quên hẳn tôi! Tôi đã biến mất không còn nữa, đã bị xóa nhòa khỏi cuộc sống của anh; tất cả các giác quan căng thẳng của anh đều tập trung vào vị tướng người Nga, ông này hoàn toàn lạnh lùng, cầm trong tay hai đồng tiền vàng mới, hãy còn do dự không biết nên đặt tiền vào số nào.

Tôi không thể tả lại với ông nỗi cay đắng, sự tuyệt vọng của tôi. Nhưng ông cũng có thể tưởng tượng được điều tôi cảm thấy đối với người mình đã hiến cả cuộc đời mà lại bị coi không bằng con muỗi, bị một bàn tay uế oải, xua đuổi với vẻ thờ ơ. Một lần nữa, cơn thịnh nộ điên rồ lại trào lên trong tôi. Tôi bóp mạnh cánh tay trong tay, làm anh phải đứng phắt dậy:

- Anh phải ra ngay khỏi đây! - Tôi nói thầm, thật nhỏ nhưng với giọng ra lệnh - Anh hãy nhớ lời anh thề tại nhà thờ, anh là kẻ bội ước đáng khinh.

Anh ta nhìn tôi, mặt tái nhợt, động lòng vì những lời của tôi. Mắt anh bỗng có vẻ như mắt chó bị đau, môi anh run lên. Anh như sức nhớ lại quá khứ và ghê tởm với chính mình...

- Vâng... vâng... - Anh nói lắp bắp - Trời...trời đất ơi!.. Tôi xin đi đây, xin tha lỗi cho tôi.

Và tay anh, đã gom cả đồng tiền, thoát đầu mau lẹ với những cử chỉ khoáng đạt và dứt khoát, sau uể oải dần như rõ ràng có một lực tương phản níu lại. Anh lại nhìn viên tướng Nga đứng lúc ông ta đặt tiền.

- Một chút nữa thôi... Anh nói và ném năm đồng tiền vàng vào một ổ vuông. Chỉ một ván này nữa thôi... tôi xin thề với bà là sau đây, tôi sẽ đi chỉ một ván này nữa thôi... chỉ một...

Rồi giọng nói của anh tắt dần. Hòn bi lại bắt đầu lăn, lôi anh theo vòng quay của nó. Một lần nữa con người bị ma ám này lại tuột khỏi tay tôi, anh đã thoát ra khỏi bản thân anh ta, bị cuốn theo viên bi tròn nhỏ xíu cứ nhảy tung tung trong cái lòng chảo.....

Người hồ lý xướng số lên, cái bàn cào chộp lấy năm đồng tiền vàng ở trước anh, nhưng anh không quay lại. Anh đã quên tôi, lẫn lời thề cùng lời anh vừa hứa với tôi chừng một phút trước. Bàn tay thèm khát của anh lại co quắp thọc vào đồng bạc đã rơi dần và cái nhìn say mê của anh hoàn toàn bị chi phối bởi người đối diện - mang phước đến cho anh đã hấp dẫn ý chí của anh một cách huyền bí.

Tôi không thể kiên nhẫn được thêm. Tôi lay anh một lần nữa, mạnh hơn trước:

- Đứng dậy ngay đi! Ngay lập tức... anh đã nói đây là ván cuối cùng mà...

Thế là điều bất ngờ đã xảy ra. Anh ta quay phắt lại: bộ mặt đang nhìn vào tôi không phải là của một người khiêm nhường và e thẹn mà là của một kẻ điên dại, một kẻ đang lên cơn nóng giận, mắt long lên, môi run run, giữ tợn.

- Để yên cho tôi nhò! - Anh ta nóng nảy thét lên - Hãy cút đi! Bà chỉ đem vận xui đến cho tôi. Bao giờ cũng vậy, cứ có bà là tôi thua! Hôm qua đã thế, hôm nay nữa! Bà xéo đi!

Tôi choáng người một lát. Nhưng sau đó, trước cơn điên của anh ta, nỗi giận của tôi dùng dưng.

- Tôi đem vận xui đến cho anh hả? - Tôi la mắng anh - Đồ nói dối, đồ ăn cắp, anh đã thề với tôi rồi mà!...

Nhưng tôi đã ngừng nói ở đó, vì anh chàng rô đại đã nhảy chồm lên, đẩy lùi tôi lại, không cần để ý tiếng ồn ào đang đến gần.

- Để yên cho tao nhò! – Hấn lớn tiếng hét lên, không giữ ý chút nào nữa. Mà không phải là quản lý tiền nong của tao. Đây... đây... đây, tiền của mày đây - và hấn ném cho tôi vài tờ giấy bạc một trăm phrăng... Còn bây giờ, hãy để cho tao được yên thân.

Hấn la hét, y như một người điên, không kể gì đến sự có mặt của hàng trăm người xung quanh. Tất cả nhìn, xì xào nói bóng gió đủ điều, cười cợt, và từ phòng bên, nhiều người tò mò cũng kéo đến. Tôi tưởng như mình bị lột hết quần áo và đang đứng trần truồng trước những kẻ hết sức tò mò này.

- Xin bà yên lặng cho, thưa bà? Người hồ lý vừa hách dịch nói lớn vừa gõ bàn cào xuống bàn.

Những lời của tên khốn kiếp đó là nói với tôi. Bị mất thể diện, bị sỉ nhục, tôi cứ đứng đực trân trân trước sự tò mò râm ran, rì rào như một con diêm vừa được người ta cho tiền. Hai, ba trăm con mắt xắc xược cứ ở đó nhìn thẳng vào mặt tôi. Và...trong khi tránh né, cúi gập người lại trước sự sỉ nhục và hổ thẹn nhớ nhóp, tôi nhìn sang bên, thì kìa, trước mặt tôi, tôi đã trông thấy đôi mắt gần như lơ lảo vì kinh ngạc. Đó là bà chị họ tôi đang ngơ ngác nhìn tôi, miệng há hốc, tay giơ lên, như sợ hãi khủng khiếp. Tôi như bị đòn roi quất mạnh: trước khi bà ta làm được gì, bình tĩnh lại được, tôi đã lao ra khỏi phòng, tôi còn đủ sức để đến thẳng chiếc ghế dài, nơi hôm qua con người bị quỷ ám này đã gục tại đấy và tôi cũng yếu đuối, mệt mỏi và rã rời như hấn, tôi buông mình xuống tấm gỗ cứng đờ và khắc nghiệt.

Giờ đây, hai mươi bốn năm trời đã trôi qua, nhưng nghĩ đến lúc tôi đứng ở đó, bị lăng nhục bởi những lời xỉ vả của hấn, dưới con mắt của hàng ngàn người lạ, máu tôi như đóng băng trong huyết quản. Và tôi lại khiếp sợ nghĩ rằng cái mà chúng ta gọi một cách hoa mỹ là linh hồn, tinh thần, tình cảm, đau khổ, đều là chất mềm yếu, khốn nạn và nhu nhược vì tất cả những cái đó, ngay trong phút bộc phát đến cao độ cũng không đủ sức đập tan cái thân thể đang đau đớn, cái thể xác bị giày vò - vì, dù sao, máu vẫn tiếp tục chảy và người ta vẫn còn sống được sau những giờ phút ấy, thay vì phải chết, phải gục xuống như cái cây bị sét đánh.

Đau khổ chỉ làm chân tay tôi rã rời trong một thời gian, thời gian chịu đựng đòn đó, tôi rơi xuống chiếc ghế dài, không thở được nữa, hết hơi sức và có thể nói coi như đã cảm thấy tiền vị mê của cái chết không sao tránh được. Nhưng như tôi vừa nói, mọi đau khổ đều hèn nhát, nó lùi bước trước sức mạnh của ý chí muốn sống, vốn được cột chặt vào xác thịt của chúng ta, mạnh hơn nỗi ham muốn được chết bị ràng buộc trong tâm trí chúng ta.

Điều không sao giải thích được đối với bản thân tôi là sau khi tình cảm bị nghiền nát đến như vậy dù sao tôi cũng trỗi dậy được, tuy rằng không biết để làm gì. Tôi chợt nhớ là hành lý của tôi còn để ở ga, từ lúc đó, tôi chỉ còn một ý nghĩ là đi, đi, đi khỏi nơi đây, chỉ cần đi xa tòa nhà đáng nguyền rủa này, tòa nhà độc địa này. Tôi chạy ra ga mà không để ý tới ai hết, tôi hỏi giờ chuyển tàu đầu tiên đi Pari, nhân viên nhà ga nói: mười giờ, và tôi đã cho đăng ký ngay hành lý của tôi.

Mười giờ: thế là đúng hai mươi bốn giờ đã trôi qua kể từ cuộc gặp gỡ ghê sợ ấy, hai mươi bốn giờ chứa đầy những tình cảm kỳ lạ nhất, nổi lên như giông bão, quay cuồng đến nỗi tâm hồn tôi đã bị nó làm tan nát mãi mãi. Nhưng trước hết, tôi chỉ cảm thấy có một lời duy nhất trong cái điệu vĩnh viễn nhịp nhàng và rung động: đi! đi! đi! Mạch đập của thái dương tôi không ngừng đóng, như đóng một cái chốt tiếng đi! đi! đi vào đầu tôi. Xa thành phố này, xa chính bản thân tôi, trở về nhà mình, tìm lại người thân của tôi, cuộc sống trước đây, cuộc sống thực sự của tôi.

Tôi qua đêm trên tàu. Tôi tới Pari, từ đó tôi chuyển từ ga này, qua ga khác, và tôi đến thẳng Bulônơ ([84]), rồi từ Bulônơ đến Đuviơ ([85]), từ Đuviơ đến London, và từ Lơ đơ về nhà con trai tôi, tất cả với tốc độ một cuộc bay không nghĩ ngợi, không suy tưởng điều gì. Trong bốn mươi tám tiếng trong lúc đó những bánh xe chỉ kèn kẹt nhắc đi nhắc lại: đi! đi! đi!

Sau cùng khi tôi bước vào viên trang của con trai tôi, không ai chờ đón tôi hết, tất cả mọi người đều kinh hãi: hình như trong con người, trong đôi mắt tôi, có cái gì đang phản lại tôi. Con trai tôi bước tới để hôn tôi, tôi giật mình lùi lại - ý nghĩ để nó đụng vào đôi môi mà tôi cho là ô uế, làm tôi không sao chịu nổi. Tôi gạt mọi câu hỏi. Tôi chỉ đòi được đi tắm, vì đối với tôi nó là một nhu cầu cần thiết để tẩy sạch thể xác tôi (không kể tới bụi bặm của chuyến đi) cho hết những gì còn bám dính tới nỗi đam mê của tên điên khùng, của con người tồi tệ đó. Rồi tôi lê bước về phòng, và tôi ngủ suốt mười hai hay mười bốn giờ, một giấc ngủ

của thú vật nặng như chì, như trước đó hay sau này, chưa bao giờ tôi ngủ như vậy, một giấc ngủ đã làm cho tôi hiểu thế nào là nằm trong quan tài đã chết. Những người thân của tôi lo cho tôi như lo cho người bệnh. Nhưng sự âu yếm của họ chỉ làm tôi đau đớn thêm, tôi thấy nhục nhã, tôi thấy xấu hổ đối với sự kính trọng, sự ân cần của họ, tôi phải luôn tự kiểm soát mình để khỏi bỗng nhiên kêu lên là tôi đã bị lừa gạt, quên lãng, gần như bỏ rơi tất cả mọi người do một cơn đam mê điên dại và vô nghĩa.

Sau đó, tôi ngẫu hứng đến một thành phố nhỏ ở Pháp. Ở đây tôi không quen biết ai, vì tôi bị ám ảnh bởi ý nghĩ tất cả mọi người cứ thoáng trông bề ngoài của tôi ngay từ cái liếc mắt đầu tiên, là đã thấy ngay nổi tử nhục và sự thay đổi của tôi, do chỗ tôi cảm thấy bị phản bội, bị bôi nhọ tới tận nơi sâu kín nhất của tâm hồn. Đôi lúc khi thức dậy, buổi sáng ở trên giường, tôi sợ mở mắt ra đến kinh hãi. Kỷ niệm về cái đêm mà chợt tỉnh giấc, tôi thấy mình ở bên cạnh một người lạ, một người đàn ông ở trần, bỗng nhiên ám ảnh tôi và thế là, như lần đầu tiên, tôi chỉ mong muốn có một điều: được chết ngay tức khắc.

Dù sao thời gian cũng có một uy lực rất lớn và tuổi tác đã làm lắng dịu một cách lạ kỳ tất cả mọi tình cảm. Người ta cảm thấy gần với cái chết hơn, bóng của nó làm đường đi tối lại, mọi việc có vẻ không còn tươi sáng nữa, chúng không tác động bao nhiêu đến những nơi thầm kín của con người như trước kia và chúng cũng mất đi nhiều uy lực hiểm nghèo. Dần dà tôi cũng hồi phục lại khỏi cơn choáng đã thử thách tôi, và nhiều năm sau, có lần, trong một buổi họp mặt, tôi gặp một người là tùy viên của một phái đoàn Áo, một người Ba Lan trẻ. Và khi tôi hỏi về gia đình con người đã cùng nằm một giường với tôi trong một đêm, anh ta trả lời rằng một nhân viên phái đoàn, lại chính là anh em họ với anh ta, đã tự tử mười năm trước đây tại Monté-Carlo, tôi cũng chau mày. Điều đó không làm tôi đau đớn chút nào: có lẽ đó còn là điều tốt với tôi (chối cãi tính ích kỷ của mình làm gì) bởi vì như vậy nguy cơ có thể gặp người ấy một lần nữa đã tan biến: bằng chứng chống lại tôi chỉ còn là ký ức của bản thân tôi. Từ đó, tôi trở nên thanh thản hơn. Nói cho cùng thì già đi chẳng qua chỉ là không còn sợ quá khứ của mình nữa.

Và bây giờ ông đã hiểu tại sao tôi bỗng quyết định kể số phận của tôi cho ông khi ông bệnh vực bà Hăngriét và ông say sưa giữ ý kiến rằng hai mươi bốn giờ có thể làm thay đổi hoàn toàn cuộc đời một người đàn bà, tôi cảm thấy như những lời đó nhằm vào tôi: tôi biết ơn ông vì đây là lần đầu tiên, có thể nói là tôi được minh oan và thế là tôi nghĩ rằng, có lẽ giải thoát tâm hồn mình

bằng cách thú tội cái gánh nặng và nỗi ám ảnh vĩnh cửu của quá khứ sẽ mất đi và mai đây, tôi có thể sẽ trở lại nơi đó, đi vào gian phòng mà tôi đã gặp số phận của tôi, tôi không còn oán hận cả anh ta lẫn tôi. Thế là khối đá đè nặng lên tâm hồn tôi sẽ được nhấc lên, tất cả sức nặng của nó sẽ đè xuống quá khứ, đè chặt lấy quá khứ không cho nó thức dậy nữa, như trong hầm mộ.

Đối với tôi được kể lại cho ông chuyện này, thật là hạnh phúc. Bây giờ, tôi thấy nhẹ nhõm, gần như vui vẻ... Tôi xin cảm ơn ông.

Nghe tới đó, thấy bà đã nói xong, tôi đứng ngay dậy. Vẻ hơi lúng túng, tôi muốn nói một điều gì, nhưng có lẽ bà ta đã biết ý tôi, bà cắt ngang:

- Không, tôi xin ông, ông đừng nói gì... Tôi không muốn ông trả lời tôi hay nói điều gì... Xin cảm ơn ông đã nghe tôi nói và chúc ông lên đường bình an. Bà đứng trước mặt tôi và bà chìa tay từ biệt tôi. Không chủ tâm, tôi nhìn mặt bà và thật là một điều cảm động khác thường, khi thấy bà già này đứng trước tôi, nhả nhận đồng thời lại hơi bối rối. Có phải đây là sự phản ánh nỗi đam mê đã nguội lạnh rồi chăng? Có phải đó là vẻ thẹn thùng cứ tăng dần, bỗng nhiên làm má bà cứ đỏ hồng mãi đến tận chân tóc bạc trắng không? Chỉ biết rằng bà vẫn ở đó, như một thiếu nữ nét na bị kỷ ức làm xáo động và hổ thẹn với chính lời thú tội của mình. Tự nhiên, tôi thấy cảm động và muốn được bày tỏ sự kính trọng của tôi bằng một lời nói. Nhưng tôi cứ nghẹn lại. Tôi chỉ có thể cúi thấp xuống, kính cẩn hôn bàn tay héo hắt của bà cứ run lên nhè nhẹ như lá mùa thu.

S.ZWEIG

LÊ PHÁT dịch

NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHÓ NHỎ

I

Mọi người kháo nhau rằng ở ngoài bãi biển có một người mới đến nghỉ: người đàn bà có con chó nhỏ.

Đomitri Đomitrits Gurốp, một người đến Ianta từ hai tuần nay và đã quen với cảnh sống ở đây, cũng bắt đầu tò mò muốn biết những người mới tới. Anh ngồi trong quán cà phê Vécne bốn phía trống trải và từ đó, anh nhìn thấy trên bãi biển, một phụ nữ còn trẻ, người tầm thước, có bộ tóc hung hung vàng, đầu đội mũ bê-rê; đằng sau nàng, một con chó nhỏ lông trắng đang chạy theo.

Và rồi những ngày sau, hôm nào anh cũng thấy nàng vài lần, khi thì ở trong công viên thành phố, khi thì ở cái vườn hoa nho nhỏ. Nàng dạo chơi một mình, đầu vẫn đội chiếc bê-rê ấy, con chó trắng vẫn chạy theo sau; không ai biết nàng là ai và mọi người đều gọi nàng một cách giản tiện: người đàn bà có con chó nhỏ.

"Nếu nàng ở đây một mình, không có chồng bên cạnh, không có người quen, - Gurốp nghĩ, - thì việc bắt chuyện làm quen với nàng có lẽ không phải là thoải.

Gurốp tuổi chưa đầy bốn mươi, nhưng anh đã có một đứa con gái mười hai tuổi và hai đứa con trai bé đã đi học ở trường. Gia đình cưới vợ cho anh rất sớm, từ khi anh còn là sinh viên năm thứ hai, và bây giờ thì vợ anh trông già hơn anh đến hàng chục tuổi. Vợ anh là một người đàn bà dong dỏng cao, dáng người rất thẳng và đường hoàng, có đôi lông mày đen rậm. Nàng tự cho mình là một người có đầu óc suy nghĩ. Nàng đọc rất nhiều sách, không bao giờ viết dấu cứng đằng sau phụ âm và gọi tên chồng là Dimitri chứ không phải là Đomitri. Còn anh, anh thầm nghĩ

rằng, nàng là một người hẹp hòi, thiển cận thô kệch; anh sợ nàng và không thích ở nhà nhiều. Từ lâu, Gurốp đã ngoại tình, ngoại tình luôn luôn; có lẽ vì vậy mà hầu như bao giờ anh cũng nói đến phụ nữ với một thái độ thù ghét khinh bỉ. Khi có ai bàn đến phụ nữ trước mặt anh thì anh gọi thế này:

- Loại người hạ đẳng!

Anh ta có cảm tưởng rằng, anh có đủ kinh nghiệm cay đắng để muốn gọi phụ nữ thế nào thì gọi; nhưng mặc dầu thế, không có "loại người hạ đẳng" ấy, anh không sao sống quá được hai ngày. Giữa đám đàn ông, bao giờ anh cũng cảm thấy tẻ nhạt, gượng gạo và trở nên lạnh lùng ít nói. Nhưng bên cạnh phụ nữ thì anh lại cảm thấy thoải mái và biết phải nói gì, đối xử ra sao; ngay cả những khi im lặng trước mặt họ, anh cũng cảm thấy mình nhẹ nhõm. Trong tính tình, diện mạo của Gurốp cũng như trong cả cốt cách của anh, có một cái gì quyến rũ rất khó nói, một cái gì thu hút những người đàn bà, hấp dẫn họ. Anh biết điều đó, và chính bản thân anh cũng bị một sức mạnh vô hình cuốn về phía họ.

Từ lâu, kinh nghiệm cay đắng nhiều lần đã dạy anh rằng, những cuộc gần gũi mới đầu có vẻ thú vị, làm cho đời thêm phần hoa lá, những cuộc phiêu lưu êm ái, nhẹ nhàng, đối với những người đàn ông đứng đắn, nhất là những người đàn ông Maxcova chậm chạp và thiếu cương quyết, cuối cùng bao giờ cũng trở thành cả một bài toán cực kỳ nan giải, có kết cục thật là nặng nề. Nhưng rồi mỗi lần gặp được một người đàn bà xinh đẹp hấp dẫn mới, cái kinh nghiệm ấy lại rơi đi đâu mất và anh lại muốn sống, lại cảm thấy cuộc đời thật giản đơn và ngộ nghĩnh.

Có lần, vào buổi chiều, khi đang ăn trong vườn, anh thấy người đàn bà đội mũ bêrê ấy chậm rãi bước tới ngồi xuống bên chiếc bàn cạnh đó. Nhìn nét mặt, dáng đi, kiểu tóc và xống áo nàng mặc, có thể đoán được rằng nàng thuộc loại người khá giả, con nhà gia giáo, đã có chồng và lần đầu tiên đến Ianta; nàng đi một mình và cảm thấy cuộc sống ở đây rất tẻ nhạt.

Trong những lời đồn đại về chuyện thiếu đạo đức ở vùng nghỉ mát này, có nhiều điều không đúng sự thật, anh coi khinh những lời ấy và cho rằng phần lớn là do một số người dựng lên, - những người sẵn sàng phạm phải những điều thiếu đạo đức đó, nếu họ có khả năng làm được chuyện ấy. Nhưng đến khi người đàn bà ngồi xuống bên chiếc bàn chỉ cách anh mấy bước, anh

sức nhớ đến những chuyện chinh phục dễ dàng, những buổi lên núi chơi và cái ý nghĩ đầy ma lực thu hút về một cuộc chung đụng ngắn ngủi, chóng vánh, về mối tình với người đàn bà xa lạ, không biết tên họ, bỗng xâm chiếm lòng anh.

Anh âu yếm vẫy gọi con chó bông trắng nhỏ đến bên mình, rồi khi nó tới gần, anh giơ ngón tay ra dọa dẫm. Con chó khẽ gầm gừ. Anh lại giơ ngón tay lên dọa.

Người đàn bà vội đưa mắt về phía anh và lại cúi xuống ngay.

- Nó không cắn đâu, - nàng nói và khuôn mặt nàng ửng đỏ.

- Có thể cho nó ăn xương được không? - Gurốp nói và khi thấy nàng gật đầu, anh lại hồ hởi hỏi tiếp: - Chị đến Ianta đã lâu chưa?

- Dăm ngày rồi.

- Còn tôi thì đã gắng gượng ở đây đến tuần thứ hai.

Cả hai cùng lặng yên một lát.

- Thời gian trôi qua thật nhanh chóng mà ở đây thì thật là buồn tẻ! - Nàng nói, mắt không nhìn về phía anh.

- Đó chỉ là điều người ta mặc nhiên quen nói với nhau rằng ở đây buồn tẻ. Một người tầm thường sống trong nhà mình ở Bêlêp([86]) hay ở Giuđôrô⁽²⁾ thì chẳng thấy buồn chán, thế mà vừa đặt chân đến đây đã vội kêu lên: "Ồi, buồn tẻ quá! Toàn bụi là bụi!". Cứ như thế anh ta từ Grênađa tới không bằng.

Nàng khẽ bật cười. Và sau đó, cả hai lại lặng lẽ tiếp tục ăn, như những người không quen biết.

Nhưng, ăn xong, thì họ đã đi bên nhau; một cuộc nói chuyện nhẹ nhàng đùa giỡn bắt đầu, - một cuộc nói chuyện giữa những người sống thoải mái, khoan khoái tự do, những người đi đâu cũng được, nói chuyện gì cũng được. Họ dạo chơi và nói với nhau rằng ánh sáng trên biển kỳ lạ biết bao, mặt nước tím tím màu hoa xiren thật mềm mại và ấm áp; trăng rọi chiếu thành từng dải ánh vàng rực. Họ nói với nhau rằng sau một ngày nắng gắt trời trở nên oi bức ghê gớm. Gurốp kể rằng anh là người Maxcova, tốt nghiệp khoa ngữ văn nhưng lại làm việc ở nhà băng, đã có lúc định hát cho một gánh hát tư nhưng sau lại bỏ,

anh có hai ngôi nhà ở Maxcova... Nghe nàng kể, Gurốp biết được rằng nàng lớn lên ở Pê-têr-bua, nhưng sau đó thì đi lấy chồng ở X. Nàng đã sống hai năm ở đây. Nàng sẽ ở lại Ianta độ khoảng một tháng và có lẽ sắp tới chồng nàng cũng đến đây nghỉ. Nàng không thể nói được là chồng nàng làm việc ở đâu, - ở Hội đồng hành chính tỉnh hay là ở Hội đồng hương chánh, - điều ấy làm nàng tự cảm thấy buồn cười. Gurốp còn biết thêm rằng nàng tên là Anna Xêrghêépna.

Sau đó, trong căn phòng của mình, Gurốp nghĩ đến nàng, nghĩ rằng chắc chắn ngày mai nàng sẽ gặp anh.

Chắc chắn là như thế. Khi lên giường ngủ, Gurốp nhớ rằng, mới cách đây không lâu nàng còn đi học như đứa con gái anh, nhớ đến những nét rụt rè ngượng ngập trong tiếng cười, trong cách nói chuyện của nàng với một người lạ, - chắc đó là lần đầu tiên nàng sống một mình trong môi trường như thế, nơi mọi người đều đi theo nàng, ngắm nhìn nàng, nói chuyện với nàng để nhằm một mục đích bí hiểm mà nàng không thể không đoán ra được. Anh nhớ đến cái cổ, thanh thanh yếu ớt, đôi mắt màu xám rất đẹp của nàng.

"Ở nàng vẫn có một cái gì tội nghiệp đáng thương", - anh nghĩ vậy rồi ngủ thiếp đi.

II

Một tuần đã qua kể từ khi họ quen nhau. Đó là một ngày chủ nhật. Trong các căn phòng đều oi bức, và ngoài trời thì gió cuốn bụi bay mù, hất mũ xuống đất. Suốt ngày khát nước, Gurốp chốc chốc lại ghé sang quán giải khát và mời Anna Xêrghêépna khi thì uống nước sirô, khi thì ăn kem. Chẳng còn biết đi đâu. Buổi chiều, khi mà gió đã ngớt đi nhiều, họ cùng nhau đi ra bờ biển xem tàu thủy đến. Trên bến, nhiều người đang dạo chơi, nhiều người tay ôm hoa chờ đón ai. Đám người nghỉ mát sang trọng ở Ianta, có hai điều đặc biệt dễ làm mọi người chú ý: đó là những bà đứng tuổi ăn vận như thiếu nữ và nhiều ngài sĩ quan cấp tướng.

Vì biển động, tàu thủy đến muộn, khi mặt trời khuất bóng, con tàu lượn vòng rất lâu rồi mới cập bến. Anna Xérghêépna giờ cặp kính nhòm nhìn lên tàu lên những hành khách như thể kiểm tìm người quen và khi nàng quay lại phía anh, đôi mắt nàng sáng lên. Nàng nói nhiều, những câu hỏi nàng đặt ra vội vàng hấp tấp, nói xong lại quên ngay những điều mới hỏi, sau đó, đánh rơi mất cặp kính giữa đám đông người.

Đám người sang trọng lúc này đã tản đi hết, không còn nom rõ mặt người, gió đã lặng hẳn, nhưng Gurốp và Anna Xérghêépna vẫn đứng lại như cố chờ xem còn ai trên tàu xuống bến nữa không. Anna Xérghêépna không nói nữa, nàng khẽ hôn những bông hoa, mắt không nhìn Gurốp.

- Buổi tối trời dễ chịu hơn đây, - anh nói. - Bây giờ thì chúng ta đi đâu? Hay là chúng ta lên xe đi đâu xa một lúc?

Nàng lặng yên không trả lời.

Lúc ấy Gurốp dăm dăm nhìn nàng, rồi bất ngờ anh ôm lấy nàng và hôn lên môi, anh cảm thấy bên mình mùi hương của những bông hoa ước ắt. Ngay lúc đó, Gurốp sợ sệt nhìn quanh: có ai nhìn thấy không?

- Về nhà cô đi. . . - anh nói nhỏ .

Và hai người rào bước quay lại.

Căn phòng của nàng rất bí, tỏa mùi nước hoa mà nàng đã mua ở một cửa hiệu Nhật Bản. Vừa nhìn nàng, Gurốp vừa nghĩ "Không biết trong đời mình còn thiếu những cuộc gặp gỡ nào nữa?". Quá khứ để lại trong anh những kỷ niệm về những người đàn bà vô tư, tốt bụng; vui sướng vì tình yêu, cảm ơn anh vì niềm hạnh phúc, cho dù là rất ngắn ngủi thôi mà anh đã mang lại. Anh nhớ đến những người đàn bà, như vợ anh chẳng hạn, không thành thật yêu anh, nhiều lời và lăm cách bày vẽ, hay dằn vặt với cái vẻ muốn tỏ rằng đây không phải tình yêu, không phải lòng say mê mà là một cái gì còn lớn hơn thế nữa. Anh nhớ đến một vài người đàn bà khác, rất xinh đẹp, lạnh lùng, ở họ có khi tự nhiên lộ ra vẻ hung dữ, mong ước ngang bướng muốn lấy, muốn đạt ở cuộc đời nhiều hơn khả năng cho phép của nó. Những người này không còn trẻ trung nữa, họ đồng đánh, không biết suy đoán, ít thông minh, cảm thấy mình đầy quyền lực, và khi Gurốp trở nên lạnh lùng với họ, vẻ đẹp của những người đàn bà ấy gây cho anh một sự căm ghét, và những viên

đăng ten trên áo của họ chỉ làm anh nghĩ đến những đám mây loang lổ.

Nhưng ở nàng vẫn giữ nguyên được vẻ rụt rè, ngượng ngập chưa từng trải của tuổi trẻ, về bối rối khi có ai thành linh gõ cửa nhà mình. Anna Xérghêépna, người đàn bà có con chó nhỏ ấy, đối với sự việc vừa xảy ra có một thái độ khác thường, rất thận trọng - tưởng như đó là sự sa ngã của nàng - có thể cảm thấy như thế, và điều này có chút gì la lũng và lạc lõng. Nét mặt nàng mỗi một, những món tóc dài của nàng buồn bã xoa xuống hai bên mặt. Nàng lặng lẽ suy nghĩ, đáng trông rầu rĩ như người đàn bà có tội trong bức tranh cổ.

- Không tốt đâu, - nàng nói. - Như vậy anh đã là người đầu tiên không tôn trọng tôi.

Trên bàn trong phòng có một quả dưa hấu. Gurốp cắt cho mình một miếng và chậm rãi nhai. Ít ra là nửa giờ đã trôi qua trong im lặng.

Anna Xérghêépna ra chiều xúc động, ở nàng toát ra một cái gì đó trong trắng, thơ ngây của một người đàn bà chưa từng trải; trên bàn, cây nến đơn độc đang cháy dở nhẹ hắt những tia sáng mờ mờ lên gương mặt nàng, tuy thế vẫn có thể thấy rõ lòng nàng đang nặng trĩu.

- Làm sao mà anh có thể thôi không tôn trọng em nữa? - Gurốp hỏi. - Chính em cũng không biết em đang nói gì.

- Ôi, trời hãy tha tội cho tôi! - nàng nói, và mắt nàng đầm lệ. - Điều ấy thật khủng khiếp.

- Em đang cố tự bào chữa cho mình đấy.

- Bào chữa thế nào được? Tôi xấu hổ, tôi là một người phụ nữ thấp hèn, tôi tự khinh mình và không mong đợi gì bào chữa cả. Không phải tôi lừa chồng mà là tự lừa dối mình. Từ lâu rồi chứ không phải bây giờ mới lừa đâu. Chồng tôi có lẽ là một người tốt, một người trung thực, nhưng anh ấy là một người nô bộc! Tôi không biết anh ấy làm gì, làm việc thế nào, chỉ biết anh ấy là người chuyên hầu hạ kẻ khác. Khi lấy chồng, tôi hai mươi tuổi, một nỗi khát khao mới dấy vò tôi, tôi muốn có được một cái gì tốt đẹp hơn, tôi tự nhủ: có chứ, có một cuộc sống khác chứ. Tôi muốn sống! Sống và sống... Lòng hiếu kỳ thiêu đốt tôi... anh không hiểu được điều đó, nhưng, có trời chứng giám, tôi đã

không thể tự làm chủ được mình nữa, có một cái gì đã đến với tôi không sao ngăn mình lại được nữa; tôi nói với chồng rằng tôi ốm và thế là tôi đến đây. Và ở đây, lúc nào tôi cũng lang thang ngơ ngác như người mất hồn... thế rồi tôi trở thành một người đàn bà tầm thường, rẻ tiền mà ai cũng có thể khinh bỉ được. Gurốp cảm thấy tẻ nhạt khi nghe những lời đó; cái giọng thờ ngây, cái bất ngờ tự thú không đúng lúc ấy như chọc tức anh; nếu không nhìn thấy mắt nàng đầm lệ thì đã có thể tưởng rằng nàng đang đùa hay đang đóng kịch.

- Anh không hiểu, - Gurốp nói nhỏ, - em muốn gì?

Nàng gục đầu vào ngực anh và nép chặt vào anh.

- Hãy tin tôi, hãy tin tôi đi, tôi van anh... - nàng nói. - Tôi yêu một cuộc sống trong sạch, trung thực, tôi ghê tởm những điều tội lỗi, chính tôi cũng không biết tôi đang làm điều gì. Những người dân thường nói: bị ma quỷ lấy mất hồn. Giờ đây cũng có thể nói về mình rằng tôi đã bị ma quỷ lấy mất hồn rồi.

- Đủ rồi, đủ rồi... - Gurốp lầm bầm nói.

Anh nhìn vào đôi mắt sợ hãi, không động dậy của nàng, nói những lời âu yếm nhỏ nhẹ, và nàng thấy yên tâm đôi chút, niềm vui trở lại với nàng; cả hai người cùng bật cười.

Sau đó, khi họ bước ra khỏi nhà, ngoài bãi biển không còn một ai, thành phố với những bóng cây tùng lặng yên như chết, nhưng sóng biển vẫn ào ào vỗ vào bãi cát. Một chiếc thuyền phao rạp rình trên sóng, chiếc đèn hiệu nhỏ trên đó tỏa một ánh sáng lơ mơ, ngái ngủ.

Họ tìm được một người đánh xe, cùng nhau đi đến Ôrêanda.

- Lúc này, ở dưới chỗ ra vào, anh mới biết họ của em: trên tấm bảng có đề Fôn Đidêrít, - Gurốp nói. - Chồng em là người Đức à?

- Không, hình như ông của anh ấy mới là người Đức, còn chính anh ấy thì là người theo dòng đạo Vizanchi ([87]).

Ở Ôrêanda, họ ngồi lặng yên trên ghế đá cách nhà thờ không xa, đưa mắt nhìn xuống biển. Ianta mờ mờ hiện ra sau màn sương sáng, những đám mây trắng lững lờ bao phủ quanh những đỉnh núi cao. Lùm cây lặng yên không xào xạc, chỉ có tiếng ve kêu ra rả, và tiếng sóng biển rì rào đơn điệu vọng lên từ

phía dưới ấy gọi cho chúng ta một sự yên tĩnh, một giấc ngàn thu đang đợi mỗi chúng ta. âm thanh ấy có từ khi chưa có Ianta, chưa có ôrêanda, giờ đây vẫn tiếp tục vọng lên và sẽ rì rào một cách khô khan lãnh đạm như thế, khi mà chúng ta không còn nữa. Trong cái đơn điệu, trong cái lãnh đạm hoàn toàn đối với cuộc sống và cái chết của mỗi chúng ta có lẽ đã ẩn giấu cội nguồn cứu cánh vĩnh viễn của chúng ta, quá trình vận động không ngừng của cuộc sống trên trái đất, sự hoàn thiện không ngừng. Ngồi bên một người đàn bà trẻ tuổi, mà sớm mai đến lại càng trở nên xinh đẹp, lòng cảm thấy yên tĩnh và mê say cái cảnh thần tiên của biển trời, mây núi. . . Gurốp nghĩ rằng, thực ra, nếu suy nghĩ cho thật kỹ, thì sẽ thấy trên thế giới này vạn vật, trừ những cái mà chúng ta tự suy tưởng và làm ra, đều đẹp đẽ, khi mà chúng ta quên hết những mục đích cao siêu của cuộc sống, quên hết cái gọi là phẩm chất của con người mình.

Có ai - chắc là một người tuần canh - đi dần tới phía họ, nhìn tận mặt họ rồi lại bỏ đi. Cả điều ấy nữa cũng trở nên bí ẩn và cũng thành đẹp đẽ. Đã có thể nhìn rõ tàu thủy đang từ Phêôđôxia tới, đèn trên đó đã tắt và con tàu rạng rỡ trong nắng mai.

- Sương đọng trên cỏ đấy, - Anna Xérghêépna nói sau một hồi im lặng.

- Ờ, có sương. Đến lúc phải về thôi.

Và họ cùng nhau trở về thành phố.

Những ngày sau, vào buổi trưa, họ lại gặp nhau trên bờ biển. Cùng ăn sáng, ăn trưa với nhau, cùng dạo chơi say sưa ngắm nhìn biển cả. Nàng than phiền rằng nàng khó ngủ, rằng trái tim nàng đầy xao xuyến, lo âu. Nàng cứ hỏi đi hỏi lại một số câu. Tâm trí nàng không lúc nào yên, lúc thì nàng ghen, lúc thì sợ hãi rằng Gurốp không tôn trọng nàng đúng mức.

Nhiều lần, trong công viên hay trong vườn, khi xung quanh không có ai, Gurốp thường kéo nàng lại gần mình và hôn nàng say đắm. Cảnh nhân hạ hoàn toàn, những cái hôn giữa ban ngày với vẻ e dè sợ sệt người chung quanh nhìn thấy; cái nóng, cái mùi vị của biển và quang cảnh những người no nề sang trọng chốc chốc lại đi qua trước mắt, những điều ấy như làm Gurốp sống lại; anh nói với Anna Xérghêépna rằng nàng đẹp, nàng hấp dẫn biết bao, anh tỏ ra nôn nóng, đắm say và không rời nàng nửa bước; còn nàng thì trầm ngâm và thường bắt anh tự thú

rằng anh chưa tôn trọng nàng, chưa yêu nàng một tý nào, mà chỉ thấy nàng là một người đàn bà tầm thường, rẻ rúng.

Gần như tối nào, chừng khuya khuya họ cũng đi chơi đâu ra ngoài thành phố, đi Ôrêanđa hay là lên thác nước; và lần nào cũng vậy, những buổi dạo chơi ấy đều để lại những ấn tượng đẹp đẽ, diệu kỳ.

Họ chờ xem bao giờ thì Fôn Đidêrít đến. Nhưng rồi nàng nhận được thư chồng báo rằng mắt anh ta bị đau nặng và xin nàng về nhà càng sớm càng tốt.

Anna Xérghêépna ra chiều vội vã.

- Tôi đi khỏi nơi này là rất tốt, - nàng nói với Gurốp. - Đó là ý muốn của số mệnh.

Nàng lên xe ngựa đi và Gurốp theo tiễn nàng. Họ đi suốt một ngày. Khi nàng đã ngồi vào trong toa tàu tốc hành và khi hồi chuông thứ hai đã réo lên, nàng bỗng nói:

- Cho tôi nhìn anh. . . nhìn anh một lần nữa. Thế. . . - Nàng không khóc nhưng buồn rười rượi, trông như người ốm, gương mặt nàng run run.

- Tôi sẽ nghĩ đến anh... nhớ đến anh, - nàng nói. - Trời sẽ phù hộ anh, anh ở lại đây nhé. Đừng nghĩ xấu về tôi. Chúng ta chia tay nhau vĩnh viễn, điều ấy là cần thiết, bởi vì chúng ta hoàn toàn không nên gặp nhau nữa. Trời sẽ phù hộ anh. . .

Con tàu vội vã rời khỏi ga, lát sau ánh đèn trên đó đã khuất, liền đó, chỉ một lát sau tiếng động của đoàn tàu không còn nghe thấy nữa, mọi việc xảy ra đều như cố tình mau chóng chấm dứt cái diên rồ, say đắm, ngọt ngào ấy. Một mình đứng lại trên sân ga, đưa mắt nhìn về khoảng trời mù mịt phía xa, Gurốp lắng nghe tiếng dế kêu, tiếng gió reo qua dây điện thoại với cảm giác như vừa mới tỉnh ngủ. Anh nghĩ rằng, đấy, trong đời anh lại có thêm một cuộc phiêu lưu và cuộc phiêu lưu ấy cũng đã kết thúc và bây giờ chỉ còn những kỷ niệm . . . Lòng anh tràn ngập một nỗi buồn, một niềm xúc động. Anh cảm thấy đôi chút hối hận, bởi vì anh nghĩ, người đàn bà trẻ trung ấy, người mà anh không bao giờ gặp nữa, sống bên anh không chút hạnh phúc. Anh đối xử với nàng rất vội vã và chân thành, nhưng trong cách đối xử ấy, trong cách âu yếm nàng vẫn có cái gì cợt ảm ảnh, vẫn phần nào có cái trịch thượng thô thiển ở một người đàn ông

luôn được hưởng sung sướng, thêm nữa anh lại nhiều tuổi hơn nàng gần đến hai lần. Lúc nào nàng cũng gọi anh là người nhân hậu, người cao thượng, phi thường... chắc là nàng tưởng tượng anh là một người khác, không như thực chất của anh, và thế có nghĩa là anh đã lừa dối nàng...

Ngoài ga, hương vị của mùa thu đã đến, gió thổi mát lạnh. "Cả mình cũng đến lúc trở về phương Bắc thôi, Gurốp vừa đi khỏi nhà ga vừa nghĩ. - Đi thôi".

III

Maxcova đã là mùa đông, lò sưởi đã làm việc.

Sáng sáng, trước khi trẻ con đi học và uống nước chè, trời hãy còn tối và người bảo mẫu phải thắp đèn lên một lúc. Trời đã lạnh lắm. Và khi những bông tuyết đầu tiên rơi xuống, ngày đầu tiên ngồi trên xe trượt, người ta sẽ khoan khoái nhìn mặt đất trắng xóa, nhìn những mái nhà phủ tuyết, hơi thở sẽ nhẹ nhàng, đều đặn, và lúc ấy chắc mọi người đều nhớ lại những tháng năm thời thơ ấu. Ở những cây bồ đề, những cây bạch dương trắng xóa vì sương giá có vẻ gì như chào mời sẵn đón, dễ gần hơn những cây tùng, cây cọ, - bên cạnh những thứ cây ấy, người ta không còn muốn nhớ đến biển, đến núi nữa.

Gurốp là người Maxcova. Anh trở về đây vào một hôm trời lạnh, rất đẹp, và khi anh khoác tấm bành tô lông lên mình, xỏ tay vào đôi găng ấm áp rồi đi dọc phố Pêtorốpca, khi vào chiều thứ bảy anh lại nghe tiếng chuông nhà thờ, thì chuyển đi xa vừa qua cùng những nơi anh đã đến bỗng trở nên mất hết vẻ kỳ thú với anh.

Dần dần anh lại lao vào cuộc sống Maxcova, anh đã bắt đầu ngẫu nhiên đọc ba tờ báo mỗi ngày và nói rằng vì giữ nguyên tắc nên không đọc báo Maxcova.

Nhưng khách sạn, câu lạc bộ đã bắt đầu thu hút anh.

Anh lại muốn dự những bữa tiệc liên hoan, kỷ niệm.

Anh cảm thấy hơi lòng hơi dạ khi những luật sư, nghệ sĩ nổi tiếng đến chơi nhà anh hoặc anh đã từng đánh bài với một giáo sư ở Câu lạc bộ bác sĩ. Anh đã có thể ăn hết một liễn xúp to tướng.

Anh tưởng rằng chỉ độ một tháng sau, hình ảnh Anna Xérghêépna sẽ phai mờ trong tâm trí anh, thỉnh thoảng anh sẽ chỉ còn nằm mơ thấy nụ cười đầy xúc động của nàng, như đã nằm mơ thấy bao người khác. Nhưng hơn một tháng đã qua, những ngày đông rét mướt nhất đã tới mà mọi điều trong tâm trí anh còn rõ rệt, tưởng như anh mới chia tay với Anna Xérghêépna hôm qua. Những hồi ức ấy ngày càng thêm rõ nét. Những lúc tiếng trẻ con học bài vắng sang phòng anh, những lúc nghe thấy tiếng đại phong cầm đàn bản tình ca vang lên trong khách sạn, những lúc gió tuyết cuốn vào trong chiếc lò sưởi lớn...

Những lúc ấy tự nhiên trong ký ức anh bỗng sống lại tất cả: từ những chuyện xảy ra trên bến tàu, ngoài bờ biển, đến những buổi sáng sớm mây mù trên núi cao, những con tàu từ Phêôđôxia, những cái hôn. . . Anh đi đi lại lại rất lâu trong phòng mình, hồi tưởng lại và tự mỉm cười. Dần dần những hồi ức ấy chuyển thành mơ ước, và trong tưởng tượng quá khứ dần hòa nhập lại với những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Anh không phải nằm mơ thấy Anna Xérghêépna, mà là thấy nàng đi bên anh, theo anh khắp mọi nơi như một cái bóng. Nhắm mắt lại, anh như thấy nàng trước mặt, còn xinh đẹp hơn, trẻ hơn, dịu dàng hơn ngày trước và chính bản thân anh cũng cảm thấy mình tốt hơn so với hồi ở Ianta. Tối tối nàng như ngắm nhìn anh từ chiếc tủ đứng đựng sách, từ phía lò sưởi, từ góc phòng; anh nghe thấy hơi thở nàng, tiếng xống áo nàng sột soạt nhẹ nhàng, âu yếm. Đi ngoài phố, anh đưa mắt tìm kiếm xem có ai giống nàng không.

Một nhu cầu muốn giải bày, muốn chia sẻ những kỷ niệm ấy dầy vò anh. Nhưng ở nhà thì không thể nói đến mối tình của mình được mà ở ngoài thì lại không có ai để tâm sự, không thể thổ lộ với hàng xóm cũng không thể nói ở nhà băng. Mà nói điều gì mới được chứ? Chẳng lẽ lúc ấy anh đã yêu nàng sao? Chẳng lẽ đã có một cái gì đẹp để thơ mộng, bổ ích cho anh hay đơn thuần là một cái gì thú vị trong quan hệ của anh với Anna Xérghêépna sao? Và thế là anh phải nói mông lung, mơ hồ về chuyện phụ nữ,

chuyện tình yêu. Những lúc đó không ai đoán được có cái gì xảy ra; chỉ có vợ Gurốp là cau đôi lông mày đen rậm và nói:

- Dimitri, vai một người kênh kiệu, rộng tuếch không hợp với anh đâu.

Có lần vào một đêm khuya, khi anh cùng bạn chơi bài, một quan chức, bước ra khỏi Cầu lạc bộ bác sĩ, anh không nén được nữa và thốt lên:

- Ô, nếu ông bạn biết được mình đã làm quen với một người phụ nữ đáng yêu như thế nào ở Ianta!

Viên quan chức ngồi vào chiếc xe trượt và xe đã bắt đầu chạy đi; nhưng bỗng y quay lại và gọi to:

- Đomitri Đomitrits?

- Cái gì vậy?

- Lúc này thế mà anh đứng đấy: thứ cá chiên ấy có mùi rồi!

Những câu nói thường nghe ấy, không hiểu sao, lại tự nhiên làm anh bức bối; anh cảm thấy những tiếng ấy thật bẩn thỉu, hạ thấp phẩm giá con người. Những thứ đạo đức, những con người kỳ quặc, man rợ biết bao? Những cuộc đánh bài điên loạn, ăn uống lố mãng, say rượu, những cuộc nói chuyện quanh đi quẩn lại một đề tài! Những việc làm vô tích sự, những cuộc nói chuyện lặp đi lặp lại ấy cướp đi một phần thời giờ tốt nhất, phần sinh lực quý nhất và kết cục là để lại một cuộc sống tầm thường, tẻ ngắt, một cái gì ngu độn, vậy mà không làm sao đi khỏi, chạy thoát được, hết như đang sống trong một nhà thương điên hay giữa một trại tù nào.

Suốt đêm hôm ấy Gurốp không ngủ được, lòng tràn đầy bức tức, và ngày hôm sau anh bị nhức đầu.

Những đêm tiếp theo anh vẫn khó ngủ, khi thì ngồi trên thường nghĩ ngợi, khi thì đi đi lại lại trong phòng. Anh chán bọn trẻ con, chán nhà băng và chẳng buồn đi đâu hết, chẳng buồn nói gì hết. Vào những ngày nghỉ lễ tháng 12, anh sửa soạn đi và nói với vợ rằng anh cần tới Pêterbua để chạy việc cho một anh bạn trẻ. Nhưng rồi anh lại đi X. Để làm gì? Anh cũng không tự mình biết rõ được. Anh muốn gặp Anna Xérghêépna, nói chuyện với nàng và hẹn hò gặp nhau, nếu có thể được.

Gurốp đến X. vào một buổi sáng và thuê căn phòng sang trọng nhất trong khách sạn. Trong căn phòng ấy, toàn bộ sàn nhà trải một lớp dạ lính màu xám, trên bàn đặt một bình mực cũng màu xám vì bụi kèm tượng người kỵ sĩ cưỡi ngựa tay cầm mũ giờ lên, nhưng đầu đã gãy cụt. Người hầu phòng cho anh biết mấy tin tức cần thiết: Fôn Đidêrít ở phố Cựu Gôntrarơnaia, tại nhà riêng của ông ta, cách khách sạn không xa lắm. Fôn Đidêrít sống sung túc, ung dung, có xe ngựa riêng và cả thành phố đều biết ông.

Người hầu phòng gọi nhằm họ ông ta là Đơruđurít.

Gurốp chậm rãi đi về phía phố Cựu Gôntrarơnaia và kiếm tìm ngôi nhà ấy. Một bức rào sắt nhọn màu xám chạy dài phía trước ngôi nhà.

"Nhìn thấy bức rào ấy chắc ai cũng phải bỏ chạy", - Gurốp nghĩ vậy và đưa mắt nhìn lên cửa sổ, nhìn lên bờ rào.

Anh suy tính: hôm nay là ngày nghỉ và thế có nghĩa là chắc chắn chồng nàng sẽ có nhà. Đẳng nào vào ngôi nhà ấy bây giờ cũng bất tiện và làm phiền người khác. Còn nếu viết giấy để lại thì mảnh giấy ấy có thể rơi vào tay người chồng và lúc đó mọi việc sẽ hỏng hết. Tốt nhất là chờ đợi dịp may. Gurốp đi qua đi lại trên đường phố ấy, bên cạnh bờ rào và chờ dịp may đó. Anh nhìn thấy một người ăn mày bước vào cổng nhà và một đàn chó liền chạy bổ tới. Một giờ sau anh nghe thấy tiếng đàn dương cầm yếu ớt không rõ rệt vọng ra. Chắc là Anna Xérghêépna đang đánh đàn. Cánh cổng đồ sộ bỗng thỉnh linh mở rộng ra và Gurốp thấy một bà lão bước ra, theo sau là con chó bông trắng quen thuộc dạo nào. Gurốp muốn gọi con chó lại gần nhưng tim anh bỗng đập liên hồi, và vì quá xúc động anh không còn nhớ tên con chó con ấy nữa.

Gurốp vẫn đi, mỗi lúc thêm cảm tức bức rào sắt xám xịt, anh đã bắt đầu bức bối nghĩ rằng Anna Xérghêépna đã quên anh, và có lẽ đã say sưa với một người nào khác, điều đó là hoàn toàn tự nhiên đối với một người đàn bà trẻ từ sáng sớm đến tối mịt phải nhìn thấy cái bức rào đáng nguyên rủa này. Anh trở về khách sạn và ngồi rất lâu trên đi văng, không biết phải làm gì, sau đó, anh đi ăn cơm rồi nằm ngủ rất lâu, Toàn là chuyện ngu xuẩn và rắc rối. - Gurốp nghĩ thế, khi đã tỉnh dậy và đưa mắt nhìn phía cửa sổ tối sẫm: trời đã tối rồi. - Chẳng hiểu sao lại ngủ đầy giấc thế. Biết làm gì đêm nay đây".

Anh ngồi lặng trên chiếc giường trải một tấm chăn xám rẻ tiền hệt như trong các bệnh viện và tự trách móc, giận dữ mình:

"Đấy người đàn bà có con thỏ nhỏ của anh đấy...cuộc phiêu lưu của anh đấy... Bây giờ thì cứ ngồi thế nhé!" Sáng hôm nay, khi còn ở ngoài ga, một tấm quảng cáo với dòng chữ to tướng đã đập vào mắt anh: " Công diễn lần đầu vở "Gêisa". Anh sức nhớ lại điều ấy và đi đến rạp hát.

"Rất có thể nàng sẽ xem những cuộc công diễn lần đầu" , - anh nghĩ.

Rạp hát chật ních người. Như ở mọi rạp hát tỉnh lẻ khác, rạp này cũng có một làn khói mờ mờ như sương phía trên chùm đèn, dải bao lơn ồn ào trên tầng hai.

Trước khi mở màn, ở hàng trên cùng, những người sang trọng ở địa phương đứng chấp tay ra đằng sau, trên lô dành riêng cho quan tỉnh trưởng, ở hàng trước con gái ông ta đang ngồi, vai quàng một chiếc khăn lông rất to, còn chính tỉnh trưởng thì khiêm nhường ngồi phía đằng sau, chỉ nhìn thấy được hai tay ông mà thôi. Tấm màn che động dậy, các nhạc công thi nhau lên dây đàn. Khi khán giả còn đang lục tục vào tìm chỗ ngồi, Gurốp chăm chú đưa mắt tìm bốn phía. Đến lượt Anna Xérghêépna bước vào. Nàng ngồi xuống hàng ghế thứ ba và khi Gurốp nhìn nàng, trái tim anh bỗng thất lại, anh chợt hiểu rằng, giờ đây, trên thế giới này, đối với anh không còn ai gần gũi hơn, thân quý hơn, quan thiết hơn người phụ nữ này.

Mất lẫn vào giữa đám người tỉnh lẻ này, tay cầm cặp kính thô thiển, người đàn bà nhỏ nhắn không có gì nổi bật ấy giờ đây đã choán hết cả cuộc đời anh, đã là niềm vui, nỗi khổ của anh, là hạnh phúc duy nhất mà anh hằng mong ước bấy lâu. Trong cái âm thanh ngán ngấm của một dàn nhạc tồi, của những cây đàn violông xấu xí rẻ tiền, anh để cho tâm trí mình nghĩ đến nàng, nghĩ rằng nàng thật xinh đẹp biết bao. Anh nghĩ ngợi và mơ ước.

Cùng với Anna Xérghêépna và sau đó, ngồi xuống bên cạnh nàng, là một người còn trẻ, râu quai nón thanh, dáng người rất cao và hơi gù gù. Mỗi bước đi, anh ta lại gật đầu xuống, có cảm tưởng rằng anh ta luôn luôn cúi đầu chào. Chắc đó là chồng nàng, người mà trong những phút cay đắng ở Ianta, Anna Xérghêépna đã gọi là một người nô bộc. Thực ra, trong cái dáng người dài ngoẵng, bộ râu quai nón và cái trán hơi bị hói cũng có vẻ ngoan ngoãn, nhún nhường. Anh ta cười ngọt ngào, bên dưới

cổ áo, chiếc huy hiệu chứng nhận bằng cấp nào đó lấp lánh trông hệt như mảnh sổ đeo của người hầu phòng.

Hết màn thứ nhất, người chồng trở ra hành lang hút thuốc lá, nàng ngồi lại trên chiếc ghế bành.

Guróp cũng ngồi ở dưới nhà. Anh bước gần đến bên nàng và nói giọng run run, miệng cười găng gượng:

- Chào chị.

Nàng đưa mắt nhìn anh và gương mặt nhợt nhạt tái hẳn đi. Nàng lại hoảng sợ nhìn lại anh lần nữa như không tin vào chính mắt mình, bàn tay nàng nắm chặt lấy chiếc quạt và cặp kính nhòm: chắc nàng đang phải tự gắng sức lắm để khỏi phải ngã gất đi.

Cả hai đều im lặng. Nàng vẫn ngồi, còn anh thì vẫn đứng; vẻ lúng túng, bối rối của nàng vừa rồi làm anh sợ hãi, anh không dám ngồi xuống bên cạnh. Đàn sáo lại nổi lên. Guróp bỗng cảm thấy ghê rợn khi nghĩ rằng có lẽ mọi người ở khắp các lô xung quanh đang chăm chú nhìn anh. Nhưng rồi nàng bỗng đứng dậy và đi ra phía cửa; anh cũng đi theo nàng. Cả hai người cứ đi một cách kỳ dị như thế. Họ đi theo hành lang lên cầu thang gác, lúc lên lúc xuống, loáng thoáng qua trước mặt họ là những người ăn vận quần áo quan toà, giáo học, quan lại, ai cũng đeo huy hiệu, loáng thoáng bóng các bà, áo bành tô treo trên giá.

Gió lùa qua lại, mang theo mùi thuốc lá đang cháy dở. Trái tim anh đập rộn ràng, anh nghĩ : " Trời, có những người này, dàn nhạc này để làm gì!..." Trong giây lát ấy, Guróp bỗng nhớ lại cái buổi chiều tối trên sân ga, sau khi tiễn Anna Xérghêépna đi rồi, anh tự nhủ, sự việc thế là kết thúc và họ không bao giờ gặp lại nhau nữa. Nhưng thực ra cái điểm kết thúc ấy còn xa vời biết bao!

Đến một cầu thang nhỏ hẹp, tối tối, nơi có treo biển đề: Lối vào "ămphitêat" ([88]), Anna Xérghêépna dừng lại.

- Anh làm tôi sợ quá! - nàng vừa nói, vừa thở rất nặng nhọc, nét mặt nàng còn nguyên vẻ nhợt nhạt, sửng sốt. - Ôi, anh làm tôi sợ quá! Tôi thật dở sống dở chết. Anh đến đây làm gì? Làm gì?

- Anna, cô hãy hiểu cho tôi, hãy hiểu tôi. . . - Gurốp nói vội vàng, giọng nhỏ nhẹ. - Tôi van cô, xin cô hiểu tôi. Nàng sợ hãi nhìn anh, ánh mắt nàng như cầu khẩn, nhưng chan chứa yêu thương. Nàng đắm đắm nhìn anh như để cố khắc sâu vào tâm khảm những đường nét trên gương mặt anh.

- Ôi, tôi thật khổ! - Nàng không nghe anh, nói tiếp. - Lúc nào tôi cũng nghĩ đến anh, sống bằng những hồi tưởng về anh. Tôi muốn quên đi, quên hết đi, nhưng làm sao, làm sao anh lại đến đây?

Phía trên cao, có hai cậu học trò đang hút thuốc và đưa mắt nhìn xuống dưới. Nhưng mặc họ, Gurốp vẫn kéo nàng lại gần mình rồi hôn lên má, lên mặt, lên tay nàng. - Anh làm gì vậy, làm gì vậy! - Nàng vừa sợ hãi nói, vừa đẩy anh ra. - Chúng ta đều mất trí cả rồi. Anh hãy đi khỏi nơi này ngay hôm nay, đi ngay bây giờ thôi... Trước các vị thần linh, tôi van anh, tôi xin anh đừng... Người ta đang đi lại phía này đấy! Có người nào đang đi lên thang gác.

- Anh phải đi khỏi nơi này... - Anna Xérghêépna nói tiếp, giọng thì thầm. - Anh nghe không? Anh Đơmitri Đơmitrít? Tôi sẽ đến Maxcova với anh. Chưa bao giờ tôi được sống hạnh phúc, cả bây giờ cũng đang bất hạnh và sẽ không bao giờ, không bao giờ được sống hạnh phúc, không bao giờ! Vậy thì hãy bắt tôi phải khổ sở thêm nữa! Thề với anh rằng, tôi sẽ đến Maxcova. Bây giờ thì chia tay thôi! Anh thân yêu, anh quý mến, anh rất tốt với em, giờ thì chúng ta tạm xa nhau anh ạ!

Nàng nắm chặt tay anh rồi vội vã bước xuống cầu thang, đầu ngoái nhìn lại anh hoài; nhìn đôi mắt nàng, cũng biết được rằng, trong cuộc đời, nàng đúng là một người không hạnh phúc... Gurốp đứng lại một lúc, lắng tai nghe ngóng, cho đến khi chung quanh đã yên lặng, anh mới đi tìm giá áo của mình và rời khỏi nhà hát.

Từ dạo ấy, Anna Xérghêépna bắt đầu đến Maxcova với anh. Cứ độ khoảng hai ba tháng nàng lại rời khỏi X. Nàng nói với chồng nàng rằng nàng cần đi Maxcova để gặp một giáo sư chuyên chữa bệnh phụ nữ nào đó của nàng - chồng nàng thì nửa tin nửa ngờ.

Đến Maxcova, Anna Xérghêépna nghỉ tại khách sạn "Chợ Xlavor" và cho ngay một người đội mũ đỏ đến báo với Gurốp. Gurốp đến với nàng, ở Maxcova không hề có ai biết việc đó.

Có một lần vào một buổi sáng mùa đông, Gurốp đi đến gặp nàng bằng cách như thế (người đến báo tin từ tối hôm trước lại không gặp được anh ở nhà), đi bên anh là đứa con gái lớn mà Gurốp muốn đưa đến trường vì đi cùng đường. Tuyết rơi từng bông rất to và ướt át - Bây giờ là 3 độ trên 0, thế mà tuyết vẫn rơi, - Gurốp nói với con gái. - Nhưng cái ẩm áp đó chỉ có ở trên mặt đất thôi, còn ở trên tầng cao khí quyển thì nhiệt độ lại hoàn toàn khác.

- Ba ơi, tại sao mùa đông lại không có sấm hờ ba?

Anh lại giải thích điều đó. Anh vừa nói vừa nghĩ rằng, đó anh đang đi đến chỗ hẹn hò, mà không có một ai biết điều ấy, và chắc sẽ chẳng bao giờ có ai biết đến. Trong anh đồng thời có hai cuộc sống: một cuộc sống lộ ra bên ngoài mà ai cũng thấy, cũng biết, một cuộc sống đầy những sự thật ước lệ, những lừa dối ước lệ giống hệt như cuộc sống của bạn bè và người quen anh; còn một cuộc sống nữa thì lại càng lặng lẽ, kín đáo trôi qua. Và, vì một sự sắp xếp kỳ quặc nào đó những sự kiện có thể là tình cờ, mà tất cả những gì hệ trọng, cần thiết, thích thú với anh, những gì mà anh chân thành yêu, anh không lừa dối mình, những gì tạo nên cốt lõi của cuộc đời anh, thì lại bí mật trôi qua dưới mắt người đời; và tất cả những gì dối trá lừa đảo, là cái vỏ bề ngoài mà anh nấp vào để che đậy sự thật chẳng hạn như việc làm trong nhà băng, những cuộc tranh cãi ở câu lạc bộ, cái câu cửa miệng: "Loại người hạ đẳng", những buổi cùng vợ đi dự tiệc... Tất cả đều phơi bày ra ngoài hết. Anh tự giấu mình mà suy ra những người khác. Anh không tin những gì mình thấy, và bao giờ cũng cho rằng ở mỗi người, đằng sau tấm màn bí mật, như đằng sau màn đêm tối, có một cuộc đời thực, cuộc đời thú vị nhất, đang ẩn náu. Mỗi cuộc đời riêng đều tồn tại trong bí mật và có lẽ một phần vì thế mà những người có văn hóa đều thiết tha mong muốn sao cho bí mật riêng tư của mỗi người đều được tôn trọng.

Đưa con gái đến trường xong, Gurốp rẽ vào khách sạn "Chợ Xlavor". Anh cởi bỏ áo bành tô ở tầng dưới, bước lên cầu thang và khẽ gõ cửa phòng. Anna Xérghépna vận chiếc váy áo màu xám mà anh rất thích. Trông nàng mệt mỏi vì đi đường và vì phải chờ đợi. Suốt từ tối hôm qua đến nay nàng đã phải chờ.

Gương mặt nàng nhợt nhạt. Nàng nhìn anh, không mỉm cười, và khi anh vừa vào phòng, nàng gục đầu lên ngực anh. Họ hôn nhau rất lâu tưởng chừng như đã hai năm không gặp nhau.

- Thế nào, em sống ở đây ra sao? - Gurốp hỏi. - Có gì mới không?

- Anh đợi một tí, em kể ngay bây giờ cho anh nghe... Em không thể...

Nàng không nói nữa và khóc nức lên. Nàng quay sang bên và đưa khăn lau nước mắt.

"Thôi, cứ để nàng khóc, còn mình thì ngồi một lúc vậy", - Gurốp nghĩ và ngả mình vào chiếc ghế bành.

Sau đó anh giật chuông gọi người đưa nước trà đến và sau khi anh uống trà, nàng đứng quay mặt về phía cửa sổ. . . Nàng khóc vì xúc động, vì ý nghĩ buồn tủi rằng cuộc đời của cả hai người sao mà bất hạnh đến thế, họ chỉ có thể gặp nhau giấu giếm, lẩn tránh mọi người như những tên trộm? Chẳng lẽ cuộc đời của họ chưa tan nát rồi sao?

- Thôi, đừng khóc nữa em? - Anh nói.

Anh cảm thấy rất rõ rằng đối với anh còn rất lâu, không biết đến bao giờ mối tình này mới chấm dứt.

Càng ngày Anna Xérghêépna càng gần bó với anh hơn, ngưỡng mộ anh hơn, và thật là vô nghĩa nếu nói với nàng rằng tất cả những điều xảy ra một lúc nào đó đều phải kết thúc; mà nếu có nói như vậy, chắc nàng cũng không tin.

Anh bước đến bên nàng và ôm lấy đôi vai nàng, để âu yếm, trêu đùa với nàng. Cùng lúc ấy, anh nhìn thấy bóng mình trong gương. Mái tóc anh đã bắt đầu điểm bạc. Anh cảm thấy lạ lùng rằng những năm gần đây anh già đi, tàn tạ đi chóng quá. Đôi vai mà anh đang đặt tay lên khẽ rung rung và nóng hổi. Lòng anh tràn ngập một niềm thương cảm cuộc đời này, một cuộc đời còn ấm áp và xinh đẹp, nhưng có lẽ đã đến lúc gần trở nên héo mòn, héo hắt như cuộc đời anh. Vì lẽ gì mà nàng yêu anh như vậy? Đối với những người phụ nữ, bao giờ anh cũng để lại ấn tượng một con người khác, không giống con người anh trong thực tại, và không phải họ yêu chính anh mà là yêu con người tưởng tượng của họ, yêu con người suốt đời họ đi tìm kiếm. Sau này, khi nhận thấy nhảm lẫn của mình rồi, họ vẫn còn yêu. Và không một ai trong bọn họ cảm thấy mình hạnh phúc bên anh. Thời gian trôi đi, anh làm quen với phụ nữ, gần gũi họ, rồi lại rời xa, nhưng

chưa bao giờ yêu; có tất cả mọi điều, duy chỉ có tình yêu là chưa đến.

Chỉ đến bây giờ, khi trên đầu anh tóc đã bắt đầu điểm bạc, anh mới yêu, yêu thực sự chân thành - lần đầu tiên trong cả đời mình.

Nàng và anh yêu nhau tha thiết như những người rất gần gũi, gần bó với nhau, như vợ chồng, như những người bạn âu yếm. Họ có cảm tưởng rằng chính số mệnh đã tạo họ ra cho nhau, và không thể hiểu rằng làm sao mà anh lại có vợ và nàng lại có chồng. Họ như hai con chim trời cùng đàn, một con trống, một con mái, cùng bị bắt và nhốt vào hai cái lồng khác nhau. Họ tha thứ cho nhau tất cả những gì trong quá khứ mà họ cảm thấy ngượng ngùng, tha thứ tất cả những gì trong hiện tại và cảm thấy rằng mỗi tình này đã làm thay đổi hẳn cả hai người.

Ngày trước, trong những phút buồn rầu, Gurốp tự an ủi mình bằng đủ mọi điều suy xét, bất cứ điều nào đến với đầu óc anh. Bây giờ anh không còn tâm trí đâu để mà suy xét nữa, lòng anh chỉ còn tràn ngập một niềm thương cảm lớn, anh muốn trở nên chân thành, dịu dàng.

- Đừng khóc nữa, em thân yêu của anh, - Gurốp nói. - Em đã khóc rồi, rồi lại... Thôi chúng ta nói chuyện với nhau một lát, thử nghĩ xem có cách gì không.

Sau đó họ bàn với nhau rất lâu, nói với nhau rằng, làm sao thoát khỏi cảnh phải lẩn tránh lừa dối mọi người, phải sống ở những thành phố khác nhau, rất lâu mới được gặp nhau. Làm sao mà thoát khỏi những ràng buộc tai ác này?

- Làm sao? Làm sao? - Gurốp đưa tay nắm tóc mình và hỏi. - Làm sao bây giờ?

Có cảm giác chỉ ít lúc nữa thôi là lối thoát sẽ được tìm ra, và lúc ấy, một cuộc đời hoàn toàn mới, thật đẹp đẽ sẽ đến; nhưng cả hai người đều thấy rõ rằng còn xa lắm, xa lắm mới đến ngày kết cục, và những gì rắc rối nhất, khó khăn nhất chỉ vừa mới bắt đầu.

A. SEKHOV

PHAN HỒNG GIANG dịch

MƯA

Lúc này đã gần đến giờ đi ngủ: chỉ sáng mai thôi lúc họ thức dậy là sẽ thấy đất liền. Bác sĩ Mácphâylo châm tẩu và tựa người trên lan can, ông đưa mắt lên trời tìm chòm sao Thập tự phương nam. Sau hai năm ngoài mặt trận với một vết thương phải điều trị lâu hơn bình thường, ông thấy sung sướng được cư ngụ êm ả ở Apia([89]) ít nhất là mười hai tháng, và ông cảm thấy dễ chịu với chuyến đi. Bởi vì một số hành khách sẽ xuống tàu ở Pagô - Pagô([90]) ngày hôm sau, nên tối hôm ấy người ta nhảy đầm (chút ít) và trong tai ông còn văng vẳng những nốt nhạc rè rè của cây đàn pianô máy([91]). Boong tàu đã trở lại yên tĩnh. Xa một chút ông trông thấy bà vợ ngồi trên ghế dài nói chuyện với ông bà Đavítxon, ông chậm rãi đi về phía họ. Khi ông đã ngồi xuống dưới ánh đèn và bỏ mũ ra, người ta thấy tóc ông đỏ sẫm, với một mảng hói trên đỉnh đầu, và một nước da đỏ lốm đốm tàn nhang đi kèm lớp lông đỏ; ông trạc bốn mươi, người gầy, mặt hẹp, kỹ tính và khá là mô phạm; ông nói thổ âm Xcốt bằng một giọng nhỏ nhẹ rất thấp.

Giữa ông bà Mácphâylo và ông bà Đavítxon, những người truyền giáo đã nảy nở một niềm thân mật do sự gần gũi nhau hơn là do cùng chung sở thích. Cái mối nối chủ yếu giữa họ là việc họ không tán đồng những kẻ suốt ngày đêm tụ họp trong

phòng hút thuốc chơi pôkê và britgiơ hay là uống rượu. Bà Mácphâylo không kém phần khoan khoái trong bụng khi vợ chồng bà là những người duy nhất trên tàu mà ông bà Đavítxon sẵn lòng kết bạn, và ngay cả ông bác sĩ rút rè nhưng không ngốc nghếch trong thâm tâm cũng thấy lời khen hợp lý. Chỉ bởi ông có một trí óc suy xét, nên tối ấy khi về phòng ông mới thả lòng xét nét.

- Bà Đavítxon bảo rằng không biết ông bà ấy chịu đựng sao cho nổi chuyến đi, nếu không có chúng mình. - Bà Mácphâylo vừa chải cẩn thận bộ tóc giả vừa nói. - Bà ấy bảo chúng mình mới thực là những người duy nhất trên tàu họ có thể chuyện trò với họ.

- Anh thì không nghĩ là một người truyền giáo lại tai to mặt lớn đến mức có thể kênh kiệu như thế.

- Đâu phải kênh kiệu. Em rất hiểu ý bà ấy nói. Ông bà Đavítxon mà phải giao thiệp với tất cả cái lũ thô bỉ trong phòng hút thuốc ấy thì chẳng dễ chịu tí nào.

- Ông tổ tôn giáo của họ đâu có dài các thế. - Bác sĩ Mácphâylo cười khúc khích khi nói.

- Tôi đã nói đi nói lại với ông là đừng có đùa cợt với tôn giáo, - vợ ông đáp. - Ai ưa được cái tính như ông. A lếch, ông chẳng bao giờ tìm thấy cái tốt trong con người ta.

Ông đưa cặp mắt xanh nhợt nhạt liếc bà nhưng không trả lời. Đã nhiều năm chung sống với nhau, ông nhận thức được rằng cứ để cho bà nói lời tối thượng thì dễ đi đến kết cục hòa bình hơn. Ông đã cởi quần áo ra sớm trước bà, rồi leo lên giường tầng trên yên vị nằm đọc sách trước khi ngủ.

Sáng hôm sau, khi ông bước lên boong thì đất liền đã ở gần. Ông nhìn nó với cặp mắt thêm khát. Đó là một dải bờ biển thanh mảnh lấp lánh ánh bạc vươn đột ngột lên những quả đồi phủ rau cỏ xanh um đến tận đỉnh. Những cây dừa xanh dày tiến sát gần mép nước, thấp thoáng trong đó người ta thấy những căn nhà lá của thổ dân Xamoa. Lác đác đây đó lóa sắc trắng, đáng một nhà thờ nho nhỏ. Bà Đavítxon đã ra đứng cạnh ông. Bà vận đồ đen, quanh cổ đeo một dây chuyền vàng, lủng lẳng một cây thánh giá con con. Bà nhỏ người, bộ tóc màu nâu xỉn được chải chuốt rất cẩn thận và đôi mắt lồi màu xanh lơ đằng sau cặp kính kẹp mũi không có gọng. Mặt bà dài như mặt cừu, nhưng không

gây cho người ta cái cảm tưởng về sự ngu ngốc, mà đúng hơn là về sự lạnh lợi thái quá. Bà cử động nhanh như chim. Cái điều đáng chú ý nhất ở bà là giọng nói cao, vang như chuông, không có sự chuyển điệu, nó dội vào tai với một sự đơn điệu gay gắt, kích thích thần kinh như thứ tiếng rít không thương xót của cái khoan hơi.

- Thế này đối với bà cũng coi như về nhà rồi, - bác sĩ Mácphâylo nói, với nụ cười khó khăn yếu ớt.

- Chỗ đảo chúng tôi ở, ông biết đấy, nó thấp chứ đâu như thế kia. Ở đây là những đảo san hô. Còn đây là nham thạch núi lửa. Chúng tôi còn đi mười ngày nữa mới đến.

- Ở những xứ này, thế đã coi như cái phố cạnh nhà rồi, - bác sĩ Mácphâylo nói bông đùa.

- Kể ra nói như thế cũng hơi phóng đại, nhưng ở những vùng biển Nam này, người ta nhìn khoảng cách có khác thật. Cho nên ông nói phải.

Bác sĩ Mácphâylo thở dài nhè nhẹ.

- May mà chúng tôi không đóng đô ở đây, - bà nói tiếp - người ta nói đây là cái chỗ khó làm việc ghê gớm. Tàu cứ ghé ra ghé vào làm con người không an tâm; lại còn cái bến hải quan nữa, thật không hay cho dân bản địa. Ở khu chúng tôi không có những khó khăn đại loại như thế. Đấy chỉ có một hai dân buôn, mà chúng tôi luôn để mắt tới họ, nếu họ cư xử không đúng, chúng tôi sẽ ra tay buộc họ phải bỏ mà đi.

Sửa cái kính trên mũi, bà nhìn hòn đảo xanh bằng cái nhìn chòng chọc đầy căm ghét.

- Nhiệm vụ đối với những nhà truyền giáo ở đây thật gay go. Tôi lúc nào cũng đội ơn dày của Chúa là ít nhất chúng tôi cũng không phải ở đây.

Quận chỗ Đavítxon ở bao gồm một nhóm đảo nằm về phía bắc Xamoa; chúng cách nhau khá xa, và ông ta thường đi lại bằng xuồng. Những khi ấy vợ ông ở lại trụ sở điều hành công việc.

Bác sĩ Mácphâylo cũng thấy ngán ngẩm khi ông được biết cái hiệu quả tiến hành công việc của bà Đavítxon. Bà kể về sự hур đốn của dân bản xứ bằng cái giọng không gì kìm nén được, bao

hàm vẻ ghê tởm quá là ngọt xót. Ý thức về sự tao nhã ở bà thật độc đáo. Lúc mới quen bà đã nói với ông: - Ông này, tập tục cưới xin của họ khi chúng tôi mới đến ở góm ghiếc đến nỗi tôi không thể tả cho ông nghe được. Nhưng tôi sẽ kể với bà Mácphâylo rồi bà ấy sẽ nói lại với ông.

Rồi ông thấy vợ mình và bà Đavítxon, hai cái ghế sát nhau, chuyện trò nghiêm túc khoảng hai tiếng đồng hồ. Khi ông đi qua đi lại ngang chỗ họ để luyện cơ thể, thì ông nghe thấy tiếng thì thảo sôi nổi của bà Đavítxon, giống như dòng lũ xa xa trên núi, và qua cái miệng họ ra và bộ mặt bệch màu của vợ, ông hiểu là vợ ông đang kinh qua cơn khiếp hãi. Buổi tối, khi đã về phòng, bà kể lại với ông những điều đã nghe mà hơi thở như chùng lại.

- Đây, tôi đã nói với ông mà! - Bà Đavítxon thốt lên đặc ý vào buổi sáng hôm sau, - ông đã bao giờ nghe chuyện gì ghê gớm hơn chưa? ông không thể tưởng tượng được tại sao tôi lại không kể thẳng với ông, phải không? Dù rằng ông là bác sĩ.

Bà Đavítxon quan sát mặt ông một cách chăm chú. Bà rất đổi hăm hở nhìn ngắm cái hiệu quả mong muốn mà bà đã đạt được.

- Ông có thể tưởng tượng được rằng chúng tôi chững lòng lại ghê gớm khi mới đến không? Ông hẳn khó tin lời tôi, nếu tôi bảo với ông là không thể tìm đâu ra một cô gái tốt ở bất cứ làng nào.

Bà ta dùng chữ *tốt* trong cái nghĩa chuyên môn rất hẹp.

- Ông Đavítxon và tôi vẫn thường nói chuyện ấy với nhau, và chúng tôi đã quyết định việc đầu tiên là phải sớm dẹp cái trò nháy nhót lại. Dân bản xứ cứ cuồng lên vì nháy.

- Tôi cũng đâu có phản đối nó hồi tôi còn trẻ, - bác sĩ Mácphâylo nói.

- Tôi đã đoán ra khi thấy ông mời bà Mácphâylo nháy với ông một vòng tối qua. Tôi nghĩ thực ra cũng chẳng hại gì, nếu một người đàn ông nháy với vợ mình, nhưng tôi thấy thanh thản hơn, nếu người vợ không nháy. Có những hoàn cảnh tôi nghĩ tốt hơn cả là chúng ta nên tránh giao tiếp.

- Những hoàn cảnh nào thế?

Bà Đavítxon đưa mắt liếc nhanh ông qua cặp kính kẹp mũi, nhưng không trả lời vào câu hỏi của ông.

- Đối với những người da trắng thì nó không hẳn như vậy, - bà tiếp tục. - Nhưng phải nói rằng tôi đồng ý với ông Đavítxơn nhà tôi, ông ấy bảo không thể hiểu nổi làm sao một anh chồng lại có thể đứng đấy mà nhìn vợ mình trong vòng tay một người đàn ông khác. Về phần tôi thì tôi chưa bao giờ nhảy lấy một bước kể từ khi lấy chồng. Cái điệu nhảy bản xứ lại còn hơn thế nữa. Nó không những trái đạo đức về bản chất, mà rõ ràng nó còn dẫn đến sự mất đạo đức. Cho nên tôi vẫn tạ ơn Chúa là chúng tôi đã dẹp nó đi, và tôi cho rằng tôi đúng khi nói là không một ai nhảy nhót gì nữa ở quận chúng tôi suốt tám năm nay.

Lúc này tàu đang đi vào cửa bến và bà Mácphâylo đến nhập với họ. Con tàu quay mạnh và từ từ tiến vào. Đây là một bến cảng đất liền bao quanh và đủ lớn để chứa cả một hạm đội tàu chiến; xung quanh nó có những ngọn đồi xanh nổi lên, cao và dốc. Gần cửa bến, đón làn gió nhẹ từ biển thổi vào là ngôi nhà thống đốc trong một căn vườn. Lá cờ Sao và Vạch uể oải đong đưa trên cột. Tàu họ chạy ngang qua hai ba ngôi nhà một tầng gọn gàng, một sân chơi ten nít rồi tiến lại cái cầu tàu với những nhà kho.

Bà Đavítxơn chỉ chiếc tàu buồm bỏ neo cách bờ độ hai ba trăm yát, nó sẽ chở họ đến Apia. Trên bờ có một đám đông người bản xứ háo hức ồn ào vui vẻ từ khắp nơi trên đảo kéo đến; một số thì vì tò mò, số khác đến để đối chác với du khách trên tuyến đường đi Xitnây: họ đem đến dừa và những nải chuối lớn, vài *tapa*([92]) chuối hạt đeo cổ bằng vỏ sò hay răng cá mập, bát loa kava([93]), và các hình mẫu thuyền chiến. Các thủy thủ Mỹ gọn gàng chỉnh tề, mày râu cạo nhẵn và vẻ mặt bộc trực, đi lại ung dung trong đám đông, lại còn có một nhóm nhỏ các quan chức.

Trong khi hành lý được chuyển lên bờ, ông bà Mácphâylo và bà Đavítxơn ngắm đám đông. Bác sĩ Mácphâylo nhìn những mụn ghẻ cóc mà hình như đã sổ trẻ em và thiếu niên mắc phải, những vết lở loét dị dạng như những đám nhọt đã hơi xỉn, và cặp mắt chuyên môn của ông sáng lên khi ông lần đầu tiên trong nghề trông thấy các trường hợp của bệnh phù voi. Những người đàn ông đi đi lại lại với cánh tay nặng nề, to xù hay kéo lê cái chân khổng lồ bị định hình. Đàn ông, đàn bà đều mặc *lava-lava*([94]).

- Thật là một thứ quần áo khiếm nhã, - bà Đavítxơn nói. - ông Đavítxơn nhà tôi vẫn cho là nó phải bị luật cấm. Làm sao ông có

thể trông mong con người ta có đạo đức được khi họ chẳng mặc gì ngoài cái dải vải đỏ quanh hông?

- Nó khá thích hợp với khí hậu, - ông bác sĩ nói, tay lau mồ hôi trên mặt.

Giờ họ đã đặt chân lên đất liền. Cái nóng, dù mới chỉ là sáng sớm, đã rất ngột ngạt. Bị khép chặt bởi những quả đồi, không có lấy một hơi gió nào lọt vào Pagô-pagô.

- Ở đảo chỗ chúng tôi, - bà Đavítxon lại tiếp tục bằng cái giọng cao vút của mình, - chúng tôi hầu như đã diệt trừ được cái khổ lava - lava. Chỉ có một ít ông già là còn mặc nó mà thôi. Phụ nữ thì chuyển sang mặc kiểu áo *Mother Hubbard* ([95]), đàn ông thì mặc quần dài và mang áo lót. Ngay từ lúc mới đến, ông nhà tôi đã nói trong một báo cáo: cư dân những đảo này không bao giờ thành tín đồ Cơ đốc giáo hoàn hảo cho đến khi mỗi cậu bé trên mười tuổi được cho mặc quần tử tế.

Rồi bà Đavítxon đưa cái nhìn giống như chim lên những đám mây xám nặng nề đang trôi trên cửa bến cảng. Lác đác đã có vài hạt mưa.

- Ta tìm chỗ trú thôi, - bà nói.

Họ lần lỏi đi qua đám đông đến một mái lán bằng tôn. Mưa đã bắt đầu chảy thành dòng. Họ đứng đấy được một lúc thì ông Đavítxon cũng tới nhập vào. Ông tỏ ra khá lịch thiệp đối với ông bà Mácphâylo trong cả chuyến đi, nhưng không có được cái tính quảng giao của bà vợ, mà dùng nhiều thì giờ vào việc đọc sách.

Ông là một người ít nói, khá lầm lì, và người ta cảm thấy sự niềm nở của ông chẳng qua là cái nghĩa vụ mà ông tự áp đặt lên bản thân theo kiểu cơ đốc giáo; ông có bản chất kín đáo và thậm chí hơi ủ dột. Tướng mạo ông thật đặc biệt. Ông rất cao và gầy, tay chân thì lêu nghêu, được ghép nối một cách lỏng lẻo; má hóp và gò má cao lạ kỳ, ông có khí sắc nhợt nhạt đến nỗi làm người ta sững sốt khi nhận ra đôi môi đầy đặn và đăm dục của ông. Ông để tóc rất dài. Cặp mắt sẫm màu của ông ở sâu trong hốc, to và bi thảm; tay ông có những ngón lớn, dài, khuôn hình đẹp; chúng tạo cho ông cái vẻ rất cường tráng. Nhưng điều gây ấn tượng nhất về ông là cái cảm giác ông tạo cho người ta về một ngọn lửa bị chế áp. Nó thật sâu sắc và có hơi gây gợn lòng. Ông không phải là loại người dễ chấp nhận sự thân mật.

Ông đem lại một cái tin không hay. Trên đảo đã phát sinh dịch sởi, một thứ bệnh nghiêm trọng và thường là nguy hiểm, lan trong đám thổ dân Kanaka, và một trường hợp phát bệnh đã xảy ra trong đội thủy thủ chiếc tàu buồm có nhiệm vụ chở họ đi tiếp. Người bệnh được đưa lên bờ, vào nằm bệnh viện ở chỗ trạm kiểm dịch, nhưng điện đánh từ Apia đến nói chiếc tàu buồm sẽ không được phép vào bến cho đến khi chắc chắn không có một nhân viên nào khác của tàu bị nhiễm bệnh.

- Thế có nghĩa là ta sẽ phải ở lại đây ít nhất mười ngày nữa.

- Nhưng tôi rất cần có mặt ở Apia, - bác sĩ Mácphâylo nói.

- Chẳng làm thế nào được. Nếu không có thêm trường hợp nhiễm bệnh nào nữa trên tàu thì chiếc tàu sẽ được phép chở hành khách da trắng lên đường, nhưng mọi sự đi lại của người bản xứ sẽ bị cấm trong ba tháng nữa.

- Ở đây có khách sạn không nhỉ? - bà Mácphâylo hỏi.

Đavítxon cười tủm tỉm:

- Không có đâu.

- Thế thì làm thế nào?

- Tôi đã chuyện trò với ông thống đốc. Một thương gia ở dọc phố biển có phòng cho thuê, ý tôi là khi nào mưa ngớt ta sẽ cùng đi đến đấy xem thế nào. Nhưng đừng có trông chờ tiện nghi. Có được cái giường để ngả lưng và cái mái che đầu là phúc đức lắm rồi.

Mưa vẫn không tỏ dấu hiệu gì muốn ngừng, rồi cuộc họ giương dù và khoác áo đi mưa rồi xuất phát. Nơi đây không phải là thành thị mà chỉ là một dãy tòa nhà công sở, một hay hai cửa hiệu, còn ở phía sau, trong đám cây dừa và mã đề, có dăm ba căn nhà của thổ dân. Ngôi nhà mà họ tìm ở cách bến tàu khoảng năm phút đi bộ.

Đó là một cái nhà gỗ hai tầng có hàng hiên rộng ở cả hai tầng và mái bằng tôn. Chủ nhà là một người lai tên gọi Hon, có chị vợ người bản xứ vây quanh bởi một đàn con nhỏ da ngăm nâu. Ở tầng trệt anh ta có một cửa hiệu bán đồ hộp và vải bông. Những gian buồng anh ta chỉ cho họ xem gần như trống không đồ đạc. Trong phòng của ông bà Mácphâylo chẳng có gì cả ngoài cái

giường cũ kỹ thấm hại với cái màn rách bươm, một cái ghế khập khiễng và một cái giá rửa mặt.

Họ nhìn quanh chán nản. Mưa vẫn đổ xuống không ngừng.

- Em sẽ không dỡ hết đồ đạc ra đâu, cần gì thì dỡ thứ ấy thôi, - bà Mácphâylo nói.

Bà Đavítxon vào phòng khi bà Mácphâylo đang mở va-li. Trông bà rất nhanh nhẩu và hoạt bát. Hoàn cảnh không lấy gì làm vui vẻ ở xung quanh không hề tác động đến bà.

- Nếu ông bà nghe lời khuyên của tôi thì nên lấy cái kim và miếng vải vá lại cái màn, - bà nói, - không thì đêm nay ông bà không chợp mắt được một phút nào đâu.

- Muỗi ở đây khiếp thế cơ à? - ông Mácphâylo hỏi.

- Bây giờ đang mùa của chúng đấy. Nếu ông được mời đến dự cuộc vui ở Nhà Chính phủ ở Apia, ông sẽ thấy tất cả các bà đều được phát một cái áo gối để nhét cặp chân của họ vào.

- Giá mà mưa tạnh lấy một lúc nhỉ, - bà Mácphâylo nói. - Tôi sẽ hăng hái hơn khi bắt tay vào sửa soạn cho chỗ ở được tiện lợi, nếu trời nắng ráo.

- Ồ, nếu bà đợi trời nắng thì còn đợi lâu đấy, Pagô-pagô là cái nơi nhiều mưa nhất Thái Bình Dương. Kia kìa, những ngọn đồi với cái vịnh kia, chúng thu hút hết nước mưa, dịp này trong năm thì thường thế nào cũng mưa.

Bà chuyển cái nhìn từ Mácphâylo sang vợ ông, đang đứng với vẻ bất lực trong phòng như mất hồn, và bà bậm môi. Bà thấy bà đến phải ra tay chỉ bảo cho họ mới được. Những con người đუნnh đoảng như thế này làm bà sốt ruột, tay chân bà ngứa ngáy muốn thu xếp mọi thứ vào cái trật tự mà bà cho là hợp lý nhất.

- Nào, bà đưa tôi cái kim và miếng vải để tôi vá cái màn cho, còn bà thì cứ tiếp tục dỡ đồ đi. Ăn trưa vào lúc một giờ. Bác sĩ Mácphâylo này, có lẽ ông nên ra bến tàu xem hành lý nặng của ông đã xếp được vào chỗ nào khô ráo chưa. Ông biết cái đám dân bản xứ này rồi đấy, bọn họ sẽ cứ để hành lý của ông ở cái chỗ mà mưa sẽ dội lên suốt lượt cho mà xem.

Ông bác sĩ lại khoác áo mưa lên mình và đi xuống cầu thang. Ở cửa, Hon đang đứng nói chuyện với viên trưởng lái của con tàu đã chở họ và với một hành khách đi vé hạng hai mà bác sĩ Mácphâylo đã trông thấy vài lần trên tàu. Viên trưởng lái, một con người nhỏ bé, quắt queo, hết sức bận, gật đầu chào khi ông đi ngang qua.

- Cái dịch lên sỏi này thật tồi tệ, bác sĩ nhỉ, - anh ta nói. - Bác sĩ đã ổn định đầu vào đấy cả rồi, nhanh thật.

Bác sĩ Mácphâylo cho rằng anh ta hơi suồng sã, nhưng vốn tính dè dặt, ông cũng không lấy làm bực mình.

- Vâng, chúng tôi đã thu xếp được căn phòng ở trên gác.

- Cô Thômxon đây cũng cùng đi tàu với ông đến Apia, nên tôi đã đưa cô đến đây.

Viên trưởng lái giơ ngón tay cái chỉ sang người phụ nữ đứng cạnh. Cô ta quăng hăm bảy, đầy đà, trông hay hay theo cái kiểu hơi thô. Cô ta mặc cái áo váy màu trắng và đội chiếc mũ to cũng màu trắng. Bắp chân mập trong lớp tất vải trắng phình ra trên mép đôi ủng dài trắng bằng da dê bóng. Cô ta nở nụ cười sẵn đón với Mácphâylo.

- Cái nhà ông này cứ đòi em một đôla rưỡi một ngày cho cái phòng bé tẹo thế kia.

- Giô này, tôi đã bảo anh, rằng cô ta là bạn của tôi, viên trưởng lái nói: - Cô ấy không thể trả hơn một đôla được, anh rồi phải nhận cho cô ấy thôi.

Anh thương gia người béo, sỏi lòi, mỉm cười.

- Được, nếu ông đã nói thế, ông Xoan ạ, thì tôi sẽ xem lại xem có thể thay đổi gì được không? Tôi sẽ nói lại với bà Hon nhà tôi, và nếu được, chúng tôi sẽ giảm.

- Đừng có giở cái ngón ấy ra với tôi. - cô Thômxon nói. Ta sẽ thu xếp ổn thỏa ngay bây giờ. Ông lấy một đôla một ngày và đừng hòng lấy thêm được một trinh nào nữa.

Bác sĩ Mácphâylo mỉm cười. Ông phục cái vẻ dạn dĩ trong cách mặc cả của cô. Ông thuộc loại người bảo thế nào thì trả thế ấy.

Thà bị thiệt một tí còn hơn cứ phải kỳ kèo. Anh chàng thương gia thở dài.

- Thôi được, nể ông Xoan đây, tôi nhận lời.

- Có thể chứ. - cô Thômxơn nói. - Ta vào nhà làm một hộp rượu đi. Em có ít rượu uýtky mạch đen chính cống trong cái túi kia, phiền ông Xoan xách hộ. Xin mời cả bác sĩ vào nữa.

- Ồ cảm ơn cô, tôi xin phép được kiếu, - ông trả lời. - Tôi đang phải ra xem chỗ hành lý có đâu vào đấy không.

Ông bước ra ngoài mưa. Mưa giăng thành hàng ở cửa bến và cửa hiệu phía đối diện trông nhòe không nhìn rõ gì. Ông đi ngang qua hai ba người thổ dân, hầu như trần truồng, ngoài cái khổ lava - lava, và cái ô to trên đầu. Họ bước đi uyển chuyển, cử động khoan thai, cười và chào ông bằng tiếng lạ tai khi ngang qua.

Gần đến giờ ăn trưa ông mới trở về. Bữa ăn của họ đã được bày ra trong phòng khách nhà chủ. Đó là một căn buồng không dành để ở, mà để phô trương lấy tiếng, nó có cái không khí buồn bã ảm mốc. Một dãy ghế nhung có hạng đặt gần nắp cạnh tường, và ở giữa trần nhà, được che bởi tấm giấy lụa ngăn ruồi, là bộ đèn chùm mạ vàng. Đavítxơn không tới.

- Ông ấy lại chơi ông thống đốc, - bà Đavítxơn nói, - tôi đoán ông thống đốc đã giữ ông nhà tôi ở lại ăn cơm rồi.

Một cô gái thổ dân nhỏ nhắn bụng đĩa bít tết Hămboơ đến, và một lát sau anh chủ nhà đến xem họ đã có đủ mọi thứ cần thiết chưa.

- Ta còn có thêm một người cùng trọ nữa thì phải, đúng không anh Hon, - bác sĩ Mácphâyơ nói.

- Cô ấy chỉ thuê buồng trọ thôi, - anh thương gia trả lời - Cô ấy ăn cơm riêng.

Anh ta nhìn hai bà với cái vẻ khúm núm.

- Tôi cho cô ấy ở dưới nhà để khỏi trở ngại đến trên này. Cô ấy sẽ không gây phiền hà gì cho các vị.

- Có phải cái cô ở trên tàu ấy không? - Bà Mácphâyơ hỏi.

- Vàng, thưa bà, cô ấy ở phòng hạng hai. Cô ấy cũng đi Apia. Có cái chân thủ quỹ trống dành cho cô ấy.

- À!

Khi anh thương gia đã ra ngoài, Mácphâylo nói:

- Tôi nghĩ chắc cô ấy không được vui vẻ cho lắm với cái bữa ăn trong phòng riêng.

- Nếu cô ta đã ở phòng hạng hai thì tôi cho là cũng vui vẻ được
- bà Đavítxon trả lời. - Tôi chưa được biết mặt mũi cô ta ra làm sao.

- Tôi có mặt ở đây đúng lúc viên trưởng lái dẫn cô ta đến. Tên cô ta là Thômxon.

- Có phải cái người đàn bà nhảy với viên trưởng lái tối qua không? - Bà Đavítxon hỏi.

- Chắc đúng vậy, - bà Mácphâylo nói. - Lúc ấy tôi đã bắn khoăn cô ta là người thế nào. Trông cũng khá ăn chơi đấy chứ.

- Không phải loại tử tế chút nào, - bà Đa vít- xon nói.

Họ bắt đầu chuyển sang những chuyện khác, và sau bữa ăn, đã mệt vì phải dậy sớm, họ chia tay nhau và đi ngủ. Khi họ tỉnh dậy, tuy trời vẫn còn xám màu và mây còn sà nặng trên đầu, mưa đã tạnh và họ cùng đi dạo trên con đường mà người Mỹ đã xây dọc theo bờ vịnh.

Khi quay về, họ thấy Đavítxon cũng đã về.

- Chúng ta có khi còn ở đây đến nửa tháng ấy, ông nói về bức dọc, - tôi đã nói hết lý lẽ với ông thống đốc và ông ấy vẫn bảo là chịu không thể làm gì hơn được.

- Ông Đavítxon lúc nào cũng chỉ mong về làm việc thôi, vợ ông vừa nói, vừa nhìn ông một cách áy náy.

- Chúng tôi đi đã một năm rồi, - ông nói và đi đi lại lại dọc hàng hiên.

- Công việc giao cho các cha truyền giáo người địa phương cai quản, và tôi lo ngay ngáy không biết mọi việc có suôn sẻ không. Họ là những người tốt, tôi không có điều gì phải phàn nàn, họ sùng đạo, thành tâm, và là những tín đồ Cơ đốc giáo thực sự. Cái chất cơ đốc giáo của họ còn khiến cho nhiều kẻ được gọi là tín đồ Cơ đốc giáo ở chính quốc phải đỏ mặt tự xấu hổ, thế nhưng thật tiếc là họ quá thiếu năng lực. Họ có thể tự lập được một lần, họ có thể tự lập được hai lần, nhưng họ không thể tự lập mãi mãi được. Nếu anh giao cho một cha truyền giáo nào đó người địa phương trông coi công việc, thì dù ông ta có đáng tin đến mức nào đi nữa, rồi dần dần anh sẽ thấy ông ta cũng cứ để cho sự bê bối len lỏi vào.

Ông ta nói xong thì đứng lại. Với khổ người cao ráo, gầy mảnh và đôi mắt to sáng lóe lên từ khuôn mặt nhợt nhạt, ông là một nhân vật gây ấn tượng sâu sắc. Sự chân thành của ông hiện rõ qua những cử chỉ bốc lửa và qua cái giọng trầm hùng mà rất vang của ông.

- Tôi còn có nhiều việc phải làm lắm. Tôi sẽ hành động và hành động tức khắc. Khi cái cây bị thối nó phải được chặt bỏ và ném vào lửa([96]).

Buổi tối, sau bữa trà ngọt, bữa cuối trong ngày của họ, lúc họ ngồi ở cái phòng khách kiểu cách kia, các bà thì đang lúi húi vào việc của họ, và bác sĩ Mácphâylo thì đang hút tẩu, nhà truyền giáo đã kể cho họ nghe về công việc của ông ở các đảo.

- Hồi chúng tôi mới đến, bọn họ không có ý thức gì về tội lỗi cả, - ông nói. - Họ phạm hết điều răn này đến điều răn khác mà không biết đấy là trái. Tôi nghĩ cái phần khó nhọc nhất trong công việc của tôi là đã làm dân chúng bản xứ thấm nhuần ý thức về tội lỗi.

Ông bà Mácphâylo biết là Đavítxon đã làm việc ở quần đảo Xôlômôn năm năm trước khi ông gặp vợ. Bà từng truyền giáo ở Trung Quốc, và họ quen nhau ở Bôxtơn khi cả hai dành một phần kỳ nghỉ để dự một hội nghị truyền giáo. Sau khi lấy nhau, họ được cử đến các đảo, nơi họ vẫn miệt mài với công việc từ bấy đến giờ.

Trong suốt cả cuộc nói chuyện với ông Đavítxon, họ thấy toát ra một điều. Đó là dũng khí can trường của ông. Ông là một nhà truyền giáo có kiến thức về y học, và bất cứ lúc nào cũng có thể rời ông đến đảo này đảo kia trong địa phận ông. Ngay đến tàu

đánh cá voi cũng không còn là phương tiện an toàn cho lắm vào mùa mưa ở Thái Bình Dương sóng gió này, ấy vậy mà ông thường được mời đến bằng xuồng thì sự nguy hiểm quả là lớn. Trong những trường hợp ốm đau hay bị tai nạn, ông không bao giờ do dự. Có đến hàng chục lần ông đi cả đêm chẳng xá kể gì bản thân và cũng đã hơn một lần bà Đavítxon tưởng ông mất tích.

- Tôi đôi lúc đã phải xin ông ấy đừng có đi, - bà nói, - hay ít ra thì cũng đợi cho thời tiết êm lảng hơn, nhưng ông ấy chẳng bao giờ chịu nghe, ông ấy bướng lắm. Đã quyết định rồi thì không gì lay chuyển được ông ấy.

- Làm sao tôi có thể dạy dân chúng địa phương đặt lòng tin vào Chúa, nếu bản thân tôi ngại làm những việc ấy? - Đavítxon thốt lên. - Không thể nào, không đời nào. Họ biết rằng nếu họ vờ tôi đến lúc hoạn nạn thì tôi sẽ đến, nếu cái đó nằm trong khả năng của con người. Có ai nghĩ rằng Đức Chúa lại bỏ rơi tôi khi tôi làm việc cho Người không? Mưa sa gió táp đều theo lệnh Người và sóng cả cuốn dâng đều theo lời Người.

Bác sĩ Mácphâylo là một người đàn ông nhút nhát ông chưa bao giờ có thể quen với tiếng rít của bom đạn ngoài chiến hào. Cái đạo ông làm phẫu thuật ở trạm cấp cứu tiền phương, mồ hôi túa ra trên trán và làm mờ mục kính khi ông cố gắng điều khiển cánh tay run run. Ông hơi rùng mình nhìn nhà truyền giáo.

- Tôi ước giá tôi có thể nói là tôi không bao giờ biết sợ nhỉ, - ông nói.

- Tôi ước giá ông có thể nói rằng ông tin vào Chúa trời, - ông kia đối đáp lại.

Nhưng vì một lý do nào đó mà buổi tối hôm ấy ý nghĩ của nhà truyền đạo lại quay trở về những ngày đầu hai vợ chồng ông mới lên đảo.

Đôi lúc bà Đavítxon và tôi nhìn nhau mà nước mắt cứ tuôn dài trên má. Chúng tôi làm việc không ngơi, cả ngày lẫn đêm, mà hình như không thấy có tiến triển. Không biết lúc ấy không có nhà tôi thì tôi sẽ ra sao. Khi tôi thấy ngã lòng, khi tôi gần như tuyệt vọng, thì bà ấy lại truyền cho tôi lòng can đảm và hi vọng.

Bà Đavítxon cúi xuống công việc, và một sắc màu phơn phớt hiện lên trên đôi má gầy của bà.

Tay bà hơi run run. Bà không nói nên lời.

- Chúng tôi chẳng có ai giúp cả. Chúng tôi chỉ có một mình, ở cách xa anh em đồng bào hàng ngàn dặm, bị bóng tối vây quanh. Nhưng lúc lòng tôi tan nát và rã rời, bà ấy lại xếp công việc lại một bên, lấy quyển Kinh thánh và đọc cho tôi nghe đến tận lúc sự thư thái trở lại và ngự trị trong tôi như giấc ngủ đến trên mi mắt trẻ thơ, rồi cuối cùng bà ấy gấp sách lại và nói: "Chúng mình sẽ cứu rỗi cho họ, bất chấp họ". Tôi lại vững lòng tin Chúa Trời và trả lời: "Phải, nhờ Chúa Trời, anh sẽ cứu rỗi cho họ. Anh phải cứu rỗi cho họ". - Ông tiến lại cái bàn và đứng trước nó như thể đây là cái bực giảng đạo.

- Bọn họ tha hóa đến nỗi không còn có thể nhận ra sự đồi bại của chính họ. Chúng tôi đã phải làm cho họ hiểu tính chất tội lỗi của những hành động mà họ vẫn cho là tự nhiên. Chúng tôi đã phải cho họ hiểu rằng tội lỗi không chỉ ở chỗ ngoại tình, nói dối và ăn cắp, mà còn ở chỗ phô bày thân thể, nhảy nhót và không đi nhà thờ. Tôi đã dạy rằng đối với một cô gái, tội lỗi là ở chỗ cứ phơi ngực ra, còn đối với một anh đàn ông là ở chỗ không chịu mặc quần.

- Sao? - Bác sĩ Mácphâylo hỏi, không khỏi kinh ngạc.

- Tôi đã đặt ra hình phạt. Hiển nhiên, cái cách duy nhất làm họ nhận thức được một hành động tội lỗi là phạt họ nếu họ có hành động ấy. Tôi phạt họ nếu họ không đi nhà thờ. Tôi phạt họ nếu họ nhảy nhót. Tôi phạt họ nếu họ ăn mặc thiếu nghiêm túc. Tôi có kê giá, mỗi tội đều bị phạt bằng tiền hay bằng lao công, ít nhất thì tôi cũng đã làm cho họ hiểu.

- Thế có lúc nào họ không chịu nộp phạt không?

- Làm sao họ dám? - Nhà truyền giáo hỏi lại.

- Cũng phải táo gan lắm mới dám đối chọi lại ông Đavítxon đấy,
- vợ ông bậm môi nói.

Bác sĩ Mácphâylo nhìn Đavítxon với đôi mắt bắn khoăn. Những điều nghe thấy làm ông sửng sốt, nhưng ông ngập ngừng không dám bày tỏ sự bất đồng của mình.

- Ông nên nhớ rằng tôi có thể dùng đến biện pháp cuối cùng là rút phép thông công của họ.

- Họ có lo lắng đến cái điều ấy không?

Đavítxon khẽ cười và nhẹ nhẹ xoa tay.

- Họ sẽ không bán được cùi dừa khô. Khi đánh cá họ không được chia phần. Nó có nghĩa gần như chết đói. Đây họ lo lắng nhiều chứ.

- Ông hãy kể cho ông ấy nghe chuyện Phret Onxon - Bà Đavítxon nói.

Nhà truyền giáo hướng cặp mắt rực lửa vào bác sĩ Mácphâylo.

- Phret Onxon là một thương gia Đan Mạch sống ở đảo đã nhiều năm. So với cỡ một thương gia thì anh ta khá giàu. Anh ta không hài lòng lắm khi chúng tôi đến. Anh ta thích gì thì làm nấy. Anh ta tùy ý mua cùi dừa khô, trả cho dân bản xứ bằng cái gì anh ta thích, thế là anh ta trả bằng hàng hóa và rượu uýtki. Anh ta có một cô vợ người địa phương, nhưng vẫn lăng nhăng một cách trắng trợn. Anh ta còn hay say rượu. Tôi đã tạo điều kiện cho anh ta sửa chữa, vậy mà anh ta không chịu. Anh ta cười nhạo tôi.

Giọng Đavítxon trầm xuống khi ông nói những lời cuối cùng, rồi ông im lặng một hai phút. Sự im lặng đầy đe dọa.

- Chỉ trong hai năm anh ta đã lụn bại. Anh ta mất hết mọi thứ anh ta đã sắm được trong một phần tư thế kỷ. Tôi đã bẻ gãy anh ta, cuối cùng anh ta buộc phải đến gặp tôi như một thằng ăn mày và van nài tôi cho phép anh ta về Xít-nây.

- Giá mà ông được trông thấy cảnh anh ta đến gặp ông Đavítxon nhà tôi nhỉ, - vợ nhà truyền giáo lên tiếng. - Anh ta từng là một kẻ có thể lực, tích nhiều mỡ trên người, lại có giọng nói to lớn oai phong, thế mà lúc ấy anh ta tóp lại bằng một nửa lúc trước, lúc nào cũng run sợ một phép. Trông anh ta già sọm đi.

Đavítxon đắm chiêu nhìn vào màn đêm. Mưa lại đang rơi.

Bỗng từ phía dưới vọng tới tiếng hát ồn ào, Đavítxon quay lại và nhìn vợ dò hỏi. Đó là âm phát ra từ chiếc máy gramôphôn([97]) to và rè, khò khè cất lên một giọng điệu méo lệch.

- Cái gì thế? - ông hỏi.

- Một hành khách hạng hai thuê phòng ở dưới nhà. Có lẽ tiếng hát từ đấy ra.

Họ yên lặng lắng nghe và bây giờ họ đã nghe thấy giai điệu nhảy. Rồi nhạc lại im bật, và họ nghe thấy tiếng mở nút chai lấp độp và tiếng chuyện trò sôi nổi.

- Tôi đoán cô ta tổ chức cuộc vui chia tay với bạn bè trên tàu đấy. - bác sĩ Mácphâylo nói. - Tàu sẽ nhổ neo vào lúc mười hai giờ thì phải?

Đavítxon không nhận xét gì mà chỉ nhìn đồng hồ.

- Bà đã xong chưa? - ông hỏi vợ.

Bà vợ đứng dậy xếp việc lại:

- Vâng, có lẽ là xong, - bà đáp.

Giờ này đi ngủ thì chắc hẳn còn sớm, - ông bác sĩ nói.

- Chúng tôi còn đọc nhiều nữa. - bà Đavítxon giải thích. - Dù có ở đâu, chúng tôi cũng đọc đủ một chương trong Kinh thánh mỗi tối trước khi đi ngủ, và chúng tôi nghiên cứu nó kèm cả lời dẫn giải, lại còn bàn luận kỹ lưỡng. Thật là một cách luyện trí óc bổ ích.

Hai cặp vợ chồng chúc nhau ngủ ngon. Trong phòng còn lại ông bà Mácphâylo. Họ không nói câu gì để đến hai ba phút.

- Hay là tôi đi kiểm cổ bài vậ- cuối cùng ông bác sĩ lên tiếng.

Bà Mácphâylo nhìn chồng lưỡng lự. Cuộc chuyện trò với vợ chồng Đavítxon đã để lại trong bà chút ít cảm giác không thanh thản, nhưng bà không muốn nói ra ý nghĩ của bà là họ đừng chơi bài thì hơn, vì ông bà Đavítxon có thể lại vào đây bất cứ lúc nào. Bác sĩ Mácphâylo đã đem cổ bài về và bà ngấm ông, tuy có cảm giác mơ hồ là có lỗi, trong lúc ông chia bài chơi paxiêng. Ở phía dưới cuộc chè chén ồn ào vẫn tiếp diễn.

Ngày hôm sau trời khá lên chút ít, ông bà Mácphâylo bị buộc phải ăn không ngồi rồi nửa tháng ở Pagô - Pagô, đã sửa soạn tìm

cách thích nghi tốt nhất đối với hoàn cảnh. Họ ra bến cảng và lấy một sổ sách trong những hòm hành lý của họ. Ông bác sĩ còn ghé thăm bác sĩ phẫu thuật trưởng ở bệnh viện hải quân và cùng đi quanh các giường bệnh với ông ta. Rồi họ để lại danh thiếp ở chỗ ông thống đốc. Trên đường họ gặp cô Thômxơn. Ông bác sĩ ngả mũ, còn cô ta thì tặng ông cái câu "Chào bác sĩ" bằng cái giọng to, vui vẻ. Cô vẫn ăn mặc như ngày hôm trước, áo ngoài màu trắng, đôi ủng trắng bóng có gót cao, bắp chân mập phình ra phía trên ủng, trông thật ngộ trong cái quang cảnh ngoại lai kỳ thú kia.

- Phải nói là cô ta ăn mặc không hợp lắm nhỉ - Bà Mácphâylo nói. - Em thấy cô ta trông nhố nhăng quá.

Khi họ về đến nhà, cô ta đang chơi đùa với một đứa con của chủ nhà ngoài hiên.

- Nói với cô ta đôi lời, - bác sĩ Mácphâylo thì thảo với vợ - Cô ta có một mình ở đây, lẽ cô ta đi kể cũng không hay lắm. Bà Mácphâylo vốn rụt rè, nhưng bà vẫn có thói quen làm theo ý chồng.

- Thế ra ta cùng trọ chung ở đây đấy nhỉ? - Bà hỏi khá ngô nghê.

- Bị nhốt chung như trong chuồng ngựa thế này khủng khiếp thật, phải không bà? - Cô Thômxơn trả lời. - Người ta bảo em có buồng mà ngủ là may đấy. Em không hình dung được là phải ở nhà dân địa phương. Không hiểu sao lại không có lấy một cái khách sạn nhỉ?

Họ trao qua đổi lại vài câu nữa. Cô Thômxơn, cả tiếng và hay nói, rất muốn được chuyện phiếm thêm nữa, nhưng bà Mácphâylo lại không sẵn cái kho chuyện vặt vãnh, nên bà nói:

- Thôi có lẽ chúng tôi phải lên gác có việc.

Buổi tối, lúc mọi người đã ngồi vào bữa trà ngọt; ông Đavítxơn bước vào và nói.

- Tôi thấy cái chị đàn bà dưới kia có hai gã thủy thủ ngồi chơi. Không hiểu cô ta quen họ ra sao.

- Chị ta đâu có quá kén chọn, - bà Đavítxơn nói.

Mọi người đều đã mệt mỏi sau một ngày nhàn rỗi vô công rồi nhẽ. - Nếu cứ thế này mà kéo ra nửa tháng, thì rồi không biết chúng ta sẽ cảm thấy ra sao, - bác sĩ Mácphâylo lên tiếng.

- Cái cách duy nhất là chia từng ngày ra cho các hoạt động khác nhau, - nhà truyền giáo trả lời - Tôi sẽ để ra một số giờ nhất định để nghỉ ngơi và một số giờ để luyện tập, dù mưa hay nắng, mùa mưa thì đừng để ý đến làm gì cho mệt. Và cũng nên dành thì giờ nghỉ ngơi.

Bác sĩ Mácphâylo nghi ngại nhìn sang người đối thoại với ông. Chương trình của Đavítxon đề lên tâm trí ông. Họ lại vẫn ăn cái món bít tết Hambơơ lần nữa. Hình như đó là món ăn duy nhất mà người nấu bếp biết làm. Rồi bên dưới, cái gramôphon lại cất giọng. Đavítxon trong lòng bức bối khi nghe thấy âm thanh kia, nhưng ông không nói gì. Những giọng đàn ông nổi lên. Khách của cô Thômixon cùng hòa giọng vào một bài hát quen biết, nghe thấy cả tiếng cô ta, to và khàn. Khá nhiều tiếng cười nói ồn ào.

Bốn người trên gác gác nói chuyện, nhưng bất đắc dĩ vẫn phải nghe tiếng chạm cốc và tiếng xô ghế. Hẳn là có thêm khách mới đến. Cô Thômixon đứng ra tổ chức tiệc vui này.

Không hiểu sao cô ta kéo lắm khách đến thế nhỉ? - bà Mácphâylo bất thần nói chen vào câu chuyện về y học giữa chồng bà và nhà truyền giáo.

Câu nói ấy để lộ ý nghĩ của bà đang lan man tản nơi nào. Khuôn mặt Đavítxon bỗng giật giật, chứng tỏ rằng tuy đang nói chuyện khoa học, tâm trí ông cũng đang để ở hướng khác. Rất đột ngột, trong lúc ông bác sĩ đang dẫn kinh nghiệm thực hành ở mặt trận Phlanđơ chẳng lấy gì làm lý thú cho lắm, ông Đavítxon đứng phắt dậy kêu lên một tiếng.

- Chuyện gì thế, anh Anphrét - Bà Đavítxon hỏi.

- Phải rồi! Thế mà tôi không nghĩ ra. Cô ta đi từ Aiuyli tới.

- Không thể như vậy được.

- Cô ta lên tàu ở Hônôlulu. Cái đó thì chắc chắn rồi. Cô ta sẽ làm cái nghề cũ ở đây. Ở đây.

Ông thốt ra lời cuối với một xúc cảm phẫn nộ.

- Aiuyli nó thế nào? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Ông quay đôi mắt sa sầm sang bà Mácphâylo và nói, giọng ông run lên vì ghê tởm:

- Cái nốt dịch trên mình Hônôlulu. Cụm nhà chứa. Thật là cái vết nhơ của nền văn minh chúng ta.

Aiuyli ở ven rìa của thành phố. Xuôi dọc phố ven bến tàu, trong cảnh tối om, qua cái cầu ọp ẹp tới khi sang đến một con đường vắng tanh, toàn những vết lún và ổ gà, bất thành linh bạn sẽ lộ mặt ra nơi có ánh đèn sáng. Đây là nhà để xe ở hai bên đường, là những quán rượu hào nhoáng, cái nào cũng âm ỉ tiếng đàn pianô máy, đây là những hiệu cắt tóc và quán bán thuốc lá. Không gian như bị khuấy động gây một cảm giác vui nhộn. Bạn có ngoặt xuống con đường hẹp, bên phải hay bên trái, vì con đường cắt Aiuyli ra làm đôi, thì vẫn sẽ thấy mình ở trong phạm vi của quận. Có hàng dãy những ngôi nhà một tầng nho nhỏ, gọn gàng chỉnh tề trong màu sơn xanh lá cây, còn con đường đi ở giữa thì rộng và thẳng. Nó trải ra giống như một thành phố - vườn hoa. Qua cái vẻ quy củ đáng vì nề, qua trật tự và sự diêm dúa của mình, nó mang lại cái ấn tượng chua chát ghê ghê, bởi lẽ chưa bao giờ sự tìm kiếm tình yêu lại được hệ thống hóa và được sắp đặt đến như vậy. Đường phố có điện thấp thừa thớt và chúng vẫn chìm trong tối nếu không nhờ ánh sáng từ cửa sổ những ngôi nhà một tầng hắt ra. Đàn ông lượn lờ đi lại, ngó số đàn bà ngồi trên cửa sổ đọc sách hay khâu vá, đa số không để ý đến khách qua đường, và cũng giống như số đàn bà kia, đám đàn ông thuộc đủ mọi chủng tộc. Người Mỹ có, đó là những thủy thủ từ các tàu đậu ngoài cảng, binh sĩ của các tàu chiến, lơ đãng say, lính tráng của các trung đoàn da trắng và da đen đóng trên đảo; người Nhật có, thường đi thành những tốp đôi tốp ba, người Ha-oai có; người Trung Quốc trong bộ áo dài có, và cả người Philippin đội những chiếc mũ lưỡi bích cũng có. Họ lặng thinh như thể tâm tư đang bị đè nén. Một vẻ thèm muốn buồn bã.

- Một sự kiện tai tiếng nhất Thái Bình Dương, - Davítxon thốt lên sôi nổi. - Các nhà truyền đạo đã hô hào chống lại nó hàng mấy năm, cuối cùng báo chí địa phương nắm bắt lấy. Cảnh sát không chịu nhúc nhích, ông biết cái lý của họ rồi. Họ nói rằng tệ nạn là không thể tránh khỏi, và do đó tốt nhất là khoanh vùng nó lại và kiểm soát nó. Sự thật là bọn họ ăn tiền. Bọn họ ăn tiền của các chủ quán, của bọn ma cô ăn hót gái điếm và của chính lũ đàn bà kia nữa. Cuối cùng bọn họ cũng buộc phải động đậy.

- Tôi có đọc chuyện đó trên các báo mang lên tàu ở Hônôlulu. -
Bác sĩ Mácphâylo nói.

- Aiuyli, với tội lỗi và sự nhơ nhớp, đã không còn tồn tại vào cái ngày mà ta đến đây. Cả đám dân nơi đó được đưa ra trước công lý. Không biết tại sao tôi lại không hiểu ra ngay cái đũa đàn bà kia là kẻ thế nào?

- Nhân ông nói chuyện đây, - bà Mácphâylo nói, - tôi mới nhớ ra cô ta xuống tàu trước khi tàu chạy có năm phút. Tôi còn nhớ lúc ấy tôi đã nghĩ chuyện tàu chạy đến nơi rồi cô ta mới mò lên.

- Thế mà nó dám đến đây! - Đavítxon phần nộ kêu lên. - Tôi không thể để như vậy được. - ông sai bước ra phía cửa.

- Ông định làm gì? - Mácphâylo hỏi.

- Ông nghĩ tôi sẽ làm gì? Tôi định chấm dứt nó cho rồi. Tôi không thể để cái nhà này biến thành biến thành...ông tìm từ ngữ để khỏi làm thương tổn đôi tai của các bà. Mắt ông rực lóe và khuôn mặt vốn nhợt nhạt của ông lại càng nhợt nhạt trong cơn xúc động.

- Hình như có đến ba bốn người đàn ông ở dưới ấy - ông bác sĩ nói, - ông có nghĩ xuống đấy lúc này là khá liều lĩnh không?

Nhà truyền giáo đưa cái nhìn khinh bỉ sang ông và không nói một lời, lao vụt ra khỏi phòng.

- Ông chưa hiểu rõ ông nhà tôi, nếu ông còn cho rằng ông ấy có thể chùn bước khi thực hiện bốn phận chỉ vì sợ nguy hiểm đến bản thân...- bà vợ Đavítxon nói.

Bà ngồi, tay bồng chồn nắm chặt, một đốm đỏ hiện lên trên gò má cao của bà. Bà đang lắng nghe xem chuyện gì sẽ xảy ra bên dưới. Mọi người đều lắng nghe. Họ nghe tiếng ông bước lộp cộp xuống cầu thang gỗ và tiếng mở toang cửa phòng dưới ấy. Tiếng hát bật đi ngay lập tức, nhưng cái máy gramôphôn vẫn tiếp tục phun ra the thé thứ âm điệu thô thiển của nó.

Họ nghe thấy tiếng Đavítxon và sau đó tiếng ầm của một vật gì nặng đổ xuống. Nhạc đã ngừng.

Ông ấy đã quăng cái máy hát xuống sàn. Rồi họ lại nghe thấy Đavítxơn nói nhưng không thể phân biệt nổi lời, sau đó là tiếng cô Thômxơn, to nheo nheo, sau nữa tiếng la hét lộn xộn, như thể mấy người cùng ưỡn ngực kêu gào hết cỡ. Bà Đavítxơn hơi há miệng ra, và bà càng nắm chặt tay hơn. Bác sĩ Mácphâylo phân vân hết nhìn bà lại nhìn sang vợ mình, ông không muốn xuống gác, nhưng ông băn khoăn không biết hai bà có muốn ông xuống không. Có tiếng gì như tiếng ấu ả, âm thanh ấy lúc này đã rõ hơn. Chắc có lẽ Đavítxơn đã bị hất ra khỏi phòng. Cửa đóng sầm một tiếng. Yên ắng trong giây lát rồi họ nghe thấy tiếng Đavítxơn bước lên cầu thang. Ông ấy đi về phòng riêng.

- Tôi về phòng xem sao, - bà Đavítxơn nói.

Bà đứng dậy và đi ra.

- Nếu bà cần tôi, thì cứ gọi nhé. - Bà Mác- phây lơ nói, rồi khi bà kia đã đi ra: - Tôi mong ông ấy không bị sao cả.

- Sao ông ấy không lo cái việc của mình có hơn không? - Bác sĩ Mácphâylo nói.

Họ ngồi yên lặng được một hai phút rồi cả hai cùng giật mình, vì cái máy hát lại bắt đầu chơi nhạc một cách thách thức, những giọng điệu cợt nhả lại khàn khàn gào lên lời một bài hát tục tũ.

Ngày hôm sau, trông bà Đavítxơn xanh xao và mệt mỏi. Bà than phiền bị đau đầu, bà già và khô quắt lại. Bà kể với bà Mácphâylo là ông nhà không ngủ tí nào, cả đêm ông ấy ở trong trạng thái kích thích đáng lo, vào lúc năm giờ ông trở dậy ra ngoài. Bọn kia đã ném một cốc bia vào ông, quần áo ông vấy bẩn và lên mùi. Nhưng một ánh lửa ảm đạm lóe lên trong mắt bà Đavítxơn khi bà nói về cô Thômxơn.

- Cô ta quá tệ, dám miệt thị ông Đavítxơn nhà tôi, làm hỏng cả ngày vui. - bà nói. - ông nhà tôi có tấm lòng bao dung, không ai trong cơn hoạn nạn đến gặp ông ấy mà lại không được vỗ về an ủi, nhưng ông ấy không dung thứ tội lỗi, một khi cơn thịnh nộ chính đáng đã nổi lên thì ông ấy dữ tợn lắm.

- Sao? Ông ấy sẽ làm gì? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Tôi không biết, nhưng lúc ấy đổ ai xui được tôi đứng trước mũi giày ông ấy.

Bà Mácphâylo rùng mình. Có điều gì đó chẳng lành trong cái cách quả quyết đặc ý của người đàn bà nhỏ bé này. Họ cùng đi ra ngoài, bước xuống cầu thang sát bên nhau. Cửa phòng cô Thômxon đang mở, họ thấy cô ta trong bộ áo khoác lấm láp đang nấu nướng bên bếp.

- Xin chào, - cô ta nói với ra. - ông Đavítxon sáng nay đã khá hơn chưa?

Họ đi ngang với vẻ mặt phớt tỉnh, không nói câu gì, dường như không có cô ta trên đời này. Thế nhưng họ phải đỏ mặt khi cô ta phá lên tiếng cười to nhạo báng.

Bà Đavítxon đột nhiên quay sang cô ta.

- Đừng có mà nói năng cái kiểu ấy với tôi, - bà rít lên. - Nếu cô cứ hỗn với tôi, tôi sẽ bảo người ta tống cô ra khỏi đây, nghe chưa.

- Nay, tôi có mời ông Đavítxon quá bộ vào nhà tôi đâu?

- Đừng dây với cô ta! - bà Mácphâylo vội vã thì thào. Họ bước đi cho đến khi không còn thấy tiếng gì vẳng tới nữa.

- Nó trơ tráo, trơ tráo quá. - câu nói bật tung ra từ miệng bà Đavítxon.

Nỗi tức giận gần như làm bà nghẹt thở.

Trên đường về họ gặp cô ta đang thơ thẩn đi ra phía bến tàu. Vẫn cái bộ trang phục diêm dúa trên người. Cái mũ rộng màu trắng hoa hoét lõe lỏet, thô thiển như trêu ngươi. Cô ta vui vẻ, lớn tiếng gọi họ khi đi qua, có mấy tay thủy thủ người Mỹ đang đứng đây cười nhạo nhỏ trong khi các bà giữ bộ mặt lạnh như tiền. Họ bước vào nhà đúng lúc mưa bắt đầu rơi.

- Tôi cho là cả cái đồng quần áo diêm dúa trên người cô ta thế là đi đứt. - bà Đavítxon chưa chút cười nhạo báng.

Họ đã ăn gần được nửa bữa thì Đavítxon mới về. Người ông ướt như chuột lột, nhưng ông vẫn không thay quần áo. Ông ngồi xuống, ủ dột và im lặng, gần như không ăn, và ông nhìn đắm đắm vào làn mưa xiên xiên. Khi bà Đavítxon kể với ông về hai cuộc chạm trán với cô Thômxon, ông không nói năng gì. Chỉ mỗi cái nhíu mày sâu sắc là chứng tỏ rằng ông đang nghe.

- Ông thấy có nên bảo anh Hon tống cô ta ra khỏi đây không? - Bà Đavítxon hỏi. - Không thể để cô ta hỗn láo với chúng ta được.

- Hình như không còn chỗ nào khác cho cô ta ở? - Mácphâylo nói.

- Cô ta có thể ở với thổ dân.

- Với thời tiết thế này thì ở trong túp lều thổ dân chắc phải khổ sở lắm.

- Tôi đã sống thế hàng năm trời, - nhà truyền giáo nói.

Khi cô gái nhỏ nhìn người bản xứ bung ra món chuối khô trắng miệng như mọi ngày, Đavítxon quay lại phía cô gái.

- Hỏi cô Thômixon xem lúc nào tiện để tôi đến thăm, - ông nói.

Cô gái rụt rè gật đầu rồi đi ra.

- Sao anh lại muốn gặp cô ta, anh Anphrét? - Vợ ông hỏi.

- Bốn phận của anh là phải gặp cô ta. Anh chỉ ra tay chừng nào đã mở hết mọi đường cho cô ta.

- Anh không biết cô ta là hạng người thế nào à? Cô ta sẽ miệt thị anh.

- Cứ để cô ta miệt thị anh. Cứ để cô ta nhổ vào anh. Linh hồn cô ta đâu có chết, anh phải làm hết sức mình để cứu nó.

Tai bà Đavítxon vẫn còn văng vẳng tiếng cười nhạo báng của cái con đàn điếm kia:

- Cô ta đã đi quá xa.

- Quá xa đối với bao dung của Chúa? - Mắt ông đột nhiên sáng lên và giọng ông hóa ngọt ngào và êm dịu - Không bao giờ! Kể có tội có thể ngập trong tội lỗi còn sâu hơn bể sâu của địa ngục, nhưng lòng bác ái của Đức Chúa Giêsu vẫn có thể vươn tới được.

Cô gái đem tờ phúc đáp lại.

Cô Thômxơn gửi lời thăm hỏi, và miễn là Đức cha Đavítxơn không đến vào giờ làm, việc cô ấy sẽ rất hân hạnh được tiếp Đức cha bất cứ lúc nào.

Mọi người đón nhận bằng sự im lặng lạnh lùng, bác sĩ Mácphâylo xóa vệt nụ cười đã nở lên môi. Ông biết vợ ông sẽ không bằng lòng với ông, nếu biết rằng sự hỗn láo của cô Thômxơn làm ông buồn cười.

Họ kết thúc bữa ăn trong im lặng. Đoạn hai bà đứng dậy bắt tay vào việc của mình. Bà Mácphâylo lại đan một cái khăn len nữa như vô số cái mà bà đã chế tạo ra từ hồi chiến tranh.

Ông bác sĩ thì hút tẩu. Nhưng Đavítxơn vẫn ngồi yên trên ghế và băng cặp mắt đăm chiêu.

Ông nhìn cái bàn. Cuối cùng ông đứng dậy và không nói một lời, ông đi ra ngoài. Họ nghe thấy ông bước xuống cầu thang và nghe thấy cái tiếng "mời vào" đầy thách thức của cô Thômxơn khi ông gõ cửa. Ông ở đó với cô ta chừng một giờ. Bác sĩ Mácphâylo ngồi ngắm mưa. Nó bắt đầu tác động lên thần kinh ông. Nó không giống cái mưa mềm dịu ở nước Anh chúng ta nhỏ hiền hòa xuống đất, nó tàn nhẫn và có phần khủng khiếp; bạn cảm thấy trong đó biểu hiện ác hiểm của sức mạnh đáng sợ của tự nhiên. Nó không đổ xuống mà nó trút. Nó hết như cơn hồng thủy từ trên trời giáng xuống, và nó gõ đồm độp trên mái tôn với một sự bền bỉ dai dẳng làm ta phát điên lên được. Dường như nó cũng có cơn giận dữ của nó. Đôi lúc bạn thấy chắc đến phải gào lên nếu nó không dứt, và rồi xương tủy bạn bỗng nhiên cứ mềm nhũn ra, bạn thấy khổ sở và vô vọng.

Mácphâylo quay đầu lại khi nhà truyền giáo bước vào. Hai người phụ nữ ngược lên.

- Tôi đã mở mọi đường cho cô ta, tôi đã khuyên bảo cô ta nên ăn năn. Cô ta là loại đàn bà ma quỷ. Ông ngừng lại.

Bác sĩ Mácphâylo thấy mắt ông tối sầm lại và khuôn mặt nhợt nhạt của ông trở nên rắn đanh và nghiêm khắc.

- Giờ thì tôi sẽ cầm lấy cái roi mà Đức Chúa Giêxu đã dùng để đuổi bọn cho vay nặng lãi và bọn đổi chác tiền nong ra khỏi Miếu đường của Đấng Chí tôn([98]).

Ông đi đi lại lại trong phòng. Miệng ông mím chặt, cặp lông mày đen nhíu lại:

- Dù cô ta có chạy cùng trời cuối đất ta cũng sẽ truy đuổi.

Bằng một động tác đột ngột ông quay vòng lại và bước ra ngoài. Họ lại nghe thấy tiếng ông đi xuống cầu thang.

- Ông ấy định làm gì thế? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Tôi không rõ, - bà Đavítxon gỡ cặp kính ra và lau nó. - Khi ông ấy phụng sự Đức Chúa, tôi không bao giờ hỏi han điều gì. - Bà thở dài nhẹ nhẹ.

- Bà làm sao vậy?

- Ông ấy đến tàn rạc đi mất. Ông ấy không quý bản thân.

Bác sĩ Mácphâylo biết được những kết quả đầu tiên hoạt động của nhà truyền giáo qua anh thương gia người lai nơi họ đang trọ. Anh ta gọi ông bác sĩ lại khi ông đi ngang qua cửa hiệu và ra cửa nói chuyện với ông. Khuôn mặt béo của anh ta có vẻ lo ngại.

- Đức cha Đavítxon đã gặp tôi về chuyện cho cô Thômxon thuê buồng, - anh ta nói, - nhưng tôi đâu có biết cô ta là người thế nào lúc cho thuê. Khi người ta đến hỏi thuê, điều mà tôi cần biết là họ có tiền để trả không. Cô ta đã trả tiền trước cho cả tuần rồi.

Bác sĩ Mácphâylo không muốn dính dáng vào chuyện ấy.

- Suy cho cùng thì đây là nhà của anh mà. Chúng tôi mang ơn anh rất nhiều vì đã nhận cho chúng tôi trọ.

Hon thắc mắt nhìn ông. Anh ta không dám chắc Mácphâylo đứng về phía nhà truyền giáo đến mức nào.

- Các Cha truyền giáo ăn cánh với nhau lắm, - anh ta ngập ngừng nói. - Nếu họ không ưa một gã thương gia nào thì anh kia chỉ còn nước đóng cửa hiệu và xéo.

- Ông ấy muốn anh đuổi cô ta đi à?

- Không, ông ấy bảo nếu cô ta cư xử cho phải lẽ thì ông ấy sẽ không yêu cầu tôi làm việc ấy, ông ấy nói cũng phải xét công

bằng cho tôi. Tôi đã hứa là không để khách khứa nào ra vào nữa. Tôi cũng đã nói với cô ta điều ấy.

- Thế cô ta trả lời sao?

- Cô ta xỉ vả tôi như tát nước vào mặt.

Anh ta quắp người lại trong cái quần vải bông cũ. Anh ta đã phát hiện ra cô Thôm-xơn là một khách hàng đắt đỏ.

-Ồ, tôi bảo đảm là cô ta sẽ đi. Cô ta thiết gì ở lại đây nếu không có ai đến chơi.

- Cô ta chẳng còn chỗ nào mà đi cả, chỉ có cách vào nhà thổ dân, mà không một thổ dân nào dám nhận cô ta lúc này nữa, không ai dám nhận lúc này. Các cha đã công kích cô ta kịch liệt rồi.

Bác sĩ Mácphây-lơ nhìn mưa rơi:

- Thôi nhé, chắc có đợt trời rạng cũng đến mất công thôi.

Buổi tối, lúc mọi người ngồi trong phòng khách, Đavít-xơn kể cho họ nghe về những năm tháng đầu đại học. Ông không đủ tiền và phải làm những việc linh tinh khi nghỉ hè để lập thân. Dưới gác yên ắng. Cô Thôm-xơn đang ngồi trong căn phòng nhỏ một mình.

Thế rồi cái máy hát lại đột ngột vang lên tiếng nhạc *rin* ([99]). Cô ta mở một cách tự do, để giải nỗi cô đơn, nhưng không có ai để hát nên nó vẫn đượm vẻ buồn. Nó như một tiếng kêu cầu cứu. Đavít-xơn không thềm để ý đến. Ông đang giữa câu chuyện vui cười dài và tiếp tục, sắc mặt không hề thay đổi. Cái máy hát cứ nổi nhạc. Cô Thôm-xơn cứ quay hết điệu này đến điệu khác. Dường như sự yên tĩnh của buổi đêm làm cô không chịu nổi. Không khí oi ả, lặng gió. Khi ông bà Mácphây-lơ lên giường, họ không tài nào ngủ được. Họ nằm bên nhau, mắt mở to, tai lắng nghe tiếng vo ve dữ tợn của đàn muỗi ngoài màn.

- Cái gì thế nhỉ? - Bà Mácphây-lơ thì thào.

Họ nghe thấy một giọng nói, giọng Đavít-xơn qua vách ngăn bằng gỗ. Nó tiếp diễn với một vẻ kiên trì đến bền bỉ và đơn điệu. Ông đang cầu nguyện, ông đang cầu nguyện cho phần hồn của cô Thôm-xơn.

Hai ba ngày trôi đi. Bây giờ mỗi khi họ gặp cô Thômxơn ở giữa đường, cô không chào họ với nụ cười hay với vẻ thân ái nữa; cô đi ngang, mặt phớt tỉnh, cái nhìn sừng sĩa trên bộ mặt son phấn, cau có như thể cô ta không trông thấy họ.

Anh thương gia bảo với Mácphâylo là cô ta đã cất công tìm một chỗ trọ khác, nhưng không được. Tối tối cô ta mở đủ các loại nhạc, nhưng sự vui vẻ giả tạo vẫn cứ lộ rõ ra. Nhạc *ragtime*([100]) thì có một nhịp điệu rạn vỡ, lâm ly như một thứ nhạc tuyệt vọng. Cho đến hôm chủ nhật khi cô ta mở nhạc thì Đavítxơn bảo Hon xuống đề nghị cô tắt ngay vì đó là ngày của Chúa. Chiếc máy tắt lịm và căn nhà lại tĩnh lặng chỉ còn tiếng mưa rơi lộp độp, rả rích trên mái tôn.

- Tôi nghĩ cô ta có hơi cáu đấy, - hôm sau anh thương gia nói lại với Mácphâylo - Cô ta không biết ông Đavítxơn định giở chước gì ra nữa, nên cô ta sợ.

Sáng hôm ấy Mácphâylo thoáng trông thấy cô ta và điều làm ông ngạc nhiên là cái vẻ ngạo mạn của cô ta đã biến mất. Trên khuôn mặt cô ta bây giờ là cái nhìn của kẻ bị săn đuổi. Anh người lai đưa mắt liếc nhìn ông.

- Chắc ông không biết ông Đavítxơn định làm gì đâu nhỉ? - Anh ta đánh bạo nói.

- Ồ tôi không biết.

Hon hỏi ông câu ấy thật là khác thường. Bởi vì chính ông cũng có ý nghĩ là nhà truyền giáo đang manh tâm một điều gì bí ẩn. Ông có cảm tưởng là ông ta đang chăng một cái lưới xung quanh cô kia, một cách cẩn thận, có hệ thống và bất ngờ, để khi mọi sự đã sẵn sàng sẽ giật dây, thít lại.

- Ông ấy bảo tôi nói lại với cô ta, - anh thương gia nói, - là bất cứ lúc nào nếu cô ta cần ông ấy, thì chỉ việc báo là ông ấy sẽ đến.

- Cô ta nói gì khi anh truyền lại điều ấy cho cô ta?

- Cô ta chẳng nói gì cả. Tôi cũng chẳng nán lại. Nói xong những điều ông ấy dặn, tôi tềch ra luôn. Tôi đoán chắc cô ta phải đến phát khóc mất thôi.

- Tôi cảm chắc là sự cô đơn đang tác động lên thần kinh cô ta, - ông bác sĩ nói. - Lại còn mưa nữa, cứ một mình nó cũng đủ làm cho ai cũng phải phát khùng lên rồi, - ông câu kính nói tiếp, nó có bao giờ dứt ở cái xứ chết tiệt này không nhỉ?

Mùa mưa thì nó kéo dài khá dai dẳng. Ở đây những ba trăm inso nước một năm kia mà. Ông cứ để ý cái vịnh mà xem. Hình như nó hút hết mưa cả Thái Bình Dương vào đất.

- Mẹ cha cái vịnh, - ông bác sĩ nói.

Ông gãi gãi những nốt muỗi đốt. Ông thấy mình rất câu bản. Khi mưa tạnh và nắng lên, nó lại giống như cái nhà sấy đang sôi lên, ẩm thấp, ngột ngạt, và bạn có cảm giác là mọi thứ mọc lên với vẻ hung tợn hoang dã. Dân địa phương, vốn có tiếng vui nhộn như trẻ con, lúc ấy, với những hình xăm trên người và tóc nhuộm, dường như có cái gì đó nham hiểm trên vẻ mặt, và khi họ chân đất lẹp xẹp đi ngang qua gót bạn, bất giác bạn phải quay nhìn lại. Bạn cảm thấy như bất cứ lúc nào họ cũng có thể lẹ làng tiến lại sau lưng bạn và xĩa một nhát dao dài vào bả vai bạn. Bạn không thể nói chắc những ý nghĩ đen tối nào đang ẩn đằng sau những cặp mắt mở to của họ. Họ hơi có cái dáng vẻ của người Ai Cập cổ đại được vẽ trên tường các đền đài; và có vẻ ghê ghê của một cái gì đó quá ư là cổ lỗ trong con người họ.

Nhà truyền giáo tới rồi lại đi. ông đang bận, nhưng ông bà Mácpâylo không rõ ông bận việc gì. Hôn bảo với ông bác sĩ là ngày nào ông ấy cũng gặp ông thống đốc, và có một lần Đavítxon cũng nhắc đến viên thống đốc.

- Trông ông ta có vẻ đầy nhuệ khí lắm, - ông nói. - ấy thế mà lúc đi vào vấn đề cụ thể thì ông ta cứ như người không xương sống ấy.

- Tôi cho như thế có nghĩa là ông ấy không làm đúng những gì ông muốn, - ông bác sĩ bông đùa.

Nhà truyền giáo không cười:

- Tôi muốn ông ấy làm điều phải. Lẽ ra không cần phải thuyết phục một con người làm điều phải mới phải.

- Nhưng cũng có thể có sự bất đồng ý kiến về việc cái gì là phải.

- Nếu một kẻ có cái chân bị hoại thư thì thử hỏi ông có kiên nhẫn được với người nào còn do dự không muốn chữa nó đi không?

- Bệnh hoại thư thì đúng là phải thế thật.

- Thế còn điều trái?

Việc làm của Đavítxơn chẳng bao lâu đã lộ ra.

Cả bốn người chỉ vừa mới ăn xong bữa trưa, và họ chưa kịp chia tay nhau để lui về nghỉ trưa trong cái hơi nóng đang trút lên các bà và ông bác sĩ. Đavítxơn không ưa cái thói uể oải ấy. Bất thình lình cửa mở toang và cô Thômxơn bước vào. Cô ta nhìn khắp phòng và tiến lại chỗ Đavítxơn.

- Đồ dê tiện, mày đã nói gì về tao với ông thống đốc? Cô ta giận dữ đến mức nói không ra hơi. Một khoảnh khắc im lặng. Rồi nhà truyền giáo kéo ghế ra.

- Cô Thômxơn, xin mời cô vui lòng ngồi xuống. Tôi vẫn hy vọng có dịp nói chuyện với cô.

- Đồ súc sinh hạ đẳng. - Cô ta phun ra một tràng chửi rửa, tục tĩu và láo xược.

Đavítxơn vẫn giữ cặp mắt nghiêm nghị nhìn cô.

- Với tôi thì những lời lăng mạ có trút lên tôi chẳng ăn nhằm gì, cô Thômxơn ạ, - ông nói, - nhưng tôi lưu ý cô là còn có các bà ở đây.

Lúc này ở cô ta nước mắt đang ganh nhau với cơn giận dữ. Mặt cô ta đỏ bừng và căng phồng như thể cô ta bị nghẹt thở.

- Chuyện gì xảy ra thế - Bác sĩ Mácphâylo hỏi.

- Một thằng cha vừa mới đến đây bảo rằng tôi phải đi ngay chuyển tàu tới.

Một tia sáng lóe lên trong mắt nhà truyền giáo. Mặt ông vẫn thản nhiên.

- Cô khó mà trông mong ông thống đốc sẽ để cho cô ở lại đây trong hoàn cảnh như thế.

- Chính ông gây ra, cô ta hét lên. - ông đừng có phỉnh tôi. Chính ông gây ra.

- Tôi không muốn dối cô. Tôi đã thúc ông thống đốc làm một việc duy nhất đúng, phù hợp với bốn phận của ông ấy.

- Sao ông không để cho tôi yên? Tôi có làm gì hại đến ông đâu.

- Cô có thể tin chắc rằng nếu cô đã làm điều gì hại đến tôi, thì tôi sẽ là người cuối cùng phẫn uất vì chuyện ấy.

- Ông cứ nghĩ tôi muốn ở lại cái thị xã dở dờ ương ương này đây à? Trông tôi có đến nỗi sợ hãi đâu nào?

- Nếu thế thì tôi không thấy việc gì cô phải kêu ca, - ông đáp.

Cô ta kêu lên một tiếng giận dữ không rõ lời rồi vụt chạy ra khỏi phòng. Tiếp đó là sự im lặng ngán ngùi.

- Thật nhẹ lòng khi biết ông thống đốc rốt cuộc đã hành động, - cuối cùng Đavítxon nói. - ông ta là người yếu đuối và hay do dự. Ông ta nói cô kia chỉ ở đây có nửa tháng, và nếu cô đi Apia thì đã lại thuộc quyền tài phán của nước Anh rồi và chẳng còn dính dáng gì đến ông ta nữa. - Nhà truyền giáo đứng phắt dậy và bước dọc căn phòng. - Thật là quá quắt, có những người quyền lực trong tay lại cứ lẩn tránh trách nhiệm. Họ cứ làm như hề điều tà khuất đi ngoài tầm mắt thì không còn là điều tà nữa. Bản thân cái sự tồn tại của người đàn bà ấy đã là tai tiếng, và không thể đẩy sang đảo khác là xong chuyện. Cuối cùng tôi đã phải đốp thẳng cho ông ta biết.

Lông mày Đavítxon hạ xuống và ông chìa cái cằm cương nghị ra. Trông ông dữ tợn và kiên quyết.

- Ông nói thế là ý thế nào?

- Sự mạng của chúng tôi không được trọn vẹn nếu thiếu ảnh hưởng của Oasinhton. Tôi đã chỉ cho ông thống đốc thấy là sẽ chẳng hay ho gì cho ông ta, nếu có lời phản nân về cái cách ông điều hành công việc ở đây.

- Khi nào cô ta phải đi? - ông bác sĩ hỏi sau giây lát ngừng lời.

- Tàu Xan Franxixcô sẽ từ Xítây tới đây thứ ba tới. Cô ta sẽ đi tàu ấy.

Đó là quãng thời gian năm ngày. Ngày hôm sau, sau khi đến bệnh viện và mong muốn có việc gì khá hơn để làm. Lúc Mácphâylo ra về đã gần hết cả buổi sáng. Anh người lai gọi ông lại khi ông bước lên cầu thang.

- Xin lỗi bác sĩ Mácphâylo! Cô Thômxon đang ốm. Ông ghé vào thăm nom cô ta được chứ?

- Tất nhiên.

Hon dẫn ông vào phòng cô ta. Cô đang ngồi không trên ghế, chẳng đọc sách cũng không khâu vá mắt nhìn chăm chăm ra phía trước. Cô mặc bộ đồ trắng và đội cái mũ rộng vành có vẽ hoa trên đó. Mácphâylo nhận thấy da cô vàng bủng dưới lớp phấn, và mắt cô hùm hụp.

- Tôi rất tiếc khi nghe nói cô không được khỏe, - ông nói.

- Ấy không phải em ốm thật đâu. Em nói thế là vì muốn được gặp ông. Em sắp phải thu xếp lên tàu đi Xan Franxixcô rồi.

Cô nhìn ông và ông thấy đột nhiên mắt cô trở nên thẳng thốt. Cô mở tay ra rồi lại ấp tay lại như bị co giật. Anh thương gia đứng bên cửa lắng nghe.

- Tôi biết, - ông bác sĩ nói.

Cô hơi ghen ngào.

- Đi Xan Franxixcô lúc này thì không được thuận tiện cho em lắm. Trưa hôm qua em có đến ông thống đốc nhưng không tài nào gặp được ông ấy. Em gặp anh thư ký, anh ta bảo em sẽ phải lên tàu và tất cả chỉ có vậy mà thôi. Em phải gặp bằng được ông thống đốc, nên em đợi ngoài cửa nhà ông ấy sáng nay, khi ông ấy ra em trình bày với ông ấy. Ông ấy không muốn nói chuyện, em chắc vậy, nhưng em không để ông ấy bứt khỏi em, cuối cùng ông ấy nói ông ấy cũng chẳng phản đối gì chuyện em ở lại đây cho đến khi có tàu đi Xítây, nếu Đức cha Đavítxon ưng thuận.

Cô dừng lời và lo lắng nhìn bác sĩ Mácphâylo.

- Tôi không rõ có thể giúp gì được cho cô, - ông nói.

- Em nghĩ chắc ông vui lòng xin giùm em. Em thề có trời soi xét là em sẽ không làm điều gì nữa nếu ông ấy cho em ở lại. Em sẽ không ra khỏi nhà nếu ông ấy muốn. Chỉ còn không quá nửa tháng nữa thôi.

- Tôi sẽ hỏi ông ấy.

- Ông ấy không ưng thuận đâu, - Hon nói. - ông ấy sẽ bắt cô đi vào thứ ba, cho nên cô cứ trù liệu đi là vừa.

- Ông hãy nói là em có thể tìm được việc ở Xitnây, cũng dễ thôi. Em có cầu xin gì nhiều đâu.

- Tôi sẽ làm hết sức mình.

- Rồi ông nói cho em biết kết quả ngay nhé. Em chẳng yên tâm làm nổi việc gì chừng nào cụ thể chưa rõ.

Ông bác sĩ không thú cái chuyện xin xỏ này lắm, nên ông dùng cách gián tiếp. Ông kể với vợ chuyện cô Thômxơn và nhờ vợ nói với bà Đavítxơn. Theo ông thái độ của nhà truyền giáo có vẻ quá nghiệt ngã, và nếu như cô kia có ở thêm nửa tháng nữa ở Pagô - Pagô thì cũng chẳng hại gì. Nhưng ông không trở tay kịp với cái kết quả ngoại giao của ông. Nhà truyền giáo gặp thẳng ông.

- Bà Đavítxơn bảo với tôi là cô Thômxơn có nói chuyện với ông.

Bác sĩ Mácphâylo bị chặn đón trực diện, có cái vẻ phật ý của một người rụt rè bị buộc phải ngửa bài. Ông cảm thấy mình đang nổi nóng và ông bừng đỏ mặt.

- Tôi chẳng thấy có gì khác nhau nếu cô ấy muốn đi Xitnây chứ không đi Xan Franxicô, với lại một khi cô ta đã hứa là sẽ cư xử phải đạo khi còn ở đây, mà ông còn định hành hạ cô ta thì thật quá quắt lắm.

Nhà truyền giáo dồn cái nhìn nghiêm nghị vào ông.

- Tại sao cô ta lại không muốn quay về Xan Franxicô?

- Tôi không hỏi chuyện ấy, - ông bác sĩ trả lời pha chút khó chịu. - Mà tôi nghĩ người nào người nấy lo việc mình thì tốt hơn. Có lẽ đấy không phải là câu trả lời lịch sự cho lắm.

- Ông thống đốc đã ra lệnh trục xuất cô ta bằng con tàu nào rồi đảo trước tiên. Ông ấy làm đúng nhiệm vụ của mình và tôi sẽ không can thiệp vào đó. Sự có mặt của cô ta ở đây là một hiểm họa.

- Tôi nghĩ ông quá ác nghiệt và bạo ngược.

Hai bà ngược nhìn ông bác sĩ có phần lo ngại, nhưng họ chưa phải sợ đến một cuộc cãi lộn, vì nhà truyền giáo đã mỉm cười nhã nhặn:

- Tôi vô cùng tiếc là ông đã nghĩ thế về tôi, bác sĩ Mácphâylo ạ. ông hãy tin vào tôi, trái tim của tôi vẫn rõ máu vì người đàn bà bất hạnh ấy, nhưng tôi vẫn phải cố gắng làm tròn bổn phận của mình.

Ông bác sĩ không đáp. Ông lăm lăm nhìn ra ngoài cửa sổ. Cũng được một lần trời không mưa và bên kia vịnh thấy rõ những túp lều của một làng bản xứ nép mình dưới bóng cây.

- Nhân lúc này tạnh mưa, có lẽ tôi ra ngoài một chút, - ông nói.

- Xin ông đừng cho tôi có ác tâm vì đã không thể thỏa mãn được ý muốn của ông. - Đavítxon nói với nụ cười buồn bã. - Tôi kính trọng ông rất nhiều ông bác sĩ ạ, nên tôi sẽ rất lấy làm tiếc nếu ông nghĩ xấu về tôi.

- Tôi cảm chắc là ông có đủ quan điểm tốt về mình để chịu được quan điểm của tôi với sự điềm tĩnh như vậy, - ông bác sĩ bẻ lại.

- Thế thì xin chịu ông. - Đavítxon cười khùng khục.

Khi bác sĩ Mácphâylo bức bối với chính mình vì đã sẵn sàng đến nỗi hỏng việc, bước xuống cầu thang, thì cô Thômxon đã mở toang cửa đợi ông.

- Thế nào. - cô nói, - ông đã nói với ông ấy rồi chứ ạ?

- Phải, tôi rất tiếc là ông ấy không chịu làm gì khác cả, ông trả lời, bộ dạng luống cuống và không dám nhìn cô.

Nhưng rồi ông đưa mắt nhìn nhanh cô ta, bởi lẽ tiếng sù sùi đã bật ra từ cô ta. Ông thấy mặt cô trắng bệch vì sợ. Ông như bị cơn sốc. Bất chợt một ý nghĩ lóe lên.

- Mà chưa hết hy vọng đâu, cô ạ. Người ta đối xử với cô thế quả là tệ, để tôi đi gặp ông thống đốc xem.

- Ngay bây giờ hả ông?

Ông gật đầu. Mặt cô rạng lên.

- Ông tốt bụng quá. Em chắc thế nào ông ấy cũng cho em nán lại, nếu có ông nói giúp. Em sẽ không làm điều gì sai phạm suốt thời gian ở đây nữa.

Bác sĩ Mácphâylo cũng khó lý giải tại sao ông đã quyết định đến xin ông thống đốc. Ông hoàn toàn dừng dừng với chuyện riêng của cô Thômxon, nhưng nhà truyền giáo đã chọc tức ông, với tính khí như ông thì điều đó quả là khó chịu.

Ông gặp ông thống đốc đang ở nhà. Ông ta người cao, đẹp mã, là một thủy thủ có bộ ria kiểu bàn chải đánh răng màu xám; ông mặc bộ đồng phục trắng tinh.

- Tôi đến gặp ông về chuyện cái cô trọ cùng nhà với chúng tôi, - ông nói. - Tên cô ấy là Thômxon.

- Tôi đã nghe quá đủ về cô ta rồi bác sĩ Mácphâylo ạ - ông thống đốc mỉm cười nói. - Tôi đã ký lệnh cho cô ta đi khỏi đây vào thứ ba tuần sau, và đấy là tất cả những gì tôi có thể làm...

- Tôi muốn hỏi ông không rõ ông có thể gia hạn cho cô ta ở lại đến khi chiếc tàu từ Xan Franxixcô đến đây, để cô ấy có thể đi Xítây được hay không. Tôi sẽ bảo đảm về hạnh kiểm cô ta.

Ông thống đốc vẫn mỉm cười, nhưng mắt ông thì lại nghiêm nghị.

- Giá giúp ông được thì hay biết mấy, bác sĩ Mácphâylo ạ, nhưng tôi đã ký lệnh mất rồi và nó phải được thi hành.

Ông bác sĩ cố trình bày mọi lý lẽ, nhưng đến lúc này thì ông thống đốc thôi cười hân. Ông lầm lỳ lắng nghe, mắt nhìn ra chỗ khác. Mácphâylo hiểu là tất cả sẽ chẳng đi đến đâu.

- Tôi lấy làm tiếc là đã gây bất tiện cho một bà nào đó, nhưng dù sao bà ta cũng vẫn phải đi vào thứ ba và không còn cách nào khác được.

- Thế nhưng có gì khác nhau đâu?

- Xin lỗi bác sĩ, nhưng tôi không thấy cần phải giải thích những hành động chính thức của tôi với ai trừ những cấp có thẩm quyền.

Mácphâylo nhìn xuyên suốt ông ta. Ông nhớ lại lời nói bóng gió của Đavítxon là đã dùng đến sự răn đe, và trong thái độ của ông thống đốc ông đọc thấy sự hoang mang tột độ.

- Đavítxon là đồ khỉ gió chỉ thích chọc vào chuyện người khác, - ông nóng nảy nói.

- Nói riêng giữa ta với nhau, bác sĩ Mácphâylo ạ, thì tôi cũng có nhận xét không tốt đẹp lắm về ông Đavítxon, nhưng tôi buộc phải thừa nhận là ông ấy đã sử dụng đúng quyền hạn để chỉ cho tôi thấy tính chất nguy hiểm mà sự có mặt của một người đàn bà tính khí kiêu cô Thômxon mang lại cho xứ này, nơi có một số binh sĩ đóng quân trong dân chúng địa phương.

Ông ta đứng dậy và bác sĩ Mácphâylo cũng đành phải làm theo.

- Tôi phải xin ông thứ lỗi cho tôi. Tôi có mắc chút công việc. Nhờ ông chuyển lời hỏi thăm của tôi tới bà Mácphâylo.

Ông bác sĩ ỉu xiu chia tay ông thống đốc. Ông biết thế nào cô Thômxon cũng đợi ông ở nhà và ông không muốn nói với cô ta là ông đã thất bại. Ông đi lối cửa sau vào nhà và rón rén lên thang như thể có điều gì lén lút.

Vào bữa ăn ông im thin thít và không được thoải mái, còn nhà truyền giáo thì vui nhộn và sôi nổi. Bác sĩ Mácphâylo thầm đoán rằng mắt ông kia đang chĩa vào ông với sự phấn khởi đặc biệt.

Ông giật mình biết rằng Đavítxon đã tỏ tường việc ông đến thăm ông thống đốc và cái kết cục không đạt của chuyến đi.

Nhưng làm sao ông ta lại nghe được chuyện đó nhỉ? Có cái gì đó ma quái trong quyền năng của con người này. Sau bữa ăn ông thấy Hon ngoài hiên, và làm như thể sắp nói chuyện phiếm với anh ta, ông bước ra ngoài.

- Cô ấy muốn biết là ông đã gặp ông thống đốc chưa, - anh thương gia nói nhỏ.

- Tôi đã gặp rồi. Ông ấy không thể làm gì khác được nữa. Tôi vô cùng tiếc, nhưng tôi cũng không thể làm gì hơn được.

- Tôi cũng đoán biết sự thế sẽ như vậy. Họ không dám làm trái ý các cha truyền giáo đâu.

- Các vị đang nói chuyện gì thế - ông Đavítxon niềm nở bước ra nhập cuộc.

- Tôi đang bảo là các ông chẳng có hi vọng gì đi Apina được, ít ra là một tuần nữa, - anh thương gia liền thoáng nói.

Anh ta bỏ đi, còn hai ông thì trở lại phòng khách.

Ông Đavítxon vẫn dành một tiếng sau bữa ăn để nghỉ ngơi. Bỗng có tiếng gõ cửa rụt rè.

- Xin mời vào, - bà Đavítxon cất giọng the thé.

Cửa vẫn không mở. Bà đứng dậy ra mở cửa.

Mọi người trông thấy cô Thômxon đang đứng bên ngưỡng cửa. Sự thay đổi trong diện mạo cô ta quả là khác thường. Đâu còn cái dáng điệu chưng diện xấu xược vẫn cười nhạo họ bên đường, trước mặt họ là một người đàn bà thiếu nã, hốt hoảng. Mái tóc, xưa nay vốn được chải chuốt cẩn thận xoa bù xù xuống cổ. Cô đi đôi dép lê, mặc váy và cái áo cánh. Quần áo đã cũ bẩn. Cô đứng ở cửa, nước mắt chảy dài trên mặt và không dám bước vào phòng.

- Cô muốn gì?- Bà Đavítxon hỏi xẵng.

- Em muốn nói chuyện với ông Đavítxon có được không? - Cô nói giọng ghen ngào.

Nhà truyền giáo đứng dậy và đi lại phía cô.

- Cô Thômxon, mời cô cứ việc vào. - ông nói vẻ thân ái. - Tôi có thể giúp gì được cho cô?

Cô ta vào phòng.

- Em xin lỗi ông vì những lời đã nói ngày hôm trước và vì... vì mọi cái khác nữa. Có lẽ em hơi nóng nảy. Em xin ông tha lỗi cho.

- Ô, có hề gì đâu. Lưng tôi cũng đủ rộng để hứng chịu dăm câu nặng lời mà!

Cô ta bước lại phía ông bằng động tác cực kỳ khúm núm.

- Ông đã tri em đến nơi đến chốn rồi. Em chịu thua ông rồi. Ông đừng bắt em phải về Xan Franxixcô nữa nhé?

Phong thái ân cần của ông biến đi và giọng ông đột nhiên trở nên cứng rắn và nghiêm khắc.

- Tại sao cô lại không muốn quay về nơi ấy?

Cô ta co rúm người lại trước mặt ông.

- Chắc người thân kẻ thuộc của em còn ở đấy. Em không muốn họ trông thấy em như thế này. Em sẽ đi bất cứ nơi nào khác tùy ông định.

- Tại sao cô không muốn quay về Xan Franxixcô?

- Em đã nói với ông rồi.

Ông vươn người về phía trước nhìn chăm chăm vào cô ta, cặp mắt lớn và sáng của ông dường như muốn khoan vào nội tâm của cô. Bất thành lời ông há rộng miệng.

- Trại cải tạo!

Cô bỗng kêu to, rồi ngã xuống chân ông, tay ôm chặt lấy bắp chân ông.

- Đừng bắt em phải về đấy. Có Chúa Trời soi xét em thề với ông em sẽ làm một người phụ nữ tốt. Em xin chừa từ nay.

Cô ta bật trào ra một tràng những lời nài xin thiếu mạch lạc, và nước mắt tuôn chảy trên đôi má đánh phấn.

Ông cúi xuống cô ta, nâng mặt cô lên, buộc cô phải nhìn vào ông.

- Cô phải vào trại cải tạo phải không?

- Em phải trốn cho nhanh trước khi bọn chúng lần ra. - Cô ta thở hổn hển. - Nếu bọn cóm tóm được em thì phải ba năm tù

mất thôi.

Ông thả tay đang giữ cô ta ra và cô ta rũ xuống thành một đồng trên sàn, sệt sùi, bí ai.

Bác sĩ Mácpâylo đứng dậy.

- Chuyện này làm thay đổi toàn bộ vấn đề, - ông nói. - Ông không thể bắt cô ấy quay về khi đã biết rõ chuyện. Hãy cho cô ấy một cơ hội hối cải nữa. Cô ấy muốn làm lại cuộc đời.

- Tôi đang có ý cho cô ấy một cơ hội tốt nhất mà cô ấy có được. Nếu cô ấy hối cải thì cứ để cô ấy chấp nhận hình phạt.

Cô Thôm-xơn hiểu lầm câu nói và ngược nhìn lên. Một tia hy vọng ánh lên trong đôi mắt mòng mọng của cô.

- Ông cho em ở lại?

- Không. Cô sẽ lên tàu về Xan Fran-xi-cô vào thứ ba.

Cô ta rên lên khiếp hãi và òa thành thứ tiếng rền rĩ khản đặc khó có thể cho là tiếng người. Cô dí đầu thùm thụp xuống đất. Bác sĩ Mácpâylo chạy bổ đến và nâng cô dậy.

- Thôi nào, cô chớ có làm thế. Cô nên đi về phòng và nằm nghỉ đi thì hơn. Tôi sẽ kiếm cái này cho cô.

Ông nâng cô đứng dậy và nửa kéo, nửa bế đưa cô xuống cầu thang. Ông thấy điên tiết với bà Đavít-xơn và vợ ông vì cả hai bà không ai chịu nhúc nhích đỡ một tay. Anh người lai đang đứng ở đầu cầu thang chạy lại giúp ông bế cô lên giường. Cô vẫn kêu khóc than vãn rền rĩ, cô gần như mất hết tri giác. Ông tiêm một liều dưới da cho cô. Người ông nóng bừng và mặt lử khi ông bước lên cầu thang.

- Tôi đã đặt cô ấy nằm nghỉ.

Hai người đàn bà và Đavít-xơn vẫn ở nguyên cái tư thế như lúc ông rời họ. Họ không động dậy cũng chẳng nói chẳng rằng từ khi ông ra ngoài đến giờ.

- Tôi đang đợi ông, - Đavít-xơn nói bằng một giọng xa xăm, lạ tai. - Tôi muốn tất cả các vị cùng tôi cầu nguyện cho linh hồn của người chị em lầm lỗi của chúng ta.

Ông cầm lấy quyển Kinh thánh trên giá và ngồi xuống cái bàn mà họ đã ăn cơm. Nó vẫn chưa được dọn sạch. Ông đẩy ẩm trà sang một bên để lấy chỗ. Bằng chất giọng khỏe, vang và sâu lắng, ông đọc lên cái chương mô tả việc Chúa Giêxu Crixto gặp người đàn bà bị bắt vì ngoại tình([101]).

- Bây giờ hãy quỳ xuống cùng với tôi và chúng ta sẽ cầu nguyện cho linh hồn người chị em thân thiết của chúng ta, Xadi Thômxơn.

Ông cất tràng cầu nguyện kéo dài và nhiệt thành, trong đó ông cầu xin Chúa Trời hãy rủ lòng thương người đàn bà tội lỗi. Bà Mácphâylo và bà Đavítxơn quỳ xuống, mắt nhắm lại. Ông bác sĩ bị bất ngờ, đâm lúng túng khó xử, cũng quỳ xuống. Lời cầu nguyện của nhà truyền giáo có một vẻ hùng biện man dã. Ông ta xúc động khác thường. Khi ông tụng kinh, lệ chảy trên má ông. Bên ngoài, cơn mưa tàn nhẫn vẫn rơi, rơi dai dẳng, với một vẻ tai quái dữ dằn quá đỗi như của con người.

Cuối cùng ông ngừng lại. Ông nghỉ một lát rồi nói:

- Bây giờ chúng ta sẽ nhắc lại kinh lạy Đức Chúa.

Họ tụng kinh rồi sau đó, bắt chước ông, họ từ từ thế quỳ đứng dậy. Mặt bà Đavítxơn nhợt nhạt và thư thái. Bà thấy dễ chịu và tĩnh tại trong lòng, còn ông bà Mácphâylo bỗng cảm thấy e dè. Họ không biết nhìn đi đường nào.

- Tôi xuống dưới nhà xem cô ấy ra sao, - bác sĩ Mácphâylo nói.

Khi ông gõ cửa phòng cô ta thì Hon ra mở cửa. Cô Thômxơn đang ngồi trên ghế xích đu, khe khẽ sụt sùi.

- Cô đang làm gì thế kia? - Mácphâylo thốt lên, - Tôi đã bảo cô đi nằm nghỉ cơ mà.

- Em không thể nằm nghỉ được. Em muốn gặp ông Đavítxơn.

- Cô bé con tội nghiệp của tôi ơi, cô tưởng thế là đặc sách đấy hả? Cô không bao giờ lay chuyển được ông ta đâu.

- Ông ấy nói là ông ấy sẽ đến nếu em yêu cầu.

Mácphâylo ra hiệu cho anh thương gia.

- Anh đi gọi ông ấy vào đây.

Ông cùng cô im lặng chờ đợi trong khi anh thương gia lên gác. Đavítxon đi vào.

- Tha lỗi cho em đã yêu cầu ông xuống đây, - cô ta nói, rầu rĩ nhìn Đavítxon.

- Tôi đoán thế nào cô cũng cho gọi tôi. Tôi biết Đức Chúa sẽ đáp lại lời cầu nguyện của tôi.

Họ chăm chăm nhìn nhau trong chốc lát rồi cô Thômxon quay đi. Mắt cô luôn lảng tránh khi cô nói.

- Từ trước đến giờ em vẫn là người đàn bà hư. Em muốn ăn năn.

- Tạ ơn Chúa Trời! Tạ ơn Chúa Trời? Người đã thấy rõ lời cầu nguyện của ta.

Ông quay sang hai người đàn ông.

- Để tôi một mình với cô ấy. Bảo bà Đavítxon là lời nguyện cầu của chúng ta đã được đáp lại rồi nhé.

Họ đi ra và khép cửa lại sau lưng.

- Ông ta cừ quá, - anh thương gia nói.

Đêm đó bác sĩ Mácphâylo không tài nào ngủ được cho mãi đến khuya, và khi ông nghe tiếng chân bước lên gác của nhà truyền giáo thì ông nhìn đồng hồ. Đã hai giờ đêm. Ấy thế mà ông ta vẫn chưa lên giường ngay, vì qua tấm vách gỗ ngăn hai phòng bác sĩ Mácphâylo còn nghe thấy ông ta đọc kinh thành tiếng, mãi đến khi chính bản thân ông, vì mệt lử ngủ thiếp đi.

Khi Mácphâylo gặp ông ta sáng hôm sau, ông phải sửng sốt vì diện mạo của nhà truyền giáo. Ông ta còn nhợt nhạt hơn trước, trông mệt mỏi, nhưng mắt ông ta sáng lên một ngọn lửa kỳ quái như thể ông ta đang tràn trề một niềm vui không ghìm được.

- Tôi muốn ông xuống dưới ấy bây giờ mà xem cô Xađi, - ông ta nói. - Tôi không dám hi vọng là phần xác của cô ta tốt hơn, nhưng phần hồn của cô ta thì... thì biến đổi hẳn.

Ông bác sĩ cảm thấy bài hoại và nóng nảy.

- Đêm hôm qua ông ở dưới ấy với cô ta rất khuya, - ông nói.

- Phải, tôi mà rời cô ấy thì cô ấy không chịu đựng được.

- Trông ông vui sướng như hội ấy nhỉ, - ông bác sĩ cất giọng bưng bực.

Mắt Đavítxon sáng lên ngậy ngất.

- Lượng cả bề trên đã ban xuống cho tôi.

Đêm qua tôi được đặc ân đưa một linh hồn lầm lạc về với vòng tay bác ái của Chúa Giê-xu.

Cô Thômxơn lại ngồi trên ghế xích đu. Cái giường vẫn chưa được thu xếp. Căn phòng bừa bộn. Cô ta cũng chẳng buồn ăn bận gì hơn ngoài cái áo váy mặc ở nhà đã bẩn, tóc cô quăn thành một búi lồi thoi lệch thếch. Cổ lau mặt qua quít bằng khăn ướt, nó sưng mọng và nhăn nheo vì khóc nhiều. Trông cô thật nhếch nhác.

Cô ngược đôi mắt đờ đẫn lên khi ông bác sĩ bước vào. Cô đang sợ hãi và thiếu não.

- Ông Đavítxon đâu rồi, - cô hỏi.

- Nếu cô cần ông ấy, ông ấy sẽ đến ngay bây giờ, - Mácphâylo đáp lại một cách lạnh lùng. - Tôi vào đây xem cô ra sao.

- Ồ, em cho là mình vẫn khỏe. Ông khỏi phải lo lắng chuyện ấy.

- Cô đã ăn uống gì chưa?

- Anh Hon đã đem cho em ít cà phê.

Cô ta hồi hộp nhìn ra cửa.

- Ông tính, ông Đavítxon có xuống ngay không nhỉ? Em cảm thấy không đến nỗi khủng khiếp lắm khi có ông ấy bên cạnh.

- Cô vẫn sửa soạn đi vào thứ ba đấy à?

- Vâng, ông ấy bảo phải thế. Nhờ ông bảo ông ấy xuống đây ngay đi. Ông chẳng giúp ích gì cho em được cả. Chỉ có mình ông ấy là có thể giúp em lúc này được thôi.

- Được lắm, - bác sĩ Mácphâylo nói.

Trong ba ngày tiếp sau nhà truyền giáo dành gần như toàn bộ thời gian của ông cho cô Xađi Thômxon.

Ông chỉ nhập cuộc với mọi người vào bữa ăn. Bác sĩ Mácphâylo nhận thấy ông ta ăn uống một cách khó nhọc.

- Ông ấy dạo này trông rạc đi, - bà Đavítxon nói một cách thương cảm. - Ông ấy đến gục mất, nếu không biết giữ gìn, ấy thế mà ông ấy chẳng biết quý thân mình gì cả.

Còn chính bà thì trắng nhợt ra. Bà kể với bà Mácphâylo là bà không ngủ được. Mỗi khi nhà truyền giáo từ phòng cô Thômxon lên nhà, ông còn đọc kinh cho đến lúc mệt lữ, ngay cả khi ấy ông cũng không ngủ lâu. Một hai tiếng sau ông lại đã dậy mặc quần áo và đi cuộc bộ dọc vịnh. Ông có những giấc mơ lạ lùng.

- Sáng nay ông ấy bảo tôi là đã mơ thấy núi non miền Nêbraxca([102]). - Bà Đavítxon kể lại.

- Lạ nhỉ, - bác sĩ Mácphâylo nói.

Ông nhớ là đã trông thấy chúng qua cửa sổ xe lửa khi đi xuyên nước Mỹ. Chúng giống như những đụn đất khổng lồ chuột trũi đùn lên, tròn và nhẵn, và chúng mọc lên đột ngột giữa đất bằng. Bác sĩ Mácphâylo nhớ là nó đã gây cho ông ấn tượng như bộ ngực đàn bà.

Ngay cả đối với Đavítxon, việc ông không nghỉ ngơi tí nào như thế cũng quá sức chịu đựng.

Nhưng ông đang nhớ bật tận gốc những dấu vết cuối cùng của tội lỗi còn ẩn náu nơi góc lòng người đàn bà đáng thương kia. Ông đọc kinh cùng với cô ta và cầu nguyện cùng với cô ta.

- Thật tuyệt vời. - một buổi kia ông nói với họ trong bữa ăn tối. - Một cuộc tái sinh thực sự. Linh hồn cô ta, trước đen như bóng đêm, giờ đã trong sạch và trắng như tuyết mới. Tôi cảm thấy hèn mọn và e ngại. Sự hối cải về mọi tội lỗi của cô ấy thật là đẹp. Tôi không xứng đáng động đến viền áo cô ấy.

- Ông còn lòng dạ nào đòi cô ta quay về Xan Franxi cô nữa không? - ông bác sĩ nói. - Ba năm trong nhà tù Mỹ. Tôi thiết tưởng chắc ông phải cứu cô ta thoát cảnh ấy.

-Ồ nhưng ông không thấy à? Điều đó là cần thiết, ông cứ nghĩ là tim tôi không rỏ máu vì cô ấy hay sao? Tôi yêu cô ấy như yêu vợ, yêu chị, yêu em tôi. Suốt quãng thời gian cô ấy ở tù tôi sẽ chịu mọi nỗi đau mà cô ấy phải chịu.

- Nói dóc, - ông bác sĩ không tìm được thốt lên.

- Ông không hiểu vì ông mù. Cô ấy làm lỗi thì phải gánh chịu. Tôi hiểu cô ấy sẽ phải chịu đựng nhiều. Cô ấy sẽ bị bỏ đói, bị đánh đập và bị nhục mạ. Tôi muốn cô ấy chấp nhận hình phạt của người đời như một sự hy sinh dâng lên Chúa Trời. Tôi muốn cô ấy chấp nhận nó một cách vui vẻ. Cô ấy có được một cơ hội mà ít người trong chúng ta được phú cho. Đức Chúa Trời lòng lành và bao dung vô cùng!

Giọng Đavítson run run vì xúc động. Khó khăn lắm ông mới nhấn được rãnh mạch những câu những lời đang xô nhau sôi nổi trên môi.

- Cả ngày tôi cầu nguyện với cô ấy, khi rời cô ấy rồi tôi lại cầu nguyện, tôi cầu nguyện bằng tất cả tinh thần và sức lực, dâng chúa Giêxu có thể ban lượng cả xuống cho cô ấy. Tôi muốn truyền vào lòng cô ấy một mong muốn nhiệt thành được chịu sự trừng phạt sao cho đến phút chót, cho dù tôi có cho cô ấy được tự do, cô ấy sẽ vẫn khước từ. Tôi muốn cô ấy cảm được rằng hình phạt tù đầy cay đắng là sự hậu tạ mà cô ấy đặt dưới chân Đức Chúa thiêng liêng, người đã bỏ mình cho cô ấy.

Ngày tháng trôi đi chậm chạp. Toàn bộ mọi người trong nhà, chú tâm vào người đàn bà khốn khổ đang bị dẫn vật dưới gác, đều sống như một nạn nhân sửa soạn chờ ngày làm cái lễ tế đã man suy tôn thần tượng đầm máu. Sự kinh khiếp làm cô đại hân đi. Cô không thể nào chịu đựng nỗi sự vắng mặt của Đavítson, chỉ có khi nào ông ở bên cạnh cô mới lấy được can đảm.

Cô bám riết lấy ông với một sự phục nô lệ.

Cô than khóc nhiều, cô đọc Kinh thánh, rồi cầu nguyện. Đôi lúc cô lả đi và đờ đẫn. Lúc đó quả thực cô mong mỗi cơn thử thách đọa đầy. Bởi lẽ hình như nó mở ra một lối, trực tiếp và cụ thể,

thoát khỏi nỗi thống khổ mà cô đang phải chịu đựng. Cô không tài nào chống chọi được với những sự khủng khiếp mơ hồ đang tấn công. Cô gác sang một bên mọi sự phù hoa cá nhân và cô lê bước trong phòng, đầu tóc rối bù, thân hình nhếch nhác trong bộ áo váy lờ lợt. Cô không thay bộ đồ ngủ đã mặc bốn ngày nay, cũng không đi tắm. Phòng cô bừa bãi rác rưởi.

Trong lúc ấy mưa rơi với sự dai dẳng tàn ác. Đáng lý trời phải cạn nước rồi mới phải, thế mà mưa vẫn trút xuống thẳng băng và nặng hạt, lặp đi lặp lại đến phát điên lên trên mái tôn. Mọi cái đều ẩm ướt và nhớp nhúa. Mốc trên tường và trên đôi ủng đặt dưới sàn. Suốt những đêm mất ngủ lũ muỗi vo ve điệu ca giận dữ của chúng.

- Giá tanh mưa lấy một ngày thì không đến nỗi tồi tệ thế này, - bác sĩ Mácphâylo nhận xét.

Mọi người đều mong ngóng cho đến thứ ba khi chiếc tàu đi Xan Franxicô từ Xitnây tới. Sự căng thẳng lên đến tột độ. Về phần bác sĩ Mácphâylo, lòng thương hại và sự bức dọc của ông đều bị tiêu tan bởi niềm mong muốn thoát khỏi người đàn bà bất hạnh kia. Cái không tránh khỏi phải được chấp nhận. Ông cảm thấy sẽ dễ thở hơn khi con tàu nhổ neo. Xađi Thômxon sẽ được một thầy ký trong công sở ông thống đốc đi kèm trên tàu. Người này đã lại nhà tối hôm thứ hai và bảo cô Thômxon sẵn sàng vào mười một giờ sáng hôm sau, Đavítxon cũng đang ở đây với cô ta.

- Tôi sẽ lo để mọi thứ được xong xuôi. Tôi có ý muốn đích thân lên tàu với cô ấy.

Cô Thômxon không nói gì.

Khi bác sĩ Mácphâylo thối tắt ngọn nến và chui vào màn một cách cẩn thận, ông thở dài một tiếng nhẹ nhõm.

- Chà, lạy Trời mọi sự thế là xong. Bằng giờ này ngày mai cô ta đã đi rồi.

- Bà Đavítxon cũng sẽ vui mừng đấy nhé. Bà ấy nói ông chồng gầy rạc đi như cái bóng, - bà Mácphâylo nói.

- Thế là thành ra một người đàn bà khác rồi.

- Ai cơ?

- Xađi. Có bao giờ em nghĩ là điều ấy có thể xảy ra được đâu. Nó làm người ta thấy mình nhỏ mọn đi.

Bác sĩ Mácphâylo không đáp, lúc này ông đã thiếp đi, ông mệt rã người, nên ngủ say hơn bình thường.

Ông bị đánh thức dậy vào buổi sáng bởi một bàn tay đặt lên cánh tay ông. Mở mắt ra ông thấy Hon ở cạnh giường. Anh thương gia đặt ngón tay lên mồm để ngăn bất kỳ lời thốt ra nào của bác sĩ Mácphâylo và ra ý bảo ông ra ngoài. Thường ngày anh ta mặc cái quần vải thô đã sờn, nhưng lúc này anh đi chân đất và chỉ mặc độc mỗi cái khố lava-lava của thổ dân. Anh ta đột nhiên trông man dã hẳn lên.

Bác sĩ Mácphâylo thấy người anh ta xăm chằng chịt. Hon ra hiệu bảo ông đi ra ngoài hiên. Bác sĩ Mácphâylo đứng dậy khỏi giường và theo anh ta ra.

- Ông đừng gây tiếng động nhé, - anh ta nói thì thào. Người ta đang cần ông, ông mặc áo và đi giày vào đi. Nhanh lên.

Thoạt tiên bác sĩ Mácphâylo cứ nghĩ là có chuyện xảy ra với cô Thôm-xơn.

- Chuyện gì thế, tôi có phải mang đồ nghề đi không?

- Mau lên ông, mau lên mới được.

Bác sĩ Mácphâylo mò vào phòng ngủ, khoác tấm áo mưa ra ngoài bộ pygiama, và đi đôi giày đế cao su. Ông cùng anh thương gia rón rén xuống thang gác. Cửa ra đường đã mở và có khoảng nửa tá thổ dân đang đứng ở đấy.

- Chuyện gì thế - ông bác sĩ nhắc lại.

- Ông cứ đi với tôi, - Hon nói.

Anh ta bước ra ngoài cổng, ông bác sĩ theo sau. Dân địa phương đi đằng sau thành một cụm nhỏ. Họ sang đường và đi ra bãi biển. Ông bác sĩ thấy một nhóm thổ dân đứng xúm xít xung quanh một vật gì đó ở ngoài mép nước. Họ đi gấp, khoảng hai chục yát, và dân địa phương tản ra mở đường cho ông bác sĩ. Anh thương gia đẩy ông về phía trước. Thế là ông trông thấy: nằm nửa dưới nước và nửa trên cạn là một vật khủng khiếp - thi

thể ông Davítxon. Bác sĩ Mácphâylo cúi xuống, ông không phải là người mất bình tĩnh trong những trường hợp khẩn cấp, - ông lật cái thi thể lại. Cổ họng bị khóa từ tai này đến tai kia, trong bàn tay phải vẫn còn lưỡi dao cạo, công cụ để làm cái việc kia.

- Người ông ấy đã lạnh rồi, - bác sĩ nói. - Chắc ông ấy chết đã lâu.

- Một thằng bé trông thấy ông ấy nằm đây lúc nó đang trên đường đi làm, vừa mới đây thôi. Thế là nó đến báo tôi biết. Ông có nghĩ là chính ông ấy tự gây ra không?

- Vâng. Phải cho người đi gọi cảnh sát mới được.

Hon nói câu gì đó bằng tiếng địa phương, và hai thanh niên chạy đi.

- Ta phải để ông ấy ở đây cho đến khi cảnh sát đến, - ông bác sĩ nói.

- Họ không được đem ông ấy về nhà tôi. Tôi không cho để ông ấy ở trong nhà tôi được.

- Anh sẽ làm cái mà chính quyền ra lệnh, - ông bác sĩ đáp xẵng.
- Thực ra tôi cho là họ sẽ đem ông ấy vào nhà xác.

Họ đứng đợi một chỗ. Anh thương gia lấy một điều thuốc từ khe nẹp trên khố la va-la va của mình và đưa một điều khác cho bác sĩ Mácphâylo.

Họ vừa hít, vừa nhìn chăm chú vào cái xác. Bác sĩ Mácphâylo không tài nào hiểu được.

- Ông nghĩ tại sao ông ấy lại làm thế nhỉ? - Hon hỏi.

Ông bác sĩ nhún vai. Chỉ trong chốc lát cảnh sát địa phương đã đến. Dưới sự chỉ huy của một lính thủy đánh bộ, với một cái cáng, và ngay sau đó là hai sĩ quan hải quân và một bác sĩ hải quân khác. Họ điều hành mọi việc một cách tháo vát.

- Thế còn bà vợ thì sao nhỉ? - Một viên sĩ quan hỏi.

- Bây giờ các ông đã đến thì tôi sẽ quay về nhà mặc thêm quần áo. Tôi thấy sự việc này quá choáng váng đối với bà ấy. Tốt hơn

là đừng để bà ấy trông thấy cho đến khi nào ông ấy được xếp đặt ngay ngắn lại ít nhiều.

- Tôi cũng thấy nên thế, - ông bác sĩ hải quân nói.

Khi Mácphâylo về tới nhà thì vợ ông đang sửa soạn mặc quần áo.

Bà Đavítxon đang hoảng lên vì ông chồng, bà nói ngay khi ông vừa hiện ra. - ông ấy không về ngủ suốt cả đêm. Bà ấy nghe tiếng ông chồng ra khỏi phòng cô Thômxơn lúc hai giờ đêm, nhưng ông ấy đi ra ngoài. Nếu ông ấy còn đi dạo từ ấy đến giờ thì chắc là chết rồi.

Bác sĩ Mácphâylo kể lại sự việc đã xảy ra và bảo đem tin vào cho bà Đavítxon.

- Nhưng sao ông ấy lại làm thế nhỉ? - Bà hỏi vẻ mặt kinh hãi.

- Anh không biết.

- Nhưng em không làm nổi đâu. Em không đủ sức đâu.

- Em phải vào bảo.

Bà đưa mắt sợ hãi nhìn ông và đi ra. Ông nghe thấy tiếng bà vào phòng bà Đavítxon. Ông đợi một phút lấy lại sức và sau đó bắt tay vào cạo râu rửa mặt. Khi đã mặc quần áo chỉnh tề ông ngồi xuống giường đợi vợ. Cuối cùng bà đi vào.

- Bà ấy muốn được trông thấy chồng. - bà nói.

- Người ta đã đem ông ấy vào nhà xác.

- Chúng mình sẽ đi cùng với bà ấy vậy. Bà ấy phản ứng ra sao?

- Em nghĩ là bà ấy bàng hoàng cả người. Bà ấy không khóc nhưng run lên như tàu lá.

- Ta đi ngay thôi.

Sau khi họ gõ cửa, bà Đavítxon bước ra. Mặt bà nhợt nhạt, nhưng mặt vẫn khô. Đối với ông bác sĩ thì hình như bà ta điềm tĩnh một cách khác thường.

Không trao đổi lời nào, họ xuất phát, im lặng suốt dọc đường. Khi đến nhà xác, bà Đavítxơn mới nói:

- Để mình tôi vào trông ông ấy.

Họ đứng sang một bên. Một người địa phương mở cửa cho bà ta và lại đóng lại sau lưng bà. Ông bà Mácphâylo ngồi xuống đợi. Một hai người da trắng tới và khe khẽ giọng hỏi chuyện ông. Bác sĩ kể cho họ nghe những điều ông biết về sự việc bí thảm này. Sau cùng cửa lại khe khẽ mở và bà Đavítxơn đi ra. Im lặng trùm lên họ.

- Tôi sẵn sàng về nhà được rồi. - bà nói.

Giọng bà rắn đanh và đều đều. Bác sĩ Mácphâylo không tài nào hiểu được cái nhìn ở mắt bà. Khuôn mặt nhợt nhạt của bà trông rất nghiêm. Họ chậm chậm đi về nhà, không nói lấy một lời, cuối cùng họ đi quanh khúc đường cong mà phía bên kia là tới nhà. Bà Đavítxơn há hốc miệng và trong khoảnh khắc họ đứng dừng lại.

Một âm thanh khó tin ập vào tai họ. Cái máy hát im tiếng dễ từ lâu lắm nay lại đang chơi điệu ragtaimơ to và khàn.

- Chuyện gì thế - Bà Mácphâylo kêu lên khủng khiếp.

- Ta cứ đi, - bà Đavítxơn nói.

Họ bước lên cầu thang và vào phòng khách.

Cô Thômxơn đang đứng ở cửa buồng của cô, tán dóc với một anh thủy thủ. Một sự thay đổi đột ngột đã diễn ra ở cô. Cô ta không còn cái dáng điệu lao dịch khiếp sợ của những ngày vừa qua.

Cô ta vận bộ trang phục diêm dúa, áo dài trắng, đôi ủng cao bóng nhoáng trên đó bấp chân mập của cô phình ra trong đôi tất vải, tóc cô được chải chuốt cẩn thận, và cô đội chiếc mũ to tương hoa hoét lõe loét. Mặt cô được đánh phấn, lông mày đen sẫm rõ nét, đôi môi đỏ chót. Cô ta ưỡn thẳng người lên. Cô ta lại mang cái vóc dáng lẳng lơ trưng diện mà họ đã từng trông thấy hồi đầu. Khi họ đi vào, cô ta phá lên tiếng cười to cợt nhạo, và sau đó, khi bà Đavítxơn vô tình dừng lại, cô ta thu nước bọt trong mồm và nhổ toẹt ra. Bà Đavítxơn có người lại về phía sau,

hai đốm đỏ đột ngột nổi lên trên má bà. Rồi, lấy tay che mặt, bà vùng người chạy nhanh lên thang gác.

Bác sĩ Mácphâylo nổi giận. Ông ấn dúm cô ta vào buồng.

- Cô đang làm cái trò khỉ gì thế - ông quát lên. - Tắt ngay cái máy chết tiệt kia đi.

Ông tiến lại cái máy và giật mạnh cái đĩa ra.

Cô ta quay lại phía ông.

- Này, bác sĩ, thôi ngay cái kiểu dấm dớ ấy đi ông làm cái mẹ gì trong phòng tôi thế?

- Cô nói cái gì vậy? - ông quát lên, - cô nói cái gì vậy?

Cô ta đã dồn hết sức lực lại. Không lời nào diễn tả nổi biểu hiện khinh bỉ hay nổi căm giận pha lẫn sự coi thường mà cô ta trút vào câu đáp:

- Đồ đàn ông các ông? Các ông là lũ lợn bẩn thỉu nhơ nhớp! Các ông cùng một giuộc thế cả, tất cả các ông. Lũ lợn! Lũ lợn!

Bác sĩ Mácphâylo đờ người ra. Ông đã hiểu.

S.MAUGHAM

NGUYỄN VIỆT LONG dịch

Chú thích đánh theo số thứ tự là của dịch giả. Chú thích đánh hoa thị là của tác giả.

[1] Tiếng Hy Lạp trong nguyên văn. Đây là mấy câu thơ của nhà thơ Hy Lạp cổ đại Paladat sống vào thế kỷ V trước C.N.

[2] Tác phẩm nói về những cuộc hành quân của Xê da.

[3] Súng ngắn nòng loe từ giữa, một vũ khí cổ, thường làm bằng đồng.

[4] Theo Kinh thánh, tướng Ghêđêông thử thách binh sĩ của mình bằng cách cho uống nước hồ. Những ai vục hân mồm xuống hồ để uống nước thì bị coi là lính tòi. Chỉ những

ai dùng tay để vốc nước uống mới được tham gia trận đánh.

[5] Tiếng Tây Ban Nha nghĩa là quán trọ.

[6] Chỉ những tỉnh Tây Ban Nha hồi bấy giờ được hưởng một số đặc quyền là: Alava, Biscay, Guypuycoa và một phần xứ Navarơ. Ở những nơi đó, nhân dân nói tiếng Baxcơ.

[7] trạ Lực lượng công an vũ trang cưỡi ngựa cầm giáo.

[8] Thẩm phán ở các thành phố Tây Ban Nha thuở đó.

[9] Trong thần thoại Hy Lạp, Actêông là một chàng đi săn gặp nữ thần Dianơ đang tắm. Nữ thần tức giận hóa phép biến chàng thành hươu và lập tức chàng bị những con chó săn của chàng cắn chết.

[10]* Tiệm giải khát có tủ ướp lạnh, hay nói cho đúng hơn là có tủ giữ tuyết. Làng nào ở Tây Ban Nha lúc bấy giờ cũng có tiệm giải khát như thế.

[11]* Ở Tây Ban Nha, người ta tưởng rằng tất cả những người khách không mang theo những mẫu vải chúc bầu hay lụa đều là người Anh.

[12] Tiếng Tây Ban Nha nghĩa là phụ nữ Bô-hê-miêng.

[13] Nhà văn Pháp ở thế kỷ thứ XVIII hay quan sát về phái đẹp.

[14] Một loài rắn mối, có bộ da thay đổi màu sắc theo chỗ nó nằm.

[15] Chúc thẩm phần hàng tỉnh ở Tây Ban Nha thời bấy giờ.

[16] Người thuộc dòng dõi quý phái ở Tây Ban Nha.

[17]*Giai cấp quý tộc ở Tây Ban Nha vào năm 1830 vẫn được hưởng "đặc ân" ấy.

[18] Người ta đưa phạm nhân vào nhà nguyện để người đó sám hối trước tượng Chúa trước khi bị hành hình.

[19]*Gậy đầu bịt sắt của người Baxcơ.

[20]*Viên phụ trách cảnh sát và cai trị ở thành phố Tây Ban Nha thời bấy giờ

[21]*Y phục thông thường của nữ nông đầu xứ Navarơ và các tỉnh Baxcơ.

[22] Cô gái Bô-hê-miêng.

[23] Thời xưa Ở Tây Ban Nha, người đàn bà nào bị kết tội làm phù thủy thì bị đem đi giễu ở ngoài đường, đặt trên lưng một con lừa, đi trước là ông co-rê-gi-đo, đi sau là hai tên hầu của ông ta.

[24] Thánh Andrê bị đóng đinh vào một cây thập tự tại Côngxtăngtinôpơ. Vì thanh ngang của cây thập tự ấy bị nghiêng, nên về sau người ta biểu hiện hình thánh giá thánh Andrê bằng một hình chữ thập không vuông góc

[25]*Thưa ông, vâng (tiếng Baxcơ).

[26] Tiếng Baxcơ nghĩa là: bạn lòng của em ời.

[27]*Tiếng Baxcơ nghĩa là vườn cây, mảnh đất.

[28]*Tiếng Baxcơ nghĩa là anh chàng khoác lác, anh hùng ơm.

[29] Tất cả các kỵ binh Tây Ban Nha hồi đó đều được trang bị bằng giáo.

[30] Ancala đơ Lỗxpanađorôx: nơi sản xuất loại bánh mì nhỏ rất ngon.

[31]*Chào bạn.

[32] Sân trong nhà

[33] Một thứ phách.

[34]*Lòng đỏ trứng trộn đường.

[35]*Một thứ kẹo Nu-ga.

[36]*Vua Đông Pêđrô hay đi chơi đêm trong các phố ở Xêvilơ. Một đêm, nhà vua gây chuyện với một thanh niên đang chơi đàn trước cửa sổ nhà một cô gái. Hai người đấu

gươm và vua giết chết người kia. Nghe tiếng xô xát, một bà già lão đầu ra cửa sổ và cầm đèn soi. Nhà vua có tật ở chân, nên bị bà già nhận ra ngay. Hôm sau, quan án tâu vua:

Tâu bệ hạ, đêm qua trong phố nọ có một vụ đấu gươm khiến một người chết.

- Khanh đã tìm ra ai là hung thủ chưa?

- Tâu bệ hạ, đã.

- Thế sao người đó chưa bị trừng trị?

- Tâu bệ hạ, thần đang chờ thánh chỉ.

- Khanh hãy thi hành pháp luật.

Khi đó vua vừa mới ra lệnh chém đầu bất cứ ai dám đấu gươm và đầu người đó sẽ bị bêu ở nơi đánh nhau.

Viên quan án đã giải quyết vấn đề gay go này một cách tuyệt khéo, ông ta sai cửa đầu một pho tượng nhà vua rồi đem bêu giữa cái phố đã xảy ra thảm kịch.

[37]*Tiếng Bô-hê-miêng, rôm nghĩa là chồng, rômi nghĩa là vợ.

[38] Tiếng Bô-hê-miêng chỉ đàn bà Bô-hê-miêng

[39]*Tên một giống chim màu vàng giống loại hoàng yến, nghĩa bóng là chàng ngốc.

Lính long kỵ binh Tây Ban Nha hồi đó mặc quân phục màu vàng.

[40] Phần lớn người Bô-hê-miêng cho rằng họ gốc ở Ai Cập.

[41]* Tục ngữ Bô-hê-miêng.

[42]* Ý nói cái giá treo cổ, vì nó là "quả phũ của người bị treo cổ.

[43] Tiền Tây Ban Nha

[44] Carmen có ý chế giễu Giôđê, vì anh này là long kỵ binh, còn gọi là lính đầu rồng

[45] Một thứ rễ cây giống củ đậu.

[46] Nguyên văn: nhà vua không cho anh cơm và cá khô nữa (thức ăn bình thường của lính Tây Ban Nha).

[47] Ông thánh mà bọn trộm cướp coi như thánh hộ mệnh của mình.

[48] Ngốc.

[49] Phụ nữ lịch sự.

[50] Người Tây Ban Nha hồi đó hay gọi người Anh là tôm hùm, vì màu binh phục Anh giống như vỏ con tôm hùm (Chú thích của tác giả).

[51] Chỉ nơi hỗn độn có nhiều người nói tiếng khác nhau nên không hiểu nhau.

[52]*Người tình.

[53]*Phương ngôn Bô-hê-miêng: kỳ tích của anh lùn là nhỏ được xa.

[54] Chỉ châu Mỹ.

[55] Kỵ sĩ đấu bò mộng bằng giáo.

[56] Đối với một người pi-ca-đô không có gì lịch sự hơn giật được chiếc nơ ấy trong lúc con vật đang còn sống, rồi đem nơ ấy tặng một phụ nữ.

[57]*Người ta kết tội Maria Padila là đã mê hoặc vua Đông Pêđrô. Một truyền thuyết dân gian kể rằng Maria Padila đã dâng hoàng hậu Blangơ đơ Buốcbông một chiếc thắt lưng vàng. Nhà vua nhìn chiếc thắt lưng vàng thành con rắn sống nên vì thế ghê sợ hoàng hậu bạc phận.

[58] Nguyên văn: "Tele à X", biệt danh để gọi các học viên trường sĩ quan pháo binh và công binh.

[59] Quảng trường Hoàng cung, một lâu đài ở Paris. Ngày trước cứ vào giờ Ngọ, người ta lại bắn một phát đại bác ở đây.

[60] *Không thể bền cợt với tình yêu và Người bán nến* là hai vở kịch của A. de Musset.

[61] Kịch của Marivaux.

[62] Viviera: vùng bờ biển đẹp, ăn chơi của Pháp, bên bờ Địa Trung Hải chạy dài từ cảng Mác-xây đến biên giới nước Ý có những thành phố nghỉ mát nổi tiếng như Cannes, Nîmes, Montecatini.

[63] Tác giả chỉ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

[64] Tên một thành phố của Pháp.

[65] Bà Bovary: nhân vật trong một tác phẩm mang cùng tên của nhà văn Pháp Gustave Flaubert tượng trưng cho người đàn bà ngoại tình.

[66] *Lovelace*: tên một nhân vật trong chuyện *Clarissa Harlow* của nhà văn Anh Richardson viết năm 1749. Theo nghĩa từng chữ Love: tình yêu, lace: dây rợ, cạm bẫy - ở đây chỉ một người đàn ông chuyên quyến rũ đàn bà con gái, một thứ Sở Khanh hay Don Juan.

[67] Nguyên văn: từ khi ăn món súp đến lúc ăn món phi đình (một món pha trộn bột).

[68] Theo tục lệ châu Âu ở đây nói về những người có khoa ăn nói giỏi, tế nhị, lịch thiệp, ý tứ thường được chủ nhân những bữa tiệc quan trọng có đủ các loại khách khác nhau về chính kiến, trình độ, quan niệm, v.v... có khi kinh địch nhau mời dự nhằm giúp chủ nhân chuyện trò, tiếp khách trong bữa ăn mà không làm mất lòng ai.

[69] Nguyên văn tiếng Anh: "Gentlemen, please!"

[70] Nguyên văn tiếng Anh: Is that so?

[71] Would you really?

[72] Nguyên văn tiếng Anh: Surely I would.

[73] Nguyên văn tiếng Anh: I don't know if I would, Per... I might do it, also.

[74] Nguyên văn tiếng Ý: Cara signora Henrietta.

[75] Đạo Tin lành ở nước Anh.

[76] Ecosse: một vùng ở miền bắc nước Anh.

[77] Nguyên văn tiếng Anh: Season, thường vào những ngày lễ cuối năm.

[78] Sòng bạc lớn trong đó có đủ các món cờ bạc.

[79] Một công ty du lịch nổi tiếng của thời đó.

[80] Michel Ange, nhà điêu khắc, Dante, nhà thơ lớn đều là người Ý nổi tiếng thế giới từ thời kỳ Phục Hưng.

[81] Một công viên lớn, nổi tiếng, tại thủ đô Viên bên bờ sông Danuýp.

- [82] Nguyên văn Corniche: Tên một con đường đẹp ven theo vách núi để đi xem phong cảnh.
- [83] Một thành phố lớn ở miền Bắc nước Ý.
- [84] Một cảng của Pháp, bên bờ Đại Tây Dương, có thể từ đó sang Anh.
- [85] Một cảng của Anh đối diện với Bulônơ.
- [86],² Tên những thành phố hẻo lánh nhỏ của nước Nga (ND).
- [87] Dòng đạo chính thống của các nước Slavơ phương Đông cơ bản hình thành tại Vizanchi, thành phố cổ trên eo biển Bôxphơ, khoảng thế kỷ IX-XI (ND).
- [88] Một khu vực trong rạp hát, ở phía sau chỗ ngồi chính (ND).
- [89] Apia: hải cảng và trung tâm hành chính của Tây Xamoa, trên đảo Upôlu, Nam Thái Bình Dương.
- [90] Pagô-pagô: trung tâm hành chính của Xamoa thuộc Mỹ, trên đảo Tutuila.
- [91] Đàn pianô máy: pianô được trang bị một cơ chế (phát minh ra năm 1850) nhằm thực hiện bản nhạc không cần nhấn phím.
- [92] Loại vải không dệt, làm bằng tapa (lớp vỏ mềm của một loại cây dâu) ở các đảo Thái Bình Dương.
- [93] Kava: một loại đồ uống chế từ một thứ rễ cây tán nhỏ.
- [94] Lava-lava: Một loại khố in hoa của người Xamoa.
- [95] Một loại áo dài may rộng của phụ nữ.
- [96] Lấy ý từ một câu Kinh thánh (Matt, 3, 10): mỗi cái cây không kết được quả ngọt thì bị đốn xuống và ném vào lửa.
- [97] Gramôphôn: Máy quay đĩa kiểu cũ.
- [98] Nhắc đến một tình tiết trong Kinh thánh (John, 2.15): Sau khi thấy Miếu đường của Chúa đã biến thành nơi buôn bán đầy những lái buôn và bọn đổi chác tiền nong, Chúa Giê xu đã bện roi và đuổi hết bọn chúng ra khỏi miếu.
- [99] Reel: một điệu vũ nhanh của xứ Xcốtlen.
- [100] Ragtime: một điệu nhạc Mỹ da đen.
- [101] Khi người đàn bà ngoại tình được đưa đến trước Chúa Giê xu, mọi người hỏi Chúa xem có thi hành hình phạt ném đá như tập quán vẫn làm hay không. Chúa Giê xu đáp: Ai là kẻ không có tội trong đám các người thì hãy đứng ra trước tiên ném đá vào kẻ kia. Chúng sinh lần lượt thoái lui sau khi đã tự vấn lương tâm. Chúa mới quay lại bảo người đàn bà: Ta không kết án người, hãy đi đi và đừng mắc thêm tội nữa (John, 8.3.11).
- [102] Nêbraxca: một bang miền trung nước Mỹ.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>